

1975

MAGAZINE

số 2 . tháng 8 năm 2025

Hạnh Phúc:
GNI hay GNH?

1975

MAGAZINE

số 2 . tháng 8 năm 2025

NĂM THỨ NHẤT * SỐ 2 * THÁNG 8 NĂM 2025

Chủ Nhiệm

Nguyễn Quang Dũng

Tòa soạn:

5113 Bradford Dr
Annandale VA 22003

Ban Biên Tập:

Lê Văn Bình - Lưu Nguyễn Đạt - Mai Thanh Tuyết
Uyên Thao - Nguyễn Bá Lộc - Phạm Thành Châu
Nguyễn Minh Nữ - Phó Thường Dân - Nguyễn Quang Dũng

Email:

focusdigitalpublishing@gmail.com

Website:

1975mag.com

**Hạnh Phúc:
GNI hay GNH?**



Mục Lục

Thư Ban Biên Tập		2
<i>Cộng Đồng:</i> Vấn Nạn Vi Phạm Nhân Quyền ở Việt Nam	Phó Thường Dân	3
Hạnh Phúc: GNI hay GNV?	Lê Văn Bình	8
Đạo Phật, Suối Nguồn Hạnh Phúc	Hoàng Quỳnh Hoa	23
Thế Lực của Xã Hội Dân Sự	Lưu Nguyễn Đạt	29
Việc Tỉnh Giản Chính Phủ Cải Tổ Hành Chánh ở Việt Nam	Mai Thanh Tuyết	38
Vấn Nạn Quản Lý Đất Đai tại Việt Nam Và Hệ Lụy Kinh Tế Xã Hội	Nguyễn Bá Lộc	46
Chuyện Cũ Không Rời	Uyên Thao	71
<i>Truyện ngắn:</i> Vợ Chồng Điệp Viên	Phạm Thành Châu	86
<i>Truyện ngắn:</i> Một Thoáng Mây Phiêu Bạt	Nguyễn Minh Nữ	93
<i>Độc & Giới Thiệu Sách:</i> Viết Bên Dòng Potomac	Nguyễn Quang Dũng	99

English Section

The Editorial Letter		100
Commemorating 50 Years of the National Day of Mourning, April 30, 1975: LOOKING TOWARD VIETNAM'S FUTURE	Loc Vu	101
THE POWER OF CIVIL SOCIETY	Luu Nguyen Dat	120
Short Story: The Spy Couple	Phạm Thành Châu	127

1975 MAGAZINE

Thư Ban Biên Tập

Hạnh Phúc thực sự là một trải nghiệm khó nắm bắt hay khó tìm thấy trong một thế giới đầy biến động và bất ổn ngày nay. Nhưng cũng sẽ có nhiều tranh cãi từ nhiều người khác, rằng hạnh phúc vốn đơn giản và hiện hữu ngay ở đây, lúc này, không cần phải tìm kiếm xa xôi.

Thư hỏi những người chung quanh về những cảm nhận hạnh phúc, thì có thể nhận được rất nhiều trả lời, rất nhanh, về hạnh phúc: Chẳng hạn như... Buổi sáng thức giấc, bước được vào nhà bếp, pha một ly cà phê nóng và còn thưởng thức được vị cà phê thơm đắng, thấy tinh tảo là ...hạnh phúc. Chẳng hạn như ...Bất ngờ nghe lại Thái Thanh hát « Buồn Tàn Thu » ...*Ai lướt đi ngoài sương gió Không dừng chân đến em bẽ bàng... Em ngồi đan áo Lòng buồn vương vẫn Em thương nhớ chàng...* trong không khí tĩnh lặng của đầu thu, nhìn lá rụng ngoài sân chìm, trong tiếng hát của một bài nhạc xưa bỗng thấy ... hạnh phúc.

Cũng có những hạnh phúc đến từ thành quả những khó nhọc của tâm sức, thì giờ tiền của, tổ chức, tập hợp nhiều người. Chẳng hạn như... Hạnh phúc của Cô Dâu và Chú Rể trong hôn lễ thật trang trọng và ngập tràn tiếng cười vui của gia đình và thân hữu. Chẳng hạn như ...Hạnh phúc của nhà văn *Nguyễn Minh Nữ* từ ý tưởng tập hợp các nhà văn nhà báo trong tuyển tập văn thơ nhạc « *Viết Bên Dòng Potomac* » đến buổi Ra Mắt Sách thành công mà không ...lỗ tiền của, công sức bỏ ra để in và phát hành sách tiếng Việt ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn lúc này.

Nhưng rốt ráo để trả lời câu hỏi *Hạnh phúc là những thành quả đạt tới hay là những trải nghiệm đạt được?* hoặc *Làm thế nào để đo lường Hạnh Phúc?* thì thực sự không có đáp án nào được sự đồng thuận của mọi người. Trong số báo này, chúng ta sẽ tìm hiểu về chủ đề **hạnh phúc** qua góc nhìn của các triết gia, các nhà nghiên cứu, các nhà kinh tế học, các bậc đạo sư với bài viết **Hạnh phúc: GNI hay GNH?** của *Lê Văn Bình* và « **Đạo Phật, Suối Nguồn Hạnh Phúc** » của *Nguyễn Ngọc Hoàng Quỳnh Hoa*, với mong mỏi đánh thức được tinh thần tìm hiểu, học hỏi và nhận biết tận sâu trong mỗi người chúng ta về hạnh phúc ở kiếp người.

Và phần quan trọng còn lại của 1975 Magazine, Việt ngữ và Anh ngữ, sẽ luôn là những quá khứ không rời, những tâm tình về đất nước và con người Việt Nam từ trước 1975; và những nghiên cứu, ý kiến về hiện tại và tương lai của quê nhà đứng trước cơn lốc địa chính trị và những tiến bộ về văn minh kỹ thuật của thế giới.

Ban Biên Tập 1975 Magazine.



Vấn Nạn Vi Phạm Nhân Quyền Ở Việt Nam

Phó Thường Dân

Nhân quyền ở Việt Nam thuộc quyền sinh sát của Đảng Cộng Sản và chính phủ Việt Nam. Việc bắt ai, bỏ tù ai là quyền lực tuyệt đối của đảng CS và nhà nước Việt Nam. Với tội danh như “*lợi dụng quyền dân chủ để hoạt động chống phá nhà nước và quan chức chính phủ*”, công an - tự hào là “*lưỡi gươm bảo vệ đảng*”, lập tức có quyền truy tố, bắt giữ điều tra và sau đó là một phiên tòa thừa lệnh đảng tuyên án tù giam bất kỳ một công dân Việt Nam nào manh nha lên tiếng phê bình chỉ trích hay phản đối các chính sách bất công, đàn áp người dân của đảng hay cơ quan công quyền VN.

Đối với đảng CSVN, việc các tổ chức nhân quyền thế giới và các tổ chức nhân quyền hay các tổ chức xã hội dân sự của cộng đồng người Việt Tự Do hải ngoại lên án thường xuyên về các vi phạm nhân quyền là âm mưu bôi bẩn, hạ thấp uy tín của Đảng và chính phủ Việt Nam; và việc xử tù các phần tử “*phản động*” hoàn toàn thuộc phạm vi nội bộ Việt Nam, không ai có quyền can dự.

Tuy vậy, chúng ta, những người còn quan tâm đến một quê hương Việt Nam tương lai *dân chủ-tự do-tự cường* vẫn cần “**Đừng Im Tiếng, Mà Phải Lên Tiếng**” ⁽¹⁾ và nhất là tìm phương thức có tổ chức, kết hợp tạo tiếng nói mạnh mẽ hơn ở hải ngoại; gây thế yểm trợ cho các tiếng nói đòi hỏi nhân quyền và tự do, hiện rất cô thế ở Việt Nam

Những tường trình và tố giác gần đây nhất về vi phạm nhân quyền ở Việt Nam:

1. Liên Hiệp Quốc và Tường Trình về Nhân Quyền Việt Nam 2025.

Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc (UN Human Rights Committee) ngày 18 tháng 7 năm 2025 đã công bố các **nhận xét đúc kết cuộc rà soát Việt Nam lần thứ tư về thực thi Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị** (International Covenant on Civil and Political Rights, ICCPR). Trong văn bản (tiếng Anh) 15 trang, 62 khoản mục, Ủy Ban đã khuyến cáo Việt Nam nhiều khiêu nại về tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt

Nam. Toàn văn bản đúc kết các khuyến nghị của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ nói trên có thể tải xuống (download) ở link dưới đây:

https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CPR%2FC%2FVNM%2FCO%2F4&Lang=en

2. Báo Cáo Nhân Quyền Việt Nam 2024 do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ vừa công bố.

Báo Cáo này ghi nhận không có thay đổi đáng kể về tình hình nhân quyền tại Việt Nam. Các vấn đề nhân quyền đáng chú ý bao gồm các báo cáo đáng tin cậy về:

- Các vụ giết người tùy tiện hoặc bất hợp pháp
- Tra tấn hoặc đối xử và hình phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục.
- Các hành vi y tế hoặc tâm lý không tự nguyện hoặc ép buộc.
- Bắt giữ hoặc giam giữ tùy tiện.
- Đàn áp xuyên quốc gia đối với các cá nhân ở một quốc gia khác.
- Hạn chế nghiêm trọng quyền tự do ngôn luận và tự do truyền thông, bao gồm việc bắt giữ hoặc truy tố nhà báo một cách phi lý và kiểm duyệt.
- Hạn chế tự do tôn giáo.
- Hạn chế có hệ thống quyền tự do lập hội của người lao động.

Toàn văn bản Báo Cáo Nhân Quyền VN 2024 có thể đọc hoặc tải xuống ở link sau:

<https://www.state.gov/reports/2024-country-reports-on-human-rights-practice/vietnam/>

3. Tuyên Bố Chung của Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam và Người Bảo Vệ Nhân Quyền Ngày 5 Tháng 8 Năm 2025 về Tình Trạng Gia Tăng Đàn Áp Tù Nhân Lương Tâm ở Việt Nam

Source: https://www.vietnamhumanrights.net/website/250805_MLNQVN.htm

(Trích toàn văn:)



Sau khi được bầu làm Tổng bí thư của đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 8 năm 2024, cựu Bộ trưởng Công an Tô Lâm tuyên bố về một “kỷ nguyên mới” của đất nước. Tuy nhiên, hồ sơ nhân quyền của Việt Nam không hề được cải thiện, trái lại, chế độ tiếp tục gia tăng đàn áp giới bất đồng chính kiến và người hoạt động, đặc biệt những người đang bị giam cầm trong lao tù.

Từ chối cung cấp điều trị y tế

Nhà hoạt động Cán Thị Thêu, người đang thi hành án tù tám năm ở Trại giam số 5 (Thanh Hoá) về tội danh “tuyên truyền chống Nhà nước” theo Điều 117 của Bộ luật Hình sự, cho gia đình biết hiện tại bà đang rất mệt mỏi, đau âm ỉ ở hố chậu phải. Móng tay của bà bị

tím đen khiến bà nghi ngờ đã bị đầu độc. Cho dù tình trạng sức khoẻ của bà rất kém, Ban Quản lý Trại giam số 5 chỉ đưa bà đi bệnh viện điều trị sơ sài trong ba ngày rồi lại đưa bà về phòng giam. Trại giam cũng từ chối cung cấp hồ sơ bệnh án cho dù bà yêu cầu.

Ông Lê Hữu Minh Tuấn- biên tập viên của Hội Nhà báo Độc lập Việt Nam hiện bị giam ở Trại giam Xuyên Mộc (thành phố Hồ Chí Minh) với cáo buộc theo Điều 117, bị từ chối điều trị y tế cho dù ông đã mắc bệnh về đường tiêu hoá và sức khoẻ suy giảm nghiêm trọng trong nhiều năm gần đây

Cũng trong trại giam này, nhà hoạt động Trần Bang có khối u ở bẹn. Ông đã nhiều lần đề nghị trại giam cho đi xét nghiệm và chữa trị nhưng không được đáp ứng.

Bị trừng phạt vì đòi quyền được chữa trị y tế hoặc phản đối ngược đãi

Tù nhân lương tâm Lê Đình Lượng đang bị biệt giam tại Trại giam Ba Sao (Ninh Bình), sau khi tuyệt thực để phản đối việc ông bị giám thị trại giam từ chối việc khám và chữa trị nhiều bệnh nguy hiểm. Trong hai tháng qua, gia đình ông không được thăm gặp và tiếp tế cho ông. Ông là một cựu chiến binh bị kết án 20 năm tù giam và năm năm quản chế về tội danh “hoạt động nhằm lật đổ chính quyền” chỉ vì đã tích cực lên tiếng phản đối việc Công ty thép Formosa xả thải ra biển miền Trung gây thảm hoạ môi trường năm 2016.

Nhà hoạt động Trịnh Bá Phương, con trai bà Cán Thị Thêu, bị Công an tỉnh Quảng Nam khởi tố về cáo buộc theo Điều 117 trong khi ông đang thi hành bản án mười năm tù giam về cùng tội danh ở Trại giam An Điền. Ông bị điều tra chỉ vì có lưu giữ khẩu hiệu phản đối chế độ cộng sản và chế độ giam giữ hà khắc trong một cuộc biểu tình nhỏ năm ngoái, cho dù ông đã bị trại giam kỷ luật về việc này.

Nhiều tù nhân lương tâm bị biệt giam và cùm chân

Cùng với việc từ chối cung cấp điều trị y tế kịp thời và thích hợp, nhiều trại giam còn áp dụng nhiều hình thức đàn áp khác đối với tù nhân lương tâm; như ép phải nhận tội cho dù họ đã bị toà án kết tội một cách bất công, cho tù thường phạm giám sát, đe dọa và đánh đập, gây khó khăn cho việc liên lạc, thăm nuôi của gia đình.

Cuối tháng 7 năm 2025, tù nhân lương tâm Đặng Đăng Phước bị Trại giam Xuân Phước kỷ luật bằng hình thức biệt giam trong mười ngày mà không biết lý do rõ ràng. Trước đó hai tháng, ông cũng bị kỷ luật biệt giam và cùm chân. Gia đình ông rất lo lắng cho sức khoẻ của ông, đặc biệt trong điều kiện thời tiết mùa hè khắc nghiệt ở miền Trung.

Để phản đối việc bị đối xử vô nhân đạo, nhiều tù nhân lương tâm đã phải đánh cược tính mạng của mình để tuyệt thực trong nhiều tuần, như ông Lê Trọng Hùng ở Trại giam số 6 (tỉnh Nghệ An) và ông Phan Văn Bách ở Trại giam số 5 gần đây.

Vì không được chữa trị kịp thời, nhiều tù nhân lương tâm đã bị chết trong khi thi hành án, như nhà báo độc lập Đỗ Công Dương, mục sư Đinh Diêm, ông Phan Văn Thu, nhà giáo

Đào Quang Thực... hoặc qua đời chỉ một thời gian ngắn sau khi được trả tự do như nhà giáo Đinh Đăng Định.

Các vụ đàn áp tù nhân lương tâm nói trên cùng nhiều vụ khác trong quá khứ cho thấy chính quyền cộng sản ở Việt Nam áp dụng một cách hệ thống chính sách giam giữ vô nhân đạo đối với người hoạt động và người bảo vệ nhân quyền trong nhiều thập niên qua, và không có dấu hiệu thay đổi trong thời gian tới.

Vì những tình cảnh thương tâm trên, hai tổ chức Mạng lưới Nhân quyền Việt Nam và Người Bảo vệ Nhân quyền kêu gọi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam tuân thủ Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân (Công ước Nelson Mandela) của Liên Hiệp quốc, chấm dứt việc đàn áp tù nhân lương tâm, cung cấp điều trị y tế kịp thời khi họ bị lâm bệnh.

Chúng tôi cũng kêu gọi cộng đồng quốc tế, chính phủ các quốc gia dân chủ và các tổ chức nhân quyền quốc tế lên tiếng phản đối việc đối xử vô nhân đạo của Việt Nam, và buộc Hà Nội phải tôn trọng quyền con người.

Việt Nam không thể phát triển bền vững nếu không tôn trọng quyền cơ bản của mọi công dân và tiếp tục đàn áp giới hoạt động, đặc biệt khi họ đang bị cầm tù.

*Thay mặt Người Bảo vệ Nhân quyền
Vũ Quốc Ngừ
Giám đốc*

*Thay mặt Mạng lưới Nhân quyền Việt Nam
Nguyễn Bá Tùng
Giám đốc Điều hành*

(Ngưng trích)



Với tội danh “chống phá Nhà Nước”, Bà Cán Thị Thêu và con trai út, ông Trịnh Bá Phương bị tuyên án 8 năm tù giam, 3 năm quản thúc

Ảnh: HRW

Tập Hợp Tiếng Nói Nhân Quyền cho Việt Nam, một đề án khả thi?

Bản tuyên bố chung của hai tổ chức tranh đấu cho Nhân Quyền ở Việt Nam trích đăng trên đây phải nên kể là một điển hình kết hợp cho việc tiến tới một tập hợp Tiếng Nói Nhân Quyền cho Việt Nam. Hiện nay, nhìn lại các tổ chức Xã Hội Dân Sự (Civil Society Organizations, XHDS) của người Việt hải ngoại hoạt động thường xuyên, lên tiếng, theo dõi, tố giác hay can thiệp tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam, chúng ta có thể kể đến các tổ chức sau (với website theo sau tên của tổ chức):

1. **Vietnam Human Rights Network** <https://www.vietnamhumanrights.net/indexe.html>
2. **Defend the Defenders** <https://www.vietnamhumanrightsdefenders.net/>
3. **BPSOS** <https://bpsos.org/>
4. **Alliance for Vietnam's Democracy** <https://www.allianceforvietnamsdemocracy.org/>
5. **Vietnam Human Rights Day-May 11 Organization**
<https://www.facebook.com/Vietnam-Human-Rights-Day-182868608535818/>
6. **Project 88** <https://the88project.org/>

Hiện nay cộng đồng người Việt Quốc gia hải ngoại cần có một hệ thống thông tin rộng rãi, chuyên nghiệp, và chuyên đề để truyền tải các thông tin cần thiết về các nỗ lực đấu tranh cho một nước Việt Nam Tự Do, trong đó các thông tin về mặt trận tranh đấu cho nhân quyền Việt Nam phải kể là quan trọng hàng đầu.

Đề nghị: Thay vì phát tán riêng lẻ các thông tin, các văn bản, tài liệu tố giác vi phạm nhân quyền tại Việt Nam thông qua nhiều diễn đàn điện thư phổ cập, không chuyên ngành, các tổ chức nhân quyền có thể phối hợp theo hàng ngang để thành lập một **Diễn đàn Điện thư toàn cầu chuyên đề về “Nhân quyền cho Việt Nam”** với hình thức và nội dung mang tính chuyên ngành và chuyên nghiệp cao.

Nên nhớ chúng ta đang sống trong thời đại công nghệ thông tin đa dạng, đa chiều và đa năng trên bình diện toàn cầu, do vậy nếu chúng ta không tập trung được tiếng nói đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam nâng cấp với trình độ công nghệ cao thì tiếng nói của chúng ta ở hải ngoại cũng sẽ lạc lõng và đơn lẻ giống như tình trạng những người tranh đấu cô thế trong nước.

Cuộc chiến cho một Việt Nam dân chủ, tự do và tự cường còn dài trước mắt, nhưng điều cần yếu là chúng ta dù trong hay ngoài nước nhất định là những người Việt Nam yêu nước không cúi đầu làm những con cừu ngoan ngoãn dưới chế độ độc tài toàn trị của cộng sản Việt Nam.

Phó Thường Dân

(1) *Phải Lên Tiếng*, bài nhạc của cô nhạc Sĩ Anh Bằng

HẠNH PHÚC: GNI hay GNH?*

Lê Văn Bình



- *Cứu cánh của luật pháp là tăng thêm hạnh phúc. Mục tiêu chung mà luật pháp có hoặc nên có là tăng thêm hạnh phúc cho cộng đồng, và do đó trước tiên là loại trừ, càng nhiều khi có thể, mọi thứ có khuynh hướng trừ đi khỏi hạnh phúc, nói cách khác, trừ đi nỗi khổ đau.*

*(The end of law is to augment happiness. The general object which all laws have, or ought to have, in common, is to augment the total happiness of the community; and therefore, in the first place, to exclude, as far as may be, every thing that tends to subtract from that happiness, in other words, to exclude mischief.) - **Jeremy Bentham** (1748 - 1832)*

- *Cháu hãy tạo ra tất cả niềm hạnh phúc mà cháu có thể tạo ra được: Hãy gỡ bỏ tất cả khổ sở mà cháu có thể gỡ bỏ. Mỗi ngày sẽ cho phép cháu thêm một thứ gì đó vào niềm vui của những người khác, hay giảm dần đi một thứ gì đó khỏi đau đớn của họ. Và đối với mỗi hạt mầm vui hưởng mà cháu gieo rắc vào lòng người khác, cháu sẽ gặt hái được trong lòng cháu, trong khi mỗi đau buồn mà cháu nhặt ra khỏi tư tưởng và cảm xúc của người đồng loại sẽ được thay thế bằng sự thanh thản và niềm vui tốt đẹp nơi sâu kín của tâm hồn cháu.*

(Create all the happiness you are able to create: remove all the misery you are able to remove. Every day will allow you to add something to the pleasure of others, or to diminish something of their pains. And for every grain of enjoyment you sow in the bosom of another, you shall find a harvest in your own bosom; while every sorrow which you pluck out from the thoughts and feeling of a fellow creature shall be replaced by beautiful peace and joy in the sanctuary of you soul.) - Jeremy Bentham (1748 – 1832)

Hạnh Phúc là một từ rất quen thuộc. Mỗi người trong chúng ta đều đã trải nghiệm những xúc cảm tích cực sung sướng, thích thú và ấm áp mà chúng ta xem là hạnh phúc, hoặc nhiều khi đã sử dụng từ này một cách thành thực, hay đôi lúc khách sáo để chúc tụng những người khác. Nó cũng là đề tài lớn đã được đề cập và nghiên cứu công phu qua tôn giáo, triết học, văn chương, tâm lý học, xã hội học, chính trị học, thần kinh học, truyền thông vv. Trong các sách trích dẫn những lời hay ý đẹp (Quotations) tiếng Anh, điểm mục Happiness chiếm nhiều trang trích dẫn nhất so với những điểm mục khác như Democracy, Liberty. Trong mấy thập niên vừa qua, Hạnh Phúc lại được nhiều kinh tế gia hâm hoan chào đón sự trở lại của nó. Gọi là trở lại bởi vì Hạnh Phúc đã từng đi vào lãnh vực công trong một thời gian, rồi lặng lẽ biến đi.

Hạnh Phúc có lẽ lần đầu tiên được nghiên cứu cẩn thận và “khoa học” để đưa vào lãnh vực công là do trường phái Utilitarianism (tạm dịch Trường Phái Hạnh Phúc) mà nhà tiên phong Jeremy Bentham, người Anh, đã được trích dẫn dưới tựa đề của bài viết ngắn này. Trường Phái Hạnh Phúc chủ trương rằng giá trị của mỗi hành động con người là do sự đóng góp của nó vào hạnh phúc tổng thể (overall utility). Người viết bài này lần đầu tiên (1972) chạm mặt với chữ *utility* trong môn học Microeconomics. Trước đó Đại Học Luật Khoa Saigon cũng như Học Viện Quốc Gia Hành Chánh không có dạy môn Microeconomics, cho nên khi gặp khái niệm cho rằng người mua, với cùng một số tiền nhất định, chọn món hàng A mà không chọn món B vì món hàng A mang lại cho anh ta nhiều utility hơn, người viết sau khi tra khảo vài quyển tự điển lớn, đã chọn nghĩa utility là “sự thỏa mãn” (satisfaction) và từ đó hài lòng với ý nghĩa này.

Mãi mấy mươi năm sau, trở lại Hoa Kỳ mới thấy Dictionary of Economics (xb bởi John Wiley & Sons, Inc. 1998; có lẽ xuất bản lần đầu tiên năm 1972) định nghĩa utility là “the pleasure or satisfaction derived from an individual from being in a particular situation or from consuming goods or services”. Gần đây, khi cập nhật hóa kiến thức ở tuổi ngoại bát tuần, người viết lại thấy *A Dictionary of Economics, 5th edition* (do Oxford University Press xb năm 2017) cho rằng utility đồng nghĩa với “an lạc cá nhân” (a synonym of individual welfare). Tới đây hình như độc giả đã thấy quen quen với 3 từ Hạnh Phúc (Happiness), Hài Lòng Với Cuộc Sống (Life Satisfaction) và An Lạc (Welfare hay Well-Being). Và điều này xảy ra cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi mà nhiều kinh tế gia và chính trị gia đã sử dụng chúng trong các nghiên cứu tầm cỡ của mình; thậm chí có không ít tác giả đã dùng 3 từ thay thế cho nhau mà không cần thêm một tính từ nào để cho rõ nghĩa hơn. Tựa đề bài viết này, đáng lẽ nên có tên là: “An Lạc Chủ Quan: Thu Nhập Quốc Gia Tổng Gộp hay Hạnh Phúc Quốc Gia Tổng Gộp?” (Subjective Well-being: Gross National Income or Gross National Happiness?) Dưới đây bài viết sẽ được khai triển theo các khái niệm này.

Hạnh Phúc

Thái tử Si Đạt Ta một ngày nọ ra khỏi hoàng cung để quan sát thế gian bên ngoài. “Chính mắt quan sát của thái tử đã thấy một cụ già chân mỏi gối dùn, một người bệnh hoạn đau khổ, một thầy ma hô thúi và một đạo sĩ nghiêm trang khả kính. Ba cảnh già, bệnh và chết hùng hồn xác nhận quan điểm [trước đây] của thái tử về đời sống của nhân loại. Hình ảnh thông dong từ tốn của nhà tu sĩ thoáng cho Ngài hé thấy con đường giải thoát, con đường an vui hạnh phúc thật sự. Bốn quang cảnh bất ngờ ấy thúc giục thái tử ... sớm thoát ly thế tục.” Và Ngài “quyết định rời bỏ cung điện đền đài để ra đi, tìm Chân Lý và An Tĩnh Trường Cửu.” (*Đức Phật và Phật Pháp do Phạm Kim Khánh dịch từ The Buddha and His Teachings của tác giả Narada Maha Thera; xb 2001*).



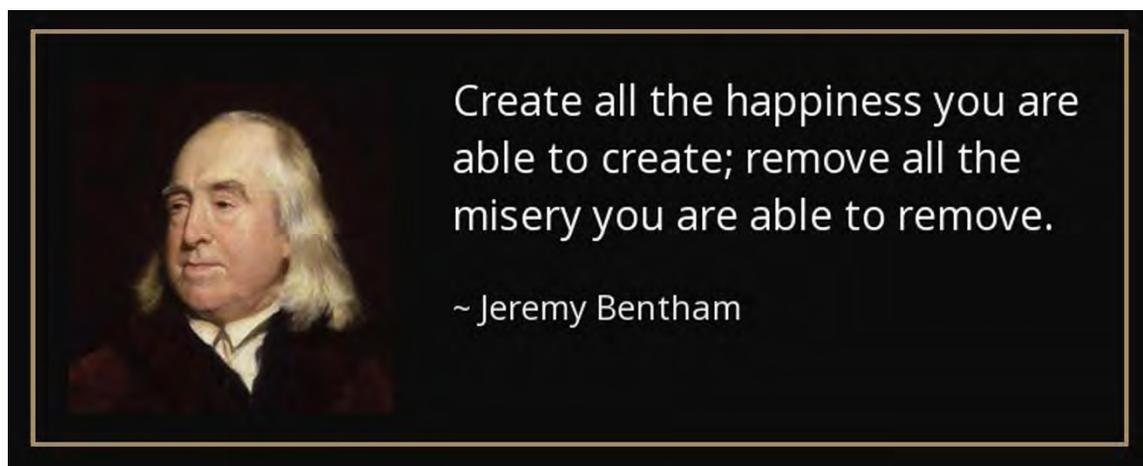
Nhiều nhà tư tưởng và các vị sáng lập các tôn giáo khác sau này còn cho rằng con người chỉ có thể thoát khỏi đau đớn, khổ cực của cuộc đời này ở kiếp sau mà thôi. Các nhà tâm lý học và bác sĩ tâm thần trong nhiều thế kỷ gần đây chỉ thấy khía cạnh tiêu cực của sức khỏe tâm thần như bệnh trầm cảm, lo âu, hoang tưởng (hallucination, delusion) mà tìm cách nghiên cứu trị liệu. Nhiều triết gia dày công suy tưởng mong đem hạnh phúc cho con người, nhưng rốt cuộc chỉ có thể mang lại một ít triết lý cao siêu cho một số nhỏ người hay một giai cấp thượng lưu trí thức. Không giống như những nhân vật tích cực trên, Jeremy Bentham có suy nghĩ khá thực tế, sát với con người và xã hội hơn.

Bentham được đào tạo như một luật gia, nhưng chỉ hành nghề luật sư trong một thời gian ngắn. Không nổi tiếng trong nước Anh khi còn sống chỉ vì tư tưởng quá cấp tiến, tương phản với khuynh hướng bảo thủ đương thời, đôi khi còn bị xem là lập dị (eccentric). Ông chủ trương dùng luật pháp để cải tạo xã hội. Theo A.C. Grayling, trong quyển *The History of Philosophy* (xb 2019), ông chịu ảnh hưởng của David Hume (1715-71, người Anh) khi ông tìm thấy rằng utility là tiêu chuẩn của đức tính (utility is the criterion of virtue); của Claude Hévétius (1738-94, người Pháp) khi ông quả quyết rằng utility hướng dẫn hành động của con người khi nối kết hành động với ý nghĩ về thú vui hay đau đớn có thể gây ra; và của Cesare Bonesana-Beccaria (1738-94, người Ý) khi ông kêu gọi xã hội sản sinh ra hạnh phúc lớn nhất cho con số người đông nhất” (to produce the greatest happiness for the greatest number). Ngay từ những dòng đầu của quyển *An Introduction to the Principles of Morals and Legislation* (xb lần đầu tiên năm 1789), Bentham quả quyết rằng con người, từ hành động đến lời nói và suy nghĩ đều bị điều khiển bởi 2 ông chủ quyền lực (sovereign masters): đó là đau đớn (pain) và niềm vui (pleasure). Từ các ý tưởng của ba triết gia trên, Bentham đưa ra nguyên lý về an lạc (the principle of utility, còn được gọi là the greatest happiness principle hay the greatest felicity principle), theo đó thì trước khi chấp nhận hay

phủ nhận làm bất cứ một hành động nào, người trong cuộc cũng sẽ phải cân nhắc là nó sẽ tăng thêm niềm vui hay giảm đi đau đớn.

Ông hô hào mọi người trong xã hội hãy tạo ra hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất như đã nói trên. Nhưng làm sao có thể thực hiện được điều này khi mà hạnh phúc cá nhân mà mình muốn đạt được cho mình lại làm phương hại đến hạnh phúc cá nhân của những kẻ khác, hay tạo đau đớn cho kẻ khác? Để giải quyết nghịch lý này, Bentham khuyên người ta chọn những hành động nhằm tăng thêm niềm vui cho chính mình bằng cách đem lại thêm niềm vui cho kẻ khác, ít nhiều gì cũng được. Trong khi đó, nhiều người trong chúng ta lại có ý nghĩ trái ngược: mong sao ai đó, có cách nào đó giúp lấy đi bớt đau đớn của mình, mà không cần nhận thêm thứ vui khác, dù là hạnh phúc đi nữa! Nhiều nghiên cứu tâm lý gần đây cho thấy đau đớn dễ khoét sâu và dai dẳng, hơn hẳn nhiều so với niềm vui lớn có thể mang lại.

Chúng ta thấy Bentham rất nhất quán trong tư tưởng của mình trong hai trích dẫn dưới tựa đề. Trích dẫn thứ nhất lấy từ quyển *An Introduction* xuất bản năm 1789 nói trên, và trích dẫn thứ hai là từ một bức thư mà ông viết cho con gái của một người bạn một thời gian ngắn trước khi ông qua đời (1832). Trong bức thư riêng tư này, Hạnh Phúc được xem như chuyện cá nhân, nhưng trong quyển sách, thì Hạnh Phúc lại được xem như điều mà luật pháp nói riêng, và các chính sách nhà nước nói chung cần phải mang lại cho công chúng. Vấn đề ở đây là làm sao tổng gộp hay hội nhập những xúc cảm ý kiến riêng tư của tất cả mọi người để làm thành chính sách –ngắn hạn hoặc dài hạn-- cho một cộng đồng nhỏ như quận hạt hoặc cộng đồng lớn như quốc gia?



Để có thể hiểu Bentham dễ hơn, chúng ta có thể chia hạnh phúc thành 3 cấp độ như Daniel Nettle đã làm trong chương dẫn nhập (Introduction) của quyển *Happiness: Classics and Contemporary Readings in Philosophy* (Oxford University Press xb 2008). **Hạnh phúc cấp độ 1** là những thứ mang lại xúc cảm tích cực thuần túy, không xen lẫn nhận thức, như những thú vui dung tục mà bình dân chúng ta gọi là “tứ khoái” (ăn, ngủ, làm tình, đại tiện). Loại cấp độ này dễ đạt, nhưng không dài lâu. **Hạnh phúc cấp độ 2** gồm những thú vui vừa mang lại cảm xúc tích cực vừa xen lẫn nhận thức về hành động của mình đối với chính mình cũng như ảnh hưởng đến người khác, chẳng hạn giúp đỡ người khác, hoàn tất bổn phận đối với các thành viên gia đình. **Hạnh phúc cấp độ 3** là thứ hạnh phúc chỉ đến với những nhà hiền triết nhờ những đức tính đặc biệt của họ, cũng như những cây sáo tốt chỉ

có thể làm ra bởi các nghệ nhân có kỹ năng siêu việt; đây là loại hạnh phúc mà Aristote gọi là *eudaimonia*. Qua những tiêu chuẩn này, Hạnh phúc mà Bentham đề cập trong sách của ông có thể xếp vào loại hạnh phúc cấp độ 2.

Con người kinh tế là con người hợp lý (rational), vì mình (self-interested) cho nên mỗi hành động thực hiện là nhằm tối đa hóa (maximize) hạnh phúc/thỏa mãn/an lạc (utility) cho mình. Trong kinh tế học, utility được xem như là mục tiêu tối hậu của mọi hoạt động kinh tế. Lấy một thí dụ, với một số tiền M, bạn định mua một số lượng cà phê và một số lượng trà với giá bán nhất định nào đó để vui vẻ trong một tuần lễ. Bạn có thể mua được x1 gram cà phê và y2 gram trà, hoặc x2 gram cà phê và y2 gram trà, hoặc x3 gram cà phê và y3 gram trà v.v. Trên trục đồ thị mà hoành độ là số lượng cà phê và tung độ là số lượng trà, nối liền các điểm A, B, C ... cho các chọn lựa của bạn, bạn sẽ có một khúc tuyến U1 uốn cong cong giống như một nhánh hyperbol biểu thị utility của các sự chọn lựa của bạn. Trên khúc tuyến đó, tất các chọn lựa của bạn đều đem lại tối đa utility. Nếu bạn muốn tăng thêm utility thì các khúc tuyến cong cong U2, U3 ... sẽ di chuyển xa hơn về phía phải, nghĩa là bạn phải có nhiều tiền hơn. Các khúc tuyến này được gọi là những khúc tuyến trung lập (indifferent curves), mà trên mỗi khúc tuyến, người tiêu thụ không biết nên chọn điểm nào vì ở đâu gói 2 món hàng cũng đều đem lại cho mình sự thỏa mãn tối đa. Đây là utility của mỗi cá nhân.

Học thuyết Utilitarianism cho rằng utility của một cộng đồng chỉ là tổng số utility của tất cả các thành viên của cộng đồng đó, và chủ trương chính quyền phải có nhiệm vụ tối đa hóa cái tổng số này. Bentham đã đưa ra nhiều phương pháp để đo lường utility của các cá nhân, cũng như của một số người (chương 5). Theo ông, “Đối với cá nhân tự đánh giá, thì giá trị (value) của niềm vui hay đau đớn tự nó sẽ lớn hơn nhỏ hơn tùy theo bốn tình huống sau đây: (1) tính mãnh liệt (intensity), (2) dài lâu (duration), (3) chắc chắn hay không chắc chắn (certainty or uncertainty), (4) gần hay xa (propinquity or remoteness). Nếu ảnh hưởng đến người khác, thì cần thêm (5) hệ quả (fecundity). Trong trường hợp của một số người, thì phải thêm (6) sự thuần khiết (purity) và (7) phạm vi ảnh hưởng (extent).

Việc phân tích và đánh giá niềm vui hay đau đớn theo phương cách này quả thật không dễ gì đưa tới những con số chính xác rõ ràng thuyết phục. Do đó học thuyết Utilitarianism của Bentham không được quan tâm bằng tác phẩm *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations* của Adam Smith xuất bản lần đầu tiên năm 1776, chỉ vài mươi năm trước đó và vẫn còn đang được quảng đại quần chúng đón nhận. Sự gặp gỡ năm 1808 giữa Bentham với John Stuart Mill, người khai triển học thuyết này lại đưa đến sự hình thành một phong trào dân chủ ở Anh, hơn là đào sâu lý luận kinh tế.

Tuy nhiên khái niệm utility cũng giúp lý giải được ít nhiều cho hoạt động kinh tế. Trên thực tế, người ta có thu nhập thì mới có tiền để tiêu dùng cho những nhu cầu mang lại an lạc:

Thu Nhập (Income) => Tiêu Dùng (consumption) => An Lạc (Utility)

Theo diễn tiến này, lý luận thông thường cho rằng thu nhập càng cao, thì tiêu dùng càng nhiều và người tiêu dùng sẽ được an lạc/ hạnh phúc hơn. Lý luận này nhất quán với học thuyết an lạc của Bentham. Vậy thì cá nhân cũng như xã hội muốn được hạnh phúc hơn thì

phải cố làm việc để có thu nhập cao hơn; luật pháp nói riêng và chính quyền nói chung có nhiệm vụ tạo cơ hội để cho người ta có công việc làm hầu duy trì hay tăng thêm thu nhập. Điều này đưa đến ý niệm về *Thu Nhập Quốc Gia Tổng Gộp* (*Gross National Income, GNI*) cũng như *Thu Nhập Quốc Gia Tổng Gộp Từng Người* (*GNI per capita*) sẽ được bàn sau.

Giữa tiêu dùng và an lạc là tính toán và chọn lựa. Con người kinh tế sẽ chọn chọn hàng hóa/dịch vụ thế nào đó để tối đa hóa ý thích, niềm vui, sự thỏa mãn, hạnh phúc, an lạc vv., nói chung là đem lại utility tối đa cho mình. Ở đây cũng cần nhắc lại, trên lý thuyết con người kinh tế là con người hợp lý (rational), vì mình (self-intereste) và biết tối đa hóa (maximize) lợi ích.

Trong nền kinh tế thị trường, người mua phải trả tiền cho utility mang lại cho mình. Do đó đồng tiền tượng trưng cho sở thích biểu hiện (revealed preference). Mặc dù về sau môn kinh tế học về thái độ (behaviorist economics) cho biết rằng không phải lúc nào đồng tiền cũng phản ảnh trung thực hay tiết lộ chính xác sở thích con người. Tuy nhiên trên thực tế, khái niệm đồng tiền là “lá phiếu” quyết định cung và cầu vẫn là một khái niệm rất quan trọng.

Trong vài thập niên gần đây, học thuyết Utilitarianism lại được nghiên cứu sâu thêm hơn. Một điều thêm thú vị về Bentham là về hình ảnh của ông. Jeremy Betham tốt nghiệp Oxford University, sống độc thân. Sau khi qua đời, xác ông được ướp giữ lại với chiếc đầu bằng sáp, được đặt ngay ở cổng trường, và có lúc đã bị sinh viên lấy trộm đi. Ngày nay mỗi khi trường tổ chức những buổi lễ trọng đại, ông đều được vùi tới tham dự!

Cho tới nay, hầu hết các lý thuyết kinh tế dạy tại các trường đại học Âu Mỹ và hoạt động của các tổ chức kinh tế quan trọng thế giới như Ngân Hàng Thế Giới (The World Bank) và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund) đều dựa trên kinh tế thị trường mà quyển *The Wealth of Nations* được xem là cơ sở chính. Nói một cách tổng quát, thế giới đã có một cái gì đó được xem là cơ sở chung. Thêm vào đó, kinh tế thế giới còn có một công cụ đo lường chung để đo lường sự tăng trưởng kinh tế mà ai cũng biết đến. Đó là chỉ số kinh tế GDP quen thuộc và phổ biến sẽ đề cập đến dưới đây.

Gross National Income (GNI)

Kinh tế thị trường trông cậy vào “bàn tay vô hình” điều chỉnh những bất quân bình trong các hoạt động kinh tế. Nhưng bàn tay vô hình thì có lúc chậm chạp, có lúc yếu đuối, không đưa ra kịp lúc và đủ mạnh khiến nhiều khi nền kinh tế phải gặp ít nhiều khó khăn. Đôi khi bàn tay vô hình lại hoàn toàn bất lực, để cho thế giới phải chao đảo; đó là trường hợp của cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Hoa Kỳ năm 1929. Bàn tay hữu hình của Franklin D. Roosevelt (Tổng Thống Mỹ 4 nhiệm kỳ), cũng như của John M. Keynes (kinh tế gia Anh, đồng sáng lập ra World Bank và IMF năm 1944 tại Hội Nghị Bretton Woods) không phải lúc nào cũng có thể xuất hiện và hiệu quả.

Sau cuộc Đại Khủng Hoảng trên, Quốc Hội Hoa Kỳ vào năm 1934 đã nhờ kinh tế gia Simon Kuznets giúp nghiên cứu đo lường kinh tế nền quốc gia mà trước đó người ta chỉ

thường đoán chừng nó qua sản lượng của một số công ty lớn, chẳng hạn số xe hơi xuất xưởng, số tấn than đá, số lượng dầu hỏa khai thác vv. trong một thời gian nào đó.

Trước hết, GDP (viết tắt của Gross Domestic Product, Sản Lượng Quốc Nội Tổng Gộp) là tổng giá trị tính ra tiền theo giá thị trường của tất cả thành phẩm và dịch vụ mà nền kinh tế tạo nên trong một thời gian nào đó, thường là một năm. Gọi “*tổng gộp*” vì không trừ đi giá trị máy móc hư hao, nguyên liệu tiêu dùng; gọi “*quốc nội*” vì nó đo lường các hoạt động nội địa, kể cả của công ty ngoại quốc, nhưng không kể các hoạt động ở nước ngoài của công dân trong nước; gọi “*sản lượng*” vì nó được sản xuất thực sự ra thị trường. Dưới đây là công thức quen thuộc trong kinh tế vĩ mô (macroeconomics) để tính GDP:

$$\mathbf{GDP = C + G + I + X - E}$$

Trong đó C viết tắt của Consumption (tiêu dùng); G viết tắt của Government Expenditure (chi tiêu của chính phủ); I viết tắt của Investment (đầu tư khu vực tư); X là xuất khẩu và E là nhập khẩu. GDP cho biết sức mạnh tổng thể của các nền kinh tế, so sánh chúng cũng sự tăng trưởng của chúng.

Thực ra GDP của một nước chưa phản ánh trung thực tất cả sinh hoạt xã hội của một quốc gia. Nó chỉ ghi nhận các sinh hoạt kinh tế trên thị trường mà thôi. Một người phụ nữ đi làm cho một công ty thì được coi là công nhân có lương; nhưng nếu người đó ở nhà làm nội trợ thì không được xem đóng góp gì cho nền kinh tế. Một y tá đi làm ở bệnh viện, thì được xem là công nhân bệnh viện có lương; nhưng nếu chỉ ở nhà chăm sóc cha mẹ bệnh tật, thì được sự chăm sóc này không được xem là một hoạt động kinh tế!

Ngoài ra, ngay cả nhiều sản phẩm trao đổi hợp pháp trên thị trường cũng có thể bị nghi ngờ về lợi ích của chúng đối với an lạc của xã hội. Trong GDP, sản lượng thuốc lá tăng thêm gấp đôi, lượng nước ngọt tăng lên gấp ba, hay sản lượng bia tăng lên nhiều lần đều được coi là tốt, nhưng lại không tính đến thiệt hại do thuốc lá, nước ngọt và bia có thể mang lại, nghĩa là không nói lên được sự an lạc của người tiêu dùng. Công chi quốc phòng cho vũ khí, quân trang, quân dụng tăng từ 2% lên 5% GDP sẽ đóng góp như thế nào cho mưu cầu hạnh phúc? Thêm vào đó, GDP cũng không nói lên được chất lượng của cuộc sống (quality of life) tài nguyên thiên nhiên càng ngày càng cạn kiệt, hay khi không khí càng ngày càng thêm ô nhiễm.

Khác biệt giữa GDP và GNI là gì? Trước hết GNI (Gross National Thu Nhập Quốc Gia Tổng Gộp) còn được gọi là GNP (Gross National Product, Sản Lượng Quốc Gia Tổng Gộp). Mà GNP là gì? GNP là GDP cộng thêm thu nhập của người dân trong nước kiếm được ở nước ngoài trừ đi thu nhập của các người ngoại quốc hoạt động trong nước. Nói cho dễ hiểu, GNP/GNI của Hoa Kỳ là thu nhập tổng gộp của tất cả người dân Mỹ trong và ngoài nước. Đem chia GNP này cho dân số, chúng ta sẽ có Thu Nhập Quốc Gia Tổng Gộp Trên Mỗi Người (GNI per capita). Trong nhiều năm nay, mỗi năm The World Bank đều cung cấp GDP và GDP per capita; GNI và GNI của các quốc gia trên thế giới, cũng như chia các quốc gia theo từng nhóm theo thứ tự lớn nhỏ của các con số đó. Đa số chúng ta suy đoán rằng các chỉ số này càng cao thì người dân các nước đó sẽ hạnh phúc/ an lạc hơn, hoặc ngược lại. Điều đó chỉ đúng phần nào vì đồng tiền bỏ ra không phản ánh hoàn toàn ước muốn của mình. Hầu hết các tác giả nghiên cứu về hạnh phúc và an lạc, sử dụng các

chỉ số kinh tế GDP hay GDP per capita để nói về sự giàu có, người viết bài này ở tựa đề dùng GNI chỉ để nhằm đối chiếu với GNH về hình thức mà thôi.

Ngay từ giữa thập niên 1930, khi đệ trình lên Quốc Hội Hoa Kỳ, cơ quan đặt hàng, công trình nghiên cứu “National Income 1929 – 35” định lượng hóa sản xuất của nền kinh tế Hoa Kỳ, trong đó trong đó có ý niệm GDP, kinh tế gia Simon Kuznets của University of Pennsylvania cũng đã cảnh báo rằng: “Sự an lạc của một quốc gia hiếm khi được giải thích bằng sự đo lường thu nhập của quốc gia đó.” (The welfare of a nation can scarcely be inferred from a measure of national income.)

Chính trị gia Robert Kennedy trong một cuộc vận động tranh cử năm 1968 cũng đã đưa ra nhiều lời chỉ trích “thành tích” của GDP như tính toán ghi nhận các hoạt động ô nhiễm không khí, quảng cáo thuốc lá, chế tạo dao, súng, bom napalm, đầu đạn nguyên tử, sản xuất các chương trình truyền hình cổ vũ bạo lực; nhưng lại không tin tới vẻ đẹp của những bài thơ, hay sức mạnh của hôn nhân. Nói tóm lại, GDP ghi nhận đủ mọi thứ, chỉ trừ thứ làm cho cuộc đời đáng sống (it measures everything in short, except that which makes life worthwhile)

Tóm lại, GDP một mặt không ghi hết các hoạt động kinh tế; mặt khác nhiều hoạt động kinh tế mà nó ghi được có thể không mang lại an lạc cho con người. Tuy nhiên, qua nhiều thập niên nó đã chinh phục thế giới! Nói chung, nhiều người nghĩ khi GDP của một quốc gia tăng lên thì là một điều tốt và mọi người trong quốc gia đó sẽ hạnh phúc thêm. Do đó chính quyền muốn cho công dân trong một quốc gia hạnh phúc hơn, thì phải tìm mọi cách để tăng trưởng GDP. Điều này khiến chúng ta nghĩ tới hai câu nói thường nghe mang hai ý nghĩa trái ngược nhau. Một câu là “Có tiền mua tiên cũng được.” Câu kia là “Tiền bạc không đem lại hạnh phúc.”

Trong vài thập niên vừa qua, đã có không ít công trình nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức kinh tế khác nhằm bổ sung và hoàn chỉnh phương cách kế toán cho các nền kinh tế quốc gia nói chung, và GDP/GNP nói riêng. Chẳng hạn “*Chỉ Số Phát Triển Nhân Bản*” (Human Development Index) cho Ngân Hàng Thế Giới đưa ra dựa trên khả năng và chức năng có thể quan sát được của con người như sức khỏe, giáo dục hay khả năng tiếp cận với kỹ thuật. Hoặc “*Chỉ Số An Lạc Kinh Tế Bền Vững*” (Index of Sustainable Economic Welfare, ISEW) đề nghị bởi Herman Daly và John Cobb năm 1989 có tính đến sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi sinh. Nói chung, những chỉ số mới này chỉ là những chỉ số chỉ nhằm cải tiến GDP/GNI hơn là thay thế chúng.

Dưới đây, các con số in trong quyển sách nhỏ *The Economist/ Pocket World in Figure* xb năm 2021 nói trên cho thấy vào năm 2018, thứ hạng các quốc gia thay đổi tùy theo các chỉ số, như thụ dưới đây:

Quốc Gia	<u>GDP</u> <u>per capita</u>	<u>GDP</u> <u>per capita PPP</u>	<u>HDI</u> <u>(Quality of Life)</u>	<u>Happiness</u> <u>(theo WHR)</u>
Phần Lan	20 (\$50.152)	27 (71,1)	12 (90,5)	1
Na Uy	7 (\$81.697)	13 (104,5)	1 (95,4)	2
Hoa Kỳ	14 (\$62.795)	15 (100,0)	15 (92,0)	18
Singapore	13 (64.582)	6 (161,7)	9 (93,5)	38

Theo bảng xếp hạng của World Happiness Report, Phần Lan là nước được xem là hạnh phúc nhất hoàn cầu (cột 5). Trong khi đó GDP per capita của nước này chỉ đứng thứ 20 với con số qui ra US\$ là 50.152; còn về GDP per capita PPP (cột 3) tức tính theo tính mức mãi lực (purchasing power parity, PPP, mà 100 của Hoa Kỳ là chỉ số làm căn bản), thì nước này xếp hạng 27. Theo chỉ số HDI (Human Development Index, có tính tới số năm học và tuổi thọ), thì Phần Lan đứng hạng 2, sau Na-Uy mà chỉ số 70-79 đã được xem là rất cao rồi.

Gross National Happiness (GNH)

Vương Quốc Bhutan



Người Vương Quốc Bhutan, trong một ngày hội với lễ phục truyền thống

Photo credit: <https://www.dailybhutan.com/article/traditional-costumes-of-bhutan-and-the-evolution-of-kira>

Khi nói đến **GNH**, nhiều người nghĩ ngay đến vương quốc Phật giáo Bhutan, quốc gia đầu tiên và cho đến nay duy nhất không dùng công cụ GDP, mà là GNH để nói đến sự phát triển xã hội của đất nước mình. Bhutan là một quốc gia nhỏ, nằm bên cạnh 2 nước rộng lớn Trung Hoa và Ấn Độ, với diện tích chỉ 38.400 km², và dân số hiện nay chưa tới 800.000 người. GDP per capita năm 2015 chỉ là US\$ 2,719. Nếu độc giả muốn biết các thông số kinh tế của quốc gia này thì xin đừng tìm kiếm trong quyển thống kê nhỏ The Economis/Pocket World in Figures, xuất bản hằng năm, cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho “thế giới”. Cần nói ngay đây không phải là quốc gia “hạnh phúc” nhất hành tinh như nhiều người lầm tưởng. Năm 1972, Jigme Singye Wang Chuck, quốc vương thứ tư của Bhutan, tuyên bố: “Tôi không quan tâm nhiều đến Sản Lượng Quốc Gia Tổng Gộp.

Tôi quan tâm đến Hạnh Phúc Quốc Gia Tổng Gộp." (I am not interested so much in gross national product. I am interested in gross national happiness." (*The Washington Post*, Monday, October 2011, Section C). Sự chọn lựa của ông có lẽ đã dựa trên truyền thống lâu đời của dân tộc theo đạo Phật, vốn sống trầm lặng và muốn được bình ổn trong tâm hồn. Thủa đó, thập niên 1970s đã được Liên Hiệp Quốc tuyên bố là "thập niên phát triển" (development decade) bột phát phong trào các kế hoạch kinh tế ngũ niên, tứ niên thời thượng rất được các nước đang phát triển qui hoạch để nhận viện trợ từ các ngân hàng quốc tế, cũng như từ các nước Hoa Kỳ, Liên Xô vì lý do chính trị. Tuyên bố trên của vua Bhutan quả là đã làm ngạc nhiên mọi người.

Hơn 4 thập niên sau, khi đề tựa cho quyển *The Oxford Handbook of Happiness* (hiệu đính bởi S. David, H. Boniwell, A. Conley Ayers, xb năm 2013), quốc vương thứ năm Jigme Khesar cho biết rằng vua cha của mình đã xem GNH quan trọng hơn GNP, và từ đó quốc gia này theo hướng Phát Triển với Giá Trị (Development with Value) nghĩa là cố tận hưởng những lợi ích của tăng trưởng và hiện đại hóa kinh tế nhưng vẫn bảo đảm rằng trên đường tiến bộ kinh tế vẫn không quên bảo dưỡng những điều làm cho người dân đoàn kết, sống hài hòa với nhau và bảo đảm họ vẫn là người dân Bhutan... Theo ông, công cuộc hiện đại hóa và những thay đổi chính trị nuôi dưỡng tự do cho cá nhân, nhưng cũng làm cho họ bớt đi nghĩa vụ đối với xã hội và điều thiện lành cao cả hơn (the greater good), nghĩa là một vài giá trị nào đó sẽ mất đi. Ông quả quyết Hạnh Phúc nhắc nhở là cuối cùng thì thế giới này là thế giới của con người, của các gia đình và của các cộng đồng -- của nhân loại đang kiếm tìm một thứ giống nhau.

Người dân Bhutan trước đó cũng sống rất là bình dị. Theo bài báo trên, thì khi chiếc xe jeep đầu tiên đến thủ đô Thimpu, vào thập niên 1960, dân chúng địa phương đã ùa ra chạy theo sau "con rồng biết thở" này; truyền hình mãi đến năm 1999 mới được hợp pháp hóa, và nền dân chủ được nhà vua thiết lập năm 2008.

Để hình thành chính sách phát triển hạnh phúc, hằng năm chính phủ đều tổ chức một cuộc thăm dò, mất nửa ngày để hoàn thành, dân chúng được hỏi thăm dò về việc tiếp cận các dịch vụ y tế, điện nước, cũng như các hoạt động khác như ngủ nghỉ, cầu nguyện vv. Những dữ kiện thu thập này sẽ được phân tích và tổng hợp lại để thành chính sách, mà các chính sách muốn phản ảnh được tính cách của chính phủ và nhân dân Bhutan thì phải theo 4 nguyên lý trụ cột sau đây: bảo đảm tăng trưởng kinh tế, duy trì văn hóa và truyền thống, bảo vệ môi sinh và trị quản tốt (good governance). Thêm vào đó, chính quyền còn ra nhiều tiêu chuẩn khác hướng dẫn chính sách và đường lối. (*Cultural Smart! Bhutan*, tác giả Karma Choden & Dorji Wangchuck, xb2018). Một chính trị gia đối lập cho biết ông nghi ngờ về việc thực hiện các nguyên tắc quan trọng của GNH. Bhutan hạn chế người ngoại quốc đến đây du lịch vì sợ họ làm ô nhiễm môi sinh cũng như đem vào thói hư tật xấu! Ngoài ra, hẳn nhiều người đã không quên rằng vương quốc này đã trục xuất cả trăm ngàn cư dân gốc Nepal và Hindu về nước chỉ vì muốn giữ truyền thống dân tộc mình mà không chấp nhận sự khác biệt của họ đối với dân từ xứ khác đến về y phục, ngôn ngữ, tôn giáo. Có người phê phán GNH là chính sách áp đặt từ trên đưa xuống và mỉa mai GNH là viết tắt của Gross National Harassment!

Mặc dù vậy, nhưng GNH của Bhutan đã tạo hứng khởi không ít. Liên Hiệp Quốc chọn ngày 20 March mỗi năm làm Ngày Hạnh Phúc Thế Giới (The World Happiness Day), bắt đầu từ năm 2012. Mỗi năm LHQ đều có ấn hành World Happiness Report, số đầu tiên xuất bản tháng Tư năm 2012. Điều khá thú vị khác là đã có vài học giả cho ra đời những quyển kinh tế học Phật Giáo áp dụng giáo lý tôn giáo này để phân tích các hoạt động kinh tế và đưa ra những nguyên tắc hoạt động cho một nền kinh tế có thể đem lại hạnh phúc cho con người trong đời sống kiếp này.

Nghịch Lý Easterlin

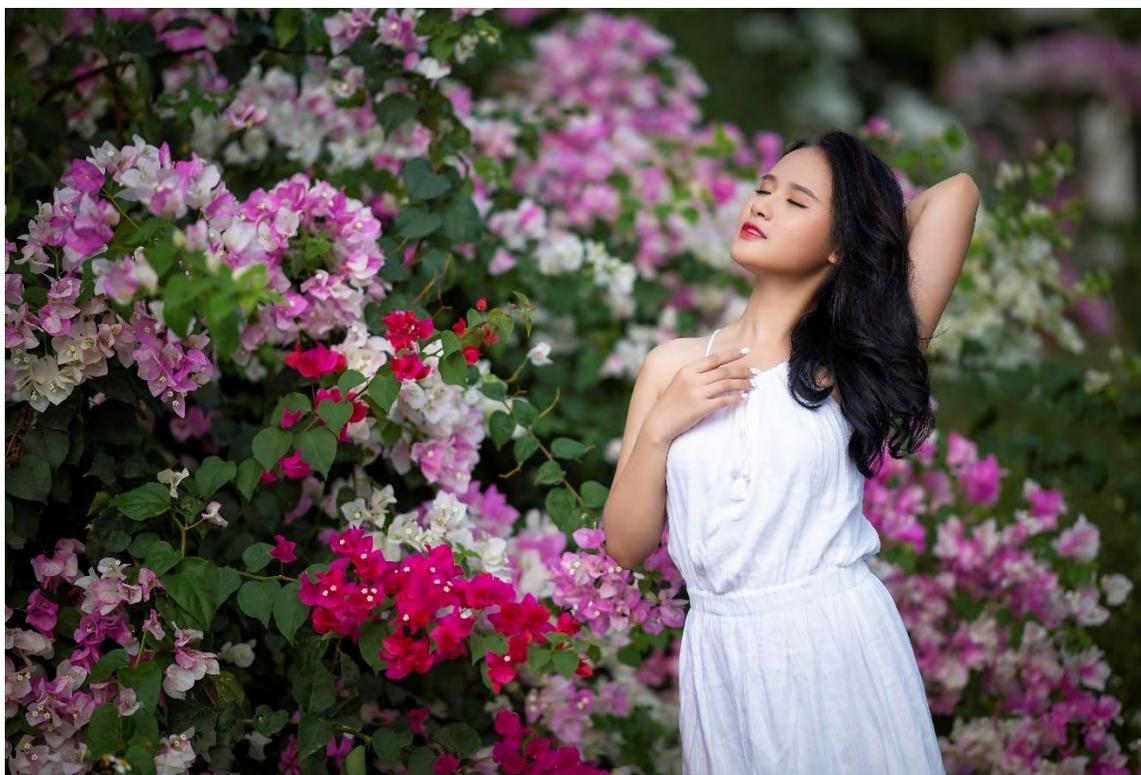
Theo thiên ý, triết lý Hạnh Phúc nói trên của Bhutan tuy mới lạ và hấp dẫn, nhưng không phải là động lực chính thúc đẩy các nhà kinh tế học quay trở lại nghiên cứu thêm về GDP, hoặc tìm một phương pháp, công cụ khác để đem lại hạnh phúc/an lạc cho xã hội. Nhiều tác giả cho rằng chính “*nghịch lý Easterlin*” đã khiến nhiều nhà nghiên cứu tham gia vào công cuộc đi tìm “*cứu cánh mới*” của đời sống. Trong một bài nghiên cứu có tựa đề là: “*Does Economic Growth Improve the Human Lot? Some Empirical Evidence*” xuất hiện đầu tiên năm 1974 (được in lại trong *Happiness in Economics* do chính tác giả hiệu đính, xb năm 2002, mà bài viết này đang tham khảo, Richard A. Easterlin, lúc đó đang dạy tại University of Pennsylvania, nghiên cứu kết quả của các cuộc thăm dò về mối quan hệ giữa thu nhập và hạnh phúc của con người trong 19 quốc gia, phát triển lẫn chậm phát triển, từ sau Thế Chiến Hai. Hạnh Phúc ở đây được gọi là hạnh phúc chủ quan (subjective happiness) sẽ được bàn tới.

Sau đây là một kết quả mà ông tìm thấy để trả lời câu hỏi tự mình đặt ra: Khi thu nhập của một nước tăng trưởng thêm trong quá trình phát triển kinh tế, thì hạnh phúc con người có tăng thêm không?

- (1) Trong cùng một quốc gia, tại một thời điểm nào đó, nhóm người giàu có hơn (tức thu nhập tăng lên) thì hạnh phúc hơn. Điều này là sự thật thấy được rõ ràng.
- (2) Cũng trong cùng một quốc gia, vào những thời điểm khác nhau, khi mọi người đều trở nên giàu có hơn, thì họ không thấy hạnh phúc hơn.

Điều này đúng với Hoa Kỳ: Trong vòng 50 năm nghiên cứu, mặc dù thu nhập mỗi người (income per capita) của Hoa Kỳ tăng lên đáng kể, hạnh phúc của họ hầu như không tăng thêm. Chi tiết cho thấy GDP per capita tăng lên, nhưng hạnh phúc trung bình (average happiness) không tăng theo: nó tăng lên trong thập niên 1950, rồi giảm xuống trong 20 năm sau đó, đến năm 1970 lại trở về mức cũ năm 1946. Kinh tế gia Moses Abramovitz gọi đó là “*Nghịch Lý Easterlin*” (Easterlin Paradox) và nay đã được quen dùng. Nghịch Lý này đã khiến không ít người nghi ngờ và nghiên cứu lại vẫn dựa trên những dữ liệu mà Easterlin đã sử dụng cũng như đưa ra thêm những giải thích khác. Đối với Easterlin, thu nhập tuyệt đối (absolute income) đóng vai trò quan trọng đối với hạnh phúc tới một mức mà các nhu cầu căn bản đã được thỏa mãn. Vượt qua mức đó, thu nhập tương đối (relative income) trở nên quan trọng hơn, nghĩa là khi người ta so sánh thu nhập của những người trong nhóm với nhau. Một lý thuyết khác cho rằng hoàn cảnh tốt hay xấu đều khiến cho hạnh phúc thay đổi lên xuống đối với một mức hạnh phúc định sẵn nào đó, rồi cuối cùng hạnh phúc mỗi người cũng lại trở về mức cũ đó. Mức này trong tâm lý học được gọi là “*set point*”.

An Lạc/Hạnh Phúc Chủ Quan



Hạnh Phúc, khách quan hay chủ quan?

Hạnh Phúc mà Easterlin phân tích ở trên là *Hạnh phúc chủ quan (subjective happiness)* nghĩa là chính người được phỏng vấn nói ra ý kiến của mình. Hằng ngày chúng ta thường nghe cả hai thứ hạnh phúc chủ quan và khách quan. Khi chúng ta thấy một cô ca sĩ trẻ tươi cười rạng rỡ trên sân khấu bên cạnh thân tượng của mình, chúng ta nói cô ta trông hạnh phúc quá. Có thể chúng ta chủ quan, nhưng trong Khoa Học Hạnh Phúc, thì sự đánh giá của chúng ta được xem là khách quan và hạnh phúc mà chúng ta gán cho cô ca sĩ này là “hạnh phúc khách quan” (objective happiness). Còn khi chính miệng cô ta nói cô cảm thấy “rất hạnh phúc”, thì hạnh phúc của cô ta là “hạnh phúc chủ quan”.

Học thuyết Utilitarianism trước kia bị lãng quên có lẽ chỉ vì đo lường utility khó quá! Vào thập niên 1930, khi Sir John Hicks, Lord Lionel Robbins và nhiều người khác tuyên bố rằng utility không thể và không cần nghiên cứu, thì chủ thuyết này không còn được đề ý nữa. (Happiness: A Revolution in Economics, tác giả Bruno S. Frey, xb 2010. Ngày nay với sự ra đời của ý niệm “hạnh phúc chủ quan”, các học giả đưa ra một từ có vẻ trung tính mà có lẽ nhiều độc giả sẽ cảm thấy quen thuộc để thay thế. Đó là “**An lạc chủ quan**” (**subjective well-being, viết tắt SWB**). Từ đây, người viết xin sử dụng SWB để chỉ subjective happiness mà Easterlin đã dùng.

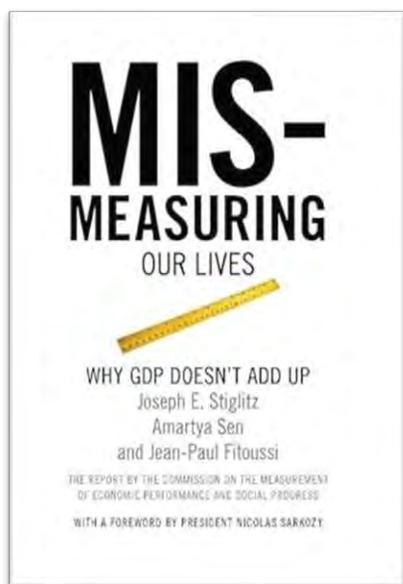
Xin lưu ý quý độc giả rằng SWB là một ý niệm rất mới lạ và quan trọng, một khám phá lớn của ngành tâm lý học, được kinh tế học du nhập vào để làm phương pháp nghiên cứu mới của mình. Để đo lường SWB (*Against Happiness*, do Owen Flanagan và nhiều tác

giả khác, xb năm 2003) người phỏng vấn thường sử dụng một trong hai phương cách dưới đây:

Theo cách thứ nhất, người phỏng vấn nói với người được phỏng vấn như thế này: “Nói chung, bạn hãy nói hạnh phúc của bạn như thế nào? -- Rất hạnh phúc/ Khá hạnh phúc/ Không hạnh phúc.” Người được phỏng vấn sẽ chọn một trong 3. Thỉnh thoảng, trước khi phỏng vấn câu trên, người phỏng vấn có thể yêu cầu người được phỏng vấn cho biết xác quyết của mình bằng câu “Bằng ngôn từ riêng của bạn, hãy cho biết chữ “hạnh phúc” có nghĩa là gì đối với bạn.”

Theo cách thứ hai, người phỏng vấn nói: “Xét chung về mọi khía cạnh, bạn hãy nói bạn hạnh phúc ra sao? Xin bạn chọn trong tờ giấy trước mặt có mười một ô, từ 0 đến 10 mà số 0 là cực kỳ bất hạnh và số 10 là cực kỳ hạnh phúc.” Cũng có những cuộc phỏng vấn chỉ dung từ 0 đến 6 mà thôi. Thêm vào đó, người phỏng vấn có thể thêm một vài câu hỏi nữa, hay dựa vào các kho dữ liệu sẵn có để kiểm chứng những gì người được phỏng vấn đã nói. Nói chung, phương pháp này cho người được phỏng vấn nhiều lựa chọn, nhưng quả thật sự chọn lựa không dễ gì chính xác, ngay cả ở những người có học vấn cao. Chẳng hạn ở phòng mạch, khi nói về cái đau ở đầu gối, bác sĩ bảo bạn đánh giá trong mức độ từ 0 đến 10, bạn chọn số con số nào. Nếu bạn đã chọn số 7, thì sau đó, bạn có thể tự hỏi tại số 7, mà không là số 6 hay số 8. Trong 3 số này thì số nào phản ánh trung thực nhất mức đau của mình?

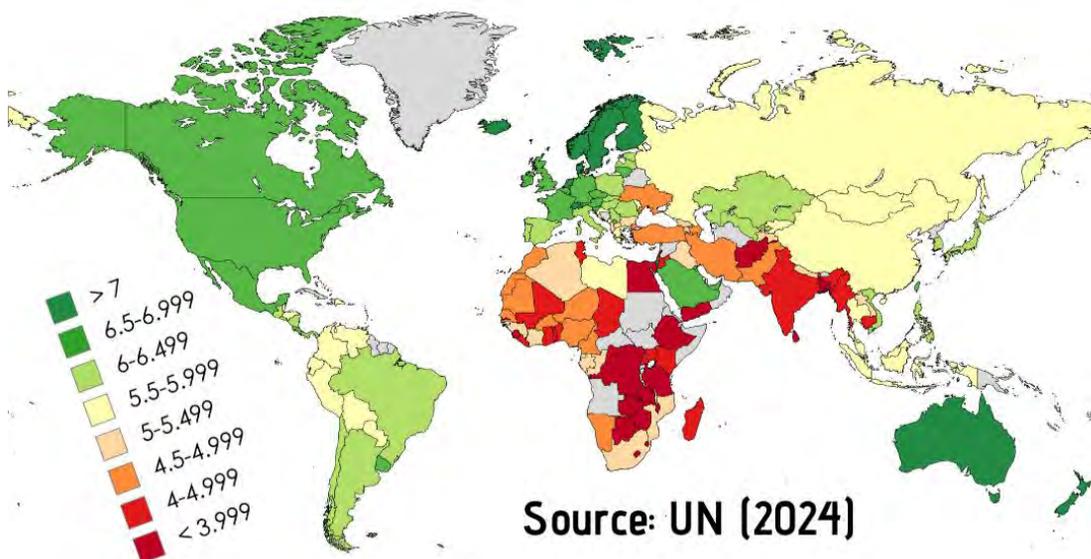
Những Nghiên Cứu Liên Ngành



Sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2008-2009, mà GDP bị xem như là nghi phạm ẩn mình, Tổng Thống Pháp Nicol Sarkozy đã mời kinh tế gia Pháp Jean – Paul Fitoussi của Sciences Po, cùng với hai kinh tế gia Mỹ Amartya Sen và Joseph E. Stiglitz (Chủ Tịch), đều được giải Nobel về Kinh Tế, thành lập một ủy ban quốc tế có tên có tên là “Commission on the Measurement of Economic Performance and Social Progress” để tái đánh giá các đo lường hiện hành và đề nghị những phương cách thay đổi. Ủy Ban này còn có thêm nhiều thành viên tên tuổi từ các tổ chức INSEE, UNDP, OECD, hay từ các đại học danh tiếng như Harvard University (Robert Putnam ngành chính trị học), Princeton University (như Alan B Krueger, Daniel Kahneman – ngành tâm lý học, giải Nobel Kinh Tế 2002). Kết quả làm việc của Ủy Ban này là bản

phục trình được in thành quyển sách mỏng tựa đề là *Mismeasuring Our Lives: Why GDP Doesn't Add Up* (xb năm 2100). Trong Lời Tựa, Tổng Thống Pháp đã khẳng định “Chúng ta sẽ không thay đổi thái độ của chúng ta trừ phi chúng ta thay đổi phương cách mà chúng ta đo lường các hoạt động kinh tế Thống kê và kế toán của chúng ta phản ánh các ước vọng của chúng ta, những giá trị mà chúng ta chỉ định ra ... Một trong những lý do mà hầu hết mọi người tự thấy mình trở nên bất hạnh hơn (worse off) ngay cả khi GDP đang tăng

lên bởi vì họ thực sự bất hạnh hơn.” (ông trích từ Phúc Trình). Cuối cùng, Tổng Thống khản thiết kêu gọi: “Điều duy nhất sẽ cứu chúng ta là cởi trói đầu óc chúng ta để gom sức mạnh lại thực hiện những thsy đổi cần thiết. Điều duy nhất sẽ cứu chúng ta là cởi trói đầu óc chúng ta để tự giải phóng khỏi chủ nghĩa tuân thuận (conformatism), chủ nghĩa bảo thủ và những quyền lợi thiên cận.



Worldwide levels of happiness as measured by the World Happiness Report (2024)

Source: https://commons.wikimedia.org/wiki/File:World_Happiness_Report_2024.png

Bản tường trình này nêu ra những vấn đề cổ điển của GDP và đưa ra vài khuyến cáo điều chỉnh; kẻ đó đưa ra quan điểm về chất lượng đời sống (quality of life) mà bài viết này gọi nôm na là hạnh phúc và an lạc; và cuối cùng kết nối phát triển bền vững và môi trường. Theo thiên ý, khảo hướng này rất đáng được nghiên cứu chi tiết hơn nhằm cải tiến cách nhìn GDP theo một nhãn quan mới. Tiếp theo Phúc Trình, Joseph E. Stiglitz, Jean-Paul Fioussi và thêm Martin Durand đã viết thêm “*Measuring What Accounts: The Global Movement for Well-being*” (xb năm 2019), nghĩa là vẫn còn quanh quẩn với kế toán quốc gia, chưa thể đưa ra một thần dược cụ thể có thể giúp con người đến bến bờ hạnh phúc mà họ theo đuổi. Nhưng nếu càng ngày càng có nhiều người được tạo cơ hội để có việc làm, vật chất no ấm, chỗ ở an ninh, và tâm hồn thanh thản thì các kinh tế gia này nói riêng và môn kinh tế học nói chung đã làm được điều kỳ diệu rồi.

Mặc dù bị còn nghi ngờ về mức độ chính xác, ý niệm về SWB cùng với các phương cách đo lường “chủ quan” nói trên đã được xem là một bước tiến quan trọng trong việc nghiên cứu hạnh phúc con người. Thêm vào đó là sự hình thành của ngành tâm lý tích cực coi trọng hơn việc tạo dựng an lạc hạnh phúc, cũng như sự phát triển của khoa thần kinh học, máy móc theo dõi hoạt động của bộ óc (thí dụ MRI) cùng thuốc men thích hợp .

Hạnh phúc đã và đang được nghiên cứu liên ngành, được xem như là ngành Khoa Học Hạnh Phúc (Science of Happiness). Với cách nhìn lạc quan này, nhiều người, trong đó có Richard Easterlin kêu gọi một *cuộc cách mạng* để tiến tới HẠNH PHÚC! Nghĩa là hãy phát lên ngọn cờ GNH thay thế cho ngọn cờ GDP. Nhưng cho tới đây, chúng ta thấy nếu

khắc phục được những thiếu sót đã bàn cũng những khuyến cáo cải tiến ghi trong Phúc Trình và quyển sách tiếp theo của Nhóm Stiglitz, thì chỉ số kế toán cải tiến này sẽ vẫn còn mang nhiều “thành phần” hàng hoá và dịch vụ của GDP, nghĩa là những thứ nuôi dưỡng con người và được tính bằng tiền. Ngay cả GNH tới nay cũng chỉ là một ý niệm trừu tượng và chưa được tóm gọn thành chỉ số như GDP. Và quốc gia hiện đang giương ngọn cờ GNH không phải là một quốc gia lý tưởng mà ai cũng muốn đến để làm việc hay để sống. Ý tưởng du nhập đầy đủ cảm xúc và ý kiến của toàn thể nhân dân để hình thành một chính sách công rất là quan trọng trong xã hội dân chủ ngày nay. Nhưng sẽ đến bao giờ chúng ta sẽ chứng kiến được một chính sách tốt trung thực, và được thực hiện hiệu năng và hiệu quả?

Kết Luận

Kinh tế học ra đời với mục tiêu tối hậu là giúp con người không những được an lạc vật chất mà còn an lạc tinh thần. Tồn tại vài trăm năm nay, nó đã lần lần đem lại ít nhiều đồng thuận về một số nguyên tắc, về công cụ nghiên cứu, nhưng môn “kinh bang tế thế” hay “kinh thế tế dân” này vẫn còn trước mắt nhiều vấn đề cần phải được cải tiến, thậm chí còn có chủ trương phải thay đổi hẳn triết lý cũng như phương pháp. Nếu Paul Revere đã làm tròn sứ mạng của mình trong đêm cưỡi ngựa báo động để rồi Hoa Kỳ có bản Tuyên Ngôn Độc Lập nói lên ý chí của quốc gia tân lập này – life, independence, pursuit of happiness - - thì liệu kinh tế gia Richard A. Easterlin có thể thành công hay không khi kêu gọi một cuộc cách mạng về hạnh phúc? Đây quả là câu hỏi lớn mà câu trả lời sẽ đòi hỏi nhiều thời gian.

(PS – Nếu sức khỏe còn cho phép, người viết sẽ tóm lược kết quả một số công trình nghiên cứu về Hạnh Phúc đã được thực hiện trong vài mươi năm vừa qua.)

Lê Văn Bình

Virginia 7/2025

(*) Trong các nghiên cứu về Hạnh Phúc và An Lạc, hầu hết các tác giả sử dụng chỉ số kinh tế phổ biến và quen thuộc GDP (Gross Domestic Product) thay vì GNI (Gross National Income) --cả hai đều tính toán bằng tiền-- để chỉ mức giàu có của một quốc gia. Tựa đề bài viết này dùng GNI chỉ nhằm đối chiếu về hình thức với GNH (Gross National Happiness) mà đến nay vẫn còn là một ý niệm, chưa trở thành một chỉ số kinh tế.

Lê Văn Bình

- *Tốt nghiệp Học Viện Quốc Gia Hành Chánh (Đốc Sự 10 và Cao Học 2) & University of Southern California (MA in Econ., 1974)*

- *Chủ Bút Hoài Bão Quê Hương (1999 - 2000) & Hành Chánh Miền Đông (2002 - 2018)*

Đạo Phật, Suối Nguồn Hạnh Phúc

Nguyễn Ngọc Hoàng Thị Quỳnh Hoa



“Con xin cảm niệm ơn đức của Thế Tôn đã cho con biết những hạnh phúc bình dị trong cuộc đời này:

•Sáng nay thức dậy con thật hạnh phúc, khi đôi mắt còn đủ sáng để thấy được đường đi, còn chiêm ngưỡng được nụ cười từ bi, bình an nơi Đức Thế Tôn, và con còn thấy được

những người thương bằng đôi mắt thương kính, nhìn thấy bầu trời trong sáng và những hàng cây xanh lá.

- *Đôi tai của con còn có thể nghe được tiếng nói, tiếng cười của mọi người, tiếng chim hót trong vườn, tiếng trẻ con gọi nhau đồng vọng.*
- *Con đang thở những hơi thở dài, nhẹ và khỏe. Không khí ban mai thật trong lành, dịu mát.*
- *Con còn nói được những tiếng, những lời từ áirō ràng với mọi người.*
- *Con cảm nhận hạnh phúc khi biết mình đang đứng vững trên đôi chân và bước nhẹ nhàng thành thoi đến nơi cần đến.*
- *Con nhận ra đôi tay con còn khả năng dâng hương và nước để cúng dường tam bảo vào buổi sáng trước một ngày mới, và san sẻ vật thực bằng đôi tay cần trọng.*
- *Con nghĩ tới những phút giây hạnh phúc thật đơn sơ mà vô cùng quý giá này để nuôi dưỡng thân tâm và sống một ngày đầy an lạc”.*

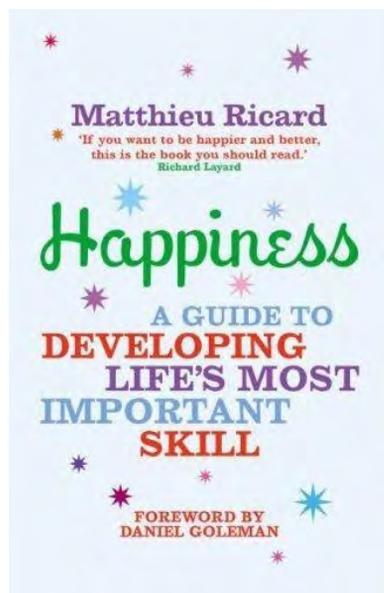
Tôi không nhớ đã được đọc bài kệ có tên *Hạnh Phúc Đơn Sơ* này ở đâu, của ai và năm nào. Chỉ nhớ là vì thích quá, vội vàng ghi chép, in vào giấy cứng tặng các bạn tham dự chuyến hành hương 10 chùa tháng Giêng do nhóm Phật Học Tuệ Quang chúng tôi tổ chức năm ấy. Thật vậy, nếu ta còn đầy đủ mắt, tai, mũi, miệng, tứ chi, và đầu óc bình thường là một hạnh phúc lớn. Nhưng, thử hỏi mấy ai biết trân quý chúng mỗi ngày cho đến khi một trong ngũ căn bị thương tật hay bị mất đi, chúng ta mới giật mình nuôi tiếc những ngày hạnh phúc đã qua khi ngũ căn, ngũ lực bình thường mà ta đã không biết trân trọng!

Chú tôi, bút sĩ Hoàng Tá Thích, trong tập truyện ngắn *Mơ Ước Bình Thường*, đưa ra trường hợp một người bạn thân phải lên bàn mổ sau một tai nạn té xe, bị xuất huyết não trầm trọng. Về sau, khi kể cho bạn bè nghe, cô nói: “Trước khi lên bàn mổ, mình nghĩ chỉ cần được sống là đủ và sẽ không bao giờ đòi hỏi bất cứ một điều gì khác.” Nghe có vẻ quen thuộc lắm phải không? vì mấy ai trong hoạn nạn mà không khẩn khứa xin được bình an, chỉ bình an thôi? Nhưng có mấy ai trân trọng một cái tâm thường mà mình sở hữu, đến khi mất đi rồi mới tiếc ngẩn tiếc ngơ! Cô bạn của chú tôi cũng vậy. Sau khi mổ, cô mê man 5 ngày. Cô sống. Nhưng ít lâu sau, bác sĩ cho biết não trạng có vấn đề nên cô không điều khiển được cái tay cầm bút theo ý mình, bác sĩ cần khám lại và chữa trị thêm. Thấy cô buồn quá, chú tôi an ủi, nhắc lại lời cô nói miễn được sống mà thôi. Cô cười buồn đáp: “Lúc đó thì nghĩ như thế thật, nhưng khi được sống rồi thì muốn những điều tốt hơn, mình nghĩ con người chắc ai cũng thế.” Và cô nghĩ cũng đúng vì mấy ai đủ khôn ngoan để cảm nhận những hạnh phúc đơn sơ bình dị trong đời sống hằng ngày. Để kết luận, tác giả trích lời Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14: “Có nhiều người sống mà không nghĩ là mình sẽ chết. Đến khi sắp chết, mới nhận ra là mình chưa sống!” Hãy sống với những gì mình có mỗi ngày, đừng tiếc nuối quá khứ, đừng lo lắng tương lai vì quá khứ đã không còn và tương lai thì chưa tới. Hãy an trú trong hiện tại.



Tôi thì, sáng sáng, sau khi thức dậy xuống nhà là đến bên cửa sổ nơi đặt mấy chậu lan, xịt nước lên các cành, lá, hoa, và chăm chú tìm xem có chồi non ở cây nào không. Cửa sổ chỉ để được 12 chậu lan nên tôi dặn các em Gia Long đừng mua lan nữa. Lan nhà tôi là do Gia Long tặng vào ngày Lễ Mẹ và ngày sinh nhật tôi. Hễ nhiều hơn là tôi phải đem tặng lại nhà khác. Tôi được ngắm hoa lan quanh năm vì khi nào cũng có ít nhất là hai chậu có hoa và hai chậu có chồi lớn sắp đơm hoa. Sau khi đã tưới mát cho lá, cho hoa, tôi ngồi vào bàn ăn sáng, lặng lẽ ngắm những chậu lan xinh xẻo, đài các, bình yên trên cửa sổ. Sáng nào không phải rời nhà sớm đi tập thể dục thì tôi ra sân trước thăm mấy bụi hồng mới trồng cuối mùa hạ mà nay – sắp sang đông - vẫn còn hoa và thấy lòng thật yên ả, bình an.

Ai sinh ra, lớn lên mà không mơ ước một cuộc đời an bình, hạnh phúc. Nhưng thử hỏi bao nhiêu người có thể tự thấy mình là người có hạnh phúc! Hình như đối với số đông thì hạnh phúc như ẩn như hiện chập chờn ngoài tầm tay với. Người Mỹ suy nghĩ rất đúng khi thừa nhận mưu cầu hạnh phúc là một quyền tối thượng của người dân, quan trọng ngang với quyền sống và quyền tự do, nên tổ tiên họ đã trang trọng ghi ba thứ quyền công dân căn bản này trong Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của họ.



Nhưng hạnh phúc là gì? Làm thế nào để có được hạnh phúc? Có rất nhiều sách viết về đề tài này nhưng tôi thích cách suy diễn của Tiến sĩ Ricard Mathieu. Ông là người Pháp, tác giả cuốn *Happiness: A Guide to Developing Life's Most Important Skill*. Ông cũng là một tu sĩ Phật giáo, hiện đang trụ trì ở một ngôi chùa bên Nepal. Ông nói hai từ hạnh phúc rất khó định nghĩa, mà có định nghĩa thì thường mơ hồ, không được số đông đồng ý. Nhiều tiền thì hạnh phúc? Có danh thì hạnh phúc? Có sức khỏe thì hạnh phúc? Nhiều vợ, nhiều con, nhiều bạn? Hay phải có tất cả những thứ ấy mới có hạnh phúc? Trong sách, Đại Sư Mathieu khuyên không nên tìm hạnh phúc ở bên ngoài vì vạn vật vốn vô thường, không ai biết và kiểm soát được sự đến đi của chúng. Hôm nay giàu có, ngày mai của cải đội nón ra đi; hôm nay khỏe mạnh, ngày mai bệnh tật đến thăm

hỏi; hôm nay lên voi, ngày mai xuống chó. Không ai kiểm soát được chu kỳ thành trụ hoạt diệt của chúng. Vì vậy, nên quay về nương tựa ở bản thân để đạt được chân hạnh phúc, tâm bình an. Ông nói, theo quan niệm Phật giáo, hạnh phúc chỉ là một ý niệm, một thói quen mà ông cho rằng ai cũng có thể đạt được. Sách của ông trình bày những phương pháp tập luyện để có được tâm bình an. Ông cho rằng chữ *Happiness* có vẻ mơ hồ nên muốn thay thế bằng chữ kép *Well-being* là tâm bình an để nói đến trạng thái dễ chịu, yên ả, không lo lắng buồn phiền. Có nhiều khi ta lầm lẫn hạnh phúc (happiness) với niềm vui thú (pleasure). Để có được niềm vui, cần có những trợ lực bên ngoài.

Mà niềm vui thì chỉ hiện hữu ngắn hạn thôi. Ví dụ, được ăn một món ngon ta vui lắm. Nhưng ngày nào cũng phải ăn món đó thì ta không thấy thú vị nữa, trong khi ta có thể hưởng được tâm bình an (wellbeing hay inner peace) trong mọi hoàn cảnh nếu ta luyện được tâm không dao động bởi ngoại cảnh. Nếu biết nhìn mọi sự, mọi vật một cách khách quan và biết chấp nhận một sự thật là ta không thể nào thay đổi được tình huống đã xảy ra, không thay đổi được ngoại cảnh thì tâm ta bớt phiền não. Đại sư kể câu chuyện đối cảnh sinh tình của hai nhân vật cho thấy ý niệm hạnh phúc thay đổi tùy theo cách suy nghĩ của từng cá nhân:

Tôi [Đại Sư Mathieu] còn nhớ một buổi chiều mùa mưa ở Nepal, tôi ngồi trên bực thềm của chùa chờ các Phật tử đến dự buổi pháp đàm. Sau một cơn mưa giông lớn, cái sân trước biến thành một vũng nước bùn dơ dáy. Chúng tôi phải xếp từng cụm gạch từ cổng đến bực thềm bước vào chánh điện. Một cô đến, dừng bước ở cổng chùa. Nhìn cái sân đầy nước bùn, cô rón rén bước lên mấy viên gạch, vừa bước vừa mở miệng chê bai từng viên một. Khi đã an toàn lên đến bực thềm chỗ tôi ngồi, cô nhìn vũng nước bùn lác đầu lẩn nữa và phàn nàn: “Ghê quá! Nếu mà ngã xuống đây thì thật là rùng rợn! Ở xứ này, cái gì cũng dơ.” Biết tính cô ấy nên tôi chỉ im lặng gật gù. Vài phút sau, một cô khác đến, cô Raphaele. Vừa nhảy qua từng cụm gạch, cô vừa hô: “Hấp! Hấp! Hấp!” và khi qua được bên này, với ánh mắt ngời sáng, cô tươi cười nói: “Vui quá! Cái hay của mùa này là sau cơn mưa, mọi cảnh vật thật tươi mát, không dính một hạt bụi!” Cũng quan cảnh ấy mà hai người có hai lối nhìn khác nhau. Sáu tỷ người [dân số thế giới], sáu tỷ thế giới khác nhau!

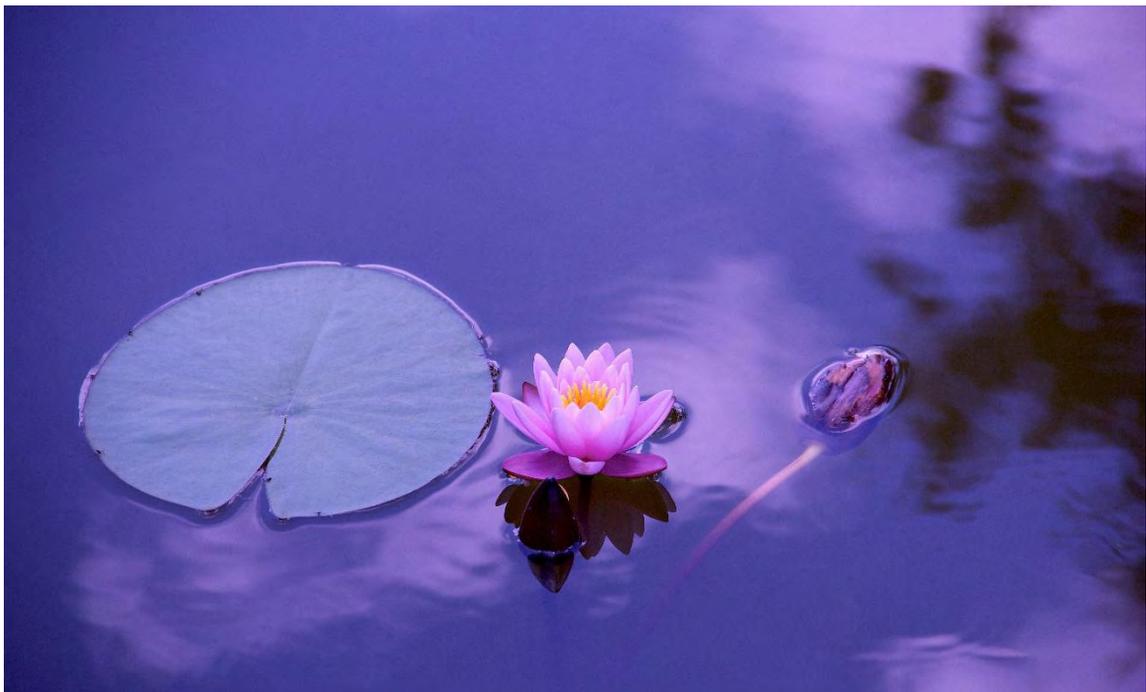


Các bạn muốn có tâm vui tươi như cô Raphael hay tâm phiền não như cô bạn kia? Người Mỹ cũng có câu “Look at the brighter side” của một sự việc bất như ý để tâm được nhẹ nhàng. Thay đổi cái nhìn của ta đối với cuộc sống không phải là một thái độ lạc quan khờ khạo, cũng không phải là một thái độ phớt đời giả tạo để đối phó với nghịch cảnh. Vì sự thật thì đau khổ cũng như hạnh phúc vẫn chỉ là một trạng thái nội tâm. Hạnh phúc là sự chuyển hóa tâm sân hận, tâm chấp thủ, là biết nhìn sự vật một cách trung thực, không có sự phê phán của vọng thức. Cứ miệt mài luyện tập lối suy tư đúng đắn như vậy thì ta sẽ thấy rằng hạnh phúc hay đau khổ chỉ là do tâm mình phản ứng với hoàn cảnh bên ngoài mà thôi.

Gần đây, trên mạng có câu chuyện mà người thuật lại nói là chuyện thật về một người quen làm bác sĩ thẩm mỹ rất thành công, rất giàu có. Ông bác sĩ bận rộn làm tiền ở ba nhà thương của ông mà không hề biết đến vợ và con sinh sống như thế nào. Ông cứ tưởng nhiều tiền là vợ con hạnh phúc. Rồi một ngày, ông nhận được giấy vợ đòi li dị mà chung hững. Càng ngạc nhiên hơn nữa là vợ ông chỉ xin được chia tay mà không cần chia của. Và càng khó hiểu hơn nữa là liền sau đó, bà vợ tái giá với một người bạn học cũ nghèo! Các bạn nào may mắn còn có người bạn đời bên cạnh nên nhớ tìm cơ hội để được cùng nhau “khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.” Đừng quá lo bon chen trong cuộc sống mà bỏ lỡ những dịp có thể cùng người thân chung hưởng những niềm vui bình dị mỗi ngày. Đừng để những tham lam, sân hận, ganh ghét, ích kỷ đầu độc tâm ta, biến chuỗi ngày đáng lẽ hạnh phúc của ta thành những ngày dài phiền não, chán chường. Xin tặng bạn đọc hai câu thơ của cố hòa thượng chùa Từ Đàm, Huế, Ôn Thiện Siêu, mà tôi vẫn tâm tâm niệm niệm mỗi ngày:

Một chút giận, hai chút tham, lặn đạn cả đời chi cũng khổ!

Trăm điều lành, ngàn điều nhịn, thong dong tác dạ rứa mà vui.



Nếu thực hành được như lời khuyên trên đây thì tâm ta luôn được yên vui. Một phương pháp nữa có thể đem đến niềm vui mà cũng dễ thực hành mà tôi mới được biết là lời khuyên

của Đại Sư Mathieu về cách tiêu tiền. Người đời thường nói tiền không mua được hạnh phúc - dĩ nhiên có nhiều trường hợp ngoại lệ - Đại Sư thì cho rằng tiền có thể mua được hạnh phúc nếu mình không tiêu cho mình (Money can buy happiness when you don't spend on yourself!) Tiền của cho đi có thể đem hạnh phúc cho người mà mình cũng được hưởng lây cái hạnh phúc đó. Thật chí lý quá! Ai mà chẳng thấy lòng hi hỏ khi mình có phương tiện giúp đỡ được người khác. Cứ tiêu tiền cho người, những người thật sự cần giúp đỡ, những người kém may mắn, mình sẽ thấy mình may mắn hơn, hạnh phúc hơn, một thứ hạnh phúc đơn sơ nhưng rất thật, rất dễ đạt. Chắc vợ chồng Bill Gates hạnh phúc mỗi ngày vì họ cho ra rất nhiều. Cho vì tình thương đồng loại, cho vì tấm lòng rộng rãi chứ không phải vì muốn có danh. Nhưng sự thật thì không cần có thật nhiều tiền mới có được thứ hạnh phúc này. Có ít cho ít, có nhiều cho nhiều, hạnh phúc vẫn như nhau miễn lòng mình chân thật muốn giúp đỡ.

Nói tóm lại, hạnh phúc do tâm tạo. Việc mình làm đem đến hạnh phúc cho mình mà không hại người, việc mình làm đem đến hạnh phúc cho người mà không hại mình đều đáng được ca ngợi. Có dịp giúp người qua cơn hoạn nạn thì bản thân cũng thấy mừng vui. Giúp người nhưng đừng chờ đợi người nhớ ơn mình vì lỡ họ không nhớ ơn thì mình lại phiền não! Tiền bạc có thể trực tiếp mua được thú vui (pleasure/happiness) cho mình, tiền bạc có thể trực tiếp mua được hạnh phúc cho người khác và gián tiếp đem lại hạnh phúc cho mình nữa cho nên có được nhiều tiền là một phước báu lớn. Nhưng nhiều khi chỉ cần một nụ cười, một lời nói dịu dàng, một ánh mắt quan tâm cũng đủ làm cho người khác hạnh phúc, đâu cần tiền bạc. Mà những thứ ấy thì ai cũng có, và có thể cho đi mỗi ngày. Và như thế, mỗi một ngày mới có thể là một ngày hạnh phúc. Có nhiều tiền hay không có nhiều tiền không phải là điều kiện cần và đủ để đem lại hạnh phúc cho mình và cho người.

Nguyễn Ngọc Hoàng Thị Quỳnh Hoa

Hoàng Thị Quỳnh Hoa



Sinh và lớn lên tại Huế

Đại Học Sư Phạm Anh Văn, Saigon, 1961

Cao học Anh Văn Hoa Kỳ, 1965

Cựu GS Trường Gia Long, Saigon

Đã xuất bản:

- Lá Trúc Che Ngang – Chuyện Tình Của Cô Tôi (2013)

- Chuối Ngày Hạnh Phúc (2020)

- Đức Phật – Bậc Gỡ Rối Tơ Lòng Tuyệt Vời (2024)

- Gió Mưa Là Bệnh Của Trời (2025)

Dịch & xuất bản:

- Tái Sinh ở Phương Tây (Reborn in the West, 2010)

- Biệt Nghiệp – Cộng Nghiệp (Mission to Millboro, 2011)

THỂ LỰC CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ

TS.LS. Lưu Nguyễn Đạt



Chúng ta sẽ hiểu rõ thể lực của Xã hội Dân Sự^[1] sau khi xác định xong hình thức tổ chức, vị trí đối chiếu và vai trò thực thi Dân Chủ của Xã Hội Dân Sự [XHDS] trong không gian và thời gian hiện đại.

Hình Thức Tổ Chức

XHDS là tổng hợp các chủ thể pháp nhân^[2] nhằm đáp ứng, tương trợ và bảo trợ quyền lợi, mục tiêu và phẩm giá tập thể của công dân, của dân chúng trong nước và trong cộng đồng thế giới, theo định hướng nhân bản tự quyết, tự duy.

Muốn hữu hiệu, XHDS cần tự nguyện đoàn ngũ hoá thành “Tổ chức XHDS”, dưới hình thức tổ chức bất vụ lợi,^[3] độc lập, hoặc tổ chức phi chính phủ,^[4] để hoạt động trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế, từ thiện, giáo dục, tôn giáo, nghề nghiệp, điều nghiên, văn học, nghệ thuật, các phong trào dân vận bảo trợ nhân quyền v.v.

Khi tự nguyện thành lập đúng theo khuôn khổ “tập thể mở rộng”, căn cứ vào thủ tục pháp định liên hệ, tổ chức XHDS có dịp công khai, minh bạch hoá mục tiêu và sứ mạng theo đuổi, với kết quả đóng góp thể lực và ảnh hưởng nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng.

Sinh hoạt hợp pháp của tổ chức XHDS cũng cho phép lượng giá chính thể hiện hữu là dân chủ cởi mở [a] nếu tôn trọng hoạt động chính thống của XHDS; [b] còn không sẽ phải coi là chuyên chế, phản dân chủ, khi cấm đoán, kìm kẹp, kiểm soát các tổ chức tập thể này.

XHDS phải được minh thị tôn trọng như một nhu cầu chính đáng của dân, do dân, vì dân. Mọi hình thức tổ chức XHDS khác đều có tính cách trá hình, lừa lọc, vừa phản động ngược chiều, vừa vô hiệu, phí phạm nhân lực, tài lực.

Nếu thiếu minh bạch, thiếu sinh lực tổ chức, thiếu sở trường và mục tiêu đúng đắn, mọi sinh hoạt tạm bợ, giả tạo, nhất là loại dàn dựng cơ sở man trá theo nhu cầu phiệt “Xã Hội Chủ nghĩa”, sẽ tức khắc phản nghịch, phản tác dụng, không thực sự giúp được bất cứ ai [a] người chủ trương ma thuật, [b] giới “thừa hưởng” bánh vẽ trên thiên đường lừng gạt, [c] lẫn phe đầu nậu đảng, tài, quân phiệt.

XHDS, vốn thuộc về văn hoá mở rộng của tập thể đại chúng tự duy, tự khởi, tự trọng, chỉ ích lợi nếu quy tụ chung quanh đời sống chân thực của công dân và con người làm chuẩn. XHDS về mặt căn bản pháp định hay theo tiêu chuẩn công lý phải là một tổ chức thiện nguyện, nhân bản, đạo đức, không tư lợi.

Vị Trí Đối Chiếu

Vậy XHDS nằm trong khu vực dân sự, lấy “sự việc” của “công dân” làm căn bản đo lường. Khu vực sinh hoạt của XHDS [a] khác với khu vực cá nhân, gia đình, [b] khác với khu vực tư lợi kinh tế thị trường, và [c] cũng khác với khu vực chính quyền.

[A] Khu vực XHDS khác với khu vực cá nhân, gia đình, nhóm đảng

Ở địa vị cá nhân, gia đình, bè nhóm, người dân hành động

- vì quyền lợi, mục tiêu riêng rẽ và chỉ gây dựng được những ảnh hưởng có lợi ích hạn hẹp cho cá nhân, gia đình, bè nhóm như sáng tạo một tác phẩm; sinh hoạt theo nội quy đảng;
- nhưng chưa hoạt động theo tiêu chuẩn “tập thể mở rộng” của XHDS độc lập, với sứ mạng của một hội nghiên cứu văn học, khoa học; một hiệp hội từ thiện; một tổ chức bảo vệ nhân quyền.

Nhưng nếu những cá nhân, tập thể gia đình lại đứng ra hô hào, đề xướng các chương trình từ thiện bảo trợ một mục tiêu, một sứ mạng bác ái, phụng sự xã hội, nghề nghiệp, văn hoá, giáo dục mở rộng, có ích lợi chung, không hạn hẹp, không trục lợi, thì cá nhân đó, gia đình đó có đủ tư cách sinh hoạt trong phạm vi của khu vực XHDS, miễn:

- giữ thế phân định minh bạch, không mập mờ lẫn lộn về sổ sách, ngân quỹ, quyền lợi giữa hai khu vực riêng tư [cá nhân, gia đình, bè nhóm] và hiệp hội;
- không biệt đãi, không kỳ thị. Đó là lý do tại sao các nhân vật [có liêm sỉ] phải từ chối một chức vụ quan trọng trong tổ chức XHDS, hay bất cứ một chức vụ công quyền nào khác, để tránh trường hợp mập mờ, tranh chấp quyền lợi [*conflict of interests*] có thể xảy ra.

Ngược lại, với tư cách đại nhiệm cơ sở XHDS, các quản trị viên, thành viên và người hỗ trợ hiệp hội sẽ được bù đắp, và nếu cần, được miễn trách, miễn hay giảm thuế, căn cứ vào mức độ tham gia, đóng góp, và tư cách công minh, không lạm quyền, lạm dụng của họ.

Kể từ những năm 1990, với sự hình thành của các Phong Trào Tân Xã Hội [*New Social Movements*] tại thế giới tự do, sinh hoạt XHDS đã đột phát mạnh để trở thành khối thế lực thứ ba [*third sector*][5] thực thi chiến lược xây dựng trật tự toàn cầu, trong một không gian nhân bản không ranh giới,

- thì sinh hoạt của XHDS đã chuyển hướng áp dụng những chương trình **thiện nguyện thuần xã hội**,
- trong khi **nhu cầu tranh đấu chính trị** còn lại được tụ tập thành **Xã Hội Chính Trị** [*Political Society*] của các hội đoàn tranh đấu về ý thức hệ, chống đối các tai ương cai trị chuyên chế, các bạo hành công lực, công quyền.

Riêng tại các quốc gia mà mực độ tự do công dân còn quá thấp, với cơ cấu công quyền chuyên chế còn lấn át quá mạnh, như tại Việt Nam ngày nay, thì **khía cạnh chính trị khó có thể tách ra khỏi mục tiêu sinh hoạt của các tổ chức XHDS**: vừa giúp đỡ xây dựng xã hội thiếu thốn về mặt vật chất, kinh tế, giáo dục, vừa bênh vực xã hội lâm nạn, bị ngược đãi tinh thần, mất tự do, mất phẩm giá con người, bị truất quyền công dân, mất quyền sở hữu.

[B] Khu vực XHDS khác với khu vực vụ tư lợi kinh tế thị trường. [6]

Trong khi các doanh nhân, các pháp nhân xí nghiệp, công ty thương mại đều sinh hoạt mong lấy lời [tư lợi] vì đầu tư vốn liếng, máy móc [cơ sở tư bản], [7] sáng kiến, thì các hiệp hội từ thiện, nghiệp đoàn, các tổ chức khuyến học, bảo tồn văn hoá, bảo vệ tự do nhân quyền v.v. lại là những pháp nhân thiện nguyện, bất vụ lợi, sinh hoạt với **mục đích cung cấp ích lợi chung** cho đại chúng qua những đơn vị nhận lợi ích theo nhu cầu hơn là theo khả năng.

Do đó, trong lãnh vực XHDS, căn bản trao đổi không tùy thuộc vào yếu tố cung cầu trên thị trường mà căn cứ:

- hoặc vào tình trạng khẩn trương và nỗ lực cứu độ nạn nhân, kẻ thất thế;
- hoặc vào lý tưởng bảo vệ tự do, phẩm giá con người;
- hoặc vào giá trị của tư tưởng sáng tạo, nhân bản cần bảo vệ, chu toàn, khai triển.

Vốn liếng của XHDS là “vốn xã hội” [*Social Capital*], vốn nhân bản, với sự đóng góp liên tục, trường kỳ về mặt nhân lực và kiến thức của người dân. Trong vị trí của XHDS, công dân

- vừa là “đối tác” trợ lực đầu tư sáng kiến và tâm thức,
- vừa là cứu cánh tập thể hưởng thụ phúc lợi, an sinh, quyền lợi và phẩm giá của mọi công dân, của con người nói chung trong cộng đồng toàn cầu.

Sinh hoạt bất vụ lợi cũng cần phương tiện cụ thể, tiền bạc, cơ sở sinh hoạt. Nhưng chỉ khác là những hạ tầng cơ sở tài lực và điều hành đó **không làm lợi cho thành viên các tổ chức hiệp hội**, mà phải được phân minh, để riêng thành các chương mục phục vụ công ích, theo tiêu chuẩn của nội quy [*By-laws*] và định nghĩa căn bản của XHDS:

- gây quỹ cứu trợ chẳng hạn, thì phải tìm cách thu xếp trao gửi tiền, tặng phẩm tới tay nạn nhân, tới thành phần cần cứu độ, trợ giúp;
- chứ không vì lợi ích riêng tư, hay biệt đãi bè nhóm;
- cũng không thể a tòng, dễ dãi với kẻ phạm pháp, với chính quyền địa phương bất chính, để gây ra tình trạng thất thoát, làm thiệt hại cho nạn nhân, cho dân chúng thực sự có nhu cầu.

Vậy sinh hoạt bất vụ lợi của một hiệp hội cần:

- **phân tách tiền tài thu nhập**, cần có ngân khoản rõ rệt, riêng biệt; có sổ sách chứng minh kế toán khả quan;

- để không “nhập nhằng” trở thành của cải riêng tư của các thành viên, quản trị viên.

Ngoài ra, nguồn tài lực do các chương trình gây quỹ và đóng góp của giới hảo tâm vẫn là yếu tố hỗ trợ quan trọng cho các sinh hoạt thuộc phạm vi XHDS. Có ngân quỹ mới có dịch vụ cộng đồng, mới có các dự án bảo vệ nhân phẩm, nhân quyền trong mọi sinh hoạt xã hội, nghề nghiệp; giúp đỡ từ thiện; cải tiến môi sinh; bảo vệ môi trường. Có tài chính mới có dự án nghiên cứu y tế cộng đồng, mới thực hiện được những chương trình sáng tạo văn nghệ, phát huy giáo dục v.v.

Nhưng cần nhất, mọi thủ tục tài chính, thu và chi phải được thực hiện theo đúng thủ tục, đúng tiêu chuẩn công bằng, minh bạch, không lạm quyền tư lợi, không a tòng tham nhũng.

Như đã nói trước đây, những xí nghiệp, cơ sở kinh doanh nếu đứng ra hô hào, đề xướng các chương trình từ thiện phụng sự xã hội, hay thi hành trách nhiệm đạo đức xí nghiệp^[8], thì các cơ sở kinh doanh liên hệ có đủ tư cách sinh hoạt theo tiêu chuẩn XHDS, miễn các chương trình “đặc nhiệm” này:

- giữ thế phân định minh bạch, không mập mờ lẫn lộn về sổ sách, ngân quỹ, quyền lợi giữa hai khu vực kinh doanh tư lợi và hiệp hội bất vụ lợi;
- không biệt đãi, không kỳ thị.

[C] Khu vực XHDS khác với khu vực công quyền [chính quyền, chính phủ, nhà nước].^[9] vì như tại Hoa Kỳ, XHDS xây dựng căn bản dân quyền trên năm trụ lực:

1. tự do tư tưởng, tôn giáo;
2. tự do ngôn luận, chính kiến;
3. tự do báo chí, thông tin;
4. tự do hội họp, tổ chức đoàn ngũ tập thể;
5. tự do phê phán công quyền.

Thật vậy, căn cứ vào Tu chính Thứ Nhất ^[10] của Hiến Pháp Hoa Kỳ,^[11] nhà Lập Pháp không được biệt đãi một tôn giáo, lẫn cấm đoán tự do tín ngưỡng liên hệ; không được cản trở quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; quyền hội họp ôn hoà và thỉnh cầu chính quyền sửa sai.^[12] Rõ rệt, XHDS giữ thế đứng hiến định của “khối lực thứ ba” trong việc xây dựng & bảo trì nền tảng dân chủ tại Hoa Kỳ.

Việc đăng ký một tổ chức bất vụ lợi, với tư cách pháp nhân độc lập, rất thông thường trên thế giới tự do. Luật lệ Hoa Kỳ tại các Tiểu Bang liên hệ tới trụ sở khai báo của tổ chức đều ấn định một số quy tắc tổ chức dưới hình thức kê khai lập hội [*articles of incorporation*], ghi rõ hội danh, mục đích, trụ sở, người đứng khai, thành phần sáng lập viên hay hội đồng quản trị. Sau khi có giấy chứng nhận lập hội, việc đầu tiên cần thi hành là xin số khai báo của Hội với Cơ Quan Thuế Vụ IRS [*EIN: Employer Identification Number*] để mở chương mục riêng cho Hội, và sau vài năm sinh hoạt, xin miễn-giảm Thuế Liên Bang dưới quan hệ pháp lý 501(C)(3) và kế tiếp, dành cho các hiệp hội, tổ chức bất vụ lợi có mục tiêu tôn giáo, giáo dục, từ thiện v.v.

Có lẽ sau mục tiêu “tôn giáo”, mục tiêu “từ thiện” được hưởng ứng nhiều nhất trên mọi địa bàn, quốc nội & quốc ngoại, trong thế giới tự do. Hoa Kỳ đòi hỏi các hiệp hội, kể cả các hiệp quỹ tư [*private foundation*], như *Rockefeller Foundation* và *Bill & Melinda Gates*

Foundation, khi sử dụng danh nghĩa “từ thiện” phải có sứ mạng đích thực phục vụ “công ích chung” [*public interests*],[\[13\]](#) nghĩa là phải cung cấp ích lợi cho tập thể mở rộng, cho dân chúng trong nước và trên toàn cầu, chứ không dành cho tư nhân, gia đình, bè nhóm.

Riêng Anh Quốc, căn cứ vào Đạo Luật Từ Thiện 2006,[\[14\]](#) ấn định quy chế/mục tiêu từ thiện một cách rất bao quát, gồm có:

1. đề phòng và giải trừ nghèo khổ
2. phát huy giáo dục
3. phát huy tôn giáo
4. phát huy y tế công cộng & giải pháp cứu sống người
5. phát huy cộng đồng công dân
6. phát huy nghệ thuật, văn hoá, truyền thống, khoa học
7. phát huy thể thao không chuyên nghiệp
8. phát huy nhân quyền, tôn giáo qua đường lối hoà giải chủng tộc, bình quyền và đa dạng hoá
9. cải tiến & bảo vệ môi trường
10. cứu độ nạn nhân có nhu cầu cấp cứu vì tuổi thơ ấu, bệnh tật, tàn phế, nghèo túng, thất thế về các mặt xã hội khác.
11. phát huy bảo vệ súc vật v.v.



CẦN GHI RÕ:

Tất cả các tổ chức bất vụ lợi và hiệp quỹ tư trên đều có tính cách XHDS: của dân, do dân, phục vụ dân. Các thành viên, từ sáng lập viên, hội viên, ban quản trị đều là dân trăm phần trăm. Họ lập hội vì nghĩa cử, vì trách nhiệm công dân, vì quyền lợi tập thể, vì phẩm giá con người, trong nước và toàn cầu.

Các hiệp hội này sống nhờ những đóng góp thiện nguyện; gây quỹ; tặng đỡ cá nhân, hội đoàn, pháp nhân kinh doanh, công ty thương mại có chương mục từ thiện. Họ đóng góp tới đâu sẽ được giảm thuế tương xứng tới đó. Đó là cách thức trực tiếp hay gián tiếp tham dự vào sinh hoạt hiệp hội và từ thiện quảng đại. Chúng ta đã thấy nhà hảo tâm tỷ phú Warren Buffett đã trao tặng 31 tỷ Mỹ Kim cho Quỹ Bill & Melinda Gates Foundation để

cùng làm việc nghĩa. Dù có nhận tiền đóng góp trên, các hiệp hội vẫn toàn quyền hành động theo đường lối của hội, căn cứ vào mục đích và sứ mạng đảm nhận. Họ không hề bị bất cứ thế lực nào kìm kẹp, ngoài việc phải thi hành sứ mạng từ thiện theo đúng tiêu chuẩn hiệp hội, một cách công minh, hợp lệ, hợp luân lý căn bản.

Chế độ cộng sản, kể cả cái gọi là “nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [NCHXHCNVN], đã nhập nhằng bày đặt một số tổ chức tập đoàn, cũng dâng cao danh nghĩa dân chủ trá hình, với khẩu hiệu “sao chép lậu” — nên rất nhiều hà tì, sai quấy, kiểu “nói-như-vẹt” hay “nói-như-vẹt”, thành vô nghĩa: *của dân, do dân, vì dân* [sic]. Đó là hiện tượng quái dị của các “tập đoàn dân sự” [sic] lấy tên là “Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam” [MTTQVN] từ cấp thành phố, tỉnh, tới cấp huyện, và các “Câu Lạc Bộ” đủ thứ [liên minh, liên kết với MTTQVN], đều được thành lập bởi đảng viên cộng sản hoặc chuẩn-đảng viên-khăn-quàng-đỏ.

Tất cả các tổ chức này **chỉ phục vụ cho một thiểu số thống trị** ước lượng gần 3,1 triệu đảng viên, chiếm 3,73% dân số cả nước.[\[15\]](#) Trên giấy trắng mực đen, họ đã xác nhận các tổ chức này chỉ là loại trá hình “dân sự”, mà đáng lẽ phải trắng trợn gọi là tổ chức “đảng sự”, thực tế “của đảng ta, do đảng ta, vì đảng ta”. Cái hiện tượng này rất dễ hiểu, khi họ ghi nhận rõ ràng qua Điều 4 của Hiến pháp Việt Nam (1992, sửa đổi):

“Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.”

Đó là lý do tại sao có nhà biên khảo theo “xã hội chủ nghĩa” lại nhận định rằng:

“XHDS ở VN cơ bản không mang tính đối kháng trong nó và với nhà nước. Tính đồng thuận và đoàn kết xã hội của XHDS khá cao, nhưng các tổ chức hoạt động còn phân tán, tính pháp lý chưa đủ và cần thiết”.[\[16\]](#)

Vậy, cái sắc thái “...không mang tính đối kháng trong nó và với nhà nước...đồng thuận và đoàn kết...” của các tổ chức này là do thế kẹt “chỉ đâu ăn nấy” hoặc “chỉ đâu đánh nấy”, theo chiều dọc của “Đảng ta”, từ đỉnh cao rớt xuống, chỉ là hình thức Xã Hội Dân Sự giả.[\[17\]](#)

Do đó, chúng tôi đề nghị với quý biên khảo gia kể từ nay nên gạt bỏ thuật ngữ Xã Hội Dân Sự [XHDS] đối với các “hội ma” này tại Việt Nam, mà nên đặt các tổ chức đó vào thực trạng của nó, mà chúng tôi mạn phép tạo một thuật ngữ mới là “**Xã Hội Đảng Sự**” [XHDS], dịch ra tiếng Anh-Mỹ là “*Nomenklatura Society*”,[\[18\]](#) cho thuận lý, thuận cảnh, vừa “logic”[sic]/thuần lý, vừa hợp thời trang, hợp đảng, hợp cán, vì XHDS đó, từ mấy chục năm nay chỉ là loại Xã Hội điều đóm, nhem nhuốc, dần dà lột xác thành Xã Hội Mafia đồ ăn chia, ăn đủ hàng họ, đất đai, vàng bạc, rác rưởi. Không đảng viên nào dám chê. Nhất chí![sic]

Vai Trò Thực Thi Dân Chủ

Trên thực tế, các nhà cầm quyền cộng sản rất e ngại sự hình thành thực sự, đúng nghĩa của XHDS, vì coi “khối thế lực thứ ba” — độc lập, tự chủ, tự quyết — này dễ gây trở ngại cho chính sách công quyền một chiều, độc đoán, toàn trị của họ.

Ngày hôm nay, những ai có lương tri và lương tâm đều công nhận rằng XHDS, với “Vốn Xã Hội” [*Social Capital*] và đặc tính văn hoá tân xã hội, đã

- một mặt tạo dựng sức mạnh liên đới phát huy và bảo trọng nền dân chủ chân chính,
- mặt khác tiếp tục tìm phương thức giảm thiểu xung đột, va chạm, mâu thuẫn, đối kháng trong xã hội.

Cái ưu điểm của XHDS là tính cách năng động của các tổ chức dân sự tự nguyện trong việc

- ảnh hưởng, định hướng chính sách đối nội và đối ngoại;
- thay đổi, phát huy đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá giáo dục;
- tăng cường mức độ an ninh trong nước và ngoài nước.

Hoa Kỳ đã chứng minh sự liên hệ kết sinh mật thiết giữa năng độ đa nguyên và đa dạng của XHDS với sự bảo trọng và phát huy của nền dân chủ hữu hiệu. Đó là sự nảy mầm dân chủ từ hạ tầng cơ sở [XHDS, từ ý dân, sáng kiến, yêu sách, đòi hỏi, khuyến cáo] lên tới thượng tầng cơ sở của hệ thống chính quyền [Nhà lập pháp, hành pháp, tư pháp] có trách nhiệm đối với dân, đối với đất nước.

Vai trò của XHDS nhấn mạnh vào việc phát huy và bảo trọng dân chủ bằng cách:

[a] thực thi giá trị của dân chủ đa nguyên, đa dạng;

[b] hội nhập bằng hoà giải giữa nhiều khía cạnh của một vấn đề, vì công ích và quyền lợi chung;

[c] bắc cầu giữa nhiều khối, nhóm, quyền lợi riêng rẽ, bằng cách nói rộng các vị thế tranh chấp, để cùng xây dựng một giải pháp ôn hoà khả chấp, khả thi chung;[\[19\]](#)

[d] giảm bớt mức độ quá khích của hành động và dùng lương tri để chuẩn định theo nhu cầu, quyền lợi và vị thế của dân;

[e] sử dụng tối đa các phương thức và kinh nghiệm sẵn có trong nước và trên toàn cầu về đường lối và kỹ thuật tranh đấu xây dựng dân chủ, kiến tạo hoà bình;

[f] liên kết với những thế lực song hành, cùng sứ mạng, cùng mục tiêu, mà cứu cánh là dân, là nhân loại;

[g] gây vốn xã hội bằng giải pháp hài hoà, công minh, công bằng;

[h] gây vốn điều hành và tạo niềm tin về mặt kỹ thuật của từng dự án xây dựng dân chủ.

Những thập nguyên gần đây, theo gương thế giới tự do, một số quốc gia đã vươn lên từ truyền thống chuyên chế. Năm 1998, Indonesia đã thoát khỏi tai ách độc tài của Suharto, sau khi ông ta bị dồn vào thế phải từ chức và bị truy tố về tội tham nhũng, với số tài sản phi pháp ước lượng trên dưới 30 tỷ Mỹ Kim. Ngày hôm nay, Indonesia hưởng một chế độ cởi mở hơn, nhờ có tác động của các cơ sở XHDS, mỗi lúc mỗi phát khởi và liên kết chặt chẽ.

Nhờ có sự phát động của nhiều cơ sở XHDS tại Ethiopia, Quốc Hội trở thành đa nguyên, nên đã chuyển hướng, đòi hỏi chính phủ Mặt Trận Cách Mạnh Ethiopia [*Ethiopian People's Revolutionary Front*] phải chấm dứt kiểm duyệt báo chí và bắt bớ nhà báo ủng hộ sinh hoạt của XHDS trong nước. Đó cũng là thành quả của hành động dân chủ hoá, qua hiện tượng đôn đốc thay đổi từ dưới lên,[\[20\]](#) từ lòng dân khởi nghĩa.

Trong cùng giai đoạn từ 1998 tới 2004, chúng ta cũng đã chứng kiến vai trò năng động của XHDS tại Georgia, Ukraine, Slovakia, Croatia, Serbia trong việc thực hiện những cuộc bầu cử tự do đưa tới hiện tượng dân chủ mỗi lúc mỗi sáng tỏ tại những xứ sở này.

Và sau những cuộc bầu cử trên, XHDS vẫn phải tiếp tay với chính quyền để đa trạng hoá sự tham dự của công dân có sáng kiến xây dựng vào guồng máy quản trị đất nước chung. Vận động thường xuyên “giữa những cuộc bầu cử” mới thực sự đo lường năng lực tất yếu của XHDS tại bất cứ chính thể nào muốn tham dự cuộc hành trình đưa tới tự do dân chủ, thịnh vượng, an sinh.

Ngay tại các quốc gia mà chế độ chuyên chế còn tồn tại dưới hình thức “dân-chủ-tiêu-cực/vô-hiệu”,^[21] “dân chủ kìm kẹp”,^[22] hay “dân-chủ-không-tự do”^[23] như tại Việt Nam, XHDS chân chính vẫn là giải pháp cần thiết đưa tới công thức dân chủ hoá, đem lại thịnh vượng và an ninh cho xứ sở, cho toàn vùng lân cận. Vì dân chủ chỉ có thể thực hiện toàn vẹn khi mọc mầm từ tự do, từ sáng kiến và nghị lực toàn dân làm nền tảng, vốn liếng.

Nhưng mượn vốn [xã hội] thì phải trả lại cho sòng phẳng, cho cân đối, cả vốn lẫn lời.

Nếu ngoan cố đòi tất cả “của” dân mà không hành động cho dân, vì dân... là thứ chính sách ăn quýt, ăn không, ắt không lâu bền, cũng có lúc mất cả vốn [ăn cướp] lẫn liếng [ăn có], “mất cả chì lẫn chài”, để cùng sụp đổ theo đà phá sản tập thể, từ đảng tới cán.

Hãy sớm cảnh tỉnh trả lại chính nghĩa dân chủ trong không gian xã hội dân sự trên mảnh đất Việt Nam. Xin đừng để quá muộn. Vì khi tới đường cùng, bất kham, toàn dân như dòng nước lũ sẽ phá đê, xô đập, thì không biết giới lãnh tụ bạo quyền CSVN có kịp thời bỏ thế, bỏ của chạy thoát thân?

Lưu Nguyễn Đạt, PhD.LLB/JD, LLM

Michigan State University, Howard Law School

GHI CHÚ

[1] Civil Society

[2] Entity [entities]: (1) being or existence, esp. when considered as distinct, independent, or self-contained: He conceived of society as composed of particular entities requiring special treatment. (2) Something that exists as a particular and discrete unit: Persons and corporations are equivalent entities under the law

[3] NPO [Non-Profit-Organizations]/NFPO [4] NGO [Non-governmental organizations]

[5] Voluntary or non-profit sector of an economy; EX.: ”intermediary space between business and government where private energy can be deployed for public good.” Also called tertiary sector

[6] Economical Market

[7] Investment capital

[8] Corporate social responsibility (CSR, also called corporate conscience, corporate citizenship, social performance, or sustainable responsible business/ Responsible Business)

[9] State

[10] Amendment I, (1791)

[11] Hiến Pháp Hoa Kỳ [1787]

[12] «Congress shall make no law respecting an establishment of religion, or prohibiting the free exercise thereof; or abridging the freedom of speech, or of the press; or the right of the people peaceably to assemble, and to petition the Government for a redress of grievances.» [Amendment I, (1791)].

[13] Public interests. “IRS document P557”. <http://www.irs.gov/pub/irs-pdf/p557.pdf>. Retrieved 2008-08-27.

[14] The Charities Act 2006 provides the following list of charitable purposes:

- 1.the prevention or relief of poverty
- 2.the advancement of education
- 3.the advancement of religion
- 4.the advancement of health or the saving of lives
- 5.the advancement of citizenship or community development
- 6.the advancement of the arts, culture, heritage or science
- 7.the advancement of amateur sport
- 8.the advancement of human rights, conflict resolution or reconciliation or the promotion of religious or racial harmony or equality and diversity
- 9.the advancement of environmental protection or improvement
- 10.the relief of those in need, by reason of youth, age, ill-health, disability, financial hardship or other disadvantage
- 11.the advancement of animal welfare
- 12.the promotion of the efficiency of the armed forces of the Crown or of the police, fire and rescue services or ambulance services
- 13.other purposes currently recognised as charitable and any new charitable purposes which are similar to another charitable purpose.

[15] Đảng Cộng sản Việt Nam, Wikipedia

[16] Ts. Hồ Bá Thâm – Viện Nghiên Cứu Phát Triển Tp. Hcm, *Xã Hội Dân Sự, Tính Đặc Thù Và Vấn Đề ở Việt Nam*

[17] Hình thức Xã Hội Dân Sự giả tạo ấy chính là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cái ô-du bán-chính-quyền, bao gồm trên 30 tổ chức

[18] The nomenklatura (Russian: номенклатура, Russian pronunciation: [nəmɨˈnklɐˈturə], Latin: nomenclatura) were a category of people within the Soviet Union and other Eastern Bloc countries who held various key administrative positions in all spheres of those countries’ activity: government, industry, agriculture, education, etc., whose positions were granted only with approval by the communist party of each country or region. Virtually all were members of the Communist Party.

[19] build consensus and strengthen the moderate middle ground

[20] “making change from the bottom up”

[21] “feckless democracy”

[22] “control democracy”

[23] “illiberal democracy”

Lưu Nguyễn Đạt, MA, PhD, LLB/JD, LLM

- Cao Học Giáo Khoa, Tiến Sĩ Văn Chương, French Language & Literature [MA & PhD, Michigan State University, MI, USA]; Cao Học, Hậu Tiến sĩ Luật [LLM, MCL, Howard Law school]

- Chủ nhiệm sáng lập/Chủ bút các tập san Cỏ Thơm (1996-2003), Tư Tưởng Việt (2003); Diễn Đàn Việt Thức (2010 tới nay).

VIỆC TỈNH GIẢN CHÍNH PHỦ - CẢI TỔ HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM

TS Mai Thanh Truyết

Việt Nam đang bước vào một giai đoạn “chuyển mình” do chính sách “lại đổi mới” của TBT CS Tô Lâm đứng trước những yêu cầu và thách thức đổi mới về thể chế, về hiệu quả quản trị, và về lòng tin xã hội đang ngày càng trở nên cấp bách. Trong bối cảnh đó, câu chuyện tỉnh giản chính phủ, hay nói cụ thể hơn, là cải tổ bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật hành chính, mà còn là một chọn lựa mang tính sinh tử quyền lực cá nhân trong chiến lược phát triển quốc gia.

Cũng cần nên nhớ rằng, trước kia, sau khi thống nhất đất nước năm 1975, Việt Nam từ 72 (miền Nam 44 tỉnh, Bắc 28 tỉnh) tỉnh thành được giảm còn 38 do việc sáp nhập vào năm 1976, sau đó tăng lên 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2008 và duy trì đến nay.

Ở miền Bắc, tỉnh Cao Bằng sáp nhập với Lạng Sơn thành Cao Lạng. Tuyên Quang sáp nhập với Hà Giang thành Hà Tuyên. Hòa Bình sáp nhập với Hà Tây thành Hà Sơn Bình. Nam Hà sáp nhập với Ninh Bình thành Hà Nam Ninh. Ba tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Nghĩa Lộ sáp nhập thành Hoàng Liên Sơn. Ngoài ra, miền Bắc còn có tỉnh Bắc Thái, Hà Bắc, Hải Hưng, Lai Châu, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Vĩnh Phú và hai thành phố trực thuộc Trung ương Hà Nội, Hải Phòng.

Ở miền Trung, tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh sáp nhập thành Nghệ Tĩnh. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và khu vực Vĩnh Linh sáp nhập thành tỉnh Bình Trị Thiên. Hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín và TP Đà Nẵng sáp nhập thành Quảng Nam - Đà Nẵng. Quảng Ngãi sáp nhập với Bình Định thành Nghĩa Bình. Phú Yên và Khánh Hòa sáp nhập thành Phú Khánh. Ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy sáp nhập thành Thuận Hải.

Theo TBT CS Tô Lâm, dự kiến tổ chức lại bộ máy tổ chức hành chính 3 cấp gồm: cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố và cấp xã, phường. Theo dự kiến, tính toán ban đầu sẽ có khoảng 34 tỉnh, thành phố trên cơ sở sắp xếp lại 63 tỉnh, thành phố hiện nay; không tổ chức hoạt động hành chính cấp huyện; và tổ chức khoảng 5.000 đơn vị hành chính cấp xã, phường. Cơ cấu tổ chức này hướng đến mục tiêu chính quyền, cán bộ gần dân hơn, sát dân hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn.

Và theo [Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025](#), toàn cõi VN bắt đầu từ 1/7/2025, 63 tỉnh sẽ chỉ còn 34 tỉnh thành mà thôi và mỗi tỉnh cần hội đủ 3 chỉ tiêu: ba tiêu chí diện tích, dân số, số đơn vị hành chính cấp huyện.

1- Bộ máy hành chính phình to – Hệ quả của mô hình quản trị cũ

Sau nửa thế kỷ thống nhất đất nước, bộ máy hành chính Việt Nam đã phát triển theo chiều rộng nhiều hơn chiều sâu. Các cơ quan từ Trung ương đến địa phương đều tăng trưởng về quy mô, về số lượng cán bộ công chức, nhưng lại thiếu cơ chế giám sát, phân quyền và nhiệm vụ không rõ ràng. Kết quả là:

Sự chồng chéo và trùng lặp bốn phần và trách nhiệm giữa các bộ, ngành, địa phương.

Cơ chế “xin - cho” từ cấp thôn xã, quận huyện, tỉnh thành, và trung ương dẫn tới tình trạng trì trệ, quan liêu, và tham nhũng móc ngoặc.

Từ đó, gánh nặng ngân sách nhà nước ngày càng lớn, trong khi hiệu quả phục vụ nhân dân còn rất hạn chế, đôi khi đi ngược lại nhu cầu của người dân.

Trong khi đó, thế giới đang tiến vào kỷ nguyên chính phủ số, nơi mà sự linh hoạt, thời gian tính, hiệu quả và minh bạch được coi là tiêu chuẩn của một nhà nước hiện đại.

2- Tinh giản - Khái niệm và nhu cầu hiện tại

Tinh giản chính phủ không có nghĩa là "giảm bớt người cho gọn", mà là xây dựng một bộ máy hành chính hoạt động hữu hiệu hơn với cùng hoặc ít hơn nguồn nhân lực và tài lực, nhằm loại bỏ sự chồng chéo và trùng lặp về quản lý. Việc tái cấu trúc trên để phù hợp với bối cảnh mới của quốc gia trong cuộc vận hành hòa đồng cùng thế giới.

Nghị quyết 39-NQ/TW năm 2015 và Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII là những bước đi đầu tiên nhằm thực hiện mục tiêu này. Tuy nhiên, các kết quả còn khiêm tốn, và nhiều nơi thực hiện còn mang tính hình thức.

3- Ba điều kiện cốt lõi để tinh giản hành chính: diện tích, dân số, số đơn vị hành chính cấp huyện

Cần cải cách thể chế song hành cần một bộ máy nhỏ gọn chỉ thực sự hiệu quả khi được vận hành trong một hệ thống có cơ chế kiểm soát quyền lực rõ ràng. Nếu không, “ít người nhưng quyền lực lớn” lại càng dễ sinh lạm quyền.

Cần ứng dụng công nghệ và chính phủ theo kỹ thuật số: Nơi nào có dữ liệu minh bạch, nơi đó ít cần đến trung gian. Ngoài ra, chính phủ không chỉ áp dụng kỹ thuật số hóa, mà là cần phải thay đổi hoàn toàn cung cách phục vụ công dân.

Đổi mới nhân sự tức là đặt con người đúng vị trí, do đó, cần một cuộc cách mạng về nhân sự, không chỉ giảm số lượng mà còn cần phải nâng cao phẩm chất, trao

quyền cho người đúng chỗ, và buộc người yếu kém phải rời khỏi hệ thống quản lý nhứt là trong lãnh vực chuyên môn.

4- Những căn ngại chính yếu

- Lực cản từ chính trong hệ thống: Nhiều người có quyền lợi, quyền lực nằm trong các nhóm lợi ích không muốn thay đổi, cùng tâm lý “sợ mất ghế”, nên nhiều nơi sáp nhập chỉ mang tính hình thức.

- Phẩm chất nhân sự chưa đồng đều, thiếu minh bạch và cơ chế giám sát độc lập, khiến việc tinh giản dễ bị “ngụy tạo”.

- Việc tinh giản nếu không gắn liền với cải cách thể chế (như tam quyền phân lập, dân chủ hóa) thì chỉ là vẽ rồng vẽ rắn chứ không thể là cải tổ có hệ thống và khoa học được.

- Một bộ máy nhỏ mà vận hành hiệu quả thì vẫn cần xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực, tránh “quyền ít mà tham nhũng vẫn cao”.

- Cần chú trọng tinh giản theo phẩm chất chứ không theo số lượng.

Chúng ta từng biết, bất cứ một cải cách nào cũng gặp sức trì, tính ù lì của những người bảo thủ, không theo kịp với trào lưu mới. Đây là một lực cản rất lớn nằm trong guồng máy quản lý của CSBV hiện tại. Sau 50 năm quản lý đất nước với cung cách quan liêu, bảo thủ, vẫn còn rất rất nhiều cán bộ cộng sản vẫn còn mang trong đầu lợi ích cục bộ bên trong bộ máy, tâm lý "ngại va chạm", "sợ mất ghế", thiếu minh bạch trong tuyển chọn và bổ nhiệm nhân sự mới, không có cơ chế phản biện độc lập, khiến việc cải cách bị bó hẹp trong nội bộ đảng và chính quyền, hoàn toàn không có sự quan sát, góp ý, hay tham dự của người dân.

Vì vậy, việc tinh giản chính phủ là một yêu cầu của người dân và sự tham dự của người dân nhằm đóng góp ý kiến vào việc đề cử, giám sát là điều kiện tiên quyết trong những quyết định về việc phân bổ cán bộ. Hơn ai hết, người dân là những người cảm nhận rõ rệt nhất sự ì ạch, phiền hà, và thiếu minh bạch của bộ máy hành chính. Cải cách không thể là “chỉ thị từ trên xuống”.

Mà là:

- Sự giám sát mạnh mẽ từ xã hội dân sự;

- Vai trò độc lập và phản biện của báo chí;

- Quyền tham gia của người dân trong việc đánh giá hiệu quả chính quyền địa phương. Tinh giản chính phủ không thể thành công nếu thiếu tự do ngôn luận, tự do báo chí, và một xã hội có khả năng nói “không” với bất công.

Trong hiện tình nội bộ quyền lực của CSBV hiện nay, quả thật, “đảng ta” sẽ rất khó thực hiện ba điều kiện kể trên nếu không nói là ... không thể thực hiện! Vì sự phân cực, tranh dành quyền lực của các nhóm lợi ích vẫn còn quá gay gắt.

Tóm lại, tinh giản chính phủ không đơn thuần là chiến lược kỹ thuật hành chính. Đó là cuộc cách mạng tư duy trong quản trị quốc gia. Người dân không cần một nhà nước làm thay dân, mà cần một nhà nước phục vụ dân, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, ít người nhưng chính trực, có chuyên môn, có ý thức phục vụ cao và nhận thức là công bộc của người dân, nhứt là không ai đứng ngoài và đứng trên pháp luật hay đứng ngoài sự giám sát của người dân.

Việt Nam chỉ có thể bước vào thế kỷ XXI với tư thế đảng hoàng khi bộ máy quản trị quốc gia thực sự trở thành một nền hành chính phục vụ, chứ không phải là một hệ thống cai trị.

5- Danh sách 34 tỉnh thành mới

Ngày 12.6, Quốc hội chính thức thông qua Nghị quyết của Quốc hội, [Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025](#) về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025, theo đó, từ hôm nay (12.6), cả nước có 34 đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp tỉnh, gồm 06 thành phố trực thuộc trung ương và 28 tỉnh. Trong đó, có 23 ĐVHC hình thành mới sau sắp xếp

Sau khi Nghị quyết được thông qua, các địa phương triển khai công tác bàn giao, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, bảo đảm để chính quyền địa phương ở các ĐVHC hình thành sau sắp xếp có thể sớm chính thức bắt đầu hoạt động theo kế hoạch chung của Trung ương (có thể là từ ngày 1.7.2025).

6- Một số “không hợp lý” trong vấn đề tinh giản

Khi Việt Nam tiến hành tinh giản và sáp nhập các tỉnh, giảm còn 34 tỉnh/thành, có thể mang lại một số lợi ích như giảm chi phí hành chính, tăng hiệu quả quản lý, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều bất cập và thách thức nghiêm trọng. Dưới đây là các nhóm bất cập chính:

Về hành chính, quản trị: Việc sáp nhập gây ra ở một số tỉnh bị quá tải cho bộ máy quản lý cấp tỉnh mới vì một tỉnh sau sáp nhập sẽ quản lý một vùng rộng lớn hơn, dân số đông hơn, dẫn đến áp lực cho lãnh đạo tỉnh và bộ máy hành chính. Từ đó có nguy cơ dẫn đến quan liêu, xa dân, nhất là ở vùng sâu vùng xa.

Có thể có xung đột về nhân sự và ghé quyền lực: Vấn đề “ai giữ ghế” giữa lãnh đạo cũ của các tỉnh sáp nhập sẽ dễ gây ra đấu đá nội bộ, mất đoàn kết. Việc giảm số tỉnh cũng đồng nghĩa với việc nhiều cán bộ sẽ mất chức, có thể gây bất ổn trong hệ thống chính trị, nếu không thu xếp khéo léo.

Về kinh tế, đầu tư, và ngân sách, sẽ có sự bất cân đối ngân sách giữa các vùng. Vì khi sáp nhập, một tỉnh phát triển sẽ “gánh” thêm vùng chậm phát triển, nghèo hơn, dẫn đến nguy cơ mất cân đối tài chính và tạo ra sự trì trệ chung. Từ đó, các tỉnh có thế mạnh riêng như du lịch, nông nghiệp, công nghiệp dễ bị hòa lẫn, không tập trung phát triển vào điểm mạnh của tỉnh.

BẢN ĐỒ 34 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH VIỆT NAM



ĐỒ HỒNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
Thành lập tháng 5 năm 2023

TỶ LỆ 1: 3.200.000

Bản đồ được thành lập theo tài liệu:
- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1: 1.000.000 năm 2021
- Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh do Bộ Nội vụ công bố

Tái cấu trúc đầu tư sẽ gặp khó khăn vì sự phân bố địa dư, lịch sử, văn hóa, thổ nhưỡng ...không đồng đều hay khác biệt, từ đó, các kế hoạch phát triển đã được xây dựng trước khi sáp nhập có thể không còn phù hợp, gây lãng phí hoặc đình trệ.

Về văn hóa, xã hội, chắc chắn là có mâu thuẫn về bản sắc vùng miền. Vì mỗi tỉnh có đặc điểm văn hóa, lịch sử, bản sắc riêng; khi sáp nhập dễ gây cảm giác mất mát, bất mãn, hoặc phản ứng xã hội, như là ở các địa phương có lịch sử hình thành lâu đời hoặc có yếu tố nguồn gốc, dân tộc, hay tôn giáo nhạy cảm.

Về quản lý giáo dục, y tế, an sinh, việc tổ chức lại mạng lưới trường học, bệnh viện, trung tâm hành chính theo cơ cấu của một tỉnh mới sẽ gặp xáo trộn lớn. Người dân vùng xa trung tâm hành chính tỉnh mới sẽ gặp khó tiếp cận trong các dịch vụ công.

Về pháp lý và thể chế, cần phải sửa đổi hàng trăm văn bản pháp quy, tiêu tốn rất nhiều thời gian để thích ứng với điều kiện từng tỉnh mới sáp nhập như việc thay đổi ranh giới hành chính đòi hỏi điều chỉnh nhiều luật, nghị định, quy hoạch liên quan đến tên gọi, địa giới, thẩm quyền, hoặc các văn bản như giấy tờ tùy thân, đất đai, doanh nghiệp... phải cập nhật lại, gây tốn kém và phiền hà. Chắc chắn nhân sự hành chính trong giai đoạn chuyển tiếp sẽ không đủ nhân số và đủ chuyên môn để gánh vác các chuyên trên.

Và, có lẽ, quan trọng hơn cả là tâm lý phản đối và mất lòng tin của người dân. Nếu nhà cầm quyền không tham vấn dân chúng và triển khai minh bạch, quyết định sáp nhập và tinh giản có thể bị xem là áp đặt từ trung ương, từ Bộ chính trị. Điều này, dễ dẫn đến tâm lý “vùng bị sáp nhập là yếu thế”, từ đó hình thành tâm lý thiệt thòi gây ra bất mãn địa phương và vùng miền.

Thí dụ điển hình:

Việc sáp nhập Hà Tây và Hà Nội năm 2008, tuy thành công một phần, nhưng vẫn để lại hệ quả là bộ máy hành chính công kênh, người dân ngoại thành cảm thấy bị bỏ rơi.

Tây Nguyên hoặc Miền núi phía Bắc, nếu sáp nhập không khéo có thể gây mất ổn định vì người dân sống nơi đây có nhiều nguồn gốc khác nhau.

Tỉnh sáp nhập Lâm Đồng gồm Đắc Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận có các nguồn địa chất, địa lý, điểm mạnh về phát triển khác nhau, như là nguồn gốc dân tộc dị biệt từ đó văn minh văn hóa không thuần nhất... làm sao có sự hài hòa trong sinh hoạt và hành chính được?

Tp HCM gồm Tp HCM cũ, Bình dương, Bà Rịa. và Vũng Tàu hoàn toàn không có ranh giới địa dư chung, công việc quản lý hành chính sẽ làm mất thời giờ của người dân có nhu cầu...

Tóm lại, việc tinh giản còn 34 tỉnh thành là một ý tưởng táo bạo và có thể mang lại hiệu quả, nếu được nghiên cứu, thử nghiệm và chuẩn bị kỹ lưỡng. Tuy nhiên, cần phải có lộ trình cụ thể, minh bạch, tham vấn ý kiến người dân, giải quyết tương tận

vấn đề nhân sự và bản sắc địa phương, và cần tránh để không trở thành một bước đi làm gia tăng khoảng cách giữa người dân và nhà cầm quyền.

7- Cải tổ hành chính hay tập trung quyền lực?

Trước hết, có thể nói, việc tinh giản hay cải tổ hành chính là do chính TBT Tô Lâm đề nghị và ra chỉ thị cho quốc hội chuẩn thuận. Vì vậy, cần phải phân tích động cơ chính trị nào trong việc sáp nhập tỉnh dưới thời TBT Tô Lâm. Trong bối cảnh Việt Nam đang chạy theo xu hướng tự công nghệ hoá bộ máy quản lý, tinh giản biên chế, và tăng hiệu quản trị, việc Tô Lâm chủ trương sáp nhập các tỉnh đã gây nhiều tranh cãi và phân tích. Liệu đây là một động thái cải cách hành chính có thực chất hay là một bước đi mới trong chiến lược tập trung quyền lực vào trung ương?

Nhìn về quá khứ, bối cảnh lên ngôi và phương thức điều hành của ông Tô Lâm lên nắm quyền sau giai đoạn "đốt lò" của ông Trọng, con đường hoạn lộ của Tô Lâm được xem là hanh thông, có gốc an ninh, và nhắm hướng đến một phong cách điều hành theo hướng kiểm soát và bảo toàn thể chế. Những chủ trương lớn như tái lập Ban Cơ yếu, sát nhập công an xã, và nay là sáp nhập tỉnh, tất cả đều có đặc điểm chung là tăng tính tập trung, tăng kiểm soát, giảm phân tán quyền lực địa phương.

Hai giả thuyết lớn về động cơ chủ trương sáp nhập tỉnh về cải tổ hành chính thực chất vì những yếu kém trong bộ máy 63 tỉnh do chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả, không đồng bộ trong phát triển. Một giả thuyết về tập trung quyền lực, sáp nhập tỉnh để xóa bỏ các "vùng lãnh đạo địa phương" đã hình thành qua nhiều nhiệm kỳ tạo ra nhiều nhóm lợi ích với nhiều đặc quyền đặc lợi khác nhau tạo ra mâu thuẫn trong nội bộ đảng. Thứ đến, nhân sự sau khi sáp nhập sẽ do trung ương quyết định, giảm ảnh hưởng của phe phái địa phương, từ đó, tăng quyền lực cho trung ương, giảm tính "tự trị mềm" của các tỉnh giàu có như Quảng Ninh, Bình Dương, Đà Nẵng, v.v...

Quả thật còn quá sớm để có câu kết luận, nhưng cũng có thể khẳng định rằng, mọi dự tính của Tô Lâm mục đích chỉ nhắm vào cái ghế TBT tại Đại hội Đảng lần thứ XIV vào năm 2026 mà thôi.

8- Thay lời kết

Câu hỏi lớn của Việt Nam hiện nay không chỉ là "nên sáp nhập bao nhiêu tỉnh", mà là việc sáp nhập đó có dẫn đến một nhà nước hiện đại hơn, mang thêm nhiều phúc lợi cho người dân, hay chỉ là một đặc khu quyền lực mới?

Người Việt Nam cần được tham gia giám sát, phê bình, và quyết định trong những công cuộc như vậy, nếu không muốn tiếp tục trải qua những chu kỳ tróc xoáy của các cái gọi là "đại cải cách" với tên mới mà hướng cũ, hay bình cũ rượu mới.

Tóm lại, việc sáp nhập tỉnh là một trong nhiều nhân tố bị ảnh hưởng đến, nhưng không đủ điều kiện bảo đảm thành công nếu không có ***các cải cách đồng bộ về thể chế, quản trị và xã hội dân sự.***

Việc sáp nhập tỉnh là một bước đi mang tính chiến lược có thể giúp Việt Nam tinh giản bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý và góp phần tích cực vào hội nhập thị trường tự do. Tuy nhiên, thành công của bước đi này phụ thuộc rất lớn vào khả năng thực thi chính sách đồng bộ các cải cách thể chế, quản trị, minh bạch và phát triển bền vững.

Chỉ khi các điều kiện trên được bảo đảm, Việt Nam mới có thể nâng cao sức cạnh tranh, thu hút đầu tư ngoại quốc và tiến gần hơn tới các tiêu chuẩn quốc tế trong kinh tế thị trường và quản trị nhà nước.

Cuối cùng, Việt Nam cần phải tinh giản “biên chế” bao nhiêu cán bộ nhằm thích ứng dân số 100 triệu với 2 triệu công nhân viên, cán bộ hiện tại. Trong lúc đó, Hoa Kỳ với 330 triệu dân chỉ có 2,8 công nhân viên. Thế mà, TT Trump còn muốn giảm xuống còn 2 triệu mà thôi!

Cũng cần không loại bỏ giả thuyết Tô Lâm thực hiện tinh giản nhằm cải tổ hành chính, nhưng vẫn giữ số lượng “tinh mới” là 18 tỉnh, mặc dù diện tích tổng số tỉnh trên vẫn nhỏ hơn nhiều diện tích của 16 tỉnh phía Nam. Dĩ nhiên các tỉnh kể trên thân thiện với Đảng ngoài... và một khi có bầu cử, tuyên cử, một tro chơi dân chủ giả hiệu, miền Bắc vẫn chiếm đa số.

Phải chăng, đó cũng là thâm ý của kẻ độc tài kiểu Putin hay Tập Cận Bình?

Mai Thanh Tuyết

Houston – Tháng 6-2025



Vấn Nạn Quản Lý Đất Đai Tại Việt Nam Và Hệ Lụy Kinh Tế Xã Hội

Nguyễn Bá Lộc



1. Dẫn nhập

Chánh sách và quản lý đất đai của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (VN) là một trong những vấn nạn to lớn đưa đến thảm họa nghiêm trọng và lâu dài cho người dân, đồng thời là một trở ngại không nhỏ cho sự phát triển đất nước cách cân đối, công bằng, và bền vững. Bất công hơn nữa là quy chế đó đã tạo cơ hội và dung túng cho hai thành phần lợi dụng và lạm dụng đất đai để giàu lên rất nhanh. Đó là những viên chức cán bộ nhà nước và các tư sản mới, hay tư sản xã hội chủ nghĩa (XHCN). Hai thành phần này cấu kết với nhau chiếm đoạt tài sản quốc dân.

Trên thế giới, có nhiều công cuộc cải cách điền địa từ rất lâu, tại hầu hết mọi quốc gia, như là tại các nước kém mở mang thời hậu thực dân. Mục đích tổng quát và gần giống nhau của công cuộc cải cách điền địa tại các nước là đem lại sự công bằng xã hội cho nhiều tầng lớp dân chúng, như là những người dân yếu thế, và nhằm đạt được sự phát triển kinh tế hiệu quả hơn, công bằng hơn. Đã có rất nhiều quốc gia đã đạt được mục đích nói trên của chánh sách cải cách điền địa. Lý do chánh cho thành công là nhờ chế độ ở các nước đó coi trọng quyền tư hữu và bảo vệ nhân quyền. Điều này được những cơ quan quốc tế từng xác nhận. Như nhận xét của Viện nghiên cứu CATO: “Căn cứ vào các bằng chứng rõ ràng,

cho chúng ta thấy là có sự liên kết mạnh mẽ giữa quyền sở hữu tài sản, sự tự do, và sự thịnh vượng” (“Based on empirical evidence showing the strong link between property right, freedom, and prosperity, CATO Institute, 2011). Và trong một nghiên cứu khác, Center for International private enterprise, Jessica Heyer, (2024): “Cải cách điền địa ảnh hưởng đến khả năng của một quốc gia trong công cuộc chuyển đổi và phát triển nền dân chủ tự do” (Land reform influences a country’s ability to transition and thrive as a liberal democracy).

Nhưng Việt Nam, XHCN lại khác biệt. Trên giấy tờ và bề ngoài, VN vẫn nói mục đích của chính sách đất đai là để phát triển tốt về kinh tế và xã hội. Thực tế, 50 năm qua, chính sách và quản lý đất đai có nhiều sai phạm, đầy dẫy sự lạm quyền của cán bộ đưa tới nhiều tai họa cho người dân, nhiều bất công và tệ trạng xã hội, và nền kinh tế không phát triển cách hợp lý và bền vững.

Sự kiện này xảy ra là vì đất đai ở VN là một món hàng hóa hiếm quý bị xâm phạm, giành giật, biến hóa, và đất đai vượt trên vai trò bình thường là phương tiện sản xuất. Đất đai quý là vì nhu cầu đất canh tác tăng, đất đai quý là vì nhu cầu phát triển hạ tầng cơ sở và đô thị, đặc biệt quý là do cấu kết quá đáng giữa viên chức chính quyền với tư sản.

Tình trạng đất đai phức tạp và hỗn loạn đó đưa tới nhiều thảm họa mà chúng tôi xin trình bày tóm lược trong bài khảo luận này. Mục đích bài viết là đóng góp cho sự tìm hiểu thêm về một vấn đề rất lớn có liên quan đến đời sống kinh tế xã hội của hầu hết mọi người dân, như là khối nông dân chiếm 70% dân số. Và, đồng thời qua vấn nạn đất đai, có thể hiểu biết thêm về bản chất và hệ quả của sự vận hành đất nước của chế độ XHCN ở giai đoạn biến thể, hay chế độ XHCN trong thời đại mới. Sai phạm về quản lý đất đai là một điển hình quan trọng của những sai phạm trong nhiều lãnh vực lớn khác của chế độ.

Tình trạng phức tạp của đất đai của VN XHCN lan rộng và sâu xa, kéo dài từ 1975. Mặc dù đảng và nhà nước đã có một số cải sửa về mặt quản lý. Nhưng tai họa liên hệ đất đai vẫn cứ gia tăng, xảy ra liên tục, đặc biệt là việc chính quyền đàn áp dân oan, và tình trạng tham nhũng tăng cao kinh khủng.

Cách tổng quát, các vấn đề đất đai của VN tựu trung lại trong hai phần chính yếu: Chính sách đất đai và Quản lý đất đai. Trong bài khảo luận này, chúng tôi xin được trình bày phần thứ hai, đó là Quản lý đất đai tại VN. Và gồm có 4 tiết mục: (i) khái quát về đất đai tại VN; (ii) vấn nạn quản lý đất đai của bộ máy nhà nước VN; (iii) thảm họa kinh tế xã hội từ quản lý đất đai tại VN; và (iv) vài suy nghĩ về hướng cải thiện vấn nạn đất đai tại VN.

2. Khái quát về đất đai tại Việt Nam

Chính sách đất đai tại VN là một vấn đề lớn, là một ưu tiên cao của đảng Cộng sản (ĐCS) và Nhà nước Việt Nam trong suốt 50 năm qua.

Hiến pháp và luật VN qui định “Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, nhà nước thống nhất quản lý”, có nghĩa là không có người dân nào thực sự có quyền sở hữu đất đai,

và thực tế chủ sở hữu là Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN). Theo lý thuyết cộng sản (CS) những phương tiện sản xuất như đất đai, xí nghiệp, đều thuộc chế độ công hữu. Đất đai trở thành tài sản của đảng hoàn toàn và toàn diện, vì Nhà nước CS từ đảng CS mà ra, được đảng giao phó nhiệm vụ quản lý, là nắm hết mọi quyền từ quyền sở hữu đất, quyền làm ra chính sách, luật lệ, quyền thi hành luật lệ, quyền chuyển đổi, quyền kiểm soát và quyền giải quyết các tranh chấp đất đai.

Vấn nạn về đất đai tại VN trở nên phức tạp và nghiêm trọng kể từ khi chế độ XHCN thực hiện sự thay đổi, từ chế độ XHCN thuần túy qua chế độ XHCN biến thể với mô hình “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” (1986).

2.1. Tổng quát tình trạng đất đai ở Việt Nam

Tình trạng đất đai ở VN khá phức tạp. Với diện tích nhỏ, trong một giai đoạn có nhu cầu khá lớn về tái thiết và xây dựng của một quốc gia sau chiến tranh, còn chậm tiến, được quản lý bởi một bộ máy công quyền kém khả năng và thiếu đạo đức. Mảnh đất VN đã phải chịu đựng nhiều thăng trầm, biến đổi, về phương diện thiên nhiên và định chế.

2.1.1. Đất đai về phương diện tự nhiên



Việt Nam là một nước nhỏ về diện tích tổng cộng là 32.924.064 ha (mẫu), theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường VN. Nhưng VN có dân số khá lớn, trên 100 triệu, và khoảng 70% dân số sống ở nông thôn.

Nền kinh tế VN căn bản là nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp là 10,9 triệu ha, bằng 35% của tổng diện tích lãnh thổ, (United Nations University, UNU, Weder 2017), trung bình mỗi nông dân chỉ có 1,560 ha đất canh tác, thấp hơn tất cả các quốc gia trong vùng Đông nam Á (Wikipedia).

Qua lịch sử, nông thôn và đất đai ở VN có những thay đổi quan trọng, từ chế độ quân chủ, qua chế độ

thuộc địa, và sau 1954, khi đất nước bị chia đôi, hai miền có hai chế độ khác nhau. Miền Bắc theo chế độ cộng sản. Miền Nam trong chế độ dân chủ tự do. Do đó hai miền có chính sách điền địa khác nhau.

Ở miền Bắc, dưới chế độ XHCN, chính quyền quốc hữu hóa đất đai, lấy đất của địa chủ chia cho nông dân và nông dân phải đưa đất này vào Hợp tác xã (HTX), tức là đất thuộc tài sản tập thể, hay nói khác là của Nhà nước. Cho tới cuối 1970 ở miền Bắc có 79% nông dân phải vào HTX (World Bank Group 2011). Địa chủ bị tịch thu đất không được bồi thường. Trong đó một số rất lớn, có khoảng hơn 200.000 địa chủ bị đầu tẩu, vì cái tội bóc lột tá điền, và có nhiều người trong số đó bị sát hại cách rất thảm thương trong những năm 1954-1956.

Còn ở miền Nam, từ sau 1954 đến 1975, thực hiện hai lần Cải cách điền địa, vào năm 1956 và năm 1970. Trong hai lần này địa chủ bị lấy đất có được bồi thường, nông dân được cho không đất, tối đa là ba ha/một gia đình. Những người nông dân này từ đây có quyền sở hữu phần đất chính quyền cấp cho, mãi cho đến 1975. Qua chương trình Người cày có ruộng, 1970, chính quyền miền Nam đã cấp phát 1,3 triệu ha cho hơn một triệu nông dân (Pigali & Xuân 1992).

2.1.2. Một số biến động đất đai trong giai đoạn khởi đầu sau 1975

Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam (1975), CSVN xây dựng chế độ XHCN, trong kế hoạch của thời kỳ quá độ để tiến lên chế độ cộng sản. Ở miền Nam thì dân chúng ở nông thôn gặp những khó khăn trong giai đoạn này. Chính quyền mới thực hiện chính sách điền địa mới đại khái là: kiểm tra ruộng đất, tịch thu một số ruộng và đồn điền mà CS cho là thuộc thành phần phản cách mạng, sau đó tái phân phối cho một số cán binh mới phục viên, và phần lớn thành đất công sản.

Từ đó nông dân cả hai miền Nam và Bắc vô sản giống nhau. Miền Nam phải đi theo kiểu ngoài Bắc trước kia, là bắt đầu đi vào chương trình hợp tác hóa nông nghiệp, nông dân không còn quyền làm chủ miếng đất đã canh tác. Đất từ từ phải đưa vào HTX, hay vào Tổ hợp sản xuất (THSX) dưới sự chỉ huy của Nhà nước. Mặt khác, nhà nước giải tỏa dân ở thành phố, bắt đi Khu kinh tế mới. Gần hai triệu dân ở thành phố lớn bị đẩy ra khu kinh tế mới và mỗi người được phát một cái cuốc để bắt đầu cho “cuộc đời”. Đồng thời, chính quyền thiết lập các Nông trường do Thanh niên xung phong thực hiện phát triển kinh tế nông nghiệp theo kiểu XHCN.

Nền Kinh tế XHCN chính thống trên cả nước hoàn toàn sụp đổ sau 10 năm (vào 1985), vì các chương trình áp dụng nói trên hoàn toàn thất bại. Lần đầu tiên dân chúng miền Nam không đủ gạo ăn, cuộc sống nông thôn suy sụp, nông dân mất tinh thần.

2.1.3. Đất đai sau “đổi mới kinh tế”

Đến năm 1986, CSVN phải đổi mới kinh tế. Một số thay đổi quan trọng về đất đai của giai đoạn đầu sau khi chiếm miền Nam, đã chấm hết. HTX kiểu XHCN, Nông trường, Khu kinh tế mới bị giải thể vào năm 1988. Trên lý thuyết, từ đây nông dân và nông thôn

có cơ hội phát triển trong tình hình mới của nền kinh tế có nhiều thành phần, trong đó có khu vực tư. Khi đó, nhiều nông dân tưởng rằng như vậy là họ trở lại có quyền sở hữu đất của mình. Chính sách và quản lý đất đai ra đời sau đổi mới, niềm hy vọng đó tan đi. Nhà nước khẳng định “đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước đại diện dân thống nhất quản lý”. Nông dân bắt buộc phải theo chủ trương đường lối mới mơ hồ, và đối diện với nhiều chông gai mới.

Luật đất đai ra đời dựa trên một nguyên tắc của chế độ XHCN là chế độ “công hữu đất đai” vì đất đai là một phương tiện sản xuất quan trọng. Và cũng từ đó, như là từ sau đổi mới thảm họa đất đai nhiều hơn, phức tạp hơn, và liên tục cho tới ngày nay.

2.2. Đất đai, một vấn nạn nghiêm trọng của Việt Nam XHCN

Cuộc chiến Việt Nam chấm dứt năm 1975. Sự mất mát lớn về sinh mạng không còn, nhưng đa số dân chúng, vẫn phải gánh chịu rất nhiều loại đau thương và bất công từ chính quyền XHCN. Sự sụp đổ kinh tế, một mảng lớn của duy vật biện chứng bị tả tơi, đã làm cho dân miền Nam có nhiều thắc mắc hoang mang và hoảng sợ về thực chất chế độ CS. Và thời kỳ quá độ đang áp dụng tại VN chưa đi tới đâu thì phải ngừng lại. Từ đó chế độ XHCN ở VN phải biến cải và đi theo con đường Trung cộng đã đi cách đó 10 năm.

Bốn mươi năm dưới chế độ XHCN từ khi biến cải, VN có đạt được một số kết quả về kinh tế. Nhưng những bất công và bất ổn xã hội tiềm ẩn trong sách lược và các kế hoạch phát triển, nhìn theo góc độ người dân, VN XHCN đã hiện nguyên hình với quá nhiều tai họa, nhiều khó khăn cho nhân dân. Một trong những vấn nạn to lớn của VN là vấn đề đất đai.

Thực vậy, chính sách và quản lý đất đai của VN XHCN phức tạp và gây thiệt hại nghiêm trọng. Nguyên nhân cơ bản của vấn nạn là do nguyên tắc chế độ độc tài toàn trị, và do bản chất viên chức của bộ máy công quyền kém khả năng và thiếu đạo đức.

Cách tổng quát, vấn nạn đất đai ở VN rất trầm trọng, thể hiện trên nhiều mặt

- *Về kinh tế*, phát triển không hài hòa, không công bằng giữa nông thôn và thành thị, giữa nông nghiệp và kỹ nghệ và dịch vụ. Sự phí phạm đất đai vốn hiếm quý và tiền bạc bỏ ra, do hoặc chính quyền lấy đất dân cho nhiều dự án rồi bỏ hoang, hoặc do sự thiết lập nhiều dự án không ưu tiên và không khả thi. Mặt khác, nền kinh tế phát triển không hài hòa, cách biệt quá lớn giữa thành thị và nông thôn.
- *Về xã hội*, người dân bị tước đoạt quyền tư hữu đất đai, bị cưỡng bức và đàn áp do khiếu nại đất đai, là vi phạm nhân quyền và dân quyền. Các vụ thưa kiện liên quan đất đai chiếm tới 80% tổng số vụ phản đối của dân với chính quyền. Các vụ tham nhũng về đất đai chiếm tới 70% tổng số các vụ tham nhũng lớn.
- *Về chính trị và bộ máy công quyền*, dù chế độ có biến cải, dù bộ máy công quyền có điều chỉnh nhiều lần, nhưng nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa CS không thay đổi trong chính sách và quản lý đất đai, cũng như những vấn đề chung của đất

nước. Thực tế và thực chất của bộ máy công quyền qua cơ cấu, hệ thống luật lệ, cách điều hành, và viên chức nhà nước, chính nó là một vấn nạn lớn, từ đó sanh ra những vấn nạn khác, trong đó có đất đai.

Trong một xã hội mà nhân tâm bất an, cuộc sống bất ổn, cuộc sống kinh tế còn rất thấp, trong chế độ độc tài cho nên vấn nạn quản lý đất đai trở nên trầm trọng, rất khó cải thiện và trở thành một biểu trưng của chế độ XHCN.

Tóm tắt, tai họa đất đai ở VN thể hiện trên mấy điểm chánh: Nhà nước cưỡng chiếm quyền sở hữu đất đai của dân. Nhà nước tự phong cho mình quyền đại diện dân. Nhà nước vượt quá quyền hạn người quản lý, tự làm luật, tự thi hành, tự sửa luật. Nhà nước đàn áp dân về yêu cầu chánh đáng liên hệ đất đai. Cán bộ nhà nước thi hành cách phi luật, sai luật, vượt luật. Cán bộ nhà nước cấu kết với tư sản cách mờ ám và phi pháp.

Vấn nạn đất đai ở VN tựu trung vào hai phần chánh: Thứ nhất là Chánh sách đất đai, thứ hai là Quản lý đất đai. Chúng tôi trình bày phần hai. Đó là Vấn nạn quản lý đất đai tại VN.

3. Vấn nạn về quản lý đất đai tại Việt Nam

Vấn nạn về quản lý đất đai tại Việt Nam tựu trung vào ba lãnh vực sau đây: Luật lệ về đất đai, Tóm tắt các hình thái sai phạm đất đai, và các vụ vi phạm nghiêm trọng về đất đai.

3.1. Luật lệ đất đai hiện hành của VN từ 1975

Mục tiêu, chánh sách, nguyên tắc căn bản về đất đai trước hết được qui định trong Hiến pháp. Tiếp theo là Quốc hội làm ra luật. Sau đó, là các thông tư chỉ thị của cơ quan Hành pháp, tức từ Thủ tướng xuống các Bộ liên hệ, đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Và sau cùng là cơ quan trực tiếp thi hành là huyện và xã. Nhưng vì ở VN, song song có hai hệ thống cai trị, một là của đảng, hai là nhà nước, cho nên luật lệ liên quan đất đai có quá nhiều, rất phức tạp, đôi khi mâu thuẫn, chông chéo nhau.

VN đã có nhiều luật lệ về đất đai được ban hành từ sau 1975: 1988, 1993, 2003 và 2013, và 2024. Mỗi lần điều chỉnh luật có ít chi tiết thay đổi về thực thi luật đất đai. Nhưng điểm căn bản quan trọng nhất là quyền công hữu đất mà Hiến pháp 1992, chính thức ghi nhận là quyền sở hữu đất cho tới nay không thay đổi, nghĩa là sở hữu chủ thực sự là Nhà nước, với danh nghĩa là thay mặt toàn dân nắm giữ đất đai, quản lý rộng rãi, ngoài việc cho thuê, thu hồi, trung gian lấy đất thu hồi đi bán cho tư sản, rồi có cả quyền sửa đổi mục tiêu đất rừng ra đất ruộng rẫy, hay biến đất ruộng thành đất gia cư hay khu thương mại. Đặc biệt là trong định chế “đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý”. Nói tóm lại, các cơ quan công quyền có cái quyền gần như vô giới hạn về quản lý đất đai. Mặc dù từ 1975 tới nay chánh quyền VN có khá nhiều luật lệ về đất đai.

Mới nhất là Luật 2024: Quốc hội thông qua ngày 5 tháng 01 năm 2024. Luật mới này có 16 chương và 260 điều khoản. Nghị định chánh phủ ban hành tháng 9/2024 cho việc thi hành luật 2024. Gần như cứ 10 năm VN lại bỏ tước luật đất đai, lần này có nhiều bổ sung chi tiết và nhiều nhất so với trước kia. Nhưng cũng chỉ là chi tiết liên quan quản lý

tức là công tác thực thi. Nội dung cũng gần như luật 2013. Đó là Nhà nước độc quyền quản lý đất, thực sự là sở hữu và quản lý. Trong các khâu chánh, tức là công đoạn khi thi hành luật lệ, có hại cho dân cho đất nước, hoặc có lợi cho tư sản đồ và viên chức cán bộ, luật mới có một số điều không thay đổi, có một số điều khoản có bổ túc.

Luật 2024 trước định ngày bắt đầu có hiệu lực là 01/01/2025, sau đó sửa lại hiệu lực bắt đầu từ 01/08/2024. *Mục tiêu ghi trong luật đất đai 2024* là thực hiện “chiến lược phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường”. Sau đây là tóm tắt một số điều khoản chánh của luật 2024:

- *Quyền sở hữu đất đai*: Sở hữu chủ đất đai là Nhà nước. Dân không có quyền này.
- *Về Quyền sử dụng đất*: Thời gian vẫn 50 năm, trường hợp đặc biệt 70 năm (không có điều nào nói 90 năm như dự luật Hành chánh kinh tế Vân đồn, Vân phong, Phú quốc đưa ra 2018 và sau đó bị nhiều cuộc biểu tình và chánh quyền tâm chừng không biểu quyết). Quyền sử dụng đất và đi kèm với xây cất hay hoa màu trên miếng đất đó. Quyền sử dụng đất nay vẫn được cho thừa kế, bán hay thế chấp miếng đất. Miếng đất nông nghiệp mà chuyển đổi hay bán cho người khác nhưng không trồng trọt mà đổi mục tiêu đất nông nghiệp qua đất xây dựng, trong trường hợp này thì phải làm dự án xin chánh quyền chấp thuận.
- *Quyền Thu hồi đất*: nhà nước có quyền thu hồi đất với mục đích là quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội, lợi ích quốc gia và cộng đồng, (điều 95-101). Cũng giống như luật 2013, luật khá mơ hồ và quá tổng quát dễ bị giải thích cách lạm dụng luật như: phát triển xã hội, vì lợi ích quốc gia và cộng đồng.

Giá đất để bồi thường căn cứ vào giá thị trường năm hiện tại, (đ.153). Theo luật cũ thì giá bồi thường cho phép chánh quyền căn cứ khung giá thị trường trong 5 năm qua. Cho nên có sự cách biệt quá lớn về giá bồi thường, và giá thị trường.

Luật mới qui định chánh quyền bồi thường xong cho dân mất đất, mới buộc dân di dời đi nơi khác. Nếu người dân không bằng lòng thì có thể khiếu kiện, bước đầu do Hội đồng nhân xã với Mặt trận tổ quốc giải quyết. Nếu không giải quyết được thì chuyển lên Hội đồng nhân dân huyện hay tỉnh tùy mức độ, và ở đây chung quyết. Và sau đó là biện pháp cưỡng chế.

Cũng theo luật mới, thì khi bồi thường xong, dự án khai thác nơi đó mới được bắt đầu. Tình trạng trước 2024, ở nhiều nơi dân chưa được bồi thường thì nhà cửa, mảnh đất bị giải tỏa.

Về mục đích thu hồi đất, Luật 2024 có thêm 4 trường hợp nhà nước có quyền lấy đất của dân (điều 79): 4 trường hợp đó là: Dự án đô thị có công năng

phục vụ hỗn hợp; dự án vùng phụ cận kết nối giao thông; dự án đầu tư cải tạo xây dựng lại nhà chung cư; dự án tái định cư; dự án lấn biển để sử dụng vào mục đích kinh tế xã hội. Luật 2013 không có qui định các điều này, nhưng thực tế đã có lạm dụng.

Quyền chuyển đổi mục tiêu sử dụng: cơ quan nhà nước có quyền quyết định cho người sử dụng đất được chuyển đổi mục đích sử dụng, thí dụ từ đất nông nghiệp đổi thành đất thổ cư, và phải được sự chấp thuận. Nay luật 2024 căn bản như luật 2013, nhưng có chút cải sửa một số chi tiết không thích hợp hoặc bất hợp lý có thể đưa tới nhiều sự lạm dụng và lợi dụng.

Quyền qui hoạch của nhà nước: Nhà nước có trọn quyền qui hoạch về sử dụng đất đai qui định ở luật 2013 (đ. 36-39) và ở luật 2024 (đ.61-64) trên mọi loại đất đai để sử dụng cho nông nghiệp, hạ tầng cơ sở, hay khu thương mại, khu nhà ở, v.v...Theo luật thì sự qui hoạch hay chuyển đổi mục tiêu sử dụng của đất công phải “công khai, minh bạch qui hoạch và sử dụng đất” (đ. 48 luật 2013) được luật 2024 bổ sung (đ.61) “công khai, minh bạch, có sự tham gia của dân trong công tác qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất”.

Luật cũng qui định quyền cho thuê đất công cho các dự án công như đường sá, cảng, mà nhà thầu tư thực hiện, hay giao đất cho tư doanh xây dựng khu thương mại, nhà ở v.v..., phải đấu thầu công khai.

3.2. Các sai phạm trong việc thực thi luật lệ đất đai

Trong 50 năm qua, vấn đề quản lý đất đai chánh quyền VN qua các lần điều chỉnh luật đất đai, mặc dù có thay đổi những điểm nhỏ nhằm cải sửa những thiếu sót và khó khăn trong công việc thực thi, nhưng mãi cho đến nay những điểm căn bản không được cải thiện bao nhiêu. Hơn nữa, luật đất đai gần đây có ý nâng đỡ những nhà đầu tư địa ốc khi thị trường địa ốc bị khủng hoảng từ 2022. Vì vậy những khó khăn và hỗn loạn đất đai chưa thấy dấu hiệu suy giảm nhiều.

Các vấn nạn từ đất đai quá trầm trọng là vì trong thời gian quá dài, có quá nhiều loại sai phạm mà hầu hết là những vụ to lớn, mà người dân chỉ biết được sau khi Đảng và chánh quyền khai ra. Nhưng chắc chắn còn hàng ngàn vụ chưa đưa ra ánh sáng, và cũng có những vụ chánh quyền ếm nhem luôn. Tầm bị kịch đó còn tiếp diễn.

Về phương diện quản lý đất đai, có thể tóm tắt vấn nạn trong các phần hay giai đoạn thi hành luật lệ và thực hiện các nhu cầu của người dân và các dự án kinh tế xã hội sau khi đổi mới. Khi thi hành luật, cán bộ viên chức VN đã cố ý gây ra các sai phạm trầm trọng trong 50 năm qua. Đất đai càng quý hiếm thì sai phạm càng lớn.

Các sai phạm về quản lý đất đai trong 50 năm qua được tóm tắt sau đây:

○ Sai phạm thứ nhất, từ nguyên tắc Nhà nước XHCN nắm quyền sở hữu đất đai

Nhà nước tự cho là “đại diện toàn dân thống nhất quản lý đất”. Cái nguyên tắc quyền sở hữu này có hai vấn đề: (i) là một đảng phái cầm quyền, dù có được dân bầu chọn hay không, đi tước đoạt quyền tư hữu là vi phạm nhân quyền. Đồng thời, Nhà nước XHCN không thể nào tự nhận là đại diện cho toàn dân, vì không qua cuộc bầu cử phổ thông và tự do. Vì tư cách đại diện không có thì khi thực hiện nhiệm vụ quản lý là phi luật theo nghĩa thông thường. Trên thực tế, các viên chức cứ nghĩ đất đai là của đảng, thì tự nhiên cứ vẽ ra luật lệ, thực thi luật lệ gần như theo ý mình hơn ý dân. Vì vậy, người dân và chánh quyền đứng trên hai quan điểm khác nhau. Sự va chạm xảy ra, đôi khi đổ máu hay tù đày. Đó là thảm cảnh cảnh xã hội và chánh trị; (ii) Nhà nước là người quản lý đi quá xa chức năng và nhiệm vụ, trách nhiệm của người quản lý bình thường, mà là người quản lý kiểu XHCN vượt xa quyền hạn, như tự làm ra luật lệ, rồi tự thi hành luật lệ đó, tự lấy đất của dân rồi âm thầm bán miếng đất đó cho người thứ ba. Những việc làm của cán bộ không minh bạch, sai luật cách cố ý đưa tới phong trào dân oan biểu tình chưa từng có trong lịch sử, và cũng từ cách quản lý đó đưa tới tình trạng tham nhũng khủng khiếp chỉ có trong chế độ này.

○ Sai phạm thứ hai, từ quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai

Sau khi tịch thu hết mọi loại đất đai, để chính thức ai có quyền cư ngụ và canh tác trên miếng đất của mình đang có, chánh quyền địa phương cấp giấy chứng nhận “Quyền sử dụng đất”. Đây là bước đầu. Giấy chứng nhận đó không phải chứng nhận quyền sở hữu, là điều rất cần thiết. Nhưng người dân phải có sổ đỏ, để được quyền sử dụng miếng đất đó. Muốn thế người dân phải lo tiền, dù biết là có đủ điều kiện, biết rằng dầu có luật.

○ Sai phạm thứ ba, từ quyền cưỡng bức thu hồi đất

Đây là quyền quan trọng nhất nhìn từ phía chánh quyền hay từ phía người dân. Đây cũng là vấn nạn to lớn nhất xảy ra liên tục và khắp mọi nơi trong 40 năm qua. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới “hàng năm có khoảng 100 ngàn vụ tranh chấp đất đai xảy ra trên toàn quốc” (đài RFA, 29-11-2010). Chánh quyền độc đoán quyết định thu hồi một số đất nào đó, có nghĩa là chánh quyền lấy lại đất vì nhu cầu công ích, tức để phát triển kinh tế hay xã hội. Cái tai họa ở đây trước hết là tuyệt đại đa số người bị lệnh thu hồi không có quyền cưỡng lại được. Những người này có nhà cửa, và hoa màu, nay bị bứng đi coi như phải làm lại cuộc sống từ đầu. Nỗi khổ khác cho những người ở trong miếng đất ông bà để lại với nhà cửa mồ mả ông bà còn đó, trong khi chưa biết đi về đâu.

○ Sai phạm thứ tư, về quyền chỉ định nơi cư trú mới cho người dân bị mất đất

Trong luật có qui định chánh quyền phải tìm nơi cư trú mới và trợ giúp di dời cho những người dân bị mất đất. Thực tế có rất nhiều nơi người dân sau khi bị lấy đất họ không có chỗ ở mới. Hoặc vì chỗ mới quá xa xôi, thiếu thốn tiện ích tối thiểu, bị ép

buộc định cư một nơi nào đó hoàn toàn bế tắc về sự học hành của con cái. Hoặc vì sự bồi thường quá thấp, người dân không muốn di dời, tiếp tục ở lại tranh đấu thì bị công an đàn áp. Trường hợp này xảy ra nhiều nhất là tại vùng cao nguyên trung phần, nơi người sắc tộc bị cưỡng bức nhiều nhất, chánh quyền địa phương chụp mũ họ là chống phá nhà nước. Đó lại là vấn đề vi phạm nhân quyền.

○ ***Sai phạm thứ năm, về định giá bồi thường đất thu hồi***

Các sai phạm liên quan tới giá nhà nước bồi thường cho người dân bị mất đất, và giá chánh quyền lấy đất công hay đất thu hồi giao cho tư doanh. Một vấn nạn rất phổ thông là giá đất bồi thường có sai trái về luật lệ và sai phạm về quyền đo đạc của viên chức. Đây là vấn nạn gây cản và phổ biến nhất.

Dù người dân bị lấy đất phản đối, đòi sự công bằng, và cùng nhau khiếu kiện thì Nhà nước không xử. Cùng nhau xuống đường thì bị bắt vi phạm hình sự về tội làm mất trật tự công cộng. Các sai phạm trên xảy ra liên tục trên khắp miền đất nước.

○ ***Sai phạm thứ sáu, về việc giao nhà đất cho tư doanh khai thác***

Theo luật đất đai và luật đầu tư công, nhà nước cho phép chánh quyền địa phương được quyền giao nhà đất công sản (hay đất thu hồi) cho tư doanh sử dụng cho các dự án phát triển kinh tế xã hội. Ở VN thì luật lệ và chánh sách này là qui định đáng hoan nghênh nhất cho nhiều viên chức, vì nó dễ thi hành và có tiền vô rất lớn. Như đã trình bày trên đây, số cầu đất đai gia tăng rất nhanh. Đất đai trở thành khan hiếm, nhất là các khu đất ven biển, ven sông. Mặt khác, VN chạy theo cách đầu tư phát triển giống như Trung quốc, đầu tư ào ạt vào địa ốc và khu du lịch.

○ ***Sai phạm thứ bảy, về qui hoạch chuyển đổi mục tiêu sử dụng đất***

Theo luật, cơ quan nhà nước có quyền qui hoạch tổng quát loại và khu vực sử dụng đất. Đất đai có thể phân loại ra đất nông nghiệp, đất trồng cây kỹ nghệ, đất rừng, đất thổ cư, đất khu thương mại. Đó là quyền khá rộng rãi, nên cơ quan thẩm quyền dễ sai phạm, và có nhiều hành động mờ ám trong qui hoạch. Ví dụ vùng đất đang có nhà ở có vườn trái cây, có ruộng trồng lúa, nay người chủ xin chánh quyền cho chuyển đất ruộng thành đất vườn và làm nhà ở. Giá đất ruộng và đất xây nhà ở có cách biệt giá rất cao, nhất là cạnh quốc lộ hay liên tỉnh lộ. Ở nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam Cộng hòa trước đây, nếu đất tư thì không cần xin phép chuyển đổi, mà chỉ xin phép xây cất mới, hay mục tiêu sử dụng mới để tính thuế.

○ ***Sai phạm thứ tám, việc chánh quyền qui hoạch bừa bãi các công trình***

Trong khoảng thời gian từ 2001 đến 2015, khi có vốn kinh tế từ trong nước (do xuất cảng 200-250 tỷ mỹ kim/năm), và tiền Việt kiều (10-15 tỷ mỹ kim/năm), và do viện trợ ngoại quốc nhiều (nhiều nhất là Nhật bản và sau này là Trung cộng trong kế hoạch Vành đai và con đường), VN đồng loạt lên kế hoạch xây dựng hạ tầng ở mọi tỉnh và thành phố. Rất nhiều đất bị thu hồi cho nhiều dự án hoạch định sơ sài, chưa biết có khả thi không, hay chưa phải là ưu tiên trong việc sử dụng ngân sách. Ví dụ xây dựng

các khu kỹ nghệ, gần như mỗi quận đều có dự án. Kết quả là nhiều khu bỏ đất hoang; và chánh quyền thực hiện trên toàn quốc 200 hải cảng và giang cảng, thực tế có hơn phân nửa cảng bị bỏ không hay chỉ sử dụng một ít. Đây là sai phạm trong việc làm kế hoạch, hậu quả là dân mất đất canh tác, nhà nước mất tiền công quỹ, chỉ có viên chức được thu tiền vô túi riêng.

○ **Sai phạm thứ chín, cung cách kinh doanh của tư sản mới**

Theo luật VN, chánh quyền có thể cho thuê hay hùn hạp với tư doanh để khai khác thương mại. Phần lớn xảy ra trong khu đặc địa trong thành phố lớn. Các công sản hay công ốc rất quý giá mà quốc doanh thì lỗ, tư doanh mới đang lên, chánh quyền bán lại các bất động sản quý giá này cho tư doanh thì hợp lý trên nguyên tắc. Nhà nước bán ra thì thu được tiền. Tư doanh làm có lời thì thu được thuế. Ngoài ra thành phố còn được phát triển tốt đẹp hơn.

Có hai mờ ám và sai luật trong trường hợp này. Đó là việc định giá các bất động sản này và việc sắp xếp không đưa ra đấu thầu công khai theo luật định. Sự cấu kết như trên xảy ra tại nhiều thành phố lớn, chánh quyền bán cho tư doanh nhiều khu đất rất quý giá, với giá rẻ làm thiệt hại công quỹ.

○ **Sai phạm thứ mười, Nhà nước mất quyền kiểm soát một số đất đai**

Một loại sai phạm về đất đai của cả những vị lãnh đạo tối cao của nước XHCN là từ một nguyên tắc chưa nước nào có, trừ cộng sản. Đó là Nhà nước giao cho Quân đội và Công an một số đất đai và công ốc để hai lực lượng này làm kinh tế. Khi giao rồi thì chánh quyền coi như mất kiểm soát. Các bộ phận này không báo cáo với ai và lấy lại cũng không được. Một số đơn vị quân đội tự động giao cho tư doanh khai thác khách sạn, sân golf, nhà hàng.

Và cuối cùng nhưng tệ hại nhất là Nhà nước VN XHCN không kiểm soát một phần đất của lãnh thổ VN bị Tàu cộng lấn chiếm ở biên giới Việt Trung, và một số đảo của Hoàng sa.

3.2. Một số vụ điển hình về sai phạm đất đai

i. Vấn đề toa rập giữa quan chức và tư bản đồ để chiếm đoạt

Một số vụ sai phạm biểu trưng và to lớn liên quan đến đất đai. Các vụ này sẽ được nêu ra sau đây theo thứ tự quan trọng chứ không theo thời gian. Những sự kiện trong các vụ này lấy từ cơ quan nhà nước, truyền thông VN, từ Trung tâm luật pháp VN, từ một số người Việt trong nước, và từ một số nhà nghiên cứu truyền thông ngoại quốc. Tiêu biểu cho hình thức sai lầm này có thể nêu ra là: *vụ Vạn thịnh Phát, vụ Đồng Tâm, vụ Khu đô thị mới Thủ thiêm, v.v...*

Phản đối của dân, tranh đấu của dân kéo dài hơn 10 năm: dân chúng ở Thủ thiêm quá uất ức vì bị lấy đất, khu đất của họ nằm ngoài qui hoạch theo bản đồ Thủ tướng ký. Thành phố vẽ thêm để lấy đất bán lại cho công ty tư xây nhà mới. Khu đất liên hệ đến 160

gia đình và họ thừa kiện rất nhiều lần, nhưng các cơ quan trách nhiệm ở đây không giải quyết.

ii. Các vụ chính quyền cấu kết bán công sản quý giá tại các thành phố lớn

Ở đây chỉ nêu cách ngắn gọn vài vụ lớn trên trăm triệu mỹ kim nằm ngay trong thành phố HCM. Đó là chính quyền bán cho tư doanh công ty bia Saigon, ở đường hai Bà Trưng gần bến Bạch đằng, khu rất quý giá, sự chuyển nhượng từ công sản cho tư nhân mà không qua đấu thầu.

Trường hợp thứ hai là khu đất vàng ở đại lộ Lê Duẩn (tức đại lộ Thống Nhất cũ). Đây là khu đại lộ đất giá nhứt Saigon. Chính quyền bán công ốc này cho công ty tư để làm khách sạn. Sự cấu kết này làm ngân sách nhà nước mất một số tiền lớn.

Tổng công ty nông nghiệp Saigon, thuộc Ủy ban nhân dân HCM, bán miếng đất tọa lạc tại Nhà Bè, với cấu kết tư doanh, chia chác tiền bên trong, trị giá đất là 13,3 ngàn tỷ đồng, trên giấy tờ ghi chỉ có 3.000 tỷ đồng. Phương thức thông thường là lập công ty hợp doanh, không có đấu giá. Sau một vài năm, chính quyền rút phần hùn của quốc doanh ra, chỉ còn là công ty tư.

Các vụ lạm quyền của các Bí thư hay Chủ tịch của nhiều tỉnh.. Xin nêu một ít thí dụ vi phạm về đất đai đã bị đưa ra kỷ luật hay bị tòa án xét xử:

Thanh Hóa: Bí thư tỉnh ủy Trịnh Văn Chiến, Nguyễn Đình Xứng, giám đốc sở, hai Bí thư huyện, bị khởi tố liên quan vụ đất đai Hạc Thành Tower.

Khánh Hòa: hai nguyên Chủ tịch UBND tin là Lê Đức Vinh và Nguyễn Chiến Thắng bị đưa ra xử vì sai phạm đất đai.

Bình Dương: cựu Bí thư tỉnh Trần Văn Nam, và cựu Chủ tịch tỉnh Trần Thanh Liêm bị tòa tuyên án tù vì vi phạm đất đai.

Đồng Nai: cựu Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai lợi dụng chức vụ giao đất trong kế hoạch phát triển đô thị, chủ tịch cấu kết với thân nhân giao các dự án mà không qua đấu thầu. Vụ đổ bể vì quá lộ liễu. Bà Chủ tịch bị đưa ra tòa.

Vụ lấy đất đồng bào thiếu số Tây nguyên: chính quyền Daklak thu hồi vùng đất vừa thổ cư vừa trồng trọt của đồng bào thiếu số, với số tiền bồi thường rất thấp. Dân làng không chịu dời đi vì họ đã ở đó lâu đời

3.4. Tóm tắt nguyên nhân sai phạm về đất đai

Qua các sai phạm và các vụ vi phạm đất đai nêu trên, chúng ta có thể nêu ra đây tóm tắt các nguyên nhân đưa tới thảm họa đất đai là do:

- Bảo vệ nguyên tắc chế độ công hữu trong trong mô hình kinh tế XHCN biến cải.

- Sự lạm dụng nguyên tắc quyền quản lý, đại diện toàn dân.
- Hệ thống pháp luật và chỉ huy trùng lập và không minh bạch.
- Một chính thể không có căn bản tự do dân chủ.
- Viên chức chính quyền thiếu khả năng và thiếu lương thiện.
- Căn bản cai trị của chế độ là dùng biện pháp cứng rắn thay vì thuyết phục dân.

4. Hệ quả sai phạm quản lý đất đai tại Việt Nam



Qua phân trình bày ở trên, VN có nhiều sai phạm trong quản lý đất đai về luật lệ cũng trong cách thức thực thi công vụ, các sai phạm cách cố ý, với mức độ quá trầm trọng và rộng khắp cả nước. Tình trạng đó đã đưa tới nhiều hậu quả tai hại trên nhiều mặt.

Người dân trong nước đã thấy các sai phạm đó, và ngay nhiều cơ quan quốc tế cũng đã khuyến cáo chính quyền VN về vấn nạn đất đai. Như nhận xét của cơ quan Lương Nông Quốc Tế (FAO): “Sự cưỡng đoạt đất đai là một vấn đề nghiêm trọng gây tai hại cho môi trường, cho nền kinh tế, cho an sinh xã hội, và cho nhân quyền” (Land grabbing is a serious issue that affects the environment, economy, social welfare and human right), Cơ quan Lương Nông Quốc Tế (FAO tại VN, 2016).

Các sai phạm nghiêm trọng trên 3 phương diện: Kinh tế & Tài chính, Xã hội & Chính trị, Hành chính công & Luật pháp.

4.1. Trên phương diện Kinh tế & Tài chính

Trong quá trình 50 năm, hệ quả đất đai biến chuyển theo các giai đoạn chuyển đổi kinh tế:

Giai đoạn 1975-1985: CSVN áp dụng mô hình kinh tế XHCN chính thống, thì đất đai hoàn toàn thuộc sở hữu Nhà nước. Và phương tiện sản xuất, trong đó có đất đai, ở trong mô hình kinh tế XHCN, tức là đất phải bị tập thể hóa, và Nhà nước là sở hữu chủ. Ở trong Nam, sau 1975, thì chánh quyền CS tái phân phối đất canh tác trong đó có những địa chủ cũ và hơn một triệu nông dân đã được chánh quyền VNCH cấp phát không cho nông dân trong hai cuộc Cải cách điền địa 1956 và 1970. Nhờ đó, sản xuất lúa gạo miền Nam được phục hồi lại, từ 1974, sau thời gian bị thiếu hụt vì chiến tranh. Trước chiến tranh, từ 1955-1965, miền Nam xuất cảng trung bình 500.000 tấn gạo một năm.

Nhưng vì áp dụng mô hình kinh tế XHCN, nông dân miền Nam bị đưa vào HTX nông nghiệp hay Tổ sản xuất. Nông dân ở một số tỉnh phản đối chánh sách này. Tinh thần nông dân sa sút, không hăng hái cho cày cấy. Lại thiếu phân bón, thuốc sát trùng. Lúa thì phải bán cho công ty quốc doanh với giá rất thấp. Do đó sản lượng lúa gạo miền Nam giảm mạnh. Từ những năm 1976-1985 cả nước bị đói. Nông dân và nông thôn suy sụp nặng trong thời gian này.

Giai đoạn 1985 đến nay: kinh tế XHCN chánh thống hoàn toàn sụp đổ trên cả nước. VN phải đổi mới kinh tế, với mô hình “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” từ 1986. Và từ đó VN có chánh sách và quản lý đất đai thích hợp với tình hình mới. Nhà nước vẫn chiếm hữu toàn thể đất đai và quản lý mọi công đoạn của đất đai. Người dân cũng từ đó rõ ràng không còn quyền tư hữu đất, dù là đất của ông bà để lại, hay đất do chánh quyền Saigon phát cho.

Trong gần 40 năm gần đây, vấn nạn đất đai bước qua hai giai đoạn trong quá trình phát triển kinh tế: giai đoạn VN phục hồi kinh tế (1987-2000), và giai đoạn VN hội nhập toàn cầu (từ 2001). Về phương diện kinh tế VN có đạt được một số kết quả. Nhưng tiến trình kinh tế đó làm cho vấn đề đất đai trở nên phức tạp hơn, tệ nạn kinh tế xã hội từ đất đai càng nghiêm trọng thêm.

Về mặt kinh tế thảm họa đất đai của hai giai đoạn sau 1986 có thể nêu ra sau đây:

- Suy giảm đất nông nghiệp;
- Thất nghiệp gia tăng ở nông thôn;
- Về hiệu quả kinh tế kém của nhiều dự án đầu tư công;
- Vốn cho phát triển kinh tế bị phí phạm và kém hiệu quả; và
- Ngoại tệ lớn chuyển bất hợp pháp khỏi Việt Nam.

Nhà đầu tư ngoại quốc gặp nhiều khó khăn trong việc thuê đất để xây dựng xí nghiệp về giá cả không thống nhất và viên chức chánh quyền trung gian mua bán đất.

Trong khi đó, TQ luôn luôn tìm cơ hội xây cất nhà cửa ở VN dưới hình thức này hay khác nhằm cho người Hoa đến VN cư ngụ và đường dài có thể làm tăng thêm lực lượng Hoa kiều ở hải ngoại như họ đã từng làm trong quá khứ.

4.2. Trên phương diện xã hội và chánh trị

Trên phương diện xã hội và chánh trị, thảm họa đất đai của hai giai đoạn sau 1986 có thể được tóm tắt sau đây:

- *Lợi tức nông dân rất thấp*: chỉ bằng 40% lợi tức trung bình cả nước, và sự gia tăng lợi tức nông dân chậm hơn lợi tức trung bình là vì giá các nhập lượng nông nghiệp (phân bón, thuốc sát trùng, xăng dầu) giá tăng gấp hai ba lần giá nông sản sản xuất tăng thêm. Vì thu nhập thấp, con cháu của nông dân phải nghỉ học sớm, không có đủ tiền chăm sóc sức khỏe.
- *Số nông dân bị mất đất nhiều*: chỉ trong khoảng thời gian từ 2001-2005, có 366.440 mẫu đất bị thu hồi, có ảnh hưởng tới 627.495 gia đình, trong đó có 950.000 người bị mất việc (Bộ Lao động Thương binh xã hội). Những người thường không dễ dàng tìm được việc làm khi đến nơi cư ngụ mới, hay không đủ tiêu chuẩn công nhân trong xí nghiệp.
- *Mức độ tham nhũng kinh khủng liên quan đất đai*: Nhóm chuyên gia ngân hàng thế giới và đại sứ quán Thụy Điển và Đan Mạch có đưa ra bảng tổng kết “nạn tham nhũng đất đai tại VN hiện đang được xếp hạng đầu bảng trên thế giới” (đài RFA 11-9-2010). Cũng theo báo cáo này thì có “92% người dân được hỏi, cho rằng có tham nhũng tới việc bán đất giao đất.” Ở VN, tham nhũng về đất đai đứng đầu trong 10 vụ tham nhũng lớn” (Paul Van Der Molen, The corruption and land administration, 2006).
- *Những vụ tham nhũng lớn đều có liên quan tới nhiều đảng viên cao cấp*: nhiều cán bộ gốc mất chức và đang ngồi tù. Sự kiện này xác nhận lại, với dân trong nước và với quốc tế, về tình trạng quá tệ hại của chế độ XHCN.

Qua những vụ cưỡng bức của chánh quyền với người dân cách lộ liễu và tàn ác, cho mọi người thấy rõ chế độ XHCN vững trong 50 năm qua vì cai trị dân bằng bạo lực. Việc công án đánh đập dân oan, việc bỏ tù rất nặng những người dân biểu tình đòi công lý là vi phạm nhân quyền mà VN có ký nhận trong Công ước Nhân quyền Quốc tế.

Thành phần tư sản mới cấu kết với viên chức kinh doanh địa ốc giàu lên quá nhanh quá lớn, họ trở thành một tầng lớp tư sản mới, loại doanh nhân đặc biệt giàu sang và quyền uy trong một xã hội đa số dân là nghèo hay rất nghèo. Sự thành hình của các tỷ phú đó quá nhanh (so với các nước đang phát triển khác), mà tuyệt đại đa số tỷ phú VN khởi nghiệp từ địa ốc. Và sự phân cách mức độ giàu có hay thành đạt ngay trong khu vực tư doanh càng

ngày càng gia tăng. Tình trạng này gây bất mãn và chia rẽ trong khối tư doanh, một thành phần rất quan trọng trong phát triển kinh tế.

4.3. Trên phương diện hành chính công và luật pháp

Qua các sai phạm về đất đai nêu trên, nguồn gốc chánh là từ hệ thống Pháp luật XHCN và quan trọng hơn hết là từ bộ máy Hành chính công, bộ phận quan trọng thi hành các chánh sách và những qui định pháp luật trực tiếp với dân. Trong hai lãnh vực này vấn nạn đất đai đưa tới những hệ quả sau:

Về hệ thống luật pháp: từ sau 1986, VN có tới 600 văn bản luật và văn kiện pháp qui liên quan tới đất đai, gồm nghị quyết của đảng và luật lệ của nhà nước (Malcolm F. McPherson, 2020). Hệ thống văn bản luật pháp quá nhiều, rất phức tạp, nhiều nhưng không đủ. Từ nghị quyết chỉ thị của trung ương đảng đến các tỉnh bộ, quận bộ, luật của Quốc hội xào nấu chỉ theo nguyên tắc và theo chỉ thị. Nhưng về chất lượng của đống luật pháp đó lại quá tệ, lộn xộn, khó hiểu, vì không rõ ràng, nhiều nhưng không đầy đủ. Điều này rất khó khăn cho viên chức cán bộ có trình độ rất thấp ở cấp xã huyện, nhứt là trong hai thập niên đầu, sau 1975.

Về mặt thực thi luật pháp: bộ máy công quyền thi hành luật rất công kênh, tổng số cơ quan có quyền cấp chứng nhận quyền sử dụng đất lên tới con số không tưởng tượng nổi là 11.940 cơ quan (PGS, Tiến sĩ Phạm hữu Nghi, bài viết: Phòng chống tham nhũng trong giao đất và cho thuê đất ở Việt Nam”, đăng trong website: thanhtravietnam. Các vụ vi phạm đất đai cho thấy hầu hết cán bộ không có đạo đức hành chánh, một điều cần thiết để kèm chế tham nhũng và giảm bớt sự tàn ác với dân. Chánh quyền không minh bạch với dân trong mọi công đoạn thực thi pháp luật. Đầu tiên là không thông báo, không giải thích cặn kẽ luật lệ. Viên chức mờ ám trong công tác liên hệ quyền lợi dân. Vì vậy, có tình trạng dân không hiểu luật thậm chí bị hướng dẫn làm sai luật.

Về mặt quốc tế, khi có nhiều viên chức chánh quyền có những thái độ hay hành động sai trái như đòi hối lộ, hay kéo dài thời gian quá đáng cho một công vụ, trong giao dịch với nhà đầu tư ngoại quốc. Đây là tệ hại trong sự giao dịch quốc tế.

Tóm lại bộ máy công quyền thực thi luật lệ đất đai trong 50 năm qua, những suy nghĩ những hành động, những mưu sĩ, những tính toán, những biến hóa, mọi người khi nhìn lại có thể có một kết luận là bộ máy công quyền đó khác biệt và đặc biệt chỉ có ở một nước có nền chánh trị độc đảng tồn tại thật lâu.

5. Vài suy nghĩ về cải thiện quản lý đất đai tại Việt Nam

Như trình bày ở trên về vấn đề đất đai của VN, trong quá khứ, nhà nước có một số lần cải sửa về quản lý đất đai, nhưng chỉ là một số chi tiết về mặt hành chính, còn những điểm chính yếu đưa tới thảm họa quan trọng liên hệ đến đất đai gần như còn nguyên. Vậy trong tương lai, liệu CSVN có thể làm sự cải sửa mới và mạnh mẽ về đất đai nói riêng, và về mô hình kinh tế nói chung, có ý nghĩa hơn, hữu hiệu hơn, hầu có thể hỗ trợ thực sự cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Liên quan vấn đề này, có một số dữ kiện gợi cho người viết có vài suy nghĩ:

- Thứ nhất, qua các nhận định và thỉnh cầu của người dân trong nước về quyền lợi đất đai.
- Thứ hai, qua Hiến pháp 2013 của VN khẳng định “nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và kinh tế thị trường là động lực của sự phát triển”.
- Thứ ba, qua đề nghị của một số cơ quan quốc tế, như Ngân hàng Thế giới, trong “Báo cáo Kế hoạch 2035, cho 20 năm phát triển VN”.
- Thứ tư, qua các sự kiện chúng tôi phân tích ở trên. Thứ năm, qua những biến chuyển quốc tế.

Những điều suy ngẫm này nằm trong mặt sau đây: đất đai và chế độ XHCN biến thể, đất đai và bộ máy Hành chính công quyền, đất đai và sự phát triển công bằng và bền vững.

5.1. Đất đai và chế độ XHCN biến thể

Sự đổi mới kinh tế vào năm 1986 chưa đủ và chưa dứt khoát, có nhiều mâu thuẫn, cho nên VN đã phải đối diện với nhiều khó khăn và thử thách, trong đó có vấn đề đất đai.

Sau khi chế độ CS Liên xô sụp đổ (1991), VNCS đi theo Trung quốc, chế độ XHCN chính thống phải thay đổi, nó đã biến thể trên lý thuyết cũng như trên thực tế. Cái mô hình mới về chính trị và kinh tế mà Trung cộng gọi là “Chế độ XHCN trong thời đại mới”. Qua nửa thế kỷ thử thách, chế độ đó có nhiều trục trặc lớn, về vĩ mô cũng như về vi mô, và cần phải “đổi mới” nhiều hơn.

Như Ngân hàng thế giới (World bank) có nêu ra trong nghiên cứu về VN: “Sự đổi mới về định chế sẽ gia tăng cải thiện hệ thống quản lý đất đai của VN, đưa tới sự minh bạch, và kiểm soát được tham nhũng” (Institutional reforms will strengthen Vietnam’s land management system, impose transparency and control corruption), WB Group (2012).

Thực tế từ khi đổi mới kinh tế (1986), đất đai cũng như những vấn đề lớn của quốc gia như sự cách biệt giàu nghèo, nhân quyền, quyền tự do, quyền công nhân, có nhiều xáo trộn và suy thoái hơn; mặc dù mức độ phát triển kinh tế về con số và bề ngoài có khá hơn

trước 1986. Trong lãnh vực đất đai nếu chế độ XHCN biến thể thêm bước nữa, thì cách thức vận hành và quản trị đất nước được cải tiến, đất đai có thể đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội bình thường hơn và tốt đẹp hơn.

Trong diễn biến về mô hình kinh tế chánh trị, mô hình xã hội chánh trị, sự liên hệ chặt chẽ giữa đất đai và chế độ, có ba vấn đề chánh yếu liên quan: Quyền sở hữu đất đai, Nguyên tắc Dân chủ pháp trị, và Quyền con người.

5.1.1. Về Quyền tư hữu đất đai

Tại đa số tuyệt đối các quốc gia đã thực hiện cải cách điền địa, người dân vẫn còn quyền tư hữu đất đai. Không phải cải cách ruộng đất là mọi chuyện được tốt đẹp. Bất công xã hội bất công kinh tế vẫn còn, ít hay nhiều tùy mức độ dân chủ tự do, và tùy niềm tin của dân với chánh quyền và của chánh quyền với dân. Nhưng đất đai tại đó thực sự đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội.

Đất đai sau khi tái phân phối và quản lý hữu hiệu, còn chế độ tư hữu, có nhiều cái lợi như: Bảo vệ truyền thống lâu đời của con người là từ khi sống thành xã hội, ai cũng muốn có quyền giữ tài sản riêng mà mình có được. Tinh thần của người sở hữu đất lên cao hơn khi mình làm chủ thực sự miếng đất mình canh tác. Khi tinh thần được ổn định như vậy, thì năng xuất làm việc tăng lên, kinh tế quốc gia phát triển hơn. Thứ nữa, nông dân được quyền trực tiếp thương lượng bán đất cho cá nhân hay cho công ty lớn, mà không cần tới trung gian viên chức chánh quyền. Đời sống nông thôn được cải thiện. Đó là kinh nghiệm của các nước phát triển đi từ nông nghiệp, như Nam Hàn, Đài loan, Malaysia, v.v...

Ngược lại, VN XHCN theo chế độ công hữu đất đai nên trong 50 năm qua đã đưa đến các tai hại nhiều hơn trên mọi bình diện như trình bày ở trên. Hệ luận nơi đây là để có thể phát triển bền vững, Việt Nam phải thay đổi thể chế và định chế kinh tế sâu rộng.

5.1.2. Về nguyên tắc dân chủ pháp trị

Đảng và Nhà nước VN luôn tự cho chế độ này có dân chủ hơn bất cứ nền dân chủ của nước tư bản nào. Qua vấn đề đất đai, dân chúng không thấy và nhận được cái dân chủ đó trong thực tế. Dân chúng muốn có mức độ dân chủ bình thường, không cao xa, căn bản mà thôi.

Mặt khác, các lãnh đạo VN thường nói là vẫn thực hiện nền Dân chủ pháp trị và chấp nhận sự Dân chủ hóa thực sự cho VN, như nhiều đề nghị của cơ quan quốc tế, như là của các quốc gia có thỏa ước thương mại với VN. Lãnh đạo VN thì cho rằng dân chủ phải đi kèm theo kỹ luật. Hay nói cách khác, chánh quyền VN dùng nhiều thứ luật từ đảng CS chế tạo ra, để phết bỏ dân chủ bằng cách này hay cách khác.

Thực tế qua các vụ tranh chấp đất đai như chúng ta biết, chánh quyền vi phạm luật, làm nhiều điều sai trái với dân, mà phần lớn viên chức không được xét xử phân minh. Còn

người dân khi thực hiện quyền dân chủ do luật lệ qui định, thì bị chụp mũ là phản động, là vi phạm luật pháp, bị gán là vi phạm hình sự.

Dưới mắt người dân thì đó không phải là Dân chủ pháp trị đúng đắn. VN cần thực thi dân chủ căn bản về đất đai theo đúng nguyên tắc dân chủ và đúng theo Hiến pháp và luật pháp của VN. Vậy theo suy nghĩ, khi có biến thể mạnh hơn, VN cần cải sửa nhiều hơn về thể chế và định chế, về Dân chủ hóa, thì quyền lợi chánh đáng của dân về đất đai sẽ được bảo vệ.

Như Ngân hàng thế giới tại VN đề nghị trong Báo cáo nghiên cứu cho kế hoạch 2035, công trình rất đồ sộ (500 trang) có tựa đề “Hướng tới Thịnh vượng-Sáng tạo-Công bằng-Dân chủ”, phương án nghiên cứu do Nam Hàn và Úc tài trợ. Trong đó có hai đề nghị trích ra đây: “Phải xây dựng thể chế hiện đại và hiệu năng”. Và đề nghị một trong các mục tiêu phát triển, VN cần hướng tới là “Cải sửa thể chế”.

5.1.3. Vấn đề đất đai và nhân quyền

Một trong các vấn đề căn bản khác có liên hệ đất đai là vấn đề nhân quyền. Bảo vệ nhân quyền là phải bảo vệ quyền tư hữu đất đai, điều này có qui định trong công ước nhân quyền quốc tế mà VN đã ký. Ngoài ra, những vụ bắt bớ tù tội những người tranh đấu của nông dân, những lợi dụng chức quyền, để tham nhũng to lớn về đất đai, là những vi phạm nhân quyền. Tình trạng này đã nhiều lần các cơ quan nhân quyền quốc tế như Human Rights Watch đã nhận định VN là một trong những quốc gia vi phạm nhân quyền trầm trọng nhất. Nếu chánh quyền VN trong tương lai, biết tôn trọng nhân quyền, thì những đau thương và thiệt hại đất đai sẽ giảm bớt.

5.2. Đất đai và luật pháp và hành chánh công

5.2.1. Khái quát Bộ máy công quyền VN

Thông thường khi nói về bộ máy Công quyền là bộ máy Nhà nước gồm Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp độc lập nhau. Nhưng ở VN XHCN thì khác, Chánh trị và Hành chánh là một, hay nhập nhằng vào một. Cho nên bộ máy công quyền có hai bộ phận chánh là đảng và nhà nước. Mà đảng đứng trên hết, chỉ huy các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp. Điều này mọi người đều rõ, đó là hệ thống chánh trị và hành chánh của chế độ CS.

Qua vấn đề đất đai, các sai phạm chánh yếu là từ bộ máy công quyền. Cho nên sự cải thiện vấn nạn đất đai là phải cải thiện bộ máy công quyền. Bộ máy công quyền theo kiểu CS là bộ máy đảng và bộ máy nhà nước, không thể tách rời ra được, trong cải đổi quản lý hành chánh.

Cách thông thường, bộ máy công quyền là nói tới cơ cấu, luật lệ, nhân sự và phương tiện hoạt động. Điều gần như rõ ràng là VN cần một sự cải cách Hành chánh theo nghĩa thông thường, là cải tổ hệ thống cơ quan Hành pháp. Nhưng ở VN như vậy không đủ và không thích hợp. Phải cùng cải tổ một lúc hai bộ máy, vì cả hai bị trực trực. Cái trực trực là

bao gồm cả cơ cấu tổ chức, phương cách thực hiện, thi hành luật lệ, và nhất là nhân sự của của hệ thống. Vì hai bộ máy song song, mà bộ máy nhà nước chỉ là thừa hành, từ việc làm luật tới giai đoạn thi hành luật. Có khi thuộc cấp nhận một lúc, về một vấn đề nhưng với hai chỉ thị khác nhau, mâu thuẫn nhau.

Trong tình cảnh nguyên tắc chỉ huy không rõ ràng như vậy, muốn vấn nạn đất đai giảm bớt, thì phải cải tổ mạnh hai bộ máy quyền lực kết chặt nhau theo nguyên tắc chế độ CS chính thống. Vấn đề không đơn giản.

Điểm chánh yếu nữa đã tạo ra sự phức tạp và lạm quyền của viên chức trong hành xử công quyền là việc chánh quyền can thiệp quá sâu rộng vào đời sống hay lãnh vực của người dân.

Trong nguyên tắc của chế độ XHCN thì chánh quyền phải chỉ huy và can thiệp thật sâu rộng vào mọi lãnh vực dân sự. Nguyên tắc này dễ bị lợi dụng và lạm dụng, nhất là với cán bộ không có sự ngay chính.

Trong quá khứ, có vài lần VN làm cuộc cải cách Hành chánh. Mục tiêu chánh của các lần cải cách này là: Huấn luyện cán bộ Hành chánh về kiến thức và kỹ năng của Hành chánh công. Trang bị về kiến thức luật pháp. Và mục đích là tinh giản và hiệu năng của cơ quan công lập.

Trên thực tế trong 50 năm qua, VN cũng đã có mấy lần Cải cách hành chánh (CCHC). Trong 10 năm đầu sau 1975, bộ máy công quyền VN về cơ cấu lẫn nhân sự rất khác thường, rất bất hợp lý, mặc dù CSVN đã có chánh quyền đầy đủ trong 20 năm tại miền Bắc. Bộ máy công quyền đó theo đúng khuôn mẫu của chế độ XHCN chính thống. Về nhân sự thì thiếu trầm trọng, và năng lực rất kém vì những cán bộ nắm các chức vụ chánh trị và hành chánh của đảng bộ, cơ cấu chánh quyền từ tỉnh, đến quận xã, phường hầu hết đều từ trong bụng ra, trình độ học vấn rất thấp. Mấy năm sau, có được một số nhân viên khá hơn, nhưng rất thiếu vì sự đào tạo ở miền Bắc rất hạn chế vì nhân lực đã tiêu hao lớn trong chiến tranh. Một trong những nguyên do suy sụp toàn diện kinh tế xã hội vào các năm 1985, là vấn đề nhân sự của bộ máy cầm quyền vừa thiếu khả năng vừa gian ác với dân.

Sau khi đổi mới, tình hình kinh tế xã hội có thay đổi, và cộng thêm yếu tố quốc tế, bộ máy hành chánh có quá nhiều khuyết điểm, nó không làm trọn nhiệm vụ của giai đoạn mới. Vì vậy CS VN bắt buộc phải có một số “Cải cách Hành chánh”. Vì mô hình của bộ máy công quyền VN kỳ lạ và phức tạp, nên những nguyên tắc của Cải cải Hành chánh thông thường khó áp dụng hầu có nhiều kết quả. Dù thế nào, dù vẫn kiên định với chế độ độc tài, hay dù vẫn ôm quan niệm “đổi gì thì đổi miễn không mất đảng là được” như khẳng định trong đại hội đảng 1986. Tình trạng bộ máy hành chánh lằng nhằng như thế cứ kéo dài. Cho nên muốn có tiến bộ thực sự thì VN cần có cuộc thay đổi bộ máy công quyền mạnh mẽ. Một sự cải cách về mọi mặt, chứ không thể chỉ là tinh gọn cơ cấu.

5.2.2. Cải cách Hành chính VN trong quá khứ.

VN cải cách hành chính qua hai kế hoạch:

- Thứ nhất là những cải tiến tự VN thực hiện. Như thành lập Học viện Hành chính Quốc gia. Sau 1975, VN có Học viện Hành chính Quốc gia ở Hà Nội và phân bộ ở Saigon. Mục đích là nhằm đào tạo và huấn luyện cách thường xuyên cho khối công chức quá đông đảo.
- Thứ hai là VN nhờ viện trợ của cơ quan quốc tế và một số quốc gia nghiên cứu và cố vấn trong mục đích cải tổ bộ máy Hành chính công quyền theo mô thức tân tiến trên thế giới.

Trong kế hoạch nhờ bên ngoài, có phương án của Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (United Nations Development Program - UNDP) nghiên cứu cho VN, từ 1994. Mục đích chính là tinh giản và cải tổ Bộ máy Hành chính; chương trình huấn luyện và đào tạo cán bộ Hành chính qua chương trình Hành chính tân tiến, cải chỉnh luật lệ hành chính.

Ngân hàng thế giới và Ngân hàng Phát triển Á châu đã viện trợ cho chương trình cải tiến và tự động hóa trong cơ quan hành chính VN.

Các phương án khác từ một số quốc gia, như Thụy điển và Đan mạch giúp nghiên cứu bộ máy hành chính công quyền. Đây là những kế hoạch tốt thông thường tại nhiều quốc gia đang phát triển đã thực hiện.

Nhưng thực tế, sau khi có những chương trình cải cách đó, sự thực hành không có kết quả như mong muốn. Như một số cán bộ khi tốt nghiệp Học viện Hành chính Quốc gia hay sau khóa tu nghiệp hành chính, cho rằng có khác biệt giữa lý thuyết và thực tế của bộ máy đang vận hành.

Như ý kiến của đại học Princeton trong nghiên cứu nền hành chính VN (Policy leaps and implementation obstacles: Civil service reform in Vietnam), tác giả là David Hausman, 2010, có nhận xét “Chánh quyền VN không phân biệt viên chức đảng và công chức nhà nước”, và nhận xét về tuyển dụng công chức ở VN: “Các cơ quan ít khi đăng tin tuyển dụng công khai”... “...Tuyển chọn không dựa vào tiêu chuẩn đạo đức, mà dựa vào lòng trung thành với đảng”.

5.2.3. Ý kiến về cải cách hành chính trong tương lai

VN nên và có thể làm cuộc cải cách bộ máy công quyền toàn diện và hữu hiệu hơn, đặc biệt trong quản lý đất đai. Đó là vấn đề cần phải làm, nếu VN muốn có sự phát triển công bằng và bền vững. Và đó cũng là phần chính yếu trong việc “phòng chống tham nhũng”, một chủ trương có vẽ quyết liệt trong 10 năm qua.

Bộ máy hiện tại có quá nhiều chỗ hư hỏng, nên việc cải đổi phải quyết liệt và toàn diện từ các phần chính yếu:

Từ quan niệm chánh quyền phải can thiệp vào nhiều công việc của dân. Chánh quyền phải đề tư nhân và dân chúng đóng góp công sức và tài sản cách hợp lý và tự nguyện.

Từ cơ cấu bộ máy, nhứt là cái tương quan và siêu chánh phủ của bộ máy đảng. Giao lại quyền và minh thị nhiệm vụ và trách nhiệm từng viên chức của Hành pháp Lập pháp và Tư pháp.

Tinh giản hay có thể hủy bỏ nhiều tổ chức dân sự của đảng thuộc sự chỉ huy của đảng và sự tài trợ của nhà nước. Hướng dẫn cho các tổ chức loại xã hội dân sự độc lập về điều hành và về tài chánh, và thực sự hữu ích không phải cho đảng mà cho đất nước.

Từ hệ thống pháp luật, cải sửa thật nhiều về cách làm và nội dung luật thi hành luật. Cần có Luật Hành chánh và Tòa án Hành chánh hữu hiệu. Điều này có thể cải sửa phần nào về sự lạm quyền, vượt luật, và trách nhiệm cán bộ viên chức nhà nước.

Từ vấn đề nhân sự, có thể nói là quan trọng bậc nhứt trong bất cứ bộ máy công quyền nào. Vấn đề này liên quan tới sự tuyển dụng và thăng thưởng, và kỹ luật. Bộ máy càng tinh giản, nhân sự càng ít, do đó kỹ luật nội bộ càng được sử dụng tốt hơn.

Khi nêu thật lòng cải cách, thật sự sửa đổi những khuyết điểm của bộ máy công quyền sẽ đóng góp nhiều cho mọi kế hoạch và trong hướng đi tổng quát của đất nước, là thực hiện nền kinh tế thị trường thực sự, là đặt quyền lợi của dân lên trên, là tạo lập và giữ được uy tín với quốc tế.

5.3. Đắt đai và phát triển công bằng, cân đối và bền vững

Đây là vấn đề lớn và tổng quát từ sách lược phát triển từ những kinh nghiệm của các quốc gia tiến bộ, khởi đi từ một nước nghèo. Suy nghĩ về sự phát triển kinh tế xã hội, điều này có liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới đắt đai.

5.3.1. Cân bằng và công bằng giữa nông thôn và thành thị

Như chúng ta đã biết đắt đai là một trong các tư liệu sản xuất quan trọng. Đặc biệt trong trường hợp VN, một quốc gia nhỏ, dân đông, và có tới 2/3 dân sống khu vực nông thôn nghèo và còn chậm tiến. Mặc dù VN có đạt được một số mặt khá về kinh tế, nhưng trên một số mặt kinh tế xã hội, văn hóa, văn minh, còn có nhiều điều cần phải sửa đổi, cần bắt kịp tiến bộ chung của cộng đồng thế giới.

Nhìn lại, nghiêm túc tự xem xét quá khứ, rút ra những bài học của VN, và tiếp thu các kinh nghiệm của các quốc gia tiến bộ, ít nhứt có các điều cần cho công cuộc cải cách ở tương lai:

Với nông dân, bảo đảm giá tối thiểu cho một số nông sản chánh yếu. Khi giá thị trường xuống thấp quá chi phí sản xuất, chánh phủ có chánh sách trợ giá. Đó là bài học từ Đài Loan, chánh quyền bảo đảm giá nông sản qua tổ chức Hiệp hội nông dân. Ở Úc chánh

quyền có đại diện trong các HTX xuất cảng quan trọng, để hướng dẫn xuất cảng và bảo đảm giá xuất cảng.

Về đầu tư công cho nông thôn nhiều hơn cho hạ tầng cơ sở nông thôn. Ngoài đường sá, chương trình thủy lợi cần hữu hiệu hơn, đặc biệt tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng rất quan trọng chẳng những cho VN mà cho thế giới về sản lượng lúa gạo, trong tình trạng có nhiều khó khăn hiện nay và tương lai.

5.3.2. Cân bằng và tái phân phối tài chính công, và sản lượng và tài nguyên quốc gia

Với chế độ XHCN, sự cân bằng phát triển và sự hữu hiệu tài chính công không dễ dàng và không hợp lý như chúng ta biết trong 50 năm. Nhưng muốn có sự công bằng và bền vững trong phát triển kinh tế xã hội, một trong những điều cần yếu phải nghĩ đến là sự phân phối, điều hành tài chính, viện trợ, sản lượng quốc gia cách công bằng, minh bạch, và hữu hiệu. Có tới 65% quốc doanh bị lỗ triền miên, vì vậy quốc doanh chiếm 70% của tổng số nợ xấu. Một số quốc doanh lỗ mất quá nhiều như Tập đoàn kinh tế Vinashin, đóng tàu biển, lỗ mất gần 4 tỷ mỹ kim (2010), Tổng công ty khác Vinaline, chuyên vận đường biển, lỗ mất 2 tỷ mỹ kim (2012). Tình trạng quốc doanh như vậy từ nhiều chục năm nay, là gánh nặng của nhà nước, và bất công với khu vực kinh tế tư doanh và khu vực nông thôn.

Có rất nhiều nông dân không vay được tiền chính thức ở ngân hàng, mà phải vay ở tín dụng chui với lãi suất rất cao.

5.3.3. Nhân lực

Nhân lực là vấn đề quan trọng bậc nhất, trong mấy chục năm qua. Dân số trẻ ở nông thôn thừa, trong khi đó các nhà đầu tư ngoại quốc có khó khăn trong tuyển dụng nhân công có tay nghề thích hợp với nhiều ngành công nghệ mới. Sự huấn luyện đào tạo nhân lực từ nông thôn rất quan trọng theo kinh nghiệm của các quốc gia “con cọp kinh tế” đã đi qua. Trong giai đoạn đầu của phát triển kinh tế xã hội, nhiều nước coi việc phải đào tạo các kỹ sư hay công nhân có tay nghề quan trọng và ưu tiên.

5.3.4. Chọn lựa ưu tiên phát triển

Trên nguyên tắc thông thường, và theo kinh nghiệm nhiều quốc gia, muốn có sự phát triển thực sự tốt đẹp và bền vững là phải đạt được sự phát triển vừa số lượng vừa có chất lượng. Trong một giai đoạn nào đó, có thể các tòa nhà 20-30 tầng, hay đường xe lửa cao tốc đặc tiền, hay có nhiều tỷ phú đô la, hay những khu gia cư rất cao giá, chưa phải ưu tiên hơn những cây cầu qua kinh rạch, những ngôi trường làng hiu hắt, những cống rãnh những con đường bị ngập lụt trong thành phố. Đầu tư vào những dự án công xử dụng nhiều công nhân thì tốt hơn trong giai đoạn có thất nghiệp cao.

Về doanh nhân khu vực kinh tế tư, là một thành phần quan trọng trong phát triển kinh tế cân bằng và bền vững. Trong các quốc gia có nền kinh tế tự do, chính quyền rất

coi trọng doanh nhân tư đồng thời cũng có nhiều biện pháp ngăn chặn bớt sự sai trái lũng đoạn của một số doanh nhân không đạo đức. Cho nên có cần khối doanh gia chân chính có mức độ tài chánh triệu mỹ kim hơn là vài chục tỷ phú đô la nhưng lại đầu tư quá lớn vào ngành không ưu tiên.

Về ưu tiên đầu tư, kế hoạch phát triển, vì tài nguyên có giới hạn, nên bắt buộc phải chọn ngành ưu tiên, tức ngành có hiệu quả đầu tư cao, ảnh hưởng tốt đến nhiều ngành khác, căn bản cho phát triển lâu dài và bền vững. Đó như là các ngành: công nghệ yểm trợ nông nghiệp. Còn ngành ưu tiên cho xuất cảng nên chú trọng ngành điện tử, may mặc và nguyên liệu may mặc (bông vải tơ sợi phải nhập 80% từ Trung quốc), chế biến dầu thô, quặng nhôm, quặng sắt trong nước, hơn là đưa qua cho Trung quốc chế biến.

Tóm lại, chúng tôi nghĩ, muốn có sự phát triển cân bằng và bền vững thì chánh quyền trong vai trò điều hướng, cần hướng dẫn đầu tư công và tư, vào những lãnh vực ưu tiên và thiết thực, vừa giúp phát triển kinh tế, vừa cải thiện công bằng xã hội.

Sau cùng, chúng tôi nghĩ, con đường phát triển Việt Nam tương lai, mà mọi người mong ước và hy vọng, là cần và nên đặt trên nguyên tắc Dân bản và Dân tộc.

Nguyễn Bá Lộc

Cali, Tháng giêng, năm 2025

Tài liệu tham khảo

1. John Gillespie, Vietnam: Will property rights solve disputes, World Bank, 2012
www.worldbank.org.vn.
2. Sửa đổi luật đất đai để thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam, World Bank.
www.worldbank.org.vn, 2012.
3. Land use Rights and Informal Credit in Rural Vietnam, *Italian Economic Journal*, 2024.
4. Malcolm F. Pherson, Land of Vietnam: Challenges and Prospects for constructive change, *Journal of Macromarketing Change*, Haward University, 2011.
5. Montaner Larson, Janell B., Land Ownership and Property Rights. Pennsylvania State University.
6. Vietnam Revised land law won't stop unfair land grabs, RFA, 2024.www.rfa.org.
7. Land policy for socioeconomic development in Vietnam, Ash Center, Haward Kennedy School.
8. Roger Pilon, Property Rights and the Constitution, CATO Institution, 2017.
www.cato.org.
9. Phan trung Hien & Huge D Spitzer, Vietnam's Entire people ownership of land: Theory and Practice. www.scholarshiplaw.upenn.edu

10. Land Reform in Vietnam, Administration of Land affairs, AID 1968, Stanford Research. <http://usaid.gov>
11. The Economist, Property disputes are Vietnam's biggest political problem.
12. Jairo Acuna Alfaro, Land management is the worst performance, new survey on Vietnam, United Nations Development Program, 2012.
13. Matteo Mighell, Land-Use Rights and Informal Credit in Rural Vietnam, *Italian Economic Journal*, 2024.
14. Huynh Thanh Do, Land Conflict in Emerging Suburban Areas in Vietnam: Causes and Effects. United Nations Development Program, 2012
15. Jacob Mchangama, The Right to Property in Global Human Rights Law, CATO Institute, 2011
16. Economy of the Republic of Vietnam, Wikipedia. www.wikipedia.org
17. Pham huu Nghi, PhD, Phòng chống tham nhũng trong giao đất và cho thuê đất ở Việt Nam. www.thanhtravietnam.vn
18. Corruption in land related projects, *Vietnam law Magazine*. www.vietnamlawmagazine.vn
20. Tham nhũng & những lỗ hổng pháp lý về đất đai, *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*, 2023.
21. Phan xuân Sơn, Nguyên nhân của sự xung đột đất đai ở Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, 2013.
22. Vietnam's Real Estate Market Turmoil, Vietnam Briefing, 2023. www.vietnam-briefing.com
23. Overview of corruption and anti-corruption in Vietnam, Transparency International. www.transparency.org.
24. Elliot Brennen & Tung Phung Duc, Reforming Vietnam's Rural Economy, Institute for Security & Development Policy, 2012.
25. Toan Le, Dong Tam Land Disputes Exposes Vietnam's Rights and Democracy Challenges, *The Diplomat*, 2020.
26. Quyen Vi Tran, Land-Grabbing in Vietnam Gets Serious in Urban Areas, *The Vietnamese Magazine*, 2019.
27. Vietnam: Drop Charges and Free Land Rights Activist, Human Rights Watch, 2016.
28. Dat Le, Land Conflicts in Vietnam: Causes, Effects, and Solutions, Human Rights, 2022.

***Nguyễn Bá Lộc**

Cao học kinh tế, Học viện Quốc Gia Hành Chính, 1967

Hậu đại học, tại Đại học Queensland, Úc đại lo75ic, 1970-1971

Cựu Giám đốc tại Bộ Kinh tế. Cựu Giảng viên tại Đại học Cần Thơ.

**Ghi chú: Đây là một trong 32 bài tham luận của 28 tác giả, trong tập sách "Việt Nam 50 năm khát vọng tự do", xuất bản tháng tư /2025. Liên lạc: 50namkhatvongtudo@gmail.com*

CHUYỆN CŨ KHÔNG RỜI

UYÊN THAO



*Khép mắt cố quên đời chiến sĩ
 Làm thân cây cỏ gục ven bờ
 Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
 Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa ...*

• THANH NAM

Trần Phong Vũ chuyển cho tôi mấy dòng thư của Đỗ Mạnh Tri cho biết anh có cảm giác như vừa nghe những lời trần trối khi đọc bài viết của tôi. Tôi không hiểu điều nào trong bài viết nào gợi cho Đỗ Mạnh Tri cảm giác đó, chỉ thấy đầu óc trống trơn.

Hoàn toàn bất định, tôi mở tờ báo cũ vừa nhờ Tạ Quang Khôi tìm được. Đập vào mắt tôi là bài viết của Trần Phong Vũ từ ngót 30 năm trước. Cuối bài ghi ngày 22-11-1974, tròn 24 giờ trước khi tờ *Sóng Thần* phát hành số giả từ độc giả vì không còn phương tiện xuất bản sau mấy tháng bị tịch thu liên tục. Rất nhanh, tôi bỗng thấy mình đang ngồi tại căn phòng trong ngôi nhà số 133 đường Võ Tánh, Sài Gòn qua các dòng chữ của Trần Phong Vũ:

“Chuông điện thoại reo vang. Từ đầu dây bên kia, giọng Uyên Thao trầm trầm quen thuộc: “Tụi tao quyết định xong rồi.” Tôi ù hử không dám hỏi thẳng, muốn chạy trốn sự thực. Nhưng tiếng Uyên Thao vỡ ra như nhát búa nện ngọt trên ô kính: “Phải đình bản. Không còn cách nào khác.”

Tôi ngồi im, nhìn sững vào khoảng không. Bất động ... Tôi nghĩ tới những năm tháng cộng tác với Sóng Thần, tờ báo mà cả người làm cũng như người đọc không khỏi hãnh diện vì lập trường dứt khoát, đứng đắn và cũng vì nội dung lành mạnh khó kiếm giữa thời buổi nhiễu nhương, vàng thau lẫn lộn này. Tờ báo đã làm gì nên tội? Người

viết cũng như người đóng góp mồ hôi, công sức cho tờ báo đã làm gì nên tội mà phải nhận chịu kết cuộc bi thảm như vậy?

Không uơon hèn, không ích kỷ, không chấp nhận bất công hà khắc, yêu chuộng dân chủ tự do, muốn được sống cho ra sống... phải chăng là một cái tội?"

Bên cạnh bài của Trần Phong Vũ là bài viết cùng ngày của Nhật Tiến với những dòng cuối:

"Chiều hôm nay, tôi được đọc lá thư khẩn báo của toà soạn Sóng Thần với độc giả Mặc dù từ 3 tháng nay, tôi đã nhìn thấy sự gian khổ mà anh em trong toà soạn Sóng Thần phải chịu đựng, vậy mà tôi vẫn cảm thấy xúc động sâu xa trước lời lẽ khẩn thiết, chân thành của toà soạn trong lá thư đây nghẹn ngào và nước mắt đỏ. Tôi tự hỏi vài ba bữa nữa, nếu không còn phương tiện để tiếp tục ra báo, Sóng Thần có thực sự tắt tiếng thật không?

Ròng rã trong 40 số báo vừa qua, tiếng nói của Sóng Thần đã gây cho người đọc thật nhiều âm hưởng. Cho dù Sóng Thần không thể ra nữa thì tiếng nói ấy, âm hưởng ấy vẫn còn dội vang mãi trong lòng tôi, trong lòng độc giả."

Giữa hai bài viết của Trần Phong Vũ và Nhật Tiến là lá thư của linh mục Thanh

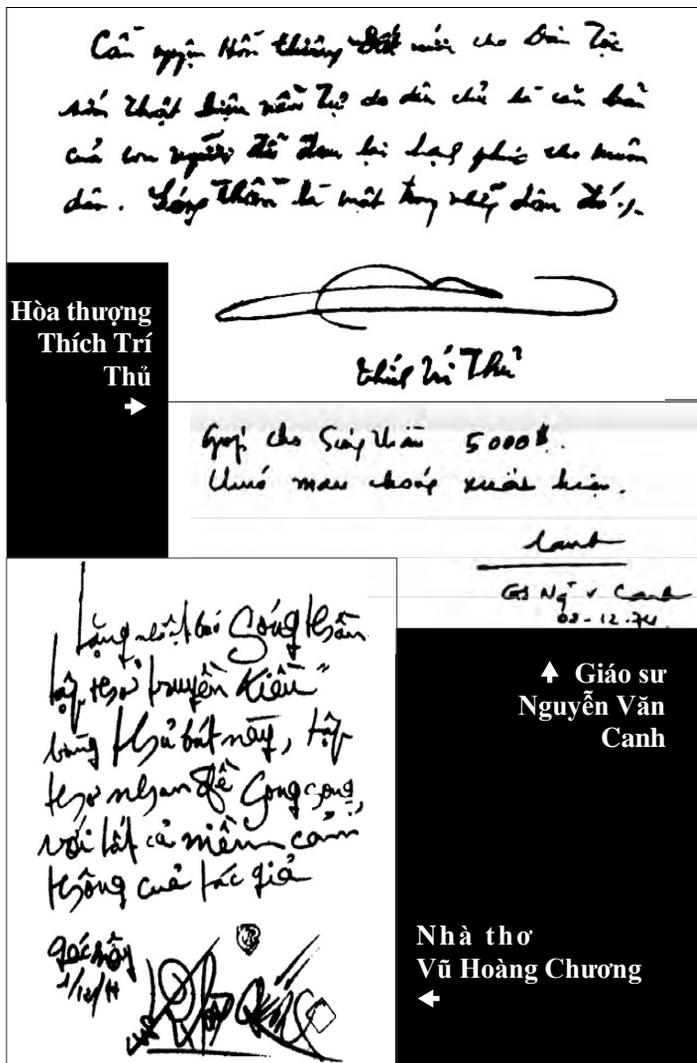
Lãng:

"Văn hữu Trùng Dương,
 Tôi rụng rời, chán nản vô hạn khi chiều nay ra sạp báo không thấy có Sóng Thần. Tôi gọi cho văn hữu Nhật Tiến thì được biết Sóng Thần bị tịch thu vì bài của tôi. Văn hữu Nhật Tiến cho biết vì kiệt quệ tận cùng do bị tịch thu liên tục, Sóng Thần chiều mai sẽ ra số cuối rồi sau đó sẽ đi vào giấc ngủ ngàn thu. Hôm kia, cả Trùng Dương, cả Uyên Thao đều gọi điện thoại hỏi thăm tôi xem đã khỏi đau chưa...

- Cha ơi! Đã khá chưa?
 Gửi bài cho Sóng Thần đi. Sóng Thần chẳng hy vọng sống thêm được bao lâu nữa đâu. Mong Cha có mặt bên Sóng Thần trong những ngày.....

Tôi chận không cho hai người bạn của tôi nói hết câu nói mà tôi biết nó phũ phàng, đen tối quá. Tôi vâng lời hai bạn để có bài....

Bài của tôi chẳng viết gì khủng khiếp chỉ duyệt lại tất cả kháng thư của các đoàn thể đã đưa ra từ sau cái ngày



31-10-1974, các kháng thư đã được tất cả các báo đăng tải suốt 3 tuần qua.....

Chị Trùng Dương, anh Uyên Thao, anh Lý Đại Nguyên,

Chẳng lẽ vận của Sóng Thần chỉ có thể thôi ư? Các anh chị cố kéo dài cho Sóng Thần ít hôm nữa xem sao. Nhân danh là người gây hại cho Sóng Thần, tôi xin Nức Nở, Nghẹn Ngào nói với, khóc với, than với tất cả anh em, thân hữu, người hàng Tâm, nhất là người hàng Sản hãy Tiếp Tay, Tiếp Sức cho Sóng Thần để Sóng Thần tiếp tục con đường xây dựng Tự Do, Dân Chủ mà nó đã chọn.

Sóng Thần Phải Sống!”

Bốn chữ “Sóng Thần Phải Sống” nổi nhau hiện lên từ hàng loạt thư trích in. Bên cạnh thư của giám mục Huỳnh Văn Nghi là thư của hoà thượng Thích Trí Thủ, thượng

Kính chúc Anh Em Ban Điều Tập
Thật Báo Sóng Thần được luôn luôn trung thành
với lý tưởng phụng sự Công lý và Chân lý.
Sài Gòn 2. 12. 1974
Kính thư Huỳnh Văn Nghi
Giám mục TP. Sài Gòn
Lm. Nguyễn

Giám
mục
Huỳnh
Văn
Nghi

Luật
sư

Bùi
Tường
Chiếu

Thành thực chúc SÓNG THẦN mau trở
lại cùng chúng tôi tranh đấu với anh
em.
Là giúp 30.000\$ -
Sài Gòn ngày 2-12-1974
Bùi Tường Chiếu

Hiện tình đất nước không thể
thước Sóng Thần.
Chẳng lẽ vì Sóng Thần theo
đúng là một ngọn lửa không thể
tắt.
Kính mong Sóng Thần lại xuất và
tôi tại hiện tại trong một
tranh đấu của Dân tộc.
Sg 2/12/74
Nguyễn Liệu

←
Cụ
Nguyễn
Văn
Lực

toạ Thích Quảng Độ, thư của cụ Nguyễn Văn Lực, của luật sư Bùi Tường Chiếu, của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhà văn Bình Nguyên Lộc, nhà thơ Vũ Hoàng Chương... và của một nữ sinh tên Nguyễn Thị Hoàng Kim đã gửi cho toà soạn Sóng Thần 1000 đồng là số tiền em để dành mua đôi dép mới. Em bảo có thể mang đôi dép cũ một, hai tháng nữa trong khi Sóng Thần đang cần tiếp tay để còn hơi thở...

Bốn chữ Sóng Thần Phải Sống cũng lập lại nơi bài viết từ các báo Chính Luận, Công Luận, Trắng Đen, Nghị Luận...

và còn là tựa đề một bài viết của báo Đại Dân Tộc.

Âm vang bốn tiếng đây tôi lùi mãi về sinh hoạt của tờ báo mà Lê Thiệp ghi trong một bài dài trên số báo từ ngót 30 năm trước, ngày 24-11-1974, đang trải trước mắt tôi lúc này. Lê Thiệp mở đầu bằng

lời nhắc tôi luôn nghe thưở đó:

“– Tôi thấy không nên đăng bài ông Liệu. Tránh voi chẳng xấu mặt nào.

– Tao nghĩ khác. Đây là một trắc nghiệm với chính sách thông tin. Ông Liệu chỉ đặt vấn đề thảo luận về thành phần thứ ba... Có nhiều điều đáng thảo luận lắm chứ.

– Tôi thấy ông platonique! Không có gì để thảo luận hết.

– Thế mày làm báo để làm gì?

– Tôi làm báo cho ông Sáu Cao bán, không làm báo cho Cảnh Sát Quận 3.

– Đừng giở trò bậy. Tao là xếp, tao cho đăng.

Tuyên bố xong, Uyên Thao cầm bài của Nguyễn Liệu cho vào xấp bài để sẵn cho Tấn Typo. Tôi rút một điếu Kool. Trên đời có thứ thuốc lá nào tôi ghét nhất thì phải là thứ thuốc này. The the, gắt, nồng, cháy không hết tàn và cái đầu lọc cứng như que củi.

Nhưng xếp tôi, ông Uyên Thao ương ngạnh, lại hút cái của khi đó. Tôi hết thuốc và hết cả tiền mua nên đành hút gờ một điếu vậy. Biết làm sao hơn!.....

Tôi bỗng chua xót cho cái thân phận của kiếp làm báo ở xứ này và thấy người nhẹ hẫng, đi như không chạm đất, ngồi như ngồi trên mây. Tôi không còn là tôi nữa, rã rời mệt mỏi. Tuy linh cảm thấy nguy hiểm nên không muốn đăng đoạn tiếp bài của ông Liệu, nhưng từ thâm tâm, tôi đồng ý với ông Thao.... Tôi bỗng cảm thấy mình già đi, như xum xuống. Buổi chiều buồn nản trôi. Uyên Thao và tôi ngồi trơ vơ trong toà soạn. Ông Thao trầm ngâm:

– Tao không nghĩ là tao quá khích, nhưng có thể tao cả tin. Thôi, từ nay mày quyết định cái nào đi, cái nào bỏ.

– Tôi chẳng ngại gì công việc cày bừa một nắng hai sương. Nhưng tôi sợ không đủ phẩm quyền. Dầu sao đứng mũi thì phải chịu sào. Ráng lên ông!

Hai đứa không nói gì thêm, lui cui làm việc. Ngọn đèn néon lung linh trong cái vắng lặng khôn cùng. Hơn 8 giờ tối, ông Thao đứng dậy:

– Tao thì tao không ngại. Vợ tao bắt đầu chạy hàng xách từ đầu tháng chắc cũng đủ rau cháo qua ngày. Nhưng thấy anh em khổ quá, tao buồn. Tội ở tao cả!

– Thôi, ông lắm cảm thấy mẹ! Những đứa còn ngồi tới giờ này đều là dân húc đến cùng mà ông. Tôi mới xin bà cụ được mấy xin, mời ông đi nhậu chơi.

– Gan tao nó phá, lòng bàn tay nát báy rồi, đâu còn uống gì được. Tối nào cũng thức khuya quá!

– Thôi, về ngủ sớm đi. Mai tôi lo hết cho. Mai tôi đến sớm, cho ông 8 giờ hãy đến. OK?

– OK. Cảm ơn nhiều. Con đào mày dạo này ra sao?

Tôi bật cười. Đào với địch cái gì? Sóng Thần cân hồ từ lúc mở mắt đến khi đi ngủ, tuần lễ bảy ngày, tháng 30 ngày, còn thì giờ nào lo cho đào nữa.

– Ông ơi, nó bỏ tôi rồi. Người ta đã bỏ con rồi, Chúa ơi! Có đứa nào điên mới mê một tên vừa rách vừa “mát.” Chỉ húc bậy với ông cũng đủ để đào cho de rồi.

Sáng hôm sau, như mọi sáng, toà soạn lại tấp nập nhưng Anh Phan, Anh Điền, Huy Tường, Tiểu Siêu, Thục Viên... dạo này ít nói ít cười. Nói gì nữa bây giờ?

Quả thật báo có thể đình bản bất cứ lúc nào.

Ngày 30-10 đã sửa soạn đi luôn.

Ngày 31-10 toà đã xử trong không khí hực lửa nhưng rồi cũng thoát.

Đã có nhiều hôm quản lý Nhuận thông báo hết giấy. Toà soạn cứ làm việc và chờ đợi.

Quản lý Nhuận xoay như chong chóng, cuối cùng cũng vay mượn được 4 cuộn giấy đủ cho một ngày. Biện pháp tịch thu mỗi ngày như ngọn roi quất mạnh thêm vào cơ đồ đã lung lay, như chà sát muối vào vết thương chảy máu. Nói gì nữa bây giờ?

Tờ báo là của chung. Trong tờ Sóng Thần không có chủ và người làm công. Mọi người đều là anh em, không ai muốn tờ báo đi vào cõi chết. Nhưng tương lai tăm tối ở phía trước. Nhà tên nào có cái gì quý đem ra bán hết rồi. Tivi, tủ lạnh biến thành giấy để rồi cánh sát vô hết. Sự tịch thu liên miên bất kể lý trí đã đẩy tờ báo đến chỗ chết. Số báo ngày hôm qua, Sóng Thần bị tịch thu lần thứ 3 trong 5 ngày. Con số làm rung mình những người hiểu biết.

Chúng tôi không làm loạn. Sự đóng góp của tờ Sóng Thần với chế độ từng được chứng tỏ trong mùa hè đỏ lửa 72. Một mình Sóng Thần đã trấn an dư luận hậu phương trước cơn bão chiến trường. Sóng Thần từng thách đố phái bộ Lê Quang Hòa đối chất

công khai. Để rồi giờ đây 5 ngày tịch thu 3 lần...Nói gì nữa? Hơi thở đã tàn lụi. Sức lực đã mòn cạn.



Nhà thơ

Vũ Hoàng
Chương

Toà soạn họp để nghe lời tuyên bố đình bản vì hết tiền. Không ai ngạc nhiên, không ai thắc mắc. Hình như chúng ta nợ đến 40 triệu rồi. Hình như chúng ta đã cố vay tất cả những chỗ có thể vay. 5 ngày tịch thu 3 lần. Nhưng dù không còn tha thiết nữa thì những ân tình làm sao để đáp lại?

Bác Quốc đã trả lại tiền nhuận bút.

Cha Thiên Hồ viết chùa, còn cho 15 ngàn.

Giỏ quýt ân tình của độc giả.

Hai gói trà do một bà mẹ đưa đến sớm hôm qua.

Một độc giả ở Trần Quang Diệu cho 2000 đồng.

Và còn nhiều điều không kể hết.....

Những ân tình đó thì sao?

Tôi chán nản bỏ đi khỏi toà soạn, bước thấp bước cao. Tôi nghĩ đến người đã dậy tôi làm báo.

Mười năm trước, ông Từ Chung đã gục ngã vì đạn của những kẻ hèn nhát sợ sự thật.

Ông Từ Chung đã báo trước về những nhục nhằn của nghề báo: “Các ông đừng có nhìn nghề báo bằng lăng kính màu hồng. Các ông sẽ vấp lên vấp xuống. Các ông sẽ bị nó đánh sặc máu mồm dòn máu mũi. Các ông sẽ bị bóc lột như cu-li bến tàu thời xưa. Các ông sẽ phải làm việc 14 tiếng một ngày vẫn không đủ ăn. Nhưng tôi có một lời nói chắc rằng hễ mà các ông thực sự yêu nghề thì nếu ngã xuống các ông lại đứng dậy, bò mà đi, lét mà tới.”

Không biết tôi lét mà tới được chăng?”

Mấy chữ cuối bài của Lê Thiệp là câu hỏi tới phút này tôi vẫn không thể trả lời — đúng hơn là cố tránh trả lời. Tôi biết rõ hết thấy chúng tôi đều không sợ bò lét hay bị vùi dập. Đây là chọn lựa từ khi gây dựng tờ báo và đã là động cơ thuyết phục Chu Tử trong kỳ họp mặt những người liên hệ với tờ báo từ khắp nước vào cuối tháng 8-1971.

Địp đó, Chu Tử dù tận lực hỗ trợ việc tổ chức tờ báo nhưng không muốn tờ báo có tên anh.

Anh nhắc các khó khăn sẽ đến với tờ báo do chủ trương và các khó khăn mà riêng bản thân anh đang gặp với tư cách người cầm bút. Cho nên, anh coi như hết phận sự khi chúng tôi lo xong mọi việc để có tờ báo. Anh không muốn cái tên Chu Tử sẽ chất thêm gánh nặng lên vai chúng tôi khi con đường chúng tôi đi là con đường đầy chông gai.

Nhưng từ Phạm Văn Lương, Nguyễn Liệu, Trần Huy Phong, Lý Đại Nguyên, Hà Thế Ruyet... đến các đại diện địa phương đều không muốn vắng tên Chu Tử kể cả khi thực tế đúng như anh nói là cái tên Chu Tử chỉ mang thêm gánh nặng cho chúng tôi. Rồi cụ Phạm Văn Bính, cụ Trọng Nghĩa lên tiếng tán trợ chúng tôi khiến Chu Tử đành nhượng bộ, thuận ghi tên vào nhóm chủ trương với điều kiện “*chỉ góp mặt trong ba tháng đầu thôi.*”

Tôi bắt gặp nụ cười của Tân Dân đang đứng trước *micro*. Tân Dân lúc đó vừa 21 tuổi, là người trẻ nhất tòa soạn, được giao nhiệm vụ điều khiển chương trình cuộc họp.

Chu Tử chưa nói dứt, Tân Dân với nụ cười rạng rỡ trên môi đã yêu cầu mọi người thông qua bằng một loạt vỗ tay. Hình ảnh nụ cười của Tân Dân sống lại trong ký ức lúc tôi ngồi bên Vũ Ánh tại trại tù Z.30A. Khoảng 1985-1986 Vũ Ánh vừa chuyển trại tù từ Phú Khánh về nhốt chung tại Z.30A với tôi đã kể về phút cuối của Tân Dân tại trại tù Hàm Tân cuối năm 1975:

– *Nó không trốn. Nó cố tình chạy thẳng ra cổng trại cho bọn kia bắn.*

Thời gian đó, Vũ Ánh bị giam cùng trại với Tân Dân đã chứng kiến bạn mình ngã xuống.

Khi bị bắn tại trại Hàm Tân, Tân Dân mới tròn 25 tuổi và trước đó không lâu còn viết cho tôi mấy dòng chữ đầy hào hứng. Tân Dân viết cho tôi từ một góc rừng nào đó mà Tân Dân tin sẽ đem lại cho mình cơ hội được đi tiếp con đường đã chọn. Tôi vẫn bị cho là cả tin nhưng sau ngày 30-4-1975 bỗng luôn dẫn đo ngờ vực. Vì thế, tôi không muốn Tân Dân rời thành phố để tham gia một đơn vị quân đội Cộng Hoà chưa chịu buông súng, vừa cứ người lên tới gặp chúng tôi. Nhưng Tân Dân không làm chủ nổi mình. Buổi cuối cùng gặp tôi, Tân Dân nói dứt khoát:

– *Nếu phải ở lại, em sẽ bắn vợ con rồi bắn vào đầu mình chứ không chịu nổi cảnh này thêm một ngày.....*

Dù Tân Dân là sĩ quan Biệt Động Quân tại tuyến đầu vùng I, tôi vẫn luôn bắt gặp trước mắt mình một sinh viên trẻ hồn nhiên. Lúc nghe Tân Dân nói mấy lời trên, tôi không còn thấy người sinh viên trẻ có mặt bên tôi thời gian qua nữa. Tôi nhớ lại Tân Dân đã quyết định không trình diện theo lệnh Ủy Ban Quân Quản và chưa từ bỏ khẩu súng.

Tôi chỉ còn biết nhắc Tân Dân:

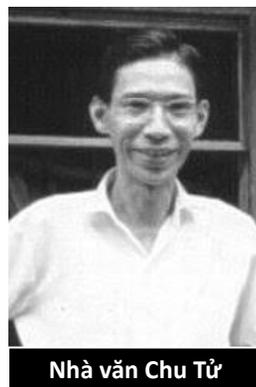
– *Nếu có cơ hội thì viết cho anh. Nhớ gọi anh là Hai nếu tốt lành, còn không, thì gọi anh là Út.*

Tân Dân đã nắn nót hai chữ “*Anh Hai*” trên mấy dòng chữ viết cho tôi một tuần sau đó. Tuy vậy, tôi vẫn chưa hết ngờ vực khiến Võ Văn Quới luôn lặp lại cái điệp khúc “*Bất quá thì coi như mình cứng đường Tam Bảo*” và Lê Trọng Uyên gần như sẵn giọng với tôi: “*Cứ dẫn đo mãi thì làm được gì. Kể cả là cái bẫy thì cũng lao vào.*”

Quới và Uyên là hai luật sư trẻ có mặt bên *Sóng Thần* tới ngày cuối của tờ báo. Khi nghe hai người nói, một câu hỏi đã nổi lên trong đầu tôi: “*Có phải mình đang sợ chết?*”

Tôi tự trả lời rất thành thực: “*Trên đời này chẳng có ai không sợ chết.*” Nhưng tôi cũng thấy rõ từ tuổi 20 chưa bao giờ cái chết ngăn nổi chọn lựa nào của tôi, kể cả khi tôi phải chọn một cảnh hết phương tự vệ và cái chết có thể ập tới tức khắc. Vấn đề chủ yếu là cái chết của mình có thể giúp nẩy nổi một chồi hy vọng nhỏ nhoi nào cho cuộc sống không? Cho nên tôi quyết định vẫn sẵn sàng chia xẻ với bạn bè mọi điều có thể làm, nhưng chưa rời thành phố tới khi nhìn rõ mọi chuyện hoặc khi lâm cảnh bị dồn tới đường cùng.

Những hình ảnh gặp gỡ đó của thời khoảng nổi sau ngày 30-4-1975 ùn ùn sống lại khi tôi nghe Vũ Ánh kể về giây phút cuối đời của Tân Dân. Nhưng rất mau, tất cả đều chìm xuống sau hình ảnh nụ cười rạng rỡ của Tân Dân mà tôi bắt gặp bữa nào.



Nhà văn Chu Tử

Một ý nghĩ bất chợt hiện lên: “*Minh không bao giờ còn thấy Tân Dân, không bao giờ còn được nhìn nụ cười đầy tin tưởng của nó nữa!*” Cảm giác mát mát biến thành mênh mông bao phủ và tôi bỗng thấy đơn độc tới mức kinh hoàng.

Cảm giác này đeo đuổi tôi suốt những ngày nối tiếp, kể cả sau khi tôi đã rời nhà tù.

Cuối năm 1986, khi Trần Gia Phụng tới tìm tôi tại chùa Pháp Hoa trong tình trạng bị quản chế, tôi lại gặp lại cảnh ngồi bên Vũ Ánh ở trại Z.30A. Trần Gia Phụng không quen biết Tân Dân nhưng là người ở cạnh Phạm Văn Lương và câu chuyện Phụng kể là giây phút cuối đời của Lương tại một trại tù miền Trung năm 1976. Phạm Văn Lương không tìm cách nhận những viên đạn như Tân Dân mà dùng ống chích tự tay đưa vào cơ thể mình một chất độc cực mạnh.

Trong lúc Phụng kể, tôi nhớ lại buổi trưa Phạm Văn Lương tới tìm tôi ở tòa soạn tuần báo *Đời* giữa năm 1970, lúc Hà Thúc Nhơn vừa bị hạ sát tại Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.

Lương nghẹn giọng khi tôi ngẩng lên và câu nói của anh là những lời đứt quãng:

– *Không thể để cái chết của Nhơn thành vô ích. Phải làm ngay một điều gì!*

Sau câu nói, Lương như đổ xum xuống chiếc ghế. Tôi không thể nhận ra nét nào cho thấy người ngồi trước mặt từng là sĩ quan binh chủng Nhảy Dù và đang là một bác sĩ, thiếu tá Quân Y phụ trách Khu Giải Phẫu của Quân Y Viện Duy Tân. Cái chết của Hà Thúc Nhơn khiến Lương lật đật từ Đà Nẵng bay về Sài Gòn gặp tôi.

Trong chiếc sơ-mi cụt tay bụi bặm nhàu nát bỏ lòng thòng và đôi dép cao su, Lương như một kẻ lam lũ vừa được lôi ra từ hầm than hay hố rác nào đó. Nhưng cặp mắt Lương nói lên tất cả nỗi đau đớn, uất nghẹn đang vây hãm. Cặp mắt đó đã thúc tôi lao vào con đường mà Chu Tử cho là đầy chông gai và không ít lần Đỗ Quý Toàn nhìn tôi ái ngại. Tôi chưa quên lời Toàn luôn nhắc tôi tại tòa soạn tuần báo *Đời* lúc đó: “*Ông đừng sống ở trên mây nữa!*”

Không hiểu sao tôi cứ nghĩ dù nói bằng giọng xót xa lo lắng cho tôi, Toàn sẽ rất buồn nếu tôi bỏ việc đang làm.

Riêng tôi, tôi biết chắc khó thể ngừng lại. Ngay tại tòa soạn tuần báo *Đời*, một buổi trưa một người lính xuất hiện, nói với tôi bằng giọng khô lạnh:

– *Anh Sơn nhờ tôi chuyển cái thư này lại cho ông.*

Tôi nhận thư nhưng không biết Sơn là ai. Người lính cho biết Lê Văn Sơn là một hạ sĩ cùng đơn vị với anh tại Biên Hòa. Tuần trước, đơn vị nhận lệnh qua hành quân tại Snoul, Cambodia. Khi ra đi, hạ sĩ Lê Văn Sơn dặn nếu thấy anh ấy không về thì trao lá thư cho tôi.

Người lính kết thúc câu chuyện: “*Không lấy được xác anh ấy!*”

Tới lúc đó, tôi không còn nhiều cảm xúc trước cái chết.

Năm 1955, tôi đã đứng im bên Sáu Cao khi khẩu súng trên tay anh nhắm đạn liên hồi vào một người luôn coi chúng tôi là kẻ tử thù đang đứng phía trước.

Năm 1965, tôi đã ngồi lặng khi chiếc trực thăng chở nhóm bạn vừa chia tay chưa đầy năm phút nổ tung ngay trước mắt trên vùng trời Đức Cơ. Cũng năm 1965, một tối mùa Đông, tôi đã tự nhân chìm vào tiếng nhạc tại Câu Lạc Bộ Phương Hoàng, Pleiku



Bác sĩ Phạm Văn Lương

khi nghe báo người bạn hẹn gặp tôi không thể tới. Lời hẹn đưa ra lúc 4 giờ sáng khi chúng tôi gặp nhau chớp nhoáng tại phi trường Cù Hanh, nhưng người hẹn tan xác lúc 10 giờ.

Tuy vậy, tôi đã chết lặng khi nghe người lính kết thúc câu chuyện về hạ sĩ Lê Văn Sơn.

Trong bao thư Sơn gửi cho tôi có 300 đồng — bằng 6 Mỹ kim theo thời giá lúc đó — với mảnh giấy học trò nguệch ngoạc mấy chữ viết vội “*góp một số vốn cho nhóm Hà Thúc Nhơn ra báo để nói lên tiếng nói của người dân.*”

Hạ sĩ Lê Văn Sơn không thoát vòng may rủi chung của hết thầy, nhưng không quên các điều vượt khỏi khuôn hạn đời sống cá nhân. Có thể anh đã linh cảm mình không về nữa và mấy chữ viết vội kia chính là lời trời cuối cùng. Tôi vẫn nghe văng lời nhắc của Đỗ Quý Toàn, nhưng tự hiểu không còn trở lực nào buộc nổi tôi ngưng lại. Số vốn tối thiểu để tờ báo ra mắt là 20 triệu đồng tương tự một đại dương mênh mông trong khi khó khăn chất ngất như núi. Nhưng 300 đồng của hạ sĩ Sơn trở thành tiếng thét không được chùn chân.

Những tiếng thét kiểu này gần như cất lên hàng ngày từ khắp các miền đất nước.

Từ Quảng Nam, Kiều Xuân Tuất gửi cho tôi 50 đồng với vài dòng tự kể về mình. Tuất đang sống bằng việc bán kem dạo tại thành phố nhưng qua báo chí đã biết nguyên do dẫn đến cái chết của bác sĩ Hà Thúc Nhơn và mong được góp phần tiếp nối việc mà bác sĩ Hà Thúc Nhơn đã làm. Kiều Xuân Tuất tỏ ý tiếc chỉ gom nổi vốn vẹn 50 đồng — bằng 1 Mỹ kim — nhưng mong chúng tôi sẽ đi tới cuối hướng đường chống tham nhũng của Hà Thúc Nhơn.

Từ Đà Nẵng, khi tôi ngỡ ý muốn gặp một người gửi thư hứa góp 3000 đồng cho tờ báo dự trữ, Phạm Văn Lương phải hỏi thăm nhiều lần mới dắt tôi tới căn nhà nằm sâu trong một con hẻm đầy góc ngách. Chúng tôi được đưa tới gian phòng mỗi bề chỉ khoảng hơn ba thước ngăn bằng các mảnh vải nhảm nhúm để ngồi chờ chủ nhà đi kiếm người chúng tôi cần gặp.

Đó là một cô giáo, tên Tú Loan.

Chủ nhà cho biết Tú Loan đang sống bằng việc dạy kèm vỡ lòng chữ nghĩa cho một số em nhỏ khu xóm. Tôi cũng người trước con heo đất đặt trên chiếc bàn kê giữa phòng.

Con heo đất choàng mảnh giấy với mấy chữ ghi: “*Tiền để dành góp cho ông Uyên Thao.*”

Câu chuyện trong buổi chiều tàn tại con hẻm tối tăm ở Đà Nẵng và cái nhìn như mất hút vào khoảng không của người thiếu phụ trẻ đã chất thêm vào tâm tư tôi nỗi ám ảnh từ mấy dòng chữ của hạ sĩ Lê Văn Sơn.

Tú Loan mới ngoài hai mươi tuổi đang mang mảnh băng tang trước ngực.

Chiến tranh đã cướp mất cha mẹ cô và vừa cướp thêm chồng cô là một người lính tiền đồn ở Quảng Nam. Lúc này người thân duy nhất còn lại bên cô chỉ là đứa con nhỏ mới tròn ba tuổi. Cô không biết tương lai hai mẹ con sẽ ra sao với cuộc sống bấp bênh hiện tại, nhưng tự thấy phải chia xẻ với chúng tôi trong công việc đang theo đuổi.

Phạm Văn Lương im lặng trong khi tôi không biết nói gì.

Mạng sống và ước vọng nhỏ nhoi của con người trên khắp nước đã trở thành bèo bọt từ khi tôi còn là một đứa trẻ và tiếp tục trở thành bèo bọt tới lúc này. Tôi nhớ lại buổi chiều trên đường tản cư rời Hà Nội cuối năm 1946, cả bầy học trò nhỏ chúng tôi được dẫn tới bãi đất trống trước cổng huyện Chương Mỹ, Hà Đông để chúng kiến một

việc mà tới cuối đời tôi chắc vẫn không quên. Chúng tôi chen giữa đám đông họp thành vòng tròn bao quanh một người bị buộc phải quỳ gối, hai tay bị trói quặt ra sau lưng. Hình ảnh không rời ký ức tôi là lưỡi mã tấu vụt chém xuống gáy người đang gục đầu và âm vang các tiếng rú không biết phát ra từ đâu.

Lũ nhỏ chúng tôi chỉ kịp bung mắt chạy tứ tán trong mê sáng và suốt nhiều ngày sau không dám nhìn về mảnh đất kia. Dù luôn được nghe giảng giải đủ điều, nhưng tôi biết mãi mãi đó là nỗi kinh hoàng ngoài sức chịu đựng với tôi.

Năm 1956 từ Sài Gòn, tôi được tin chú tôi ở quê nhà đã tự treo cổ để tránh bị đặt vào giữa một vòng người nào đó. Tôi nghĩ chú tôi cũng không chịu nổi nỗi kinh hoàng và chết lặng khi tưởng tượng người xung quanh tôi, bên cạnh tôi ngay tại Sài Gòn lúc này sẽ bị đẩy vào giữa nỗi kinh hoàng đó, dù ở vị thế nào — vị thế của tôi lúc đang trên đường tản cư năm 1946 - 1947 hay vị thế của chú tôi sau này trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất ở miền Bắc năm 1956.

Tôi gặp lại đúng mỗi ưu tư của mình nơi một sĩ quan trẻ trên mặt trận Sa Huỳnh đầu năm 1966. Vào lúc cùng dựa lưng dưới chiến hào, chuẩn úy Nguyễn Văn Phần kể về lý do khiến Phần bỏ đời sống học trò để cầm súng chỉ vì sợ thấy người thân phải rơi vào cảnh ngộ như gia đình chú tôi:

– *Phải góp sức chung lo cùng mọi người chứ!*



Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu

Đó là ý nghĩ đưa Phần tới chỗ chúng tôi đang có mặt. Tôi không biết số phận Phần ra sao, vì ngay sau đó bản thân tôi phải nhờ người chỉ huy của Phần là trung úy Võ Đăng Diệu (1) tới kịp mới còn hơi thở. Lờ lẽ hồn nhiên của Phần khiến tôi nhớ lại câu chuyện với đại tá Nguyễn Văn Hiếu tham mưu trưởng Quân Đoàn 2. Hơn một tháng trước khi có mặt tại Sa Huỳnh, tôi đã nghe đại tá Hiếu đề cập tới cùng mỗi bản khoản của tôi từ một khía cạnh khác.

Bữa đó, tôi từ Phú Bổn trở về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, tới gặp ông.

Trời gần tối. Phòng việc vắng hoe. Đại tá Hiếu hỏi tôi về các chi tiết quanh biến cố Fulro đang đặt toàn bộ Vùng 2 vào thế căng thẳng rồi đột ngột nói về cuộc đối đầu hai miền Nam - Bắc. Không giấu vẻ chán nản, ông nói: “*Chúng ta sẽ thua,*

anh ạ!”

Ông giải thích ý nghĩ của mình:

– *Họ thua kém ta mọi thứ từ kiến thức tới trang bị. Nhưng họ làm việc 24 giờ cho mục đích của họ, còn chúng ta chỉ dựa vào công việc để vui chơi hoặc mưu lợi cá nhân.*

Tôi không hiểu đại tá Hiếu có ấn định giới hạn cho hai tiếng “*chúng ta*” không, nhưng ngay sau khi gặp chuẩn úy Phần, tôi đã thấy việc định giới hạn trở thành cần thiết.

Hai tiếng “*chúng ta*” mà đại tá Hiếu nhắc không thể gồm cả những người như chuẩn úy Phần, như bác sĩ Hà Thúc Nhơn, như người bán kem Kiều Xuân Tuất, như hạ sĩ Lê Văn Sơn, như cô giáo Tú Loan..... Và cả chính đại tá Nguyễn Văn Hiếu về sau trở thành vị tướng luôn được báo chí nhắc tới nhưng đã phải chết uất ức vào ngày 8-4-

(1) Về sau, tôi được biết trung úy Diệu đang sống tại San Jose và làm thơ với bút danh Hà Ly Mạc.

1975. Nếu không thể giới hạn cho hai tiếng “*chúng ta*” thì chỉ có thể nghĩ “*chúng ta*” đang mắc chứng bệnh trầm kha.

Tờ báo do chúng tôi đang chuẩn bị không còn là tờ báo mà chính là tiếng gào thét kêu gọi quyết tâm chữa lành bệnh để kiện toàn thân xác hầu đủ sức chận quét nỗi kinh hoàng thảm khốc đã phủ trùm đất nước từ nhiều năm tháng mà tuổi thơ của tôi bắt gặp từ cuối Đông năm 1946.

Để tiếng gào đó có thể cất lên, chúng tôi không chỉ phải vượt qua cái đại dương 20 triệu đồng mênh mông mà còn đối mặt với nhiều thứ khó khăn khác.

Khu phố Công Quỳnh đã có lúc bị cô lập để Cảnh Sát tràn ngập toà soạn tuần báo *Đời* cắt ngang buổi trao đổi với các đại diện sinh viên trong Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn.

Võ đường Vovinam Hoa Lư của võ sư Trần Huy Phong đã có lúc bị bao nghẹt giữa vòng vây Cảnh Sát Dã Chiến để phá vỡ cuộc họp mặt với các thương phế binh, những người đang mang các vết thương nhức nhối của đất nước trên thân xác còn chưa vơi đau nhức.

Đã có lúc Phạm Văn Lương phải cầm trái lựu đạn rút chốt, sẵn sàng cho nổ tung cùng thân xác mình để tới được trụ sở Quốc Hội bày tỏ thái độ dứt khoát không chùn bước của chúng tôi.

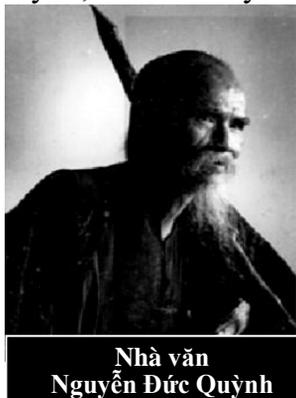
Thủ tục về giấy phép ra báo vốn đơn giản cũng đặt chúng tôi trên đoạn đường đầy hầm hố.

Tờ báo lúc đầu dự trù mang tên chủ nhiệm Hà Thế Ruyệt phải đổi qua tên Nguyễn Tuyển, rồi lại đổi qua tên Trùng Dương để giấu kín tung tích.

Cuối cùng, chuỗi ngày nghẹt thở cũng qua.

Chiều 24-9-1971, số báo *Sóng Thần* đầu tiên được gửi tới bạn đọc.

Lúc chập choạng tối, anh Nguyễn Đức Quỳnh đột ngột xuất hiện ngay bên dãy máy in, nắm bàn tay tôi, nói bằng giọng xúc động:



Nhà văn
Nguyễn Đức Quỳnh

– *Bây giờ tôi có nhắm mắt cũng yên lòng. Ít nhất thì các cậu đã có điều kiện để nói lên những điều cần nói. Ráng giữ cho tờ báo đừng chết.*

Tôi vẫn nghĩ trong lớp cầm bút đàn anh của tôi, anh Nguyễn Đức Quỳnh là người luôn trăn trở về các diễn biến đê nặng cuộc sống chung của đất nước. Lúc anh Quỳnh nói những lời trên với tôi ở nhà in Nguyễn Bá Tông là lúc Đỗ Ngọc Yên đang thay mặt toà soạn đón tiếp quan khách và bạn bè tới dự buổi họp mặt chào đời của tờ báo tại Trung Tâm Văn Bút Việt Nam.

Tôi không biết lúc đó Yên nói gì nhưng chắc chắn Yên không thể hình dung phút cuối của tờ báo như các bài in trên số báo ngày 24-11-1974 đang hiện ra trước mắt tôi.

Tôi đã không thể làm được điều nhắc nhở từ anh Quỳnh.

Lúc này nhớ lại, tôi chỉ mừng là anh Quỳnh đã vĩnh viễn ra đi trước ngày cuối cùng của tờ báo. Ít nhất, anh đã không thất vọng vào lúc nhắm mắt, dù thực tế hết sức phũ phàng. Tôi vẫn chưa quên giữa năm 1974 trong cơn mê tỉnh chập chờn trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh đã sai Kinh tức ký giả Duy Nhân, con trai út của anh, đi kiếm tôi.

Trên chiếc giường nhỏ kê giữa nhà, anh không còn giữ nét nào của ông già quắc

thước với cặp mắt sáng rực. Tôi nắm bàn tay lạnh ngắt của anh, nghe anh thì thào:

– *Chiến tranh sẽ hết thôi. Hãy ráng góp sức giữ cho không có cảnh chém giết hay hành hạ đồng bào. Dân mình khổ quá rồi!*

Chỉ không đầy 6 tháng sau khi nghe lời trời đó của anh Quỳnh, tôi đối diện với các đồng thư cao ngất luôn lập lại bốn tiếng “*Sóng Thần phải sống.*” Lời nhắc này không khác lời trời của anh Nguyễn Đức Quỳnh, nhưng đặt tôi trước một việc vượt khỏi tầm tay.

Tôi không còn đủ sức với tôi dù được tiếp trợ bởi rất nhiều người.

Những cây bút thuộc các thế hệ đi trước như Nam Đình, Ngôạ Long, Trần Tấn Quốc đã có mặt bên cạnh. Những người vô danh trên khắp nước liên tục gửi về toà soạn các gói quà, các số tiền lớn, nhỏ...

Các hãng thông tấn quốc tế loan tin tổ chức “*House of Freedom quyết định tặng báo Sóng Thần danh hiệu Ngòi Bút Vàng trong năm – Golden Pen 1974.*”

Hơn nửa triệu người bất chấp lệnh giới nghiêm, xuống đường phá các nút cản bằng xe tăng, kẽm gai của cảnh sát để tới tòa án bày tỏ ước muốn được thấy ánh sáng Công Lý trong phiên xử tờ báo ngày 31-10-1974 và hơn 200 luật sư đã nhận đứng ra biện hộ cho tờ báo trong phiên tòa và cả phiên tòa dự tính kế tiếp ngày 28-11-1974.

Lịch sử pháp đình và báo chí Việt Nam cũng như thế giới chưa từng có sự kiện tương tự.

Tuy nhiên mọi chuyện đều trở thành vô ích trước cái lệnh hành chánh “*quyết định thu hồi giấy phép xuất bản*” tờ báo. Tờ báo đã bị sát hại và chết thực sự không bởi thiếu phương tiện, thiếu ý chí. Tôi từng bị gán tên “*người giết báo*” đã trợ li với cái chết của nhiều tờ báo, nhưng sự vắng mặt tờ *Sóng Thần* biến tôi thành ngư ngẩn khiến có lần Đỗ Ngọc Yên gặp tôi cầm nín đứng trên cầu thang, đã nhắc:

– *Anh chịu khó cười lên một chút. Lúc nào cũng dăm chiêu thế thì khá sao được.*

Chẳng bao giờ tôi muốn làm ngược lời Đỗ Ngọc Yên, nhưng thực tế và ý muốn thường luôn xa cách. Ngay từ phút đầu gây dựng tờ *Sóng Thần*, tôi đã nghĩ đây không hẳn là tờ báo. Dù vẫn nằm trong khuôn khổ nghề nghiệp, nhưng tờ báo gần như hơi thở cần thiết cho cuộc sống gắn bó với ước nguyện chân thành nhất từ mọi người đang có mặt trên dải đất Việt Nam.

Tôi chợt thấy quả đúng như Đỗ Quý Toàn từng nhắc.

Cuộc sống đó rõ ràng “*ở trên mây.*” Nhưng chính vì thế mà mọi người đều mong thấy nó hiện hình trên mặt đất. Tôi nhớ tới những cái tên ký dưới các lá thư gửi về toà soạn. Bên các luật gia, học giả, văn nhân, nghệ sĩ nổi danh là những người quần quanh giữa cát bụi bờ đường. Bên hoà thượng Thích Trí Thủ và các thượng toạ Quảng Độ, Đức Nhuận... là giám mục Huỳnh Văn Nghi và nhiều linh mục luôn cầu xin bình an cho cuộc sống...

Tôi nhớ tới ánh đuốc bập bùng trong các đêm không ngủ của tín đồ nhiều địa phận giáo dân Công Giáo từ Tân Sa Châu, Gò Vấp tới Biên Hoà..... cùng các hội đoàn Phật tử thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với mong muốn soi sáng cho các lương tâm mờ tối và kêu gào công lý cho những người đang cố nói lên tiếng nói trung thực của người dân. Bên cạnh những người đó, tôi cũng không bao giờ quên những anh em thương phế binh với hình hài không còn nguyên vẹn vẫn sát cánh cùng chúng tôi giữa các cụm khói lựu đạn cay, các trận mưa gạch đá kinh hoàng...

Không phải tờ *Sóng Thần* đã lôi cuốn mọi người mà chính vì hết thấy đều thấy cần giữ hơi thở êm đềm cho cuộc sống bản thân và đồng loại, vì hết thấy đều không thể bỏ

tay cầm nín trước các tình huống bất công hà khắc và không thể hèn mạt cúi đầu trước mọi mối đe dọa áp chế...

Giữ vững hơi thở của sự sống đúng nghĩa sự sống là điều đương nhiên phải làm với mọi người. Ý nghĩ này khiến tôi thấy còn hay mất bảng hiệu *Sóng Thần* chẳng quan trọng gì, nhưng cũng biết chắc tôi khó thể cười nổi dù rất muốn theo lời Đỗ Ngọc Yến.

Thêm nữa, còn các ân tình như Lê Thiệp ghi trong bài viết.

Ân tình không chỉ gói gọn nơi những gì tôi nhận được cho tới ngày 24-11-1974.

Cuối năm 1986, rời trại tù Z30A trở lại Sài Gòn, tôi đã gặp lại chị Tiến là một Phật tử từng chia xẻ gánh nặng với tôi thuở nào. Khi tờ báo khốn đốn vì bị tịch thu liên tục, thầy Thích Tuệ Hải nhắc chị Tiến ráng giúp tôi. Chị Tiến đã trao cho tôi 100 lạng vàng để đem bán lấy tiền mua giấy. Số tiền ngang với mấy trăm ngàn Mỹ Kim thuở đó khiến tôi luôn áy náy.

Khi tôi vừa rời trại tù Z30A, một người quen tới chùa Pháp Hoa cho hay chị Tiến và mấy đứa con hiện đang sống rất khó khăn vì tài sản chỉ còn lại căn nhà ở đường Hồng Thập Tự. Chồng chị và mấy đứa con lớn đã biệt tăm trong một chuyến vượt biên.

Tôi thấy cần gặp chị ngay dù chưa thoát kiếp tù vì còn đang phải thi hành bản án quản chế.

Chị Tiến đưa tôi lên lầu, nhắc ngồi trước bàn thờ Phật rồi lặng lẽ đặt vào tay tôi một nắm tiền. Không chờ tôi lên tiếng, chị nói ngay với mức bình thản lạ lùng:

– *Chú đừng nhắc đến món nợ với tôi ngày trước nữa. Quên chuyện cũ đi. Bây giờ ra khỏi nhà tù, chú cần lo cho sức khoẻ. Tôi tiếc hiện chỉ còn số tiền nhỏ này, chú cầm lấy mua các thứ vật vãnh cần thiết.*

Cùng thời gian trên, một buổi tối, một người lạ tới chùa Pháp Hoa tìm gặp và hỏi tôi: “*Có phải Uyên Thao không?*” Sau cái gật đầu nghi ngại của tôi, ông quay ra lấy gói đồ buộc sau chiếc xe đạp dựng trước cửa chùa. Ôm gói đồ vào trao cho tôi, ông vừa thở vừa nói:

– *Tôi mất cả tuần lễ dò hỏi mới biết được địa chỉ. Cha Lãm nghe tin ông được thả, nhờ tôi tìm gặp ông để chuyển gói đồ này.*

Ông cho biết gói đồ gồm một mớ quần áo cũ và nhắc lại lời dặn của người gửi:

– *Cha Lãm bảo ông chọn món nào vừa thì giữ xài. Còn lại thì ôm ra chợ trời bán lấy chút tiền tiêu đỡ.*

Tôi lựng khựng vì cái tên “*cha Lãm*” nhưng vụt nhớ ra linh mục Nguyễn Quang Lãm mà chúng tôi quen gọi bằng bút danh Thiên Hồ. Vào những ngày cuối của tờ báo, ông luôn ở cạnh tôi với nỗ lực giữ cho tờ báo không tắt hơi. Cuối tháng Tư 1975, tôi cùng vợ tới thăm ông tại Nhà Thờ Huyện Sĩ vào một buổi tối giữa lúc cả Sài Gòn đang lên cơn sốt. Khi nghe tôi nói quyết định không rời Việt Nam, ông im lặng nhìn, rồi đột nhiên đưa cả hai bàn tay lên bụng mặt bật khóc. Nước mắt chan hoà, ông nức nở:

– *Dân mình khổ quá rồi mà vẫn tiếp tục bị đày đoạ!*

Đó là lần đầu tôi thấy nụ cười tắt trên môi linh mục Thiên Hồ và thấy rõ tâm tư của ông.

Ký ức về những dòng nước mắt này dẫn tôi tới nỗi ưu tư của Trần Gia Phụng và Nhan Hoà.

Mấy ngày trước đó, Trần Gia Phụng đã tới chùa Pháp Hoa tặng tôi số tiền đủ mua ba chỉ vàng. Tôi như đọc thấy trong ánh mắt Phụng nỗi bút rút về viễn ảnh tối tăm phía trước tôi trong lúc tôi biết Phụng không còn là giáo sư như thuở nào mà đang lam lũ

kiếm sống quanh khu chợ trời Huỳnh Thúc Kháng. Tôi nhận tiền của bạn với nỗi thắc mắc về mức khó khăn mà Phụng sẽ phải đối đầu, sau khi lo cho tôi như thế.

Riêng với Nhan Hoà, một ký giả gốc Hoa, tôi vẫn chưa quên cái thảm hoạ kinh hoàng ập tới với anh như cơn địa chấn bất ngờ khi anh đang bị giam cùng tôi ở trại K.3.

Khoảng năm 1979 hay 1980 tôi không nhớ rõ, cùng với chiếc tàu bị phá nổ tại bến Nhà Bè là mạng sống của toàn thể đại gia đình anh. Dịp đó Nhan Hoà đã mất gia đình người anh ruột, mất bà mẹ, mất người vợ cùng hết thấy những đứa con của anh. Một đại gia đình mười sáu mạng chỉ còn lại mình anh đơn độc bơ vơ trong tang tóc, ngây dại một thời gian dài. Nhưng Nhan Hoà không chỉ đem đến cho tôi những món quà. Anh đặt gói đồ mang theo xuống bên cạnh, rồi đưa tay bóp vai tôi trong lúc lặng lẽ nhìn vào mắt tôi, cười hiền hậu. Chúng tôi không nói với nhau tiếng nào nhưng tôi có cảm tưởng đang đứng giữa một vùng nắng ấm.

Vào phút đó, tôi thấy hơi thở cuộc sống trên mây vẫn còn nguyên vẹn dù thực tế mà chúng tôi đang trải chất đầy oan khiên, nghiệt ngã. Tôi cũng nhớ lại buổi tối Sáu Cao tìm tới. Cùng ánh mắt mà tôi đã gặp nơi Trần Gia Phụng, nơi Nhan Hoà, Sáu Cao nhìn tôi, chậm rãi nói:

– Cách nào thì tôi cũng phải lo cho ông một số vốn làm phương tiện xoay xở cho qua cơn túng ngặt để rồi còn có lúc anh em lại được ngồi với nhau như ngày nào. Nhưng ông phải đợi tôi khoảng một tháng nữa. Lúc này tôi đang kẹt mấy cái vợ vắn.

Lúc đó, đã qua hơn 30 năm, chúng tôi có nhiều dịp ở bên nhau. Sáu Cao nhắc lại khoảng tháng ngày rừng rú ở vùng núi Bà Đen thuở chúng tôi mới bước vào đời — cuối năm 1953 — và các bầm dập mà chúng tôi từng chia sẻ thay vì nói về các nghiệt ngã đang bao quanh.

Nhưng anh không trở lại vào ngày đã hẹn. Tôi nghĩ tới các khó khăn có thể khiến anh không làm được việc muốn làm. Tuy nhiên, giữa chúng tôi, không có chuyện nói mà không làm và cũng không có chuyện tránh né khi không làm được theo lời đã nói.

Nếu gặp khó khăn, Sáu Cao đã trở lại cho tôi biết.

Tôi kéo dài chờ đợi thêm một tuần trong thắc mắc. Cuối cùng Sáu Cao vẫn biệt tăm và tôi quyết định phải đi kiếm anh để rõ chuyện gì đã xảy ra. Theo chỉ dẫn do anh ghi lại, tôi tới con hẻm bên đường Hoà Hưng. Mất trọn buổi chiều loanh quanh hết ngách này qua ngách khác, tôi mới tìm được nhà anh vào lúc chập choạng tối.

Sáu Cao không còn nữa! Anh đã vĩnh viễn ra đi từ hai mươi ngày trước.

Qua câu chuyện của vợ anh, tôi được biết Sáu Cao bị chứng đau bao tử từ lâu nhưng đang uống thuốc và hy vọng sẽ trị lành chỉ trong tháng này theo lời thầy thuốc.

Thời hạn hứa hẹn sắp hết thì anh đột ngột ra đi không kịp trần trối một lời.

Tôi nhớ câu nói “*mấy cái vợ vắn*” mà anh nhắc đêm nào. Sáu Cao coi sự mất còn mạng sống của chính mình chỉ là những cái vợ vắn nhưng lại băn khoăn cho cảnh ngộ của riêng tôi, nhất là băn khoăn về cơ hội “*anh em có thể ngồi lại với nhau.*”

Sáu Cao nói hết sức mơ hồ nhưng tôi hiểu rất rõ ý anh qua mấy tiếng đó.

Gần 17 năm sau, tôi lại nhớ lại chuyện này khi từ Houston trở về Virginia tới gặp Choé vừa được sang Mỹ chữa bệnh. Choé nhìn về phía tôi, nhưng chỉ nhận ra khi tôi lên tiếng. Choé không nói về cặp mắt đã lòa mà hỏi ngay tôi có tính cho tái hiện tờ *Sóng Thần* ở đây không?

Tôi nhắc Choé hãy lo chữa bệnh. Một tuần sau, tôi được tin bác sĩ bảo đảm sẽ chữa lành con mắt trái của Choé để Choé có thể cầm cọ vẽ trở lại.

Choé đưa tay nắm tay tôi. Tay Choé run run và trên má Choé lăn dài những dòng

nước mắt khi tôi ngồi xuống đối diện. Choé nói bằng giọng không giấu nổi xúc động:

– *Anh nghĩ ngay đến chuyện xuất bản mỗi tháng một tờ đặc san Sóng Thần đi. Tôi sẽ lo với anh. Tôi không trở về nữa, dù phải sống bất hợp pháp ở đây. Hai anh em mình sẽ làm việc đó. Lúc này tôi có thể giúp anh được nhiều hơn ngày trước.*

Những ngày nối tiếp, Choé thường nói về các dự tính đã theo đuổi qua mọi cảnh ngộ suốt hơn 20 năm qua, kể cả khi ở trong tù lẫn khi đã tìm lại cuộc sống bên ngoài.

Choé nhắc lại rõ hơn câu nói từng nói năm 1995 khi chúng tôi gặp lại nhau ở Sài Gòn về việc một tờ báo Pháp bình chọn Choé là “*một người Việt Nam tiêu biểu, một họa sĩ cứng đầu.*” Bằng giọng nói yếu ớt ngược hẳn với vóc vạc to lớn, Choé nói:

– *Anh thấy đó! Thăng em của anh có đáng được coi như thế không nếu cứ tiếp tục giả ngây giả dại không chịu đương đầu với các thứ rắn rết? Tôi đã nhận nhịn nhục nhã quá nhiều rồi. Bây giờ có cơ hội, tôi phải lo với anh.*

Tôi ngỡ như đang nghe Sáu Cao nhắc về “*mấy cái vớ vẩn.*”

Choé cũng không hề thấy cái mất còn của mạng sống là đáng kể. Rõ ràng Choé chỉ đang chờ lúc đạt được điều kiện cho phép mình theo đuổi các dự tính từng ấp ủ.

Một mối lo mơ hồ đột ngột dâng lên, nhưng tôi vẫn nói sẽ tính tới việc đó khi con mắt của Choé được cứu xong. Tôi nhắc là sẽ không chỉ có tôi với Choé, vì sát bên chúng tôi ở ngay Virginia còn rất đông anh em cũ như Hoàng Hải Thủy, Anh Điền, Lê Thiệp, Trương Cam Vĩnh, Dương Ngọc Hoán, Nguyễn Mạnh Tiên, Ngô Vương Toại... và những người ở xa, thậm chí ở Canada như Hải Triều, Trần Gia Phụng... có thể cũng không vắng mặt.

Trương Cam Vĩnh, Hải Triều và Choé từng bị bắt giam vì tội trạng “*người của toà soạn Sóng Thần*” cho tới cuối tháng Tư 1975.

Choé vẫn nhớ Hải Triều đã đưa cho Choé bộ đồ dân sự để chạy khỏi nhà giam buổi trưa 30-4-1975. Nhưng từ Cali, tôi nhận tin Choé đột ngột hôn mê. Trở về, tôi chỉ kịp tới bệnh viện Fairfax, lên tầng lầu 10, nhìn Choé nằm bất động trên giường bệnh chờ giây phút cuối cùng sẽ tới. Trong lúc đưa tay chặn những dòng nước mắt trên má Choé, tôi nói sẽ ráng thực hiện mong ước cuối cùng nhỏ nhất của Choé là ấn hành tuyển tập *Tử Tội*.

Tôi không biết Choé có nghe được lời tôi nói không và bỗng nghĩ tới Tân Dân, tới Phạm Văn Lương, tới Chu Tử, tới Trần Huy Phong, tới Phan Nhự Thức, tới Sáu Cao, tới Nguyễn Khắc Sỹ, tới các anh Nam Đình, Ngoạ Long, Trần Tấn Quốc, tới các linh mục Thanh Lãng, Thiên Hồ, các thượng toạ Thích Độ Lượng, Thích Thanh Long, Thích Tuệ Hải, Thích Đức Nhuận....Không hiểu sao, tôi cứ nghĩ những người ra đi mãi mãi đó đều có chung ước nguyện, dù vào những ngày cuối đời, Trần Huy Phong luôn nghĩ tới một việc khá tách biệt với mọi người là nhắc tôi thu xếp thời giờ để cùng anh duyệt lại một số chi tiết kỹ thuật cần thiết cho việc hoàn thành tập sách *Việt Võ Đạo Toàn Thư*.

Trong ý nghĩ của tôi, tập *Việt Võ Đạo Toàn Thư* mà Trần Huy Phong muốn hoàn thành, tờ đặc san *Sóng Thần* mà Choé mong sẽ có, “*cơ hội anh em cùng ngồi lại*” như Sáu Cao nhắc nhở, thậm chí ý nghĩ cuối cùng của Tân Dân, của Phạm Văn Lương khi tự tìm cái chết... chỉ đều xuất phát từ ước nguyện được góp sức duy trì hơi thở cho cuộc sống mà Đỗ Quý Toàn gọi là “*cuộc sống trên mây.*”

Tôi nhớ tới những người đã cùng chia sẻ khó khăn thuở nào, nhớ tới những người từng an ủi khuyến khích, nâng đỡ tôi trên các đoạn đường nghẹt thở.

Tôi không còn cơ hội gặp lại bất kỳ ai, nhưng tôi nghĩ tất cả đều mang chung một

ước nguyện như các bạn tôi. Giữa buổi tang lễ Choé ở một giáo đường tại Arlington, Virginia, tôi như nhìn rõ hơn ước nguyện đó qua các lời ca:

*Lạy Chúa, xin hãy dùng con
như khí cụ bình an của Chúa
Để con đem yêu thương vào nơi oán thù,
đem thứ tha vào nơi lừng nhục,
đem an hoà vào nơi tranh chấp,
đem chân lý vào chốn lối lầm.
Để con đem tin kính vào nơi nghi nan,
chiếu trông cậy vào nơi thất vọng.
Để con rọi ánh sáng vào nơi tối tăm,
đem niềm vui đến chốn u sầu...*

Cuối năm 1975, khi nằm trong phòng giam số 11 tại trại giam Tổng Nha Cảnh Sát cũ ở Sài Gòn, tôi đã thuộc lòng lời ca này. Lời ca thường vang ra từ phòng số 13 vào lúc tù biết chắc không có cai tù lảng vảng phía ngoài. Suốt hơn mười năm sau đó dù ở trại giam nào, tôi vẫn không ngừng nghe những lời ca vang lên từ ký ức với âm vang mỗi lúc một tha thiết hơn.

Âm vang những lời ca luôn mang lại cho tôi cảm giác thanh thản nhẹ nhàng trước các thử thách dữ dội và đã giúp tôi vượt qua không ít chặng đường ác nghiệt. Nhưng lời ca quen thuộc trở lên giữa tang lễ Choé vào buổi tối tại Arlington lại khiến dấy lên cảm giác nhói đau mà tôi đã có lúc đứng trong khuôn viên trường đại học Yale, Connecticut trước bức tượng Nathan Hale, người trở thành tượng chỉ vừa hơn 21 tuổi khi bị treo cổ năm 1776.

Cảm giác không nhói đau từ cái chết của Nathan Hale mà khởi từ câu nói còn được ghi lại: “*Tôi tiếc chỉ có một mạng sống để dâng hiến cho đất nước tôi.*”⁽²⁾

Câu nói cuối cùng này được diễn lại khác hơn trên tờ báo xuất bản một năm sau khi Nathan Hale vĩnh viễn ra đi: “*Nếu có mười ngàn mạng sống và khi được kêu gọi, anh cũng hy sinh hết thảy để bảo vệ quê hương bị cào xé và đang đổ máu.*”⁽³⁾

Tôi không ngạc nhiên về sự thoải mái của Nathan Hale dù có phải chết cả chục ngàn lần. Vì sau đó là sự vươn lên của đất nước và dân tộc Hoa Kỳ.

Suốt thế kỷ qua, trên đất nước Việt Nam không thiếu người đã hiến dâng mạng sống nhưng có lẽ hết thảy đều khó người đau đớn vì quê hương vẫn không ngừng bị dập vùi và đang còn tuôn máu xối xả.

Cả người đã chết lẫn người đang sống chưa thể ngưng bò lét trong khi cơ hội hiến dâng cho đất nước vẫn còn nguyên vẹn là một ước mong.

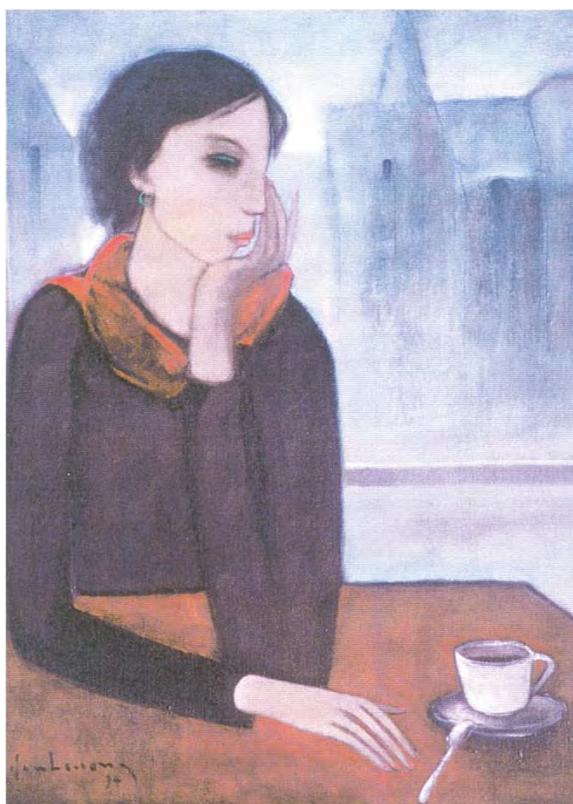
Tôi tránh trả lời câu hỏi do Lê Thiệp nêu từ ngót ba mươi năm trước, dù hết thảy vẫn lét đi nhưng khó nói có tới được hay không, nhất là sẽ tới đâu khi còn chưa thoát cảnh đang phải vùng vẫy cố tìm một cơ hội hiến dâng?

UYÊN THAO

● *Virginia 11-11-2003*

⁽²⁾ *I only regret that I have but one life to give my country.*

⁽³⁾ *If he had ten thousand lives, he would lay them all down, if called to it, in defence of his injured, bleeding country.*



Vợ chồng Điệp Viên

Truyện Ngắn

Phạm Thành Châu

Học xong trung học, tôi thi vào Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn. Trong thời gian là sinh viên tôi còn làm việc cho số 3b Bạch Đằng. Đó là cách nói gọn của phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi làm tình báo vì có máu phiêu lưu, thích chuyện mạo hiểm, sau này lại thêm mối thù việt cộng giết cha tôi. Ông già tôi là chủ một nhà máy xay lúa nhỏ ở vùng quê tỉnh Bạc Liêu. Vì là vùng bất an ninh nên phải đóng thuế cho việt cộng, ấy vậy mà cũng bị chúng nửa khuya đến gõ cửa đem ra đồng bắn bỏ. Cả mấy năm sau, tôi cố tâm điều tra mới biết rõ thủ phạm là một tên nằm vùng trong xóm, chỉ vì một xích mích nhỏ, hấn dẫn đồng bọn về giết người. Dĩ nhiên tôi trả thù. Sau khi tốt nghiệp sư phạm, trong lúc chờ sự vụ lệnh, tôi lên về nhà trốn trong phòng không cho hàng xóm

biết, đến khuya tôi đến nhà hấn, nằm sau hè chờ. Ở thôn quê không có phòng vệ sinh trong nhà, khi cần thì ra sau vườn. Qua đêm thứ hai hấn mở cửa ra đi tiểu, tôi chĩa súng vào lưng hấn.

- Đồng chí ra ngoài kia trả lời trước tổ chức về vài việc cần gấp.

Hấn sinh nghi định phản ứng, tôi giáng cho một báng súng vào đầu, hấn bất tỉnh, tôi cột chân tay hấn, cõng trên lưng, ì ạch băng đồng ra chỗ bọn chúng giết cha tôi. Tôi khai thác tận tình cho đến khi hấn thú nhận tội giết cha tôi, lúc đó tôi mới cho hấn biết sự thật. Hấn van lạy, nhưng vô ích, hình ảnh cha tôi chết oan ức, mắt vẫn mở trừng trừng khiến tôi sôi gan. Sau đó gia đình tôi bán nhà máy xay lúa, bán nhà lên Sài Gòn ở.

Tốt nghiệp xong tôi được điều đi các tỉnh dạy học. Sau mỗi công tác tỉnh báo dù thành công hay thất bại tôi lại chuyển qua tỉnh khác.

Câu chuyện bắt đầu khi tôi được giao cho việc theo dõi một cô thợ may ở ngoại ô một thành phố ven biển miền trung. Nguyên nhân là thỉnh thoảng lại có truyền đơn rải vào buổi sáng trên con đường vào thị xã. Đây là con đường mà đa số nông dân thường đem nông sản vào chợ bán. Họ chở bằng xe đạp, xe lăm hay xe bò. Sáng sớm nào cũng có cảnh sát rình ở đó nhưng chẳng thấy ai đáng tình nghi cả. Sau phải cho người nằm sát lề đường mới khám phá ra một cô gái đi xe đạp chở rau muống phía sau, dưới chân chỗ bàn đạp để mớ truyền đơn, cứ dờ nhẹ chân là truyền đơn rơi xuống đường, khó mà thấy được nhất là ở quãng đường tối. Qua điều tra đây là cô thợ may nhà ở vùng ngoại ô, sát địa giới thành phố. Sau nhà là một vạt ruộng nhỏ trồng rau muống, mỗi sáng cô chở rau vào chợ bán sỉ cho bạn hàng rồi về ngay. Cô sống với một mẹ già hơn sáu mươi tuổi. Gọi là tiệm chứ thực sự là một bàn máy may phía trước, cách một tấm vách cốt là giường ngủ của hai mẹ con vừa làm chỗ thử áo quần. Gia đình này mới từ một quận miền núi về hơn một năm nay. Theo báo cáo, trước đó cô là nữ sinh trung học, sau theo nghề may. Tiệm của cô khá đông khách vì cô hiền lành, vui vẻ lại lấy công rất rẻ, có lẽ đây là trạm giao liên hơn là cơ sở kinh tài của địch.

Nhiệm vụ của tôi là tìm cách tiếp cận cô để theo dõi. Tôi sẽ đóng vai một kẻ si tình cô, gặp gỡ cô mà bọn chúng không thể nghi ngờ, hoặc tốt hơn nữa sẽ được móc nối làm việc cho chúng. Một buổi sáng chủ nhật tôi chạy xe gắn máy gần đến nhà cô

thì xe chết máy phải dừng lại sửa. Tôi vào tiệm xin cô miếng giẻ rồi loay hoay mở máy ra chùi, thay bu gi, tháo bình xăng con... toát mồ hôi mà xe vẫn không nổ. Tôi xin cô miếng nước uống và ngồi trước hiên nhà cô hỏi vài câu vợ vẫn rồi dẫn xe về. Qua hôm sau tôi đem một xấp vải đến nhờ cô may cho một áo sơ mi. Lần này tôi được cô mời vào nhà vì tôi là khách. Thế rồi, thỉnh thoảng tôi lại nhờ cô may một thứ gì đó và tôi ngập ngừng nói là tôi làm thế để được dịp gặp cô, không gặp tôi nhớ. Cô có vẻ bất ngờ, nhưng yên lặng. Những lần sau cô lại càng giữ ý, nhưng tôi bắt gặp trên đôi mắt cô mỗi khi thấy tôi, long lanh niềm vui. Trong lúc trò chuyện tôi cho cô biết về gia đình tôi rằng ông già tôi tham gia mặt trận bị quân đội Quốc Gia hành quân bắn chết. Thỉnh thoảng tôi đi chùa nghe thuyết pháp hoặc tham gia mít ting, tôi phát ngôn bừa bãi ra người bất mãn chế độ. Sau một thời gian lạnh lùng, giữ kẽ, cô có vẻ thân thiện, vui vẻ hơn. Kẻ thù trong bóng tối đang kéo dần con mồi về phía chúng, tôi biết mình đã được để ý, nhưng chỉ đến đây thì hầu như bế tắc, tôi không biết được những gì chúng tôi cần.

Một sáng chủ nhật, như thường lệ tôi đến thăm cô, nhưng đến nơi chỉ thấy một đồng tro tàn đang bốc khói. Thì ra, không hiểu vì sao lúc khuya lửa bắt cháy, hai mẹ con chỉ kịp chạy thoát thân. Tôi khuyên nhủ nhưng cô vẫn lắc đầu lo lắng.

- Tiền mua bàn máy may, mua miếng đất em trả chưa hết nợ, còn quần áo của khách nữa, họ nói bao nhiêu phải có mà trả. Nhưng em còn đồng nào đâu!

Tôi hứa với cô là sẽ hết lòng tìm cách giúp đỡ. Thế rồi tôi về bán chiếc xe gắn máy. Nhờ bà con chung quanh phụ giúp nhật

nhạnh những miếng tôle còn xài được, mua ít vật liệu, dựng lại căn nhà mới cũng khang trang, ngoài ra còn mua được một bàn máy may mới nữa. Chỉ trong một tuần tôi lo toan cho cô chu toàn. Từ đây thái độ của cô đối với tôi thay đổi hẳn. Chúng tôi thường đưa nhau đi xem hát, ăn quà rong, đôi khi cô đến nhà trọ thăm tôi nữa. Mỗi khi đi với nhau cô thường chải chuốt, thoa chút phấn hồng trên má, trông cô đẹp hẳn ra, như lột xác từ một cô thợ may lọ lem thành một nàng tiên, nhưng đối với tôi, đi bên cô, nhất là những chỗ vắng, tôi có cảm giác rờn rợn, tưởng như mình đang đứng trước đỉnh đầu ruồi của một họng súng nào đó trong bóng tối. Vì nghề nghiệp, lúc nào tôi cũng cảnh giác, nguy trang, dọ dẫm tìm một chỗ an toàn phía sau lưng.

Một lần cô ghé nhà trọ thăm tôi, có một bà hàng xóm biết cô là thợ may đến năn nỉ cho con gái học nghề may. Cô là học sinh thi hồng tú tài, muốn theo nghề may để phụ giúp gia đình. Nghe tôi nói thêm vào cô ta có vẻ bằng lòng nhưng hẹn ít hôm nữa mới trả lời, có lẽ chờ quyết định của tên đầu sỏ, chỉ huy cô. Tuần sau cô đồng ý nhận học trò. Được độ ba tháng nhờ sáng ý, cô bé học nghề khá tiến bộ. Tiệm may cũng đông khách hơn trước. Một hôm tôi gọi riêng cô bé hàng xóm qua nói chuyện.

- Em học nghề may với chị Lan đến đâu rồi?

- Em cắt chưa vững nhưng may thì khá lắm, khách nào cũng khen đường chỉ em thẳng, mịn và đẹp.

- Có lẽ cần một máy may nữa mới phụ chị Lan kịp giao hàng cho khách.

- Em cũng nghĩ vậy nhưng không có tiền.

Tôi tâm sự với cô học trò.

- Như em biết, thầy và chị Lan yêu nhau, dự định sẽ làm đám cưới, nhưng thầy còn ngại hình như chị Lan đang yêu ai nên thầy nhờ em giúp thầy tìm hiểu chị Lan xem có ai đến thân mật chuyện trò với chị ấy không? Em sẽ chẳng làm gì cho chị ấy nghi ngờ. Thầy có cái máy này, sẽ giấu dưới nách tay của em, khi đến nơi, em chỉ cần móc nách tay sau lưng chỗ ngồi của em sát vách với phòng thử áo quần. Chỉ thế thôi, đừng cho bất cứ ai biết chuyện này. Nếu chị Lan hay ai bắt gặp cứ bảo rằng đó là máy thu thanh, thầy sẽ chỉ em cách mở nghe đài phát thanh. Em cũng đừng cho chị ấy biết là thầy cho em mượn tiền mua máy may, sợ chị nghi ngờ, ghen tuông phiền phức.

Thế là chúng tôi nghe rõ những trao đổi, bàn bạc với nhau của bọn chúng trong phòng thử quần áo. Một bộ phận khác rình thu hình những khách hàng khả nghi và tiến hành điều tra. Chúng tôi gần như nắm vững tất cả những tên nằm vùng, cơ sở kinh tài, nơi chứa chấp những tên xâm nhập nữa, nhưng tên đầu sỏ vẫn chưa tìm ra!?

Trong nghề này, một chút sơ ý là chết. Như cô thợ may, bị chúng tôi theo dõi mà không hay biết. Cô với tôi như hai tay nhu đạo đang lừa nhau để vật đối thủ xuống, cô đã bị thất thế hoàn toàn, nhưng tôi chưa ra tay và chờ cô ra đòn. Có thể cô làm bộ chuyện trò, hỏi han để tìm hiểu tôi hoặc rử tôi một chiều nào đó ra vùng quê hóng gió tâm sự... Nhưng tuyệt nhiên chuyện đó không xảy ra. Cô lúc nào cũng ít nói, dịu dàng, nhưng như thế lại càng làm tôi e ngại và thấy cô rất bản lĩnh, rất nguy hiểm. Đi bên cô tôi cố làm vẻ sung sướng, hạnh phúc nhưng thật sự tôi có cảm tưởng cô như con rắn độc, chỉ một tích tắc cô hành động là

đòi tôi tàn ngay. Mạng tôi đổi mạng cô thì không xứng. Thế nên tôi chẳng hứng thú gì trong vai trò này cả. Tôi được lệnh phải tiến xa hơn tức là phải chung đụng xác thịt để giữ chặt con mồi, nhưng tôi không làm được. Dù cô có yêu tôi thực hay giả vờ tôi cũng quyết không đụng chạm đến nơi thiêng liêng đó của người con gái. Đó là yếu điểm của một tên tình báo non tay nghề như tôi.

Mùa hè năm đó, đối phương lên phương án tấn công tỉnh. Mẻ lưới được tung ra. Chúng tôi dự định hành quân vào lúc khuya. Buổi chiều cô bé học may về báo cho tôi biết là lúc trưa có một ông sư khát thực đến trước nhà, cô Lan ra cúng dường, ông sư làm thảm tụng kinh chúc phúc như mọi khi, nhưng lúc quay vào, thấy mặt cô tái mét, người cứ run lên bần bật... Chúng tôi đề nghị cảnh sát hành quân sớm hơn dự định. Thế là cả bọn bị tóm, kể cả chính tôi cũng bị cảnh sát đến gõ cửa, còng tay, đẩy lên xe cày.

Thường thì sau khi vỡ kịch đã hạ màn như thế, tôi thành thoi nghỉ ngơi rồi nhận công tác mới. Nhưng không hiểu sao hình ảnh cô ta vẫn nguyên vẹn trong đầu tôi. Khi cô bị bắt, bị giam giữ, lòng trắc ẩn của tôi lại nổi lên. Đàn bà, con gái, trẻ con không có chỗ trong chiến tranh, họ phải được ở hậu phương, phải được thường xuyên che chở, bảo vệ. Một cô gái vô ý vấp ngã thấy đã động lòng rồi, huống gì cô thợ may hiền lành, dịu dàng kia đang bị nhốt trong nhà giam sau những song sắt như một con thú đã bị săn bắt, chờ ngày bị đem xẻ thịt. Tôi đã nhiều lần bí mật nhìn cô ủ rũ ngồi ở một góc phòng giam, héo úa như không có linh hồn, không còn cảm giác, suy nghĩ gì. Tương lai là chết rũ trong tù, tình yêu, hy vọng của tuổi thanh xuân coi như đã chấm

hết. Đối với cô, tôi thấy thật bất nhẫn, lừa gạt một cô gái dù cô ta được điều khiển từ trong bóng tối. Và khi cảm tưởng cô không còn là kẻ thù của tôi nữa, sự cảnh giác đã được gạt bỏ, như bụi bặm trên một bức tranh đã được chùi sạch, để lộ ra hình ảnh trong sáng, dịu dàng của cô trong tâm trí tôi. Thế nên tôi đề nghị thả cô ra để cho những con mồi khác đến móc nối lại với cô.

Từ phòng giam, tôi lại được gọi lên để đối chất về sự liên hệ giữa tôi và cô. Chúng tôi xác nhận có yêu nhau nhưng chẳng biết gì về việc cộng cả và anh cảnh sát thẩm vấn (vờ) tin ngay là thật, anh hứa sẽ thả chúng tôi ra và anh bỏ đi làm giấy tờ. Tôi đến ngồi gần cô cầm lấy tay cô, cô ngược nhìn tôi và lắc đầu, có lẽ cô cho rằng lời anh thẩm vấn viên chỉ là cái bẫy, nhưng tôi cố tình cho cô hiểu tôi là người có thẩm quyền, tôi cứu cô ra vì tôi yêu cô.

- Như em đã nghe lúc nãy, anh xin bảo lãnh em và chịu trách nhiệm liên đới về những hành động của em sau này. Nếu em thương yêu anh thực lòng thì em hãy lánh xa những gì có thể gây nguy hiểm cho em. Em còn mẹ già phải nuôi dưỡng, rồi em sẽ lập gia đình, có con cái, sống hạnh phúc như bao người bình thường khác. Đừng dại dột nữa, không phải anh sợ bị vạ lây nhưng nếu em gặp chuyện không may anh sẽ đau khổ lắm. Anh sẽ thu xếp cho em và mẹ em vào Sài Gòn sống lẫn trong đồng bào thì sẽ không có ai quấy rầy em nữa. Chúng mình sẽ làm đám hỏi và khi nào anh vận động xin về dạy gần Sài Gòn sẽ làm đám cưới.

Cô cúi đầu yên lặng nghe, rồi cô nắm tay tôi đặt lên đùi cô, siết nhẹ. Một giọt nước mắt rơi trên tay tôi. Tôi thở phào nhẹ

nhóm. Cô đã hiểu ý tôi. Cô viết cho mẹ cô một lá thư, dặn bán nhà để chuẩn bị về quê, chỉ giữ lại bàn máy may. Sau đó chúng tôi lặng lẽ về Sài Gòn. Nhờ bạn bè giúp đỡ, tôi tìm mua được một căn nhà nhỏ ở chợ Cây Quéo, góc đường Hoàng Hoa Thám, Ngô Tùng Châu Gia Định. Dĩ nhiên việc theo dõi cô không phải đã chấm dứt.

Công tác của chúng tôi thường được tình báo Mỹ yểm trợ. Người Mỹ rất hào phóng nhưng cũng rất nguyên tắc, họ đã vui vẻ trả lại tiền cho tôi mua lại chiếc xe gắn máy, trả cả những chi phí lật vặt như đưa cô đi xem hát, ăn quà rong. Nhưng sau cuộc hành quân, hồ sơ coi như đã đóng. Lần này tôi lại bán xe, vay mượn thêm để lo cho cô mà không biết khi nào mới có tiền mua lại xe khác.

Suốt mấy tháng hè, tôi về Sài Gòn với gia đình. Buổi chiều tôi thường ghé thăm cô, có khi tôi ăn cơm tối với gia đình cô. Sau bữa ăn, bà mẹ dọn dẹp chén đĩa, còn cô thì xin phép đi tắm. Chợ Cây Quéo nằm trong một đường hẻm, sau khi tan chợ chiều, trở thành vắng lặng như ở một vùng quê. Sau nhà cô có một sân vuông nhỏ, rào kín chung quanh, tôi thích ra đây ngồi xuống một ghé gỗ dài để chờ cô. Cô có một thói quen là sau khi tắm cô không mặc nịt ngực, nên qua làn vải mỏng, đôi ngực cô thẳng đứng lên, lồ lộ như hai mọt măng tre vừa chồi lên khỏi mặt đất. Cô ngồi cạnh tôi, nghiêng đầu dùng khăn vò mái tóc cho khô, chải nhẹ cho tóc thẳng, xong cô ngửa người vuốt mái tóc về sau lưng, rồi cô nhìn tôi mỉm cười. Tôi yên lặng ngắm cô, tưởng như thấy rõ làn da mịn màng, thơm tho của thân thể cô... Sau đó chúng tôi có một thứ quà rong như chè hay trái cây để vừa ăn vừa chuyện trò đến khuya mới chia tay.

Sau kỳ nghỉ hè tôi được chuyển ra Huế dạy học, tôi viết cho cô một lá thư dài và hẹn Tết sẽ về xin làm đám hỏi. Tính cô ít nói, ngay cả thư trả lời chỉ vồn vện mấy câu. Được thư anh, em khóc mấy hôm nay vì vui mừng. Cám ơn anh đã hiểu em và lời hứa của anh lần này em tin là thật, bằng trái tim và cả cuộc đời em”

Khoảng cuối năm đó tôi xin phép về Sài Gòn, khi đến nhà cô tôi ngạc nhiên thấy nhà đã sửa sang lại tươm tất. Cô dẫn tôi ra phía sau khoe một căn phòng vừa mới được xây thêm.

- Mẹ ngủ phòng ngoài kia, em ngủ trong này.

- Còn anh thì nằm dưới đất?!

Cô đỏ mặt nhưng sung sướng.

- Anh với em phòng này chứ.

Lễ hỏi chúng tôi diễn ra đơn giản, kín đáo. Gia đình tôi cứ tưởng tôi sẽ lập gia đình với một cô nữ sinh nào đó, không ngờ là một cô thợ may. Chẳng phải họ kỳ thị hay giai cấp gì mà theo lệ thường, thầy giáo rất dễ chọn vợ đẹp trong trường mình dạy. Nhưng khi gặp lần đầu, mọi người đều thích cô ngay. Cô vừa hiền vừa đẹp một cách thùy mị. Mẹ tôi cứ mẹ mẹ con con với cô ngọt xót, các cô em gái tôi thì tíu tít hỏi han, trò chuyện rất thân mật khiến cô bối rối, vụng về vì cảm động. Từ đó gần như ngày nào tôi cũng đến nhà cô, đôi khi ngủ lại nữa, nhưng chúng tôi đã hứa với nhau phải giữ gìn, để dành cho ngày hôn lễ. Cô có những suy nghĩ lắm cảm rất đàn bà. Cô thêu những áo gối có hình quả tim, tên tôi và tên cô lồng vào nhau, hình đôi chim đang bay, rồi cô phân vân về tên của những đứa con trong tương lai. Tôi chế giễu thì

cô giận, nhưng thâm tâm cô rất vui sướng với giấc mơ đơn giản đó.

Tôi bàn với cô vài tháng nữa sẽ làm đám cưới, nhưng rồi đầu năm bảy lăm miền Nam bắt đầu sụp đổ từng mảng, tất cả tan rã như bọt nước. Người ta ùn ùn chạy về phía Nam, tôi phải nấn ná lo tiêu hủy hồ sơ, phân tán mạng lưới nên vào đến Đà Nẵng lại đành quay về Huế vì miền Trung đã rơi vào tay đối phương rồi. Kẻ thù hình như chưa biết gì về tôi cả ngoài cái vỏ bọc thầy giáo trung học. Chúng bắt đầu gọi các cô thầy đến khai lý lịch và như đang sắp xếp mở cửa các trường học.

Thế rồi khoảng cuối tháng năm, năm bảy lăm, nửa khuya, chúng đến vây nhà trọ, gõ cửa, còng tay tôi dẫn ra xe. Thoạt nhìn, ngoài chiếc xe cảnh sát chở đầy bộ đội tôi còn thấy một xe mang số ẩn tế Sài Gòn, tôi biết ngay bọn chúng đã tìm ra chính xác tông tích tôi. Nhưng tại sao trung ương lại không hủy hồ sơ?

Ngồi kèm tôi là hai tên bộ đội còn trẻ mang súng AK. Phía trước, bên cạnh tài xế là một người đàn bà. Xe chạy ra khỏi cửa Thượng Tứ, qua cầu Trường Tiền đến đường Duy Tân, chiếc xe chạy trước quẹo vào ty cảnh sát (cũ), còn xe chở tôi chạy thẳng, hướng về quốc lộ. Tôi đoán chúng đưa tôi về Sài Gòn khai thác. Tôi dự định thoát thân, nhưng đến gần phía Nam tôi mới hành động. Nghĩ thế nên tôi buông thả, thiu thiu ngủ dưỡng sức. Dọc đường xe phải ngừng ở các nút chặn, tên tài xế cũng là bộ đội trình giấy và nói gì đấy, ánh đèn loang loáng vào xe, rồi xe lại tiếp tục. Đến Quảng Ngãi trời đã rạng sáng, tôi lơ mơ mở mắt nhìn quanh. Bỗng tôi lạnh người khi nhận ra người đàn bà ngồi phía trước là cô thợ may, vợ sắp cưới của tôi.

Hóa ra chúng tôi đã làm trong điệp vụ vừa kể, tên đầu sỏ là cô ta chứ không phải gã thầy tu khát thực. Tôi cay đắng cười thầm mình thua trí một người đàn bà, cô đã nguy trang một cách tài tình, không chỉ đánh lừa chúng tôi mà còn đánh lừa cả đến lũ chân tay của cô. Nhớ lại những ngày chúng tôi bên nhau, tôi sượng sùng, xấu hổ với cô. Cô đã đóng một vai kịch rất xuất sắc, rất bản lĩnh, tôi vẫn chỉ là một con mồi ngây thơ. Ấy vậy mà tôi cứ tưởng tình yêu chân thành của tôi đã cảm hóa được cô. Giờ đây cô ngồi đó, lạnh như tiền. Cô đang nghĩ gì về tôi, một tên điệp viên hạng bét, ngây ngô, lãng mạng tiểu tư sản?

Xe đến Bình Định, ghé vào một quán cơm bên đường, tôi được tên bộ đội mở còng nhưng dặn. Cần gì nói tôi, giữ khoảng cách năm bước, đến gần hay xa hơn, sẽ bị bắn bỏ. Tôi được dẫn vào ngồi một bàn ở một góc quán, mấy tên bộ đội ngồi hai bên, còn cô ta thì ngồi riêng. Sau bữa ăn, lúc trả tiền cô lôi ra một xấp bạc mới tinh, rút vài tờ vát đầy, đứng dậy, không lấy tiền thối. Tôi cố tỏ ra sợ sệt và ngoan ngoãn để chúng tin, hi vọng đến chiều tối nếu cũng ăn uống như thế này tôi sẽ bỏ chạy rất dễ dàng và bóng đêm sẽ che chở cho tôi. Nhưng tôi đã lầm, xe chạy suốt đến sáng, đến ngã ba Hàng Xanh theo đường Bạch Đằng, rồi Chi Lăng, Ngô Tùng Châu và vào hẻm chợ Cây Quáo. Cô vào nhà một lúc lâu mới đi ra với bà mẹ. Hai mẹ con ngồi phía trước, xe lại tiếp tục trở ra xa lộ đến Biên Hòa quẹo hướng Vũng Tàu. Tôi đoán chúng sẽ truy tôi về công tác ở Vũng Tàu, Long Hải trước đây hoặc giao cho lũ nằm vùng, nội tuyến đã bị tôi đưa đi tù, và chúng sẽ mặc sức trả thù. Đến Vũng Tàu, ghé mua mấy ổ bánh mì thịt, xe vào một khách sạn hạng trung bình. Sau khi ăn uống, làm vệ sinh,

tôi lại bị còng tay cho vào phòng riêng, phía ngoài là hai tên bộ đội canh cửa. Tôi nghe cô ta dặn hai tên gác là phải cảnh giác cao độ với tên địch nguy hiểm đó (là tôi), và cô đến ủy ban quân quản có chuyện cần, sẽ về ngay. Tôi mệt mỏi lăn ra ngủ một giấc lấy sức, dự định tối nay leo cửa sổ trốn đi. Cái còng không thành vấn đề, một cọng thép nhỏ là xong, và cọng thép đó đang nằm trong sợi dây đồng hồ mà tôi đã có được lúc tôi đòi đi tiểu ở hàng cơm ở Bình Định. Nhưng đến gần tối, sau khi được ăn một ổ bánh mì nữa, chúng lại còng cả chân tôi vào giường và hai tên bộ đội ngồi ngay trong phòng tôi, thay phiên nhau lỗ đôi mắt cú vọ canh chừng tôi. Thế là hết đường trốn thoát! Nhớ lại thời gian hứa hôn chúng tôi sống bên nhau, cô đã dần dần hiểu tôi, trong sự săn sóc cô đón ý tôi rất tài. Lúc đó tôi sung sướng nghĩ rằng mình có được cô vợ toàn tâm toàn ý, bây giờ chính cái toàn tâm toàn ý kia lại hại tôi. Cô đã thấy được không sai chạy những gì tôi nghĩ trong đầu, dù chỉ vừa thoáng qua là cô đề phòng ngay.

Tối đó độ hơn mười giờ, tôi được dẫn ra xe, vẫn đủ sáu người như trước. Xe chạy loanh quanh trong thành phố một lúc rồi hướng ra Bãi Sau. Trời đêm đầy mây, lạnh kinh khủng, miền Nam chưa bao giờ lạnh như năm đó, đường vắng tanh, lò mờ ánh đèn, tiếng sóng vỗ rì rào, buồn bã. Xe chạy đến cuối bãi thì dừng lại. Cô ra lệnh bịt mắt tôi lại.

- Đồng chí đưa tôi khẩu AK. Cứ ở đây chờ, khi nào nghe tiếng súng nổ tôi sẽ ra.

Và cô nói với bà mẹ, giọng lạnh lẽo, hàm răng rít lại.

- Mẹ phải theo con, xem con trả thù kẻ đã giết hại gia đình mình và bao nhiêu đồng chí khác nữa.

Đúng là oan oan tương báo. Tôi đã xử tội tên nằm vùng giết cha tôi ra sao, bây giờ tôi sẽ gặp y như vậy. Nhưng tôi không nhớ rõ mình đã làm gì để cô thù hận tôi đến độ giờ đây đem ra xử bắn tôi, không lẽ cô là con của tên nằm vùng kia?!

Cô lên đạn, chĩa súng vào lưng tôi, đẩy tôi đi trước. Cô đã phạm một sai lầm chết người. Cô dí súng vào lưng tôi là giúp tôi nắm được quãng cách giữa cô và tôi. Tầm vóc cô thì tôi còn lạ gì. Chỉ cần tôi quay nhanh lại là mũi súng sẽ chệch ra ngoài và với một đòn chân, tôi có thể đá gãy cổ cô hay ít ra cũng hạ gục cô trong tích tắc. Trong bóng tối thì bị bịt mắt hay không cũng mù như nhau. Tôi lần tìm cọng thép trong dây đồng hồ và bắt đầu mở khóa còng tay. Được một quãng, khi đoán đã xa tầm nghe ngóng của mấy tên bộ đội, tôi vừa định ra đòn thì cô mở băng bịt mắt tôi.

- Anh cũng mẹ được không? Nhanh lên! Nếu có chuyện gì, anh và mẹ cứ chạy thoát đừng lo cho em. Có thuyền chờ sẵn đằng kia.

Cô ôm súng chạy phía trước, tôi cũng bà cụ men theo bờ rừng dương liễu mãi miết theo cô. Độ một cây số, chúng tôi đến một thuyền nhỏ có người chờ sẵn. Thuyền được đẩy ra, nổ máy và nửa giờ sau chúng tôi ra thuyền lớn đi thẳng.

Hôm sau chúng tôi được tàu Mỹ vớt về đảo Guam.

Phạm Thành Châu

Một Thoáng Mây Phiêu Bạc

Nguyễn Minh Nữ



Tết năm đó, Nhự không về thăm nhà. Lý do thật dễ hiểu là còn nhà đâu nữa mà thăm. Di cư vào Nam, mẹ Nhự mượn một căn nhà nhỏ trong khu xóm lầy lội ở Sài Gòn làm chỗ thờ bố Nhự, đó cũng là cái tổ ấm duy nhất của Nhự, trong suốt tuổi ấu thời. Nhự là con trai út, đứa con tội nghiệp nhất. Nhự mất cha từ hồi còn bốn tuổi, cũng cái tuổi này, Nhự mất cả quê hương. Các anh các chị lần lượt lấy vợ lấy chồng. Căn nhà quạnh hiu còn lại hai mẹ con, kể tới khi Nhự thi rớt, đi lính, đồn trú ở một tỉnh xa trên cao nguyên. Gần tết, nhận được thư nhà: “Đề đã trả lại nhà cho bà Tư. Bàn thờ thầy để trên anh Thạch, còn Đề thì nay đây mai đó cũng được, kỳ này giỗ thầy cứ Đề ở đâu thì cúng thầy ở đó, mâm xôi hay con gà thì dẫu Sài Gòn hay Đà Lạt cũng được. Tết này Đề chưa định ở Sài Gòn với anh Du hay lên

Đà Lạt với anh Thạch, nhưng thôi, tết này mày đừng về nữa”. Nhự đọc thư mà muốn khóc. Mới đầu còn tưởng vì nhớ tới bà con xóm giềng, nhớ tới những con trai con gái đã cùng Nhự một thời lăn lộn trên đất, chơi đùa, đã cùng Nhự đánh đáo, u mồi, bắn bi, tạt lon. Nhớ tới sân cỏ, nhớ tới cây trứng cá, cái giếng. Nhưng càng ngày, Nhự càng cảm thấy một thất thoát khác, chua xót hơn, man mác mà giày vò Nhự từng ngày từng đêm từng sớm từng chiều. Đó là chỗ trở về.

Nhự bỗng giật mình khi nghĩ đến một bất ngờ nào đó, thí dụ Nhự tử trận. Xác Nhự sẽ đưa về đâu. Không lẽ đem về nhà anh rể? Không lẽ đem về nhà chị dâu? Hay nhẹ nhàng hơn, suốt một năm có dăm ba ngày phép Nhự cũng chưa nghĩ ra mình sẽ đi đâu. Về Sài Gòn thăm anh rể hay lên Đà Lạt

thăm chị dâu? Nhự nghĩ hoài mà không có câu trả lời.

Nhự biết mình hơn ai hết. Nhự biết rằng với số tuổi mình, với kinh nghiệm mình có, hơn nữa với thể đứng bèo bọt nổi trôi này làm sao dám nghĩ đến căn nhà của riêng, làm sao dám nghĩ đến chuyện đón mẹ về ở. Giữa những thăng thót đó, nhiều khi trong cơn mê nào không rõ giạt mình thức dậy, bỗng thấy mình nước mắt đầm đìa.

Nhự vẫn nói với một vài thân hữu rằng không phải là đũa, cũng không phải là hững bắt từ, nhưng xin tụi mày hiểu cho những u uất không tiện nói ra và chấp nhận giúp cho tao một điều là nếu bất ngờ nào đó lỡ tao có chết, chỉ xin một điều là chết đâu chôn đó.

Cơn gió mùa lập đông trên cao nguyên lạnh se sắt da môi. Nhự bước ra ngoài nhìn bao quát chung quanh cái sân Tiểu đoàn rộng mênh mông. Buổi chiều, nắng sắp tắt, doanh trại buồn thiu. Tiểu đoàn hành quân đã ba lần tiếp tế. Ba lần tiếp tế là chín ngày, cộng năm ngày trên lưng là mười bốn ngày. Mười bốn ngày Nhự sống như một cái bóng. Cái bóng mờ nhạt của chuỗi ngày tác chiến cũ. Đó là thời của kiêu hùng chữ nghĩa, của hào khí men rượu, của hai mươi tám trên ba mươi ngày một tháng trong rừng. Khi đó, Nhự làm Tiểu đội trưởng Tiểu đội tác chiến sống lay lắt bên bờ rào các buôn áp xa. Thường khi dành cho những bi-đông rượu đế, cho những con khô mực bằng ba ngón tay. Thường khi quay quắt, suốt ngày cho những nét bút chì xanh đỏ trên chiếc bản đồ xa lạ. Những nét bút ngắn mà đi suốt một ngày không tới. Cũng đôi khi, có khi được nằm một chỗ. Buồn bã suốt ngày, bất chợt bừng mắt dậy nghĩ ngợi vu vơ. Nhự muốn lấy vợ, muốn đào ngũ, muốn khóc. Nhưng rồi cũng quên đi khi nghĩ rằng đào ngũ là trốn tránh trách nhiệm, khóc hay cười cũng chẳng giải quyết được gì, và lấy vợ, lấy vợ cũng tựa hồ như đeo

thêm trên lưng một cái ba-lô nữa, cái ba-lô quá nặng.

Đến khi đi hành quân ở Daksieng, Nhự bị sốt rét. Điều trị tại bệnh xá hành quân ba ngày, quá nặng phải chuyển về hậu cứ. Tại đây Nhự nằm thêm mười tám ngày nữa. Những cơn vi trùng sốt rét đã cho Nhự một thân thể xanh xao, thiếu máu. Nhưng bù lại đã tặng cho Nhự một món quà khá hấp dẫn hơn là làm việc tại hậu cứ, trong một công tác chưa bao giờ được ghi trong bảng cấp số. Sau khi xuất bệnh xá trở về trình diện Tiểu đoàn, Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng hỏi Nhự trước khi đi lính cậu làm gì? Nhự nói và ông ta muốn xem giấy tờ chứng minh học lực. Nhự ngạc nhiên nhưng vẫn đưa. Sau đó, những tờ giấy đã trói cuộc đời Nhự vào những vòng quay khốn khó của cuộc sống, thì cũng chính nó được sử dụng để kèm bốn đứa con ông Tiểu đoàn trưởng.

– Đây là một công việc nhân nhả, tôi sẽ chỉ thị cho ông Chỉ huy Hậu cứ để cậu khỏi canh gác và cấp cho cậu một căn phòng riêng.

Nhự cảm ơn và bắt đầu dạy. Bốn đứa con ông Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng là bốn trình độ, bốn vẻ ngộ nghịch khác nhau. Nhự là ông thầy tội nghiệp. Nhiều khi Nhự đã biến thành một trò chơi đầy thú vị của đám trẻ. Nhự không vừa ý chút nào về thể đứng cũ và cũng không hài lòng chút nào về vị thể mới. Nhưng Nhự tin mãnh liệt rằng cái chỗ đứng mình mong mỏi từ bấy lâu nay sắp tới. Đó là ngày nào cởi bỏ bộ đồ lính lại cho chính phủ, trở về vùng đèo heo hút gió nào đó khai khẩn dăm ba chục thước đất trồng rau nuôi gà sống cuộc đời bình dị. Nhự chỉ thấy mình được như vậy trong những cơn mơ. Nhưng cơn mơ đó chỉ có sau một ngày băng rừng lội suối.

Nhiều khi, Nhự cũng tự hỏi mình đang sống làm gì đây cái chuỗi ngày nhọc nhằn khốn

đón bất biến này. Sống cô đơn và bi thảm như một con chó đói. Bất ngờ sao, Nhự quen Thúy. Đó là cô giáo trường tiểu học tư rất tầm thường. Sau một vài lần gặp mặt Nhự đường đột tỏ tình, Thúy rất bất ngờ khi chấp nhận tình yêu này. Thúy mời Nhự lại nhà chơi cùng tiện dịp giới thiệu cùng gia đình. Nhự hoan hỉ nhận lời nhưng không tới được vì lệnh hành quân quá đỗi bất ngờ. Nửa tháng sau, trở về thành phố, Nhự bất kể dù còn rất dơ dáy, bất kể bụi bặm bám đầy mình, Nhự cũng chạy đến Thúy ngay, xin lỗi về chuyện hôm trước. Thúy không trách móc, chỉ kín đáo cho Nhự biết hôm đó ngoài gia đình, Thúy còn mời thêm một số bạn nữa. Nhự rất ân hận và xin chuộc tội bằng cách sẽ đến đón Thúy đi chơi vào tối hôm đó, sau khi tắm rửa và thay quần áo xong. Tối đó, Nhự không tới vì con say đã hạ chàng tại ngay trước cửa phòng chàng. Nhự mắc cỡ hết sức và toan sẽ không ra nhà Thúy nữa. Nhưng Thúy là mẫu người dịu dàng. Thúy nói Thúy thương Nhự nhiều hơn yêu Nhự và bày tỏ một cách bóng bẩy rằng sẽ chờ Nhự, nếu Nhự nghĩ đến chuyện lâu dài. Nhự xúc động tới muốn khóc. Không phải tại vì mới trải qua tình yêu đầu đời mà vì cảm thấy như mình trở lại tuổi bé thơ, sống tự nhiên và thanh thản bên người chị đôn hậu khoan dung. Nhự cũng không phải là người mơ mộng để tưởng mình là ông hoàng con đi chơi gặp công chúa trong rừng. Nhự cho rằng chàng đã tới tuổi nói thẳng với Thúy gia đình anh nghèo, rất nghèo. Anh chỉ có tình yêu cho em mà không còn một đảm bảo nào. Nhự cũng không giấu Thúy chuyện nhà, không giấu cả những xích mích nhỏ giữa chàng và gia đình. Khi Nhự nói, Nhự đã tính hoặc là sẽ yêu nhau hơn, hoặc là sẽ rời xa. Vậy mà Thúy vẫn yêu Nhự. Thúy nói anh làm em yêu anh hơn, yêu vì sự thành thật và cũng vì sự bất hạnh mà anh đã, đành phải gánh chịu.

Thúy quả là một bà tiên đầy quyền phép. Vòng đai quyền lực của Thúy với Nhự mới đầu chỉ như sợi tơ, dần dần đã nương vào sự vô tình của Nhự, vòng đai trói buộc Nhự mỗi lúc một chặt. Nhự vẫn tự nhủ lòng mình giữa trăm vạn vòng đai trá ngụy của đời sống, chẳng thà chàng chọn vòng đai này.

Người lính bước tới từ dãy nhà đặt làm văn phòng, nhìn Nhự cười.

- Không đi phố à?

- Hết tiền.

Người lính cười khan ờ ờ rồi ngồi xuống thêm xi-măng, bảo Nhự ngồi xuống đây chơi. Mấy cây khuynh diệp gió thổi lá rơi ào ào, Nhự lượm cành khuynh diệp phủi thêm, ngồi xuống.

- Ông bao nhiêu tuổi rồi hả?

- Hai mươi hai.

- Tuổi con cọp hả?

- Không, con trâu.

- Sao hai mươi hai?

- Bị cuối năm ta, đầu năm tây.

Người lính gục gặc vậy ông thua tui mười hai tuổi. Nhự móc gói thuốc.

- Vậy sao? Vậy mời ông anh điều thuốc.

- Thôi, cái thứ này hành quân hút sướng hơn. Về đây phải hút thuốc thơm, nhả khói cho khoái lỗ mũi. Có Ruby nè, hút không?

Nhự cảm ơn không nhận, táy máy lại lượm hòn sỏi liệng ra sân. Đàn sẽ có cơ lượn lên cao bay vòng rồi lại tụ họp trên nóc một mái nhà: Nhà Vĩnh Biệt. Mắt Nhự cũng hoa lên và thấy đàn chim biến thành đàn quạ. Đàn quạ trên nóc nhà mồ.

- Bao giờ lấy vợ, ông?

– Lấy vợ? Chi vậy?

Người lính nhún vai, - để nó nấu cơm cho ăn, giặt đồ cho bạn và chết có người khóc.

- Chắc không?

- Sao không?

Nhự bật cười lớn:

- Dóc tổ cha oi, ăn cơm nhà bàn, bỏ đồ giặt mướn không hơn sao?

- Mình cần là cần có người thương kia chứ, chết có người thương khóc.

– Không tin, hay là có đùa cười?

– Chồng chết mà cười, sao cười?

– Mình chết rồi, tiền ta người lấy, ruộng ta người cày, vợ ta người cuốc không phải là nó cười sao?

Người lính cười theo rồi đứng dậy, ông nói chi bá láp không, thôi tui về.

- Ủa về sao?

Người lính quay lại nhìn Nhự nheo mắt cười, bỏ ra ngoài cửa trại. Nhự còn ngồi nán lại bên doanh trại buồn thiu. Heo hút mà mong được một chỗ trở về. Chỗ trở về đâu được ăn cơm uống nước hàng ngày hay chỉ là chỗ trở về khi vĩnh cửu, khi thịt nát xương tan.

Chiều hai mươi sáu tết, bà Tiểu đoàn trưởng gọi Nhự vào hỏi chú có muốn về thăm nhà và ăn tết thì tôi bảo ông Chỉ huy Hậu cứ cho chú mấy ngày.

Đây là một đặc ân lớn cho những người tác chiến, Nhự không khỏi thấy cảm ơn sự đãi ngộ của bà Tiểu đoàn trưởng.

Nhự mang mang nghĩ tới mẹ, nghĩ tới các anh các chị, nghĩ đến ngày mai ngày giỗ cha, nghĩ tới danh từ chú dành cho các

người có chức vụ gọi kẻ thuộc quyền như chú bồi chú bếp, chú tài xế, chú thầy giáo. Bất ngờ Nhự từ chối.

– Chú điên à? Bà Tiểu đoàn trưởng kêu lên.

– Thưa không, rồi Nhự trả lời vắn tắt và viện dẫn vài lý do tưởng tượng như muốn thử ăn tết xứ lạ một lần xem sao, như thấy thích thành phố này, như mới đi phép. Bà Tiểu đoàn trưởng bĩu môi, ờ cái đó tùy chú, nhưng tôi nói trước, không vui đâu.

Nhự cảm ơn, ra ngoài. Hôm đó dạy tụi nhỏ bài đức dục, Nhự muốn khóc khi giảng câu “Phải yêu thương và kính mến cha mẹ, sống thì thăm hỏi chết thì cúng giỗ”. Đến tám giờ, chiếc đồng hồ treo tường gõ một tràng dài những tiếng động khô. Nhự đứng dậy bảo tụi nhỏ dẹp tập. Tụi nhỏ ồn ào mai có học không chú?

- Sao không?

- Mốt?

– Có.

- Vậy ba mươi, mồng một?

– Có.

Nhự cười chua chát tiếp, lính tráng mà, đâu có thằng lính nào nghỉ ngày tết đâu. Nhự nhìn đám nhỏ đang ngơ ngác rồi bật cười, nói vậy chứ mai nữa rồi nghỉ. Đám trẻ reo vui trong khi Nhự dời nhà ra lộ đón xe đi phố. Đến Thúy khi Thúy đang làm mứt. Gọi Thúy ra một góc vườn, Mai em đi chợ mua cho anh một thẻ hương, hai ngọn nến và nải chuối. Đem vào trại cho anh vào buổi sáng.

– Chi vậy?

- Em sẽ biết sau.

Đêm đó, Nhự, thức đến khuya thu xếp tất cả những thứ gì lộn xộn vào cái va-ly. Cái bàn ọp ẹp bằng gỗ pháo binh được lau chùi lại, và kê vào chỗ trang trọng nhất trong

phòng. Trải bàn bằng tờ nhật báo. Nhự tìm trong ví tấm ảnh nhàu nát của người cha già, dán trên bìa sau tấm lịch, rồi treo lên. Cái ly cũng được lau chùi đựng gạo để cắm nhang. Khi ngủ, Nhự nằm mơ thấy mình đi trên những con đường ngút ngàn, vừa đi vừa té mà đi hoài không tới. Hình như hai bên bờ mọc toàn cây khuynh diệp, những cây khuynh diệp lá sắc như dao, những con dao làm Nhự trầy da xước máu tay chân. Nhự mơ hồ thấy có đi ngang sông, có đi ngang đèo mà không rõ mình định đi đâu.

Thức dậy, Thúy đến, nụ cười đầu ngày rạng rỡ. Nhự mở cửa phòng nói với Thúy đây là lần giỗ thứ mười bảy của thầy anh, và là lần đầu tiên đưa con trai út giỗ bố. Nhự mang mang nghĩ đến mẹ. Người đàn bà gian khổ đó bây giờ ở một phương trời nào đó hẳn vừa cúng xong tuần nước trà đầu tiên. Thúy hỏi sao mắt anh đỏ vậy? Nhự giật mình.

- Em vào đây.

Nhự lục giỏ ra nải chuối, hai ngọn nân và thẻ hương. Bày trên bàn thờ. Nhự chỉ biết lễ mà không biết khấn. Rồi quay lại Thúy.

- Lần đầu tiên trong đời anh tự tổ chức một bàn thờ, lần đầu tiên anh giỗ cha, vui sao lại có em.

Nhự xúc động cứng lời. Khựng lại rồi hôn Thúy. Nụ hôn kéo dài như hứa hẹn mai sau. Mai sau thì vốn mịt mù sương khói. Tới khi có bước chân người tới Thúy mới đẩy Nhự ra, bỏ xuống dưới nhà. Viên sĩ quan bước vào phòng.

- Làm gì đó mà?

Nhự lác đầu không nói. Viên sĩ quan bước tới gần. Con Cá nào khá quá vậy mà?

- Không.

- Không C. Tính xài riêng sao? Cho anh em ké với chứ?

- Xin lỗi Thiếu úy, tôi nói chuyện với Thiếu úy đang hoàng mà Thiếu úy mà tao với ai? và Thiếu úy nói C. với ai?

Con nóng làm Nhự đứng dậy: “Tôi cảm Thiếu úy xung hô mà tao với tôi, nếu không tôi sẽ dùng danh từ này với Thiếu úy”.

Thúy cũng vừa chạy lên gì đó anh. Viên sĩ quan trở mắt nhìn Thúy bắt chợt quay lại Nhự.

- Yêu cầu anh nói chuyện nhả nhận lại. Tôi là Sĩ quan An ninh của Tiểu đoàn này. Ai cho phép anh đem gái vào trại? Tôi đủ quyền hạn giam anh vào chuồng cọp. Cái dành cho hạ sĩ quan vô lễ.

Nhự cười nhạt.

- Tôi chờ hình phạt của Thiếu úy, và chờ nghe quyết định của Thiếu tá về trường hợp một sĩ quan có lỗi nói nham nhở mất dạy với vợ lính như Thiếu úy.

Viên sĩ quan bỏ ra ngoài, mặt hầm hầm, tao sẽ trình Thiếu tá vụ này. Đ.m, đừng có cậy thế. Nhự nói vọng theo thừa Thiếu úy tôi chờ.

Những ngày sau đó Nhự luôn bị sự dòm ngó và trả thù nhỏ mọn của Sĩ quan an ninh. Kẹt cho hẳn là Nhự tuy trẻ nhưng không phải thuộc loại ham chơi cà chớn. Hơn nữa, Nhự lại là nhân viên riêng và tín cẩn của ông Tiểu đoàn trưởng. Mà những kẻ hà hiếp cấp dưới lại là những kẻ khiếp hãi cấp trên. Sáng mùng một, Tiểu đoàn tập họp nghe thông điệp của vị nguyên thủ quốc gia và nhật lệnh đơn vị trưởng. Tiểu đoàn cắm trại và ứng chiến cho thị xã, ông Tiểu đoàn trưởng nhấn mạnh, tập họp bất thần vắng mặt sẽ bị nghiêm phạt. Trừ ông Trung Sĩ Nhự có công tác riêng. Nhự được mời về nhà ông Tiểu đoàn trưởng “ăn tết với các cháu cho vui”. Nhự thầm cảm ơn sự trọng đãi của ông Tiểu đoàn trưởng cho Nhự - kẻ

bất đắc chí về học vấn đã phùng thời về cái mình hèn kém – Nhưng lễ phép từ chối sau khi theo xe của ông ta ra nhà chúc tết. Nhự mừng tuổi bốn đĩa nhỏ mỗi đĩa một tờ hai chục mới tinh. Nhự cũng được vợ chồng Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng lì xì khá trọng hậu so với số tiền Nhự mừng tuổi tui nhỏ. Nhự dự tính sẽ mua cho Thúy một món quà, thật ngạc nhiên vào dịp đầu năm mới.

Nhự bỗng bàng hoàng thức dậy vì những tiếng la lớn quanh mình. Bống tối kín như bung. Có tiếng la lớn pháo kích, pháo kích. Nhự xô đồng chắn màn qua một phía, chụp vội khẩu súng bước ra cửa. Tiếng nổ lớn đập mạnh vào tai. Nhự ù tai và té xuống.

Khi tỉnh dậy thấy chân tay mình trắng xóa. Cuối giường đứa con gái đang ngồi gọt trái cam.

– Thúy.

Thúy quay lại nhìn Nhự mỉm cười, tỉnh rồi hả?

Nhự cử động thử tay chân và nhắm mắt coi mình đau đón ở đâu, chỉ thấy rêm rêm nhức nhức ở bắp đùi bên trái.

– Anh sao đó Thúy?

– Mảnh đạn vào đùi và trầy trụa sơ sơ.

– Nặng không?

- Năm mươi hai ký. Thúy cười, anh bị xoàng thôi mà làm em hết hồn.

- Hết hồn sao?

– Anh Dị ra báo tin anh bị pháo kích nằm Quân Y Viện. Mợ bảo em vào xem ngay. Sợ anh có bề gì.

Sự tỉnh táo và không quá đau nhức cho Nhự biết tình trạng mình không nguy hiểm. Có lẽ chàng bị bất tỉnh vì đứng quá gần chỗ

viên đạn rơi xuống. Bất tỉnh vì tiếng động mạnh.

– Anh đưa cho em cái địa chỉ để đánh điện về nhà cho... bác lên thăm.

Nhự lúng búng miếng cam trong miệng im lặng, và lắc đầu:

– Không biết chỗ nào mẹ ở mà đánh điện về.

– Anh không có chỗ nào để trở về sao?

Nhự nuốt chửng miếng cam, lắc đầu.

– Ồ, mà có chứ.

- Đâu?

- Ở một khu vườn có trồng trăm thứ cây ăn trái, có hồ nuôi cá, có thân yêu, có ruột thịt, có tất cả những gì trên đời người ta cho là hạnh phúc. Với chuỗi ngày chỉ có hương nhàn, có sách, có kẻ lông mày cho ái thể. Là em đó, Thúy.

Nhự chống tay lên giường ngồi dậy. Toan choàng vai Thúy. Bồng vết thương nhói đau làm chàng ngã xuống lại và lịm đi. Trong tiếng khóc của Thúy, Nhự mơ hồ thấy những đợt sóng biển, những dợn mây bay, thấy yêu dấu, thấy hạnh phúc. Thấy trong tầm tay của mình cả mảnh đất trở về. Chỗ trở về mơ ước, cầu khẩn hoài hoài trên cái đất lạ quê người mà Nhự trôi giạt bấy lâu nay.

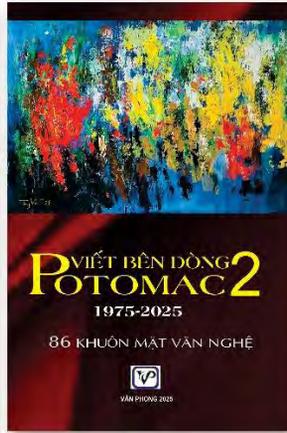
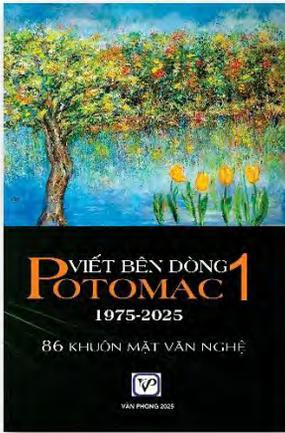
Nguyễn Minh Nữ

(MỘT THOÁNG MÂY PHIÊU BẠC là truyện ngắn đầu tay của Nguyễn Minh Nữ, đăng trên tạp chí VĂN – Sài Gòn, 1971)



Viết Bên Dòng Potomac

“**Viết Bên Dòng Potomac 1 và 2**” là hai tập sách in màu, dày hơn 800 trang, do nhà xuất bản Văn Phong phát hành tháng 8 năm 2025 tại vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn.



Đây là công trình sưu tập và trình bày rất công phu với nhiều sáng tác *văn, thơ, nhạc, họa* của 86 tác giả đã từng sống và sáng tác “bên dòng Potomac”, dòng sông lớn của vùng thủ đô Hoa Kỳ, cộng thêm 12 tác giả từ phương xa.

Trong số các tác giả có nhiều nhà văn, nhà báo, nhà thơ, họa sĩ *đã qua đời*, rất quen thuộc với độc giả người Việt vùng thủ đô như Bùi Bảo Trúc, Đinh Cường, Hoàng Hải Thủy, Hà Bình Trung, Giang

Hữu Tuyên, Hoài Ziang Duy, Ngô Vương Toại, Nguyễn Minh Diễm, Nguyễn Ngọc Bích, Lê Thiệp, Tạ Quang Khôi, Thái Thụy Vy, Vi Khuê, Vũ Hối, Vương Đức Lê, Trần Hoài Thu...

Có thể nói với 98 tác giả và trong khoảng thời gian 50 năm, trải dài từ 1975 đến 2025, *Viết Bên Dòng Potomac* đã ghi lại được, qua các sáng tác văn học nghệ thuật, những tâm tư, suy nghĩ và trải nghiệm của khối văn nghệ sĩ người Việt lưu vong sống trong vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Người đọc có thể tìm thấy lại và nhận ra những nỗ lực vượt khó khăn của những *nhà báo vẫn muốn tiếp tục làm báo* ở giữa những mảnh đời ty nạn vụn vỡ trên xứ người. Những Đặng Đình Khiết với Xác Định; Giang Hữu Tuyên với Hoa Thịnh Đốn Việt Báo; Nguyễn Minh Nữ với Văn Phong, Văn Nghệ; Ngô Vương Toại với Việt Chiến, Diễn Đàn Tự Do. Người đọc cũng có dịp tìm đọc các bài viết của những nhà báo lão thành như Uyên Thao, Sức Mấy Đinh Từ Thức, vẫn còn nguyên cái khí thế của những ngòi bút của lẽ thật và tự do. Và ngoài ra còn nhiều những chuyện kể, những tâm tình văn nghệ, những bài thơ và những bức tranh vẽ nghệ thuật của nhiều tác giả khác...

Gấp lại hai tập sách độc giả có thể hình dung và cảm nhận được một khoảng trời sinh động của những văn nghệ sĩ sống, viết và sáng tác “bên dòng Potomac”.

Nguyễn Quang Dũng

Liên lạc mua sách: Email: nuuminhnguyen@gmail.com Điện thoại: (703) 608-8001

Ấn phí: 70 USD cho 1 bộ (gồm 2 cuốn có hộp cover + cước phí)

1975 MAGAZINE

The Editorial Letter

Happiness is truly an elusive experience, or difficult to find, in today's volatile and unstable world. But there will also be many arguments from others that happiness is inherently simple and present right here, right now, without the need for a far-off search. If those around you are asked about their feelings of happiness, many quick answers might be received. For example, waking up, entering the kitchen, brewing a hot cup of coffee, and savoring its bitter aroma while feeling refreshed, that is happiness. For example, unexpectedly hearing Thái Thanh sing "Buồn Tàn Thu" (Autumn's Fading Sadness) again... "Who drifts through the mist and wind, Not stopping by me, disheartened... I sit knitting a sweater, My heart filled with sorrow, I miss my beloved..." in the quiet atmosphere of early autumn, watching leaves fall and sink in the yard, amidst the sounds of an old song, suddenly feeling happiness.

Happiness also comes from the fruits of hard work, time, money, organization, and bringing people together. For example, the happiness of a Bride and Groom in a truly solemn wedding filled with the joyful laughter of family and friends. Another example is the happiness of writer Nguyễn Minh Nữ, from gathering writers and journalists in the collection of literature, poetry, and music "Writing by the Potomac River" to a successful book launch that didn't lose money or effort spent printing and publishing Vietnamese books in the Washington D.C. metropolitan area at this time.

But ultimately, to answer the question, "Is happiness about achieving results or about gaining experiences?" or "How do we measure happiness?", there is no answer that everyone agrees upon. In this issue, the topic of happiness will be explored through the perspectives of philosophers, researchers, economists, and spiritual masters with the articles "Happiness: GNI or GNH?" by Lê Văn Bình and "Buddhism, the Source of Happiness" by Nguyễn Ngọc Hoàng Quỳnh Hoa. It is hoped that this will awaken in each person a spirit of inquiry, learning, and deep understanding about happiness in this human life.

The remaining important part of 1975 Magazine, in Vietnamese and English, will always be the inseparable past, sentiments about Vietnam and its people before 1975; and research and opinions on the present and future of our homeland facing geopolitics and the world's progress in technical civilization.

The Editorial Board of 1975 Magazine.

Commemorating 50 Years of the National Day of Mourning, April 30, 1975:

LOOKING TOWARD VIETNAM'S FUTURE

Loc Vu

Dear Executive Committee of the Vietnamese National Institute of Administration Alumni Association of Southern California (VNIAAA), fellow alumni, distinguished guests, and friends: I am deeply honored and grateful to the Executive Committee of the VNIAAA for the opportunity to speak on this important occasion—the commemoration of the 50th anniversary of the National Day of Mourning, April 30, 1975, organized by the VNIAAA.

I will be presenting on the topic, 'Commemorating 50 Years of the National Day of Mourning, April 30, 1975: Looking Toward Vietnam's Future.' In this presentation, before turning to the future of Vietnam, I will begin with a brief overview of the Vietnam War, followed by a discussion of strategies for national restoration and the importance of preventing Chinese domination. Accordingly, this presentation is organized into the following three main parts:

- Part I: Overview of the Vietnam War
- Part II: How to Achieve National Restoration and Avoid Chinese Domination
- Part III: Looking toward Vietnam's future

Part I: Overview of the Vietnam War

- Causes of the Vietnam War (1955-1975)

The Vietnam War was initiated by the North Vietnamese Communists (NVC) as early as 1954, immediately following the signing of the Geneva Accords on July 20, 1954. This preparation was carried out under the direction of the Soviet Union and Chinese Communists, within the broader context of the Cold War between the two opposing blocs: the Communist International and the Free World.

Immediately after the end of World War II, the Soviet Union occupied Eastern Europe, while the Chinese Communists took control of mainland China. The Communist bloc, led by these two powers, not only engaged in an arms race with

the United States but also supported national liberation movements across Asia and Africa in an effort to expand their influence over the Third World.

In the face of this aggressive expansion by the Communist International, the West and the Free World were placed under serious threat. As the leading superpower of the Free World, the United States felt compelled to intervene in Vietnam to support the Republic of Vietnam—a fledgling nation only recently established—in its effort to resist the advance of Communism.

Thus, the root cause of the Vietnam War lies in the aggression of the North Vietnamese Communists, who, under the direction of the Soviet Union and Chinese Communists, sought to annex South Vietnam. This intention was later affirmed by General Secretary Lê Duẩn, who had the following words inscribed on his memorial: *'We fought the Americans for the Soviet Union and China.'*



Image source: Internet

- Why did the Republic of Vietnam lose the war?

Based on Vietnamese and American historical documents concerning the Vietnam War, I conclude that the Republic of Vietnam was not defeated due to a lack of fighting spirit or military capability. Rather, its fall resulted from the betrayal of the United States—through broken promises and the eventual withdrawal of military and economic aid—at a critical moment. Meanwhile, the Communist bloc, led by the Soviet Union and the Chinese Communists, continued to provide the North Vietnamese Communists (NVC) with weapons and ammunition to pursue their goal of conquering the free South.

To support this conclusion, I will now present several key historical documents related to the Vietnam War.

- The US Withdrawal and Aid Cuts to South Vietnam

The escalation of the Vietnam War in late 1964, marked by heavy American casualties and rising war expenditures, ignited widespread anti-war protests across the United States. Under intense public pressure, President Lyndon B. Johnson, a Democrat, chose not to seek re-election in 1968. As a result, Republican candidate Richard Nixon won the presidency, campaigning on a promise to end the Vietnam War and bring American troops home with honor.

To fulfill this promise, the Nixon administration launched the 'Vietnamization' program in 1970, shifting combat responsibilities to the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), while the U.S. limited its role to providing fire support. In early 1972, under the direction of National Security Advisor Henry Kissinger, President Nixon traveled to Shanghai to meet with Mao Zedong and Zhou Enlai. The purpose of this visit was to negotiate a safe withdrawal of U.S. forces, with assurances from the Chinese Communists.



*President Nixon meets Mao Zedong in Beijing on January 21, 1972
(Image: www.tapeitimes.com)*

Following this diplomatic breakthrough, the United States began a gradual withdrawal of troops from Vietnam, while also reducing military and economic aid to South Vietnam. Simultaneously, Washington placed pressure on President Nguyễn Văn Thiệu to sign the Paris Peace Accords on January 27, 1973. Though officially titled 'The Agreement on Ending the War and Restoring Peace in Vietnam,' the treaty, in reality, left South Vietnam vulnerable to further Communist aggression.

Under the terms of the agreement, the United States withdrew its troops and drastically reduced aid to South Vietnam—yet it did not require North Vietnamese forces to return to the North. This significant omission was reportedly the result of the U.S. government yielding to demands from the Soviet Union. (1)

- The US colluded with Beijing and Moscow to betray South Vietnam.

In his book *Decent Interval*, Frank Snepp—a CIA intelligence officer stationed in Saigon before 1975—revealed a tense exchange between President Nguyễn Văn Thiệu and U.S. National Security Advisor Henry Kissinger regarding the Paris Peace Accords. On October 22, 1972, President Thiệu became enraged when Kissinger pressured him to accept a draft agreement that had been negotiated with Lê Đức Thọ in Paris. President Thiệu firmly stated: *'I do not agree with some of your staff going around Saigon saying that I have signed. I have not signed anything. I am not opposed to peace, but I have not received a satisfactory answer from you, so I will not sign.'*

Kissinger, visibly frustrated by Thiệu's resistance, replied that he had succeeded in Beijing, Moscow, and Paris, and now faced the prospect of failure in Saigon. He warned: *'If you don't sign, we will proceed alone.'* In response, President Thiệu accused Kissinger of colluding with Beijing and Moscow to betray South Vietnam. This confrontation is also recorded in Kissinger's own memoir, *White House Years* (p. 1385), where President Thiệu is quoted as saying:

'As a soldier, one must always fight. If I were not a soldier, I would have resigned when the United States asked me to resign and even bargained with me about the date and time of my resignation... I have never told anyone that the Americans asked me to resign, because that would be humiliating; therefore, I acted as if I had made the decision myself.' (2)



Image: On November 22, 1972, Special Advisor Le Duc Tho and US National Security Advisor Henry Kissinger held secret talks in Gif-Sur-Yvette, France.

- The US reduced military aid to the Republic of Vietnam while the Soviet Union increased aid to the Communist forces.

About a year after the signing of the Paris Peace Accords, the U.S. Congress began

drastically reducing military aid to South Vietnam—cutting it by approximately 50% each year: from \$2.1 billion in fiscal year 1973, to \$1 billion in 1974, and further down to \$700 million in 1975. In real terms, this final amount was worth only about \$500 million due to rising oil prices and inflation (Henry Kissinger, *Years of Renewal*, p. 471). These cuts had devastating consequences for the Republic of Vietnam's military capability.

According to General Cao Văn Viên (*The Final Days of South Vietnam*, pp. 86–87), by 1974, fuel shortages had forced the air force to ground over 200 aircraft, resulting in significant reductions across operations: flight support hours were slashed, pilot training dropped by 50%, reconnaissance missions by 58%, and helicopter operations by 70%. The Navy, likewise, cut its activity by 50%, laying up around 600 vessels of various types. Ammunition shortages became critical: whereas in 1972 the armed forces used over 69,000 tons of ammunition per month, from July 1974 to March 1975, this dropped to just 19,000 tons—a 70% reduction in firepower. By February 1975, South Vietnam had only a 30-day supply of all types of ammunition, which dwindled to just two weeks' worth by April (p. 92).

Lieutenant General Trần Văn Minh, former commander of the Air Force, confirmed that many aircraft were grounded due to a lack of spare parts and fuel. Meanwhile, military aid to North Vietnam surged. According to Kissinger (*Years of Renewal*, p. 481), after a visit to Hanoi by Soviet Chief of the General Staff Viktor Kulikov in December 1974, the Soviet Union quadrupled its military assistance to Hanoi. (3)

As a result, just over two years after the Paris Peace Accords were signed, the North Vietnamese Communist army—heavily armed with Soviet and Chinese weapons—launched a full-scale offensive and completely occupied South Vietnam on April 30, 1975.

- The US blamed President Nguyen Van Thieu and the ARVN for the loss of South Vietnam.

After 1975, efforts were made—particularly by some American political and media circles—to redirect the South Vietnamese people's resentment over the fall of their country toward President Nguyễn Văn Thiệu and the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), thereby deflecting attention from what many considered an act of betrayal by the United States. This sentiment was famously expressed by President Thiệu himself in 1972, when he told Henry Kissinger, *'The United States has betrayed its ally.'*



*North Vietnamese Communist tanks entering Independence Palace on April 30, 1975
(Image: AP)*

To support this narrative, certain overseas Vietnamese-language media outlets were mobilized to blame President Thiệu for the collapse of South Vietnam and to portray the ARVN as cowardly and corrupt. Voices from President Thiệu and former ARVN soldiers who sought to defend their honor and set the historical record straight were often silenced or ignored. In some cases, opportunistic individuals were even used to distort and discredit the overseas anti-communist movement, turning it into acts that were shameful and unworthy of its original cause (4).

- The Harsh Truth about the 1973 Paris Peace Accords

On the occasion of the 40th anniversary of the signing of the 1973 Paris Peace Accords, Radio Free Asia (RFA) aired a commentary titled *'The Harsh Truth about the 1973 Paris Peace Accords.'* The program argued that instead of achieving 'peace with honor,' the agreement ultimately paved the way for the North Vietnamese Communists to fully invade and conquer South Vietnam in just over two years.

Recently declassified documents related to the Vietnam War have shed new light on the circumstances leading up to the accords, revealing uncomfortable truths. The United States, under President Nixon, effectively abandoned its ally—an act seen by many as a stain on a nation that professes to uphold noble values. Fortunately, a number of American historians and analysts have since uncovered and strongly criticized these decisions.

In reality, the terms of the 1973 Paris Peace Accords had already been discussed and largely agreed upon during President Nixon's 1972 visit to Beijing. These arrangements were orchestrated by National Security Advisor Henry Kissinger in negotiations with Chinese Premier Zhou Enlai and Chairman Mao Zedong—not in Paris, as officially claimed. (5)



Henry Kissinger signing the Paris Peace Accords with Le Duc Tho in Paris on January 27, 1973.

Part II: How to Achieve National Restoration and Avoid Chinese Domination

1- The older generation must teach the younger generation the fearless, self-reliant spirit that has sustained the Vietnamese people through history.

Drawing from the painful lessons of the Vietnam War, Vietnamese people—both at home and abroad—must return to the core values of our national spirit: pride in our Lạc Hồng lineage, the indomitable and self-reliant resilience of the Vietnamese people, and a deep sense of national righteousness. These values are essential for reviving a free, democratic, and prosperous Vietnam in Southeast Asia. It is both a personal and collective responsibility—of every family and the entire overseas Vietnamese community—to instill this enduring spirit in the younger generation.

_ Within every family, we must teach our children the true nature of the Vietnam War—that it was a just struggle to defend national righteousness and protect a free South Vietnam from Northern Communist aggression. They must also learn about the resilient history of the Vietnamese people, rooted in over 4,000 years of building and defending the nation under the legacy of the Lạc Hồng lineage. Only with this understanding can our children take pride in their heritage and in being Vietnamese.

Equally important, we must teach them to speak and write in Vietnamese, for as the saying goes: *'As long as the Vietnamese language exists, so will Vietnam.'*

_ Within our community, we must encourage our children to engage in both Vietnamese and American civic activities to strengthen the presence and influence of the Vietnamese people in the social and political life of the United States—at the local, state, and federal levels. We should urge them to vote and, when possible, to

participate actively in political processes. Additionally, we should inspire them to support and stand with those who continue the fight for democracy, freedom, and human rights in Vietnam.

Specific Contributions of the Community: Passing on the Spirit of Struggle to Future Generations

In reality, many Vietnamese individuals have made meaningful contributions to preserving and passing on the indomitable and self-reliant spirit of the Vietnamese people to future generations. For example, Ms. Th   Thủy, a member of the Westminster School District Board of Education, successfully advocated for the inclusion of Vietnamese Refugee Day (April 30) in the district's official curriculum. She also helped establish a bilingual education program in which Vietnamese teachers are given equal standing, teaching language, culture, and history—ensuring that Vietnamese children born in the United States remain connected to their roots.

Additionally, the educational booklet '*Em Nhớ Màu Cờ*' (I Remember the Color of the Flag), created by Ms. Ngọc Nhung, serves as a valuable resource for teaching children about contemporary Vietnam while helping them resist Marxist indoctrination.

According to a press release issued on April 7, 2025, the Westminster School District will hold a special ceremony during the Board of Education meeting on April 10, 2025, to commemorate Black April and the 50th anniversary of the Fall of Saigon. Following the ceremony, the District will formally adopt Resolution 24-25-28, which: honors the Freedom and Heritage Flag of Vietnam; commemorates the 50th anniversary of the Fall of Saigon; and reaffirms the District's commitment to cultural diversity. (6)

My Personal Experience in Passing on the Spirit of Struggle to Future Generations

At family meals, I often remind my children to study diligently, work hard, and become self-reliant—so they can contribute meaningfully to the prosperity of their new homeland. At the same time, I urge them never to forget their fellow countrymen still living under oppression in Vietnam, and to recognize their responsibility in helping restore a free and democratic Vietnam.

I have six children, and I encouraged all of them to study political science with the hope that they would one day contribute to the country's renewal. Among them, only my second-youngest daughter, Anny V  , chose a path in politics. She currently serves in the U.S. Department of State.

More than 20 years ago, I recognized her potential and interest in international affairs, so I encouraged her to apply to the State Department in 2007, after she earned her master's degree in political science and international relations from Johns Hopkins University. Since then, Anny has held various roles at the State Department and the National Security Council. She is fluent in five languages: Vietnamese, English, Mandarin Chinese, French, and Indonesian.

My daughter's most recent appointment is as Chargé d'Affaires ad interim at the U.S. Embassy in China. Last month, Anny shared with me a Reuters news article announcing her new role. According to the report dated March 14, 2025, the U.S. State Department appointed Anny Vũ, a senior diplomat, to lead the U.S. Embassy in Beijing and its network of consulates across China. She is currently overseeing a staff of 1,300 personnel while the ambassador-designate, David Perdue, awaits Senate confirmation.

ANNY VU: A CHINA EXPERT

According to her biography on the AIT website, prior to her appointment in China, Anny Vu was the Political Chief of the Political Section at the American Institute in Taipei (AIT), Washington's de facto embassy in Taiwan. Before her assignment in Taiwan, Ms. Vu held a senior position as Deputy Coordinator for China Bilateral Affairs in the Bureau of East Asian and Pacific Affairs at the State Department in Washington. She also served on the National Security Council during the first Trump administration and the Biden administration in several roles, including a period as Director for China.



Anny Vu. Photo source: ASFA.org

In 2021, she won the American Foreign Service Association (AFSA) "Constructive Dissent" award for her work countering Chinese influence at the United Nations.

The AFSA.org award website states that she lobbied for alternative choices to Chinese candidates in the elections for the heads of two UN agencies: the United Nations Food and Agriculture Organization and the World Intellectual Property Organization in 2019.

Because of these achievements, The Foreign Service Journal, in an article titled “ANNY VU: COUNTERING CHINESE AGGRESSION IN INTERNATIONAL ORGANIZATIONS,” praised Anny Vu as follows:

“Vu played a key role in identifying the problem, convening interagency meetings, and developing a whole-of-government strategy to rally allies and partners to counter Chinese influence in multilateral fora.” (7)

Beyond Anny’s story, I am aware of many Vietnamese families whose children are currently studying diplomacy or serving in the U.S. Department of State. In the U.S. military, there are numerous Vietnamese-American officers who hold general ranks. Across both the public and private sectors of American society, Vietnamese-Americans have excelled as lawyers, doctors, engineers, scientists, technologists, astronauts, and experts in a wide range of fields.

This growing pool of talent represents a powerful human resource—one that holds great potential to contribute meaningfully to the future restoration of a free, democratic, and prosperous Vietnam.

2 – Father Phan Van Loi: Three resolutions to revive the country and avoid Chinese domination:

In the article “*Thinking About April 30, 2015?*”, Father Phan Văn Lợi, speaking on OMV4TV on April 30, 2015, proposed three key resolutions aimed at revitalizing the nation and resisting Chinese domination:

First, the overseas Vietnamese community must unite in the fight against Communism. This means putting aside petty disputes and personal rivalries, embracing unity in diversity, prioritizing the collective “us” over the individual “me,” and respecting differing approaches to the struggle—as long as the common goal remains clear. Efforts and achievements, no matter how small, should be acknowledged and appreciated.

Second, unity is also essential within Vietnam. Farmers, workers, intellectuals, religious groups, pro-democracy activists, and civil society organizations must stand together. These groups should share responsibilities—allowing the intellectuals to guide public discourse and empowering the people to collectively exercise their political will.

Third, unity between Vietnamese at home and abroad is critical. Together, they must form a broad National Alliance to confront two common adversaries: the Vietnamese Communist Party (Viet Cong) and the Chinese Communist Party—regimes that support one another for mutual survival. We must remain vigilant and reject Hanoi’s rhetoric of “harmony and reconciliation,” remembering instead the errors, crimes, and failures that

both the Viet Cong and the Chinese Communist Party have inflicted on Vietnam over the past 50 years. (8)

3 - Advisor Ngo Dinh Nhu: Strategy to avoid Chinese domination

That is to nurture the spirit of independence, self-reliance, and self-determination along with national and ethnic consciousness.

More than 60 years ago, advisor Ngo Dinh Nhu, in his book “*Vietnamese Political Theses*”, explained the issue of how to avoid Chinese domination as follows:

“The most necessary, most effective, and entirely proactive measure is to nurture the spirit of independence and freedom of the people, and to promote national and ethnic consciousness. At the same time, apply a liberal governance policy, expand the leadership framework, so that the issue of national leadership is thoroughly understood by many people.”

Mr. Nhu concluded: “*A totalitarian or dictatorial regime like the current one in Hanoi cannot succeed in avoiding the threat of Chinese invasion. The reason is that Hanoi's leaders still maintain the Communist nature of exclusive leadership, totalitarianism, and to consolidate the authoritarian government, they ruthlessly suppress the opposition, genuine religious organizations, implement policies that torment people in poverty, slow progress, and illiteracy... so that no one in the country can oppose them.*”

Mr. Nhu's prediction above is still valid to this day because after the Communists took over South Vietnam, the General Secretary of the Communist Party of Vietnam, Nguyen Van Linh, admitted: “*I also know that relying on China will lead to the loss of the country, but losing the country is better than losing the Party.*”

In the context of Chinese Communist having ambitions for world domination with its “*One belt, one road*” policy as it is today, if the Vietnamese people no longer has the opportunity to change the leadership in the nation, then the issue of Vietnam becoming a Chinese dependency is only a matter of time. (9)

Part III: Looking towards the future: Hope has risen...

1 - The hope of a German journalist for a free Vietnam:

In the conclusion of a book about Vietnam, “*A reporter's love for a wounded people*”, author Uwe Siemon-Netto, a German journalist, who lived in South Vietnam for 5 years during the war before 1975, praised the ARVN:

“I was not present at the fall of Saigon after all units of the ARVN (Army of the Republic of Vietnam), routinely vilified by the American media, now abandoned by their American allies, fought nobly, knowing they could not win or survive this last

stand. I was in Paris, heartbroken as all this unfolded and I wish I had had the opportunity to pay my respects to five ARVN generals before they took their own lives at the end of it all, a war they could have won: Lê Văn Hưng (born 1933), Lê Nguyễn Vỹ (born 1933), Nguyễn Khoa Nam (born 1927), Trần Văn Hai (born 1927) and Phạm Văn Phú (born 1927)."

The author expressed his desire, along with the Vietnamese people, to nurture the hope that one day soon, the Vietnamese nation will find a solution to dismantle the brutal Communist regime:

"Obviously I am not advocating further bloodshed to correct the outcome, even if it were feasible. But as an admirer of the resilience of the Vietnamese people, I believe they will eventually find peaceful means and genuine leaders so they can escape the tyrants. It may take generations, but it will happen." (10)

2- The Heartfelt Thought Of Artist Kim Chi On April 30, 1975: "I have a strong belief integrated into the will of all Vietnamese people... will certainly demand HUMAN RIGHTS, DEMOCRACY, FREEDOM FROM CHINA for Vietnam"

Veteran artist Kim Chi, in her youth, enthusiastically served in the Liberation Arts Troupe in the Southern battlefield. But after the "liberation of the South," she lost faith in the Vietnamese Communist Party and the corrupt and unjust socialist regime. However, she has a strong belief in the will of all Vietnamese people, both inside and outside the country, that they will certainly demand HUMAN RIGHTS, DEMOCRACY, FREEDOM FROM CHINA, and build a country with true freedom, democracy, human rights, prosperity, and civilization. She shared her feelings about April 30, 1975, on her Facebook page on April 17, 2023, as follows: *"For me now, April 30th is not the day of the liberation of the South. The South used to be the dream of Thailand, of Singapore. Yet now, Vietnam lags behind them by centuries. The South was a rice bowl, exporting to other countries. Yet, after April 30th, for a period of time, the leaders caused the whole country to have to eat mixed meals with potatoes, cassava, and corn. The scene of closed markets and blocked rivers at that time led to a shortage of even dried fish and fish sauce... Now, every April 30th, my heart aches because my faith in the Vietnamese Communist Party and the socialist regime has completely crumbled. The sadness cannot be expressed in words.*

But I have a strong belief in the will of all Vietnamese people, both inside and outside the country, that they will not let the leaders do whatever they want. Progressive intellectuals, party members, military officers, along with young people in civil society organizations, are standing side by side in the ranks of those taking to the streets, which are growing in number. Following the trend of human progress and civilization, the people will certainly demand HUMAN RIGHTS and

DEMOCRACY; only with these two things can we hope for FREEDOM FROM CHINA. Only by escaping Chinese influence can Vietnam take off. Currently, in the southern provinces, hundreds of thousands of factory workers have taken to the streets. This is a sign that many people have overcome their fear. I believe the time will come when everyone will realize they have to save themselves. That day will definitely come. High-ranking officials, believe me, when the people are angry, you will lose everything. The people will definitely be VICTORIOUS.

I dream of a very near future when Vietnam will be renewed in accordance with the times on this earth with a political system that truly satisfies the people, no longer a 'single party giving birth to an authoritarian, totalitarian party rule', rising by its own strength through a 'market mechanism', a country with true freedom, democracy, and human rights. Then, how 'joyful I will be again' to be reunited with all my relatives and siblings overseas, returning in the joy of national reconciliation, together building a prosperous and civilized Vietnam...! ”(11)

3- Dr. Nguyen Tien Hung's aspirations for Vietnam's future

In the article “*The Republic of Vietnam and its ill-fated destinies*”, Dr. Nguyen Tien Hung, advisor to President Nguyen Van Thieu and author of many books about the Vietnam War, looked back at the unfavorable events that happened to the late President Diem during the First Republic and to President Thieu during the Second Republic, and lamented:

‘Looking back at history, we see how true the proverb "misfortunes never come singly, blessings never come twice" is: misfortunes always come one after another to the Republic of Vietnam, while good fortune rarely returns. ’”

Finally, the author concludes that it was all due to the harsh fate that God had reserved for Vietnam, and the author could only place the future destiny of the country in the hands of future generations. He concludes that:

“...Looking back today, the author myself has only one wish, that is, that future generations, living in the technological age, with many means and favorable circumstances for communication, will be able to be closer to each other, understand each other better, and then gradually help the country's destiny become brighter and better. We think that this is also the hope of the vast majority of Vietnamese people today.” (12)

4- Prediction of the demise of the Vietnamese Communist regime:

In a speech delivered in English at the Spokane Public Library on April 19, 2015, Washington State - USA, Professor Vu Quy Ky briefly presented the Vietnam War and predicted the demise of the Vietnamese Communist regime for the following three reasons:

- National Sovereignty Under Threat:

Vietnam is being threatened by Chinese Communist, just like Crimea was by Russia. The Vietnamese Communist Party appears loyal to Beijing to protect its power, privileges, and private interests, extracting the nation's and its people's assets. Thousands upon thousands of Chinese soldiers disguised as civilian workers are allowed to reside in many places throughout Vietnam with special privileges. They are living in special zones, cities reserved for the Chinese. In the event of war, they can immediately become ready-to-fight soldiers. The Hanoi authorities and security forces have no power over these special guests.

- Internal Weaknesses:

There is a vast gap between the Party members and the people in terms of power and income. There is a vast gap between the rich and the poor. The absolute power of the ruling apparatus creates injustice, corruption, and social evils never before seen in Vietnamese history. The heavy repression brings much suffering to the people. Vietnamese society is utterly devastated in the cultural, moral, and social spheres. It is truly saddening.

- Opportunities:

People are gaining understanding, thanks to contact with the realities of the world: how liberal democracy helps develop society and the economy, and liberates people. People are becoming less and less afraid of those in power. The suffering from constant brutal repression no longer threatens the people. Young people are no longer terrified. The number of protesters is increasing. The seeds of an uprising are gradually developing and spreading. The resistance will reach a level dangerous to the regime. This harsh regime knows it nurtures the seeds that will destroy itself. Communist party members are trying to flee abroad, seeking political asylum. (13)

Four Possible Scenarios for Vietnam's Future

Predicting the downfall of the Vietnamese Communist regime is a sensitive and complex topic, involving many internal and external factors. While the future remains uncertain, we can identify several possible trends and scenarios that might lead to significant change or the collapse of the current regime. Four potential outcomes include:

- Scenario 1: Reform from Within

The Communist Party could initiate internal reforms to ensure its survival, adopting

more democratic principles such as permitting limited multi-party participation or allowing greater media freedom.

- Scenario 2: Peaceful Transfer of Power

Similar to transitions in Eastern Europe, the regime could peacefully negotiate its own dissolution, leading to a democratic government through dialogue and compromise.

- Scenario 3: Violent Upheaval

In the face of severe repression or crisis, widespread unrest or revolution could erupt, resulting in the abrupt collapse of the regime.

- Scenario 4: Gradual Weakening

The regime may neither fully collapse nor reform but instead weaken over time, maintaining a façade of communism while losing real power to other social and political forces. (14)

Author's Commentary: Which Scenario Will the Vietnamese Communist Party Follow?

Among the four possible scenarios, it is difficult to predict which path the Vietnamese Communist Party (VCP) will take. Currently, only external signs are visible—such as General Secretary To Lam's administrative reforms aimed at streamlining government operations, reducing budget waste, and fighting corruption. These reforms appear to echo former President Trump's "drain the swamp" rhetoric in the United States. However, the VCP now faces significant challenges in its trade relations with the US.

- President Trump implemented global tariffs

According to news reports, on April 2, 2025, President Donald Trump ordered reciprocal tariffs on imports from more than 180 countries, effective April 9, 2025. Yet, just one week later, on April 10, Trump unexpectedly announced a 90-day suspension of these tariffs for most countries—except China. At the same time, he raised tariffs on Chinese goods imported into the US from 104% to 125%, then to 145%, stating this was effective immediately. Then, on April 15, 2025, according to Yahoo Finance, the US increased tariffs on Chinese goods to 245% following China's retaliation by restricting exports of rare earth elements and high-tech materials.

Vietnam was targeted with a 46% tariff on goods entering the US due to suspicions that it was acting as a transshipment hub for Chinese products. In other words, Chinese goods were shipped to Vietnam, labeled "Made in Vietnam," and then exported to the US to evade American tariffs. Facing the threat of economic collapse, factory closures, rising unemployment, and a potential stock market crash, VCP officials proposed a 0% tariff on bilateral trade. However, the US rejected this, emphasizing that the issue is not only tariffs but also Vietnam's need for transparency—preventing the transshipment of Chinese goods—and reducing the US trade deficit with Vietnam.

Ultimately, President Trump’s global tariff strategy aims to stem the flow of cheap Chinese exports, challenge China’s threats against Taiwan, and counter its attempts to destabilize the global economy. The US-China trade war thus extends far beyond tariffs; it is a broad competition for economic, technological, and geopolitical dominance worldwide.



President Trump speaks about tariffs in the Rose Garden at the White House in Washington, DC, on April 2, 2025. REUTERS

In 2024, the U.S. trade deficit in goods and services totaled \$918.4 billion, with the largest deficits recorded with China, the European Union, Mexico, and Vietnam. That year, Vietnam exported more than \$136.6 billion in goods to the U.S. while importing just \$13.1 billion, resulting in a trade surplus of over \$123.5 billion in Vietnam’s favor. In response to growing U.S. concerns over this imbalance, the Vietnamese Communist Party has dispatched a delegation, led by Deputy Prime Minister Ho Duc Phoc, to Washington to negotiate expanded economic cooperation. (15)

- Vietnam facing a difficult dilemma in the US-China trade war

According to news reports, Chinese President Xi Jinping visited Vietnam from April 14 to 15, 2025. During the visit, the two sides signed 45 cooperation agreements across various sectors, as the leaders of the two Communist-ruled countries called for a joint effort to “open a new era.” Xi likely used the occasion to pressure Vietnam to align more closely with China amid the ongoing trade war with the United States. He stated: *“I look forward to deepening our friendship, exploring cooperation, and advancing a shared vision for a China-Vietnam*

community with a common future of strategic significance in this new era.” In response, Vietnamese Communist Party General Secretary To Lam praised Xi’s visit and echoed the sentiment, calling on both countries to “*join hands in opening a new chapter in the development of Vietnam–China friendly relations*”. (16)

Although Vietnamese leaders publicly called for both sides to “*join hands to open a new era of development in Vietnam–China friendly relations,*” in reality, Vietnam faces a difficult strategic dilemma—caught between two powerful and opposing forces. If Vietnam aligns with the United States to protect its economy from collapse, it risks angering China and could face retaliatory pressure or punitive actions, as it has in the past. On the other hand, siding with China in its trade war with the U.S. could prove economically disastrous, as exports to the American market account for roughly 30% of Vietnam’s GDP. Such a move could trigger widespread economic decline, political instability, and social unrest.

- Which scenario will the Vietnamese Communist Party follow?

In this context, I humbly believe that Vietnam may follow the first scenario outlined earlier: that the Communist Party of Vietnam (VCP) could choose to reform in order to survive—by gradually adopting more democratic principles, such as permitting limited multi-party participation and greater freedom of the press. Additionally, Vietnam should seize the opportunity presented by the intensifying U.S.–China trade war to reduce its dependence on China and move toward greater autonomy—aligning with the long-standing aspirations of the vast majority of Vietnamese people, both at home and abroad. Conversely, if the VCP chooses to side with China and allows an economic crisis to unfold, it could spark widespread unrest and potentially lead to the regime’s total collapse.

Conclusion

These observations—from international voices, Vietnamese citizens, and the overseas Vietnamese community—have rekindled hope for a future Vietnam that is free and democratic, no longer under the grip of a dictatorial, oppressive, and inhumane communist regime. History has shown that communism, by its very nature, cannot truly reform itself. It is up to the Vietnamese people, through unity and collective effort, to bring about real change and build a nation rooted in freedom and democracy. As former Russian President Boris Yeltsin once stated: “*Communism cannot be repaired, it must be dismantled.*”

To escape the threat of Chinese domination and reclaim full national sovereignty, Vietnam must embrace democratization and revive the spirit of the historic Diên Hồng Conference. When faced with national humiliation, the elders of that time

declared:

“Should we make peace or fight? Fight! Though our nation is weak, we must not fear war. We are ready to sacrifice!”

It was thanks to the united fighting spirit of the entire population that our ancestors successfully repelled Chinese invasions three times in the 13th century. Today, that same spirit must be rekindled. Vietnamese people, both at home and abroad, must come together as one national force—unified in purpose—to dismantle the Vietnamese Communist regime, which serves as a puppet of the Chinese Communist Party.

The collective will of the people is a formidable power, as the ancient Chinese philosopher Xun Zi wisely said: *“Quân giả chu giả, thứ dân giả thủy giả; thủy tắc tải chu, thủy tắc phúc chu.”* (The ruler is the boat, the people are the water; water can carry the boat, but it can also overturn it).

May the unified will of the Vietnamese people become the rising tide that sinks the Communist vessel to the depths of history.

Loc Vu

Little Saigon – Southern California, Black April 2025

Note on the author: The author graduated from the National Institute of Administration – Saigon – Vietnam in 1971; and also held a Master's degree in Economics from the Saigon Faculty of Law in 1973. The author was invited to give this speech at the Commemoration of the 50th Anniversary of the National Day of Mourning, April 30, 1975, held by the Vietnamese National Institute of Administration Alumni Association of Southern California (VNIAAA) on April 26, 2025 at the Vietnamese Library, Southern California.

References:

- (1) Former President Nguyen Van Thieu's interview with Spiegel 1979. Translated by Pham Thi Hoai. Source: “Die Amerikaner haben uns verraten“, Spiegel magazine issue 50/1979. Contributors: Engel, Johannes K., Lohfeldt, Heinz P.
- (2) Source: Book “Decent Interval” by Frank Snepp, translated by Nguyen Dinh Phuong.
- (3) 30/04/1975 NATIONAL DAY OF MOURNING – Trọng Đạt (Facebook)
- (4) Source: Book “Decent Interval” by Frank Snepp, translated by Nguyen Dinh Phuong.
- (5) The harsh truth about the Paris Peace Accords of 1973. Source: https://www.rfa.org/vietnamese/news/people_stories/readersopinions-nqk-12172012160001.html
- (6) Source: Black April Press Release - Vietnamese and English - April 10, 2025 forwarded by Ms. Thê Thủy to Mr. Nguyễn Văn Canh for posting on the Global QGHC Forum.

- (7) Exclusive: U.S. to install senior diplomat as chargé to oversee Chinese embassy: State Dept. <https://www.reuters.com/world/us/us-install-senior-diplomat-charg-oversee-Chinese-embassy- state-dept-2025-03-14/state-dept-2025-03-14/>
- 2021 Award for Constructive Dissent <https://afsa.org/2021-award-constructive-dissent>
- (8) “Thoughts on April 30, 2015?” Father Phan Văn Lợi speaks on OMV4TV on April 30, 2015 <http://www.freevietnews.com/audio2/index.php?subaction=showfull&id=1430430589&archiv e=&start from=&ucat=&>
- (9) Dr. Phạm Văn Lưu: Mr. Ngô Đình Nhu's View on the Threat of Chinese Invasion. Source: FB Maria Âu Hải Yến.
- (10) Book “A reporter’s love for a wounded people”, author Uwe Siemon-Netto is a German reporter, who lived in South Vietnam for 5 years during the war before 1975. The original book of 306 pages titled “Duc , der Deutsche – Mein Vietnam. Warum die Falschen, was translated by Lý Văn Quý & Nguyễn Hiền with the title "Glory of the Absurd - A reporter's love for the abandoned Vietnamese people", autographed by the author Uwe Siemon-Netto himself on the occasion of his visit to Berlin to speak with the Vietnamese Refugee Community, dated March 23, 2014. The second edition in English was published as: “Triumph of the Absurd - A reporter’s love for a wounded people”.
- (11) THE HEARTFELT THOUGHTOF ARTIST KIM CHI <https://www.facebook.com/692893586/posts/pfbid027H2KxNAR6AF9DuS6sUJjZmAPhiVnDLi4QruTGjwqFUjXKpDmxHtfTMiNoKvsH8al/?sfnsn=mo&mibextid=6aamW6>
The Republic of Vietnam and its misfortunes. Source: Saigon in me/ Nguyễn Tiến Hung.
- (12) Black April 1975 – A History Lesson (on the Vietnam War 1954-1975) by Professor Vũ Quý Kỳ, posted on website: <http://www.freevietnews.com/audio2/index.php?subaction=showfull&id=1429931260&archiv e=&start from=&ucat=&>
This is the English speech of Professor Vu Quy Ky, delivered at the Spokane Public Library on April 19, 2015, Washington State USA — briefly presenting the Vietnam War and Black April 1975.
- (13) Source: Predictions about the collapse of the Vietnamese Communist regime according to ChatGPT & PERPLEXITY
- (14) Source: Vietnam Trade: Record surplus with the US, increasing deficit with Chinese <https://www.voatiengviet.com/a/thuong-mai-viet-nam-dat-thang-du-ky-luc-voi-my-tang-tham- hut-voi-trung-quoc/6912283.html>
Source: Vietnam's trade surplus with US hits record high in 2024 https://www.reuters.com/world/asia-pacific/vietnams-trade-surplus-with-us-hits-record-high- 2024-2025-02-05/? utm_source=chatgpt.com
Source: Inside Trump’s decision to pause most tariffs and turn up heat on China to lock in better trade deals for US. <https://nypost.com/2025/04/10/us-news/how-trump-decided-to-pause-most-tariffs-and-turn- up-heat-on-china/>
- (15) Source: Vietnam – China sign 45 cooperation documents 'opening a new era' <https://www.nguoi-viet.com/viet-nam/csvn-trung-quoc-ky-45-van-ban-hop-tac-mo-ky-nguyen- moi/>

THE POWER OF CIVIL SOCIETY

Luu Nguyen Dat, PhD, LLB/JD, LLM



To truly understand the power of civil society, we must first define its organizational structure, its relative position, and its role in implementing democracy in today's context.

ORGANIZATIONAL STRUCTURE

Civil society is a collective of legal entities established to respond to, support, and protect the collective interests, goals, and dignity of citizens, both locally and globally. This is rooted in principles of humanism, self-determination, and independent thinking. For civil society to be effective, it must voluntarily organize into "civil society organizations" (CSOs)—which are typically non-profit, independent, or non-governmental entities—working across various fields such as social services, economics, charity, education, religion, professional development, research, literature, arts, and human rights advocacy.

When these organizations operate within the framework of "expanded collectives" and adhere to related legal procedures, they gain the ability to transparently pursue their missions. This transparency enhances the power and influence of citizens within community life. Legal activities carried out by civil society organizations also allow for the evaluation of the existing political system. If it respects the legitimate activities of civil society, we can classify it as an open democracy. Conversely, if it restricts or controls these organizations, it can be deemed autocratic and anti-democratic. Civil society must be

recognized as a legitimate need for the people, by the people, and for the benefit of the people. Any other type of civil society organization that is not founded on these principles is likely to be ineffective and a drain on human and financial resources. Lack of transparency, organizational vitality, expertise, and clear objectives can lead to counterproductive activities, mainly when organizations are formed under false pretenses to serve the interests of specific political cliques. Such organizations will not effectively serve those who seek genuine progress. Civil society, as an extension of the self-thinking, self-initiated, and self-respecting collective, becomes truly beneficial only when it centers on the lived experiences of citizens. In terms of legal status and justice, civil society must be characterized by its voluntary nature, humanity, ethics, and non-profit orientation.

COMPARATIVE POSITION

Civil society exists within the civil sector and should measure its impact based on citizens' concerns. It operates distinctly from [a] the personal and family sector, [b] the self-interested market economic sector, and [c] the government sector.

A. The civil society sector is different from the personal, family, and party group sectors. At the individual, family, or group level, people often act for their own interests, achieving only limited benefits for themselves. They may work according to party regulations, but do not typically engage in activities aligned with the mission of independent civil society, such as literary and scientific research associations, charitable organizations, or human rights advocacy. However, if individuals or family groups actively promote philanthropic initiatives that serve broader societal goals without seeking profit, they can qualify to operate within the civil society sector.

This requires:

1. A clear distinction between the financial interests of individuals, families, or groups and those of the civil society organization.
2. A commitment to fairness and non-discrimination. To avoid conflicts of interest, individuals in civil society organizations, as well as public representatives, must refrain from holding essential positions that could compromise their impartiality. Instead, the leaders, members, and supporters of these organizations should receive compensation and, if necessary, benefits such as tax exemptions based on their level of participation, contributions, and adherence to ethical standards.

Since the 1990s, with the emergence of new social movements in the free world, civil society has evolved into the "third sector." As part of a strategy to build a humane and borderless global order, civil society activities have shifted towards implementing purely social volunteer programs, while political struggles remain organized within the political society, which consists of associations advocating for ideological interests.

B. The civil society sector differs from the profit-driven market economy. While entrepreneurs, legal entities, and commercial companies operate to make a profit

through capital investments, charitable associations, trade unions, and organizations that focus on education, cultural preservation, and the protection of human rights and freedom operate as voluntary, non-profit entities. Their primary purpose is to provide collective benefits to the public, prioritizing needs over profit.

In the civil society sector, exchanges are not driven by market supply and demand but are based on:

- Urgent situations requiring efforts to assist victims and the disadvantaged;
- The ideal of protecting freedom and human dignity;
- The value of creative and humanistic ideas that need to be nurtured and developed.

The capital within civil society is comprised of “social capital” and human capital, relying on ongoing contributions in terms of human resources and knowledge from the community. In this context, citizens serve as both “partners” who support investments in initiatives and as the collective aim of enjoying welfare, security, rights, and dignity within the global community.

While non-profit activities require specific resources, funding, and facilities, these financial and operational infrastructures must solely serve the public interest, as outlined in the by-laws and the fundamental definition of civil society. Key principles include:

- Fundraising efforts must ensure that assistance reaches those in need rather than benefiting private individuals or groups.
- There should be no complicity with criminals or unjust local authorities that may harm victims or genuinely needy individuals.

To ensure transparency and accountability, the non-profit activities of an organization must:

- Maintain a clear separation of income and expenses, with a distinct budget and proper accounting records.
- Avoid ambiguity that could lead to the private appropriation of resources by members or administrators.

Financial resources obtained from fundraising initiatives and contributions from philanthropists play a crucial role in supporting civil society activities. Funds are necessary for community services, projects that safeguard human dignity and rights, charitable efforts, as well as environmental protection and improvement. They also enable the implementation of public health research, creative arts programs, and education initiatives.

Most importantly, all financial procedures, including revenues and expenditures, must be conducted according to fair and transparent standards, free from abuse of power or complicity in corruption.

Moreover, if businesses engage in and support social charity programs or fulfill corporate ethical responsibilities, they may be recognized as adhering to civil society standards. In such cases, it is essential to:

- Maintain a clear distinction between private business and non-profit associations, avoiding any ambiguity in financial records and interests.
- Ensure there is no special treatment or discrimination.

C. The civil society sector differs from the public sector, particularly in government. In the United States, civil society is built upon five foundational pillars of civil rights:

1. Freedom of thought and religion
2. Freedom of speech and opinion
3. Freedom of the press and access to information
4. Freedom of assembly and collective organization
5. Freedom to criticize public authority

According to the First Amendment of the United States Constitution, the legislature cannot give preferential treatment to any religion nor prohibit freedom of belief. It also cannot hinder freedom of speech, freedom of the press, the right to peacefully assemble, or the right to petition the government for redress of grievances. Clearly, civil society serves as the constitutional "third force" in establishing and maintaining the foundation of democracy in the United States.

Registering a non-profit organization as an independent legal entity is a common practice in the free world. U.S. laws regarding organizations' registered offices stipulate several organizational rules in the form of **articles of incorporation**. These documents clearly outline the organization's name, purpose, headquarters, and information about the declarant, founders, or board of directors. After obtaining a certificate of incorporation, the next step is to apply for an Employer Identification Number (EIN) with the IRS to open a separate account for the organization. After a few years of operation, the organization can apply for federal tax exemption under the 501(c)(3) legal designation, which is available for non-profit organizations focused on religious, educational, charitable, or other approved goals. Among these, "charitable" is one of the most recognized purposes both domestically and internationally.

In the United States, organizations that use the term "charity" must actualize a mission that serves the "public interest," meaning they must provide benefits to the broader

community rather than to individuals, families, or specific groups. In the UK, the *Charities Act 2006* outlines comprehensive charitable objectives, which include:

1. Prevention and alleviation of poverty
2. Promotion of education
3. Promotion of religion
4. Promotion of public health and life-saving solutions
5. Promotion of civic community
6. Promotion of arts, culture, traditions, and science
7. Promotion of non-professional sports
8. Promotion of human rights and racial reconciliation, equality, and diversity
9. Improvement and protection of the environment
10. Relief for victims in urgent need due to childhood, illness, disability, poverty, or other social disadvantages
11. Promotion of animal protection

This framework highlights the broad scope of charitable activities recognized under both U.S. and UK laws, emphasizing a commitment to public welfare and social enhancement.

IT IS IMPORTANT TO NOTE:

All of the above non-profit organizations and private funds have a civil society character: of the people, by the people, serving the people. The members, from the founders, members, and the board of directors, are all 100% citizens. They establish associations for the sake of charity, for civic responsibility, for collective interests, for human dignity, domestically and globally.

These associations rely on voluntary contributions, fundraising, and donations from individuals, associations, business entities, and commercial companies with charity programs. They will receive a corresponding tax reduction for whatever they contribute. That is a direct or indirect way to participate in association activities and generous charity. We have seen that billionaire philanthropist Warren Buffett donated 31 billion USD to the Bill & Melinda Gates Foundation to do charity work together. Even though they receive the above contributions, the associations still have the full right to act according to the association's guidelines, based on the purpose and mission they undertake. They are not restrained by any force, except for having to carry out their charitable mission according to the association's standards, in a fair, legitimate, and fundamentally ethical manner.

IMPLEMENTING DEMOCRACY

The strength of civil society lies in the dynamism of voluntary organizations that can effectively influence and shape both domestic and foreign policies. These organizations

play a vital role in transforming and promoting economic, social, cultural, and educational aspects of life, while also enhancing security at home and abroad.



The United States has illustrated the close relationship between the pluralistic and diverse capacity of civil society and the preservation and promotion of effective democracy. Democracy germinates from the infrastructure of civil society—rooted in the will of the people, their initiatives, demands, requests, and recommendations—and extends to the government system, encompassing legislators, executives, and the judiciary, which are all responsible to the people and the nation.

Civil society's role emphasizes the promotion and preservation of democracy through several key approaches:

- [a] Implementing the values of pluralistic and diverse democracy.
- [b] Facilitating reconciliation among the various aspects of an issue for the public good and shared interests.
- [c] Bridging gaps between different groups and interests by broadening conflicting positions to build moderate, acceptable, and feasible solutions collaboratively.
- [d] Reducing extremism in actions and using conscience to align with the needs, interests, and perspectives of the people.
- [e] Maximizing the use of available methods and experiences, both domestically and globally, to advocate for democracy and peace-building.

[f] Collaborating with like-minded organizations that share the same mission and goals, ultimately focusing on the well-being of the people and humanity.

[g] Enhancing social capital through harmonious, fair, and equitable solutions.

[h] Increasing operational capital and fostering technical trust in each democracy-building project.

In recent decades, inspired by examples from the free world, several countries have transitioned away from authoritarian traditions. In Ethiopia, the establishment of numerous civil society organizations led to a pluralistic National Assembly that demanded that the Ethiopian People's Revolutionary Front government end press censorship and halt the arrest of journalists supporting civil society initiatives. This is a clear result of democratization, driven by grassroots movements and popular uprisings.

From 1998 to 2004, we also witnessed the impactful role of civil society in Georgia, Ukraine, Slovakia, Croatia, and Serbia, where their efforts led to free elections and evident democratic progress in these nations.

Following these elections, civil society needs to continue collaborating with the government to promote citizen participation through constructive initiatives within the governance mechanisms of the country. Regular mobilization "between elections" is crucial for gauging the effectiveness of civil society in any government that aspires to promote freedom, democracy, prosperity, and security. Even in nations where authoritarianism persists, manifesting as "negative/ineffective democracy," "repressive democracy," or "non-free democracy"—as seen in Vietnam—genuine civil society remains a necessary component for democratization, contributing to the prosperity and security of both the country and the broader region. Democracy can only be fully realized when it emerges from freedom, driven by the initiative and determination of the people as its foundation and capital.

Luu Nguyen Dat, PhD.LLB/JD, LLM

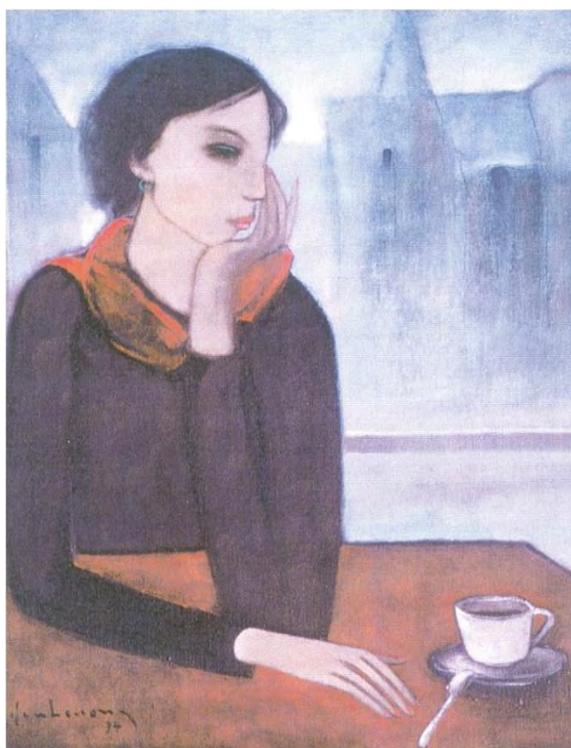
Michigan State University, Howard Law School

Luu Nguyen Dat, MA, PhD, LLB/JD, LLM

- MA & PhD, French Literature, Michigan State University, MI, USA

- LLM, MCL, Howard Law School, USA

- Founder, President Cỏ Thom (1996-2003); Tư Tưởng Việt (2003); Việt Thức Foundation/Forum & Publications (2010-current), Fairfax, VA, USA



The Spy Couple

A Short Story by

Phạm Thành Châu

Translated by

Nguyễn Thế Cảnh, Ph.D.

After high school, I entered Teachers Training College majoring in Teaching English as a Foreign Language. While in college I worked for No. 3 Bach Dang, which was the code name for The Republic of South Vietnam's central intelligence agency.

I was interested in intelligence service because I had a propensity toward adventures and liked dangerous activities, and later, because I had an enmity toward the Viet Cong who killed my father. My father owned a small rice processing facility in a rural area of Bac Lieu Province. This was a hostile area and my father had to pay taxes to the Viet Cong. Despite these payments, one evening they came knocking on our door, took my father to the paddy field and shot him. Many years later I made it a point to investigate his death and discovered that,

due to a small dispute, a local infiltrator led local guerrillas to execute my father. Naturally, I wanted revenge. While awaiting my teaching assignment after graduation, I secretly returned to my home and hid from my neighbors in my room. At midnight I went to his house and waited for him in the back. People in the countryside had no indoor toilets; they would go outside to take care of their biological needs. On the second night, he opened his door to go out to pee. I stuck my pistol to his back and commanded,

“Comrade, follow me over there to answer before the Organization a few questions about some urgent business.”

He became suspicious and moved to react. I hit his head with my gun. He fell unconscious. I tied his hands and feet, put him on my back, and crossed the paddy field to reach the spot where my father was

put to death. I interrogated him at length until he admitted his guilt before I let him know the truth. He implored and begged for mercy to no avail. The memory of my father indignantly dying with his eyes wide open boiled my blood. My family sold the rice processing factory, the house, and we moved to Saigon. Upon graduation I was sent to teach at provincial high schools. After each assignment, regardless whether my mission was successful or not, I was transferred to another province.

This story began when I was assigned to keep surveillance on a female tailor in the suburb of a town on the Central Coast. The reason for this was that leaflets were found on the road to town in the morning. Villagers used this road to move their staples to sell at the town market. They transported their goods by bicycles, three-wheeled taxi cabs, or buses. Early every morning plain-clothes police kept watch on this country road but did not see anyone suspicious. Finally, one policeman had to lie down on the roadside and discovered a girl on a bicycle carrying a basket of water spinach on the back and leaflets on the pedals. She just slightly lifted her foot and the leaflets were released. It was hard to notice especially when it was still dark in early dawn. Our investigation revealed that she was the tailor in the suburb on the outskirts of the town. Behind her house was a small patch of water spinach. Every morning she took her vegetables to the town market and sold them in bulk before returning home in a hurry. She

lived with her mother of about sixty years of age. Her tailoring shop had a sewing machine in the front and behind a thatch divider was the bedroom, which also served

as a fitting room. This family had moved here from the highlands a year ago. According to our investigation, she was a high school student who later pursued a career in tailoring. Her shop was rather crowded because she was a nice, happy girl, and she charged very little. Probably this was a liaison post rather than a fund-raising site for the Viet Cong.

My responsibility was to find a way to get close to her and follow her activities. I would play the role of a young man madly in love with her, or even better, make connections to work with her. On a Sunday morning I was riding my motorcycle near to her house and the vehicle stalled. I stopped and tried to fix it. I went inside to ask her for a rag and kept myself busy cleaning the engine, replacing the sparkplug, removing the secondary gas tank till I broke into a sweat, but the motorcycle would not start. I asked her for a drink of water, sat down on the front porch, asked her a few aimless questions, then pushed my bike home. The next day I took some fabric to her shop and asked her to make me a shirt. I was invited to go inside this time because I was a customer. Then, from time to time, I asked her to make something for me. I said with some hesitation that I was more interested in the opportunity to see her because I was missing her. She appeared surprised but remained silent. For the next few times she was even more cautious, but I noticed in her eyes a flash of joy whenever she saw me. During our conversations I told her about my family. My father participated in the Front and was killed by the ARVN (1). I sometimes went to the temple to listen to the monk preaching or took part in

meetings; I spoke carelessly to appear like a person resenting the government. After a period of indifference and caution, she seemed friendlier and more open. The enemy in the dark was pulling the prey closer to his side; I knew I got her attention. But I felt like being at the end of the road; I was unable to get what we wanted to know.

One Sunday morning I went to visit her as usual. Upon my arrival I saw only a heap of smoking ashes. No one knew why the fire burst out in the middle of the night and engulfed the house. The girl and her mother barely had enough time to escape. I consoled her but she shook her head and remained worried. She said,

“I haven’t paid off my sewing machine and this piece of land and my clients demanded that I pay in full for their lost fabrics and clothes, but I’m broke.”

I promised her that I would do my best to help her. I sold my motorcycle. I asked my neighbors to assist me in collecting used corrugated sheets; I bought some additional materials and rebuilt a decent new house; besides, I was able to buy her a new sewing machine. I took care of everything for her in one week. Thereafter her attitude toward me completely changed. We usually went to the theater and enjoyed snacks I bought from street vendors. Sometimes she came to visit me at my boarding house. When she went out with me, she usually dressed up, applied a light rouge on her cheeks, which made her look very pretty, transforming her from a poor plain tailor into a fairy. However, as far I was concerned, walking beside her, especially in dark places, gave me a creeping feeling as if I was standing in front of the barrel of a gun lurking in the

dark. Due to my profession I was always on guard, under camouflage, groping around for a safe position in the back.

One day she stopped by my place to visit me. My neighbor knew she was a tailor and begged her to allow her daughter to learn tailoring from her. The girl was a high school student who recently failed her graduation exam and wanted to work as a tailor to earn additional income for her family. Due to my support she seemed to consent; but she asked for a couple of days before she could give an answer, probably she wanted to ask her leader for his approval. She accepted her student in the following week. The young girl was bright and, in about three months, made noticeable progress. The shop also had more business. One day I asked the neighbor’s daughter to come over to have a private talk. I asked, “How’s your training with Miss Lan going?”

“My cutting needs improvement but my sewing is pretty good. Customers say that my lines are very straight, smooth, and beautiful.” She replied.

“Perhaps you need one more machine to help Miss Lan meet her deadlines,” I continued.

“I think so too but I don’t have the money.”

I confided in the student,

“As you might have guessed, I’m in love with Miss Lan and intend to marry her. However, I have some reservation. It appears that Miss Lan might have someone else. I’d like you to help find out if anyone comes and has intimate talks with her. You won’t have to do anything to that might cause her to become wary. I’ll put this little

recorder in your handbag. When you come to work, all you need to do is hanging your bag in the back of your seat close to the wall of the fitting room. That's all. Make sure you don't let anyone know about this. If Miss Lan or someone else sees it and asks, just tell them it's a radio. I'll show you how to tune in a radio broadcast. Also, don't let her know that I lent you money to buy the sewing machine. I'm afraid she might become suspicious, jealous, and cause trouble for us."

We started to listen to the enemy's information exchanges and discussions in the fitting room. Another unit was on the watch to take pictures of suspicious patrons and opened investigations. We almost had a complete list of local spies, fund-raising centers, and housing places for infiltrators as well. However, we were till not able to identify the ringleader!

In this business a little negligence was enough to get you killed. The female tailor, for example, was not aware of us putting her under surveillance. She and I were like two judo contestants seeking to deceive each other in order to down the opponent onto the canvas. She completely lost her footing, but I did not follow through. I'd rather wait for her move. It was possible that she pretended to engage me in intimate conversations in order to find out more about me, or on one evening seduced me to take a trip to the rural area to enjoy fresh air. However, these things never happened. She was always quiet and sweet, which worried me because I perceived her as strong and dangerous. I tried to appear happy when I walked next to her; in reality, I had the impression that she was like a poisonous snake; it would take her a second

to ruin my life. It was not worth exchanging my life for hers. I derived no gratification from my role. I received orders to go further, for example, to engage in sexual contact in order to keep the prey but I could not do it. It did not matter whether she really loved me or pretended to be in love with me, I was determined not to impinge on a woman's sacred place. That was the weakness of an inexperienced spy like me.

The enemy had plans to attack provincial towns in the summer. We spread our net. We intended to begin our operation at midnight. In the afternoon the student tailor came back and reported that a beggar Buddhist monk stopped in front of the store; Miss Lan came out to make offerings; the monks said his prayers in a murmuring voice and wished well to everybody as usual. However, when she turned around to go back into her house, her face turned ashy and her body trembled visibly. I proposed the police operation start sooner. The entire ring was arrested including myself. The police came, knocked on my door, handcuffed me, and shoved me onto their truck.

Normally after each play the curtain dropped and I took a rest before I was assigned a new mission. I did not know why her image lingered vividly in my mind. My pity arose when she was arrested and jailed. Women, young girls, and children had no place in war. They should be at home, protected, and defended all the time. A girl who tripped and fell would be touching enough let alone a young gentle and innocent-looking tailor locked behind iron bars like a hunted beast waiting to be cut up for meat. I often secretly looked at her sitting sullenly in a corner of her cell,

withered without a soul, emotion, or thoughts. Her future would die in prison; love, hope was coming to an end. As far as she was concerned, I felt I was cruel, deceiving a young girl although she was directed from the dark. And, when I had the impression that she was no longer an enemy, my caution disappeared and, in my mind, she appeared like a picture cleaned of dust showing her pure and sweet image. Therefore, I suggested she be released to resume contact with other preys.

I was called from my cell to answer questions related to our relationship. We admitted that we in fact loved each other but knew nothing about Viet Cong's activities. The interrogating policeman pretended to believe us right away. He promised that he would let us go and left to take care of the paperwork. I moved to sit next to her and held her hand, she looked up at me and shook her head, perhaps she thought the interrogator's promise was a trap. I tried hard to make her understand that I had the authority and I wanted to save her because I loved her. I said to her, "As you heard a few moments ago, I want to vouch for you and be responsible for your future actions. If you truly love me, you should avoid those activities that might cause you harm. You must take care of your elderly mother; you'll get married, have children, and live a happy life like other normal people. Don't be silly anymore; not that I'm concerned about getting involved with your misfortune, but if something unfortunate happens to you, I'll suffer a great deal. I'll arrange for you and your mother to move to Saigon to live among city folks; no one will bother you any longer. We'll be engaged till I arrange to be

transferred to teach in Saigon, then we'll get married."

She bowed her head and quietly listened to me, held my hand and put it on her thigh, and gave it a gentle squeeze. A drop of tear fell on my hand. I took a deep breath of relief. She understood my intention. She wrote to her mother to ask her to sell the house but kept the sewing machine, and to get ready to move back home. We quietly went to Saigon. With my friends' help, I was able to buy a small house at Ba Queo Market area at the corner of Hoang Hoa Tham and Ngo Tung Chau, Gia Dinh. Of course, my surveillance responsibility did not stop.

Our activities usually received support from American spy agencies. Americans were very generous but also very bureaucratic; they happily reimbursed me for my motorcycle, and paid me back miscellaneous expenses like theater tickets, snack foods, and refreshments. But after the operation all papers were considered classified. Again, I sold my motorbike and borrowed more money to take care of her; I had no idea when I would have the money to buy another bike.

During the summer I returned to Saigon to live with my family. I usually stopped by to see her in the evening and sometimes stayed for dinner with her family. After eating her mother washed the dishes while she excused herself and go to take a shower. Cay Queo Market was located in an alley; it was as quiet as a rural hamlet after the market was closed. Behind her house was a small square courtyard fenced off from outside; I liked to sit on a wooden bench to wait for her. She had a habit of not wearing

her bra after shower; behind the thin fabric of her blouse her breasts stood up straight and were visible like two young bamboo shoots springing from the ground. She sat next to me, leaning her head to rub her hair with a towel, brushing it down to straighten it, turning her face up and pushing her hair to her back, then looked at me, smiling. I watched her in silence imagining seeing clearly the smooth sweet-smelling skin of her body. We then had something to eat and talked till late in the night before saying goodbye.

After the summer I was transferred to Hue to teach. I wrote her a long letter and promised to get engaged during the Tet holiday. She was rather untalkative, even in writing she responded with a few lines, "I read your letter and have been crying for the past few days as I was so happy. Thank you for understanding me; I now truly believe your promise with all my heart and my life."

Toward the end of the year, I asked for a leave to return to Saigon; on arriving at her house I was surprised to see the house having been fixed up nicely. She walked me to the back to show me a room recently added. She said, "Mom sleeps in the room in the front, and I sleep in this room."

"And I sleep on the floor!?" I joked.

She blushed and was happy. She continued, "Of course, you and I will be in this room."

Our engagement was simple and discreet. My family thought I would marry a student; they did not know that I was marrying a tailor. They were not discriminating or class-conscious; but it was customary for a teacher to pick a pretty wife among the girl

students from the school where he taught. However, everyone liked her at first sight when they met her. She was gentle and such a sweet beauty. My mother repeatedly called her "honey" while my younger sisters nosily asked her all kinds of questions, which made her embarrassed and awkward with emotions.

Thereafter, I went to see her almost every day and sometimes stayed overnight; we promised each other that we must be careful and wait to consummate our love on the wedding night. She had some frivolous womanish thoughts. She embroidered the pillows with heart images, her name and mine intertwined, a pair of soaring birds, and she debated the names of our future children. She was crossed when I teased her; actually, she was happy with these simple dreams. I discussed with her our wedding plan in a couple of months.

But beginning in early 1975 South Vietnam started to fall apart; everything tumbled like dominoes. People were rushing southwards. I lingered a little longer to destroy dossiers, dispersed my network, and fled to Danang, but had to return to Hue because the Central had fallen in the hostile hands. The enemy did not appear to know anything about me except my cover as a high school instructor. They began to recall teachers to declare their identities as if they were about to re-open schools. Towards the end of May they came and surrounded my rental house, went in to handcuff me and pulled me out to their truck. At first glance besides a police vehicle carrying soldiers I saw another vehicle bearing a Saigon coded license plate. I knew right away that they already discovered my exact identity. But,

why did the Agency not destroy my dossier?

I was sandwiched between two young soldiers armed with AK's. In the front next to the driver was a woman. The trucks got out of Thuong Tu Gate, crossed Truong Tien Bridge, reached Duy Tan Street; the vehicle in the front turned into the (old) police station and the one transporting me went straight ahead in the direction of Highway One. I guessed they were sending me to Saigon for interrogation. I intended to escape but was waiting till I was closer toward the South before making my move. With this thought I relaxed and took a light nap to conserve my energy. The truck had to stop at control posts along the road. The driver, who also was a soldier, showed his papers, said something while a scattered light flashed on the vehicle, then moved on. It was light when we reached Quang Ngai. I looked around. I suddenly felt a chill in my spine when I recognized the woman in the front was the tailor, my prospective wife. I realized I had mistaken in my mission; the ringleader was her, not the beggar monk. I cracked a silent bitter smile about losing this battle of wits to a woman who expertly camouflaged to deceive not only me but also her underlings. I felt ashamed when thinking of the times when I was with her. She had played an excellent self-confident part; I was merely an innocent prey. I thought my sincere love had changed her. Now she was sitting there; her face looked as cold as steel. What was she thinking about me, a third-rate spy, a simple-minded romantic bourgeois?

We stopped at a restaurant at Binh Dinh; a guard unlocked my handcuffs and told me, "If you need anything, tell me. Keep a

distance about 5 yards; if you move closer or farther, you'll be shot." I was led to a table in the corner; the guards sat on my sides; she took a seat at a separate table. When paying, she pulled out a stack of brand-new money, took a few bills, threw them on the table, got up, and left without waiting for the change. I made believe that I looked frightened and submissive, and waited till the evening when they stopped to have dinner like this, I would easily take off and the dark night would provide cover for me. However, I was mistaken. The convoy continued till the morning, got to Hang Xanh Intersection, moving along Bach Dang, then Chi Lang, Ngo Tung Chau, and entered Ba Queo Market alley. She went into her house for a quite some time before returning with her mother. Both women were seated in the front. They took me back to the highway, went past Bien Hoa, turned in the direction towards Vung Tau. I surmised that they would interrogate me about my previous activities in Vung Tau and Long Hai areas or gave me to the local undercover agents whom I had sent to prison, and they would be at liberty to take revenge. They stopped to buy sandwiches upon arrival in Vung Tau and went to a motel. After eating and using the restroom, I was handcuffed again and led to a separate room; two soldiers were posted outside the door. I overheard her telling the guards to keep high alert on the dangerous enemy (who was me); she had to go to the military supervisory committee for an urgent matter and would come back soon. I was tired and rolled over to take a nap to save energy; I planned to climb out of the window and escape tonight. The handcuffs were no problem; a little piece of wire would do the job and that piece of wire was currently

hidden in the wrist band of my watch, which I had obtained when I asked to go to the restroom at the restaurant in Binh Dinh. But at nightfall, after I was fed with another sandwich, they chained my feet to my bed, posted two guards in my room taking turns to watch me with their owlish eyes. No way to escape! I recalled when I was with her during the engagement period, she gradually understood me; she anticipated my intentions very well while taking care of me. I thought then I would marry a wife of the same heart and mind; and now it was this same heart and mind that destroyed me. She had been able to see correctly what was going on in my mind; she would immediately be on guard even at a flitting thought in my head.

Approximately a little past 10 that evening I was escorted to the truck, still with all six people like before. They drove around downtown for a while before heading to the Back Beach. The night was clouded and exceedingly cold. The South had never been cold like this year; the roads were deserted; the streetlights were dim; the waves were murmuring in melancholy. The truck stopped at the far end of the beach. She ordered to have me blind-folded, then said, "Comrade! Give me the AK. Wait here." She ordered and continued,

"I'll return when you've heard the shots." She then said to her mother with clenched teeth in a cold voice, "You must come with me to watch me take revenge on the man who had murdered our family and scores of other comrades."

It was exactly the law of karma. I had shot the local infiltrator who murdered my father, and now I was going to be shot.

However, I did not remember what I had done to make her so hateful that she now wanted to shoot me. Was it possible that she was the daughter of the infiltrator whom I had killed? She loaded her gun, pressed its barrel against my back, and pushed me forward. She was making a fatal mistake. The nozzle of the gun barrel against my back allowed me to estimate the distance between she and I. I was no stranger to her height. I would only need to turn around quickly to move the gun's barrel to the side and with a kick I could break her neck, or at least, fell her to the ground in a second. In the dark it did not matter whether one was blind-folded; she and I were both blind all the same. I was feeling to find the piece of wire in my watch band and started to unlock my handcuffs. After a distance I guessed beyond the soldiers' earshot, I was about to make my move when she took off my blindfold. She asked, "Can you carry mom? Quick! If something happens, you and she must continue running away; don't worry about me. A boat is waiting over there."

She held her gun and ran in the front. I carried the old woman on my back and tenaciously ran after her along the row of pine trees. In less than a mile we arrived at a small boat with people waiting. They pushed the boat out, started its engine, and in a half hour we boarded a larger boat and headed straight out to the open sea. We were picked up the following day by an American ship and went to Guam.

Note:

(1) Armed Forces of the Republic of (South) Vietnam.

Phạm Thành Châu



focusdigitalpublishing
focusdigitalpublishing@gmail.com 703.336.2344
Your Trusted Partner in Print